

Duyên Anh



NHIN LẠI
NHỮNG
BÊN BỜ

Nhìn Lại Những Bến Bờ

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Duyên Anh

Thuở còn ngồi trung học, tôi đã say mê phóng sự tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng. Nhân vật không tên trong *Giông tố* khiến tôi ngưỡng mộ là ông nhà báo. Ông ta từ Hà Nội xuyên huyện lỵ dự phiên tòa xử Nghị Hách hiếp dâm Thị Mịch để viết bài tường thuật. Hồi đó, huyện đường cơ hồ triều đình nhỏ và tri huyện cơ hồ ông vua con. Thế mà ông nhà báo coi thường cái quyền uy ghê gớm ấy. Đứng về phe yếu đuối chống đối cường quyền, về phe bị trị chống đối thống trị, nhà báo nhân danh sự thật và soi sáng sự thật. Ông nhà báo làm tôi quên hẳn những hiệp sĩ trừ gian diệt bạo của truyện kiếm hiệp Thanh Đình, Lý Ngọc Hưng, Văn Tuyền ... Ông ta mới đích thực là thần tượng của tôi. Dưới ngòi bút Vũ Trọng Phụng, hình ảnh ông nhà báo anh hùng ám ảnh tôi không ngớt. Tôi mơ ước trở thành nhà báo.

Thời vừa lớn của tôi, Hà Nội có bốn nhật báo xuất bản đều đặn:

Tia Sáng, chủ nhiệm Ngô Văn
Giang Sơn, chủ nhiệm Thái Văn Hoàng Cơ Bình
Dân Chủ, chủ nhiệm Vũ Ngọc Các
Liên Hiệp, chủ nhiệm Văn Tuyền

Vài tờ khác như *Công Tội*, *Dân Quyền* ... hoặc đã đình bản, hoặc không phát hành xuống thị xã Thái Bình của tôi. Năm ấy, 1951, tôi chưa đủ kiến thức phân loại lập trường, khuynh hướng chính trị của từng nhật báo. Nghe bố tôi kể *Liên Hiệp* là báo của Pháp, do ông Tây lai Soubrier Văn Tuyền chủ trương biên tập. Văn Tuyền báo *Liên Hiệp* khác với Văn Tuyền, bút hiệu của Phạm Cao Cung, cha đẻ thám tử Kỳ Phát, ký tên các tiểu thuyết kiếm hiệp. Báo *Liên Hiệp* của Pháp, thuộc loại báo gia nô của Phủ Cao Ủy Pháp, nên ít độc giả. Còn báo *Công Tội* xác nhận Tôi Cộng thì khó ngóc đầu với Sở Kiểm Duyệt và Phòng Nhì Pháp.

Bố tôi mua nhật báo *Giang Sơn*, vì ông thích đọc mục phiếm luận “Hà nội, Hà ngoại” của Tam Lang Vũ Đình Chí. Bố tôi đọc Tam Lang từ trước 1945. Ông thường sang khoái nhắc nhở phóng sự *Tôi kéo xe*, ký sự *Đêm sông Hương*, phiếm luận *Lọng cụt cán* của nhà báo lừng danh này. Bố tôi ca ngợi nghệ thuật chơi chữ của Tam Lang. Mĩa mai người họ Lại đất Kiến Xương phủ, chuyên nghề buôn bán lớn cũng học đòi bon chen nghị trường, Tam Lang suy tôn “quan lớn Lại”. Quan lái lợn, nghị viên Bắc kỳ. “Nghị viên há phải chuyện con con!”. Rồi Tam Lang chơi chữ *nhường*, ám chỉ Vương Quang Nhường ... nhường vợ. Vương Quang Nhường đầy quyền hành, điên lên, thuê côn đồ lòng kiếm Tam Lang hành hung. Vì Tam Lang dám “mổ dái ngựa” các quan lớn mà độc giả ái mộ ông, coi ông là nhà báo can đảm. Tam Lang đứng về phe bị trị chống đối thống trị. Ngày Tam Lang bỏ nhật báo *Giang Sơn* viễn du Sài gòn, bố tôi bỏ *Giang Sơn* mua *Tia Sáng*. Ông đọc mục Tiếng vang của Hiền Nhân và phê bình Hiền Nhân viết phiếm luận thiếu sâu sắc, thiếu hài hước, thiếu luôn cả cái chất cay đắng lẫn cái chất khinh đời. Tôi bị ảnh hưởng bố nặng nề, tập đọc phiếm luận.

Đền Mẫu năm xưa chúng tôi, bây giờ, Phòng Thông Tin chiếm phía ngoài. Tôi năng tới đây đọc báo cũ. Những nhật báo Sài gòn gửi ra như *Phục Hưng*, *Thần Chung*, tôi đọc chẳng hiểu mấy. Văn viết tối tăm và từ ngữ lạ hoắc. Vậy tôi chỉ đọc báo Hà Nội. Và tôi quen tên các nhà báo Tam Lang, Hiền Nhân, Trọng Lang, Muối Sài Gòn, Thánh Sóng Hoàng Ly, Bút Nguyễn Tử, Anh Hợp, Thanh Hữu, Huyền Vũ ... Tôi phục Muối Sài Gòn làm thơ châm chích. Tôi nể Thánh Sóng Hoàng Ly giải đáp thế sự. Tôi mê truyện dài *Đội anh về* của Thanh Hữu và *Đội ngày chiến thắng* của Anh Hợp. Nhưng phiếm luận Tam Lang, tôi không nhá nổi. Với tôi 16 tuổi, phiếm luận Tam Lang rất đối ... siêu phàm. Ở tỉnh nhỏ, tuần báo văn nghệ không bày bán, thành thử, tôi không hiểu Hà Nội có bao nhiêu tuần báo, nguyệt san. Mãi sau này, nhật báo *Tia Sáng* xuất bản thêm tờ *Tia Sáng đặc san* hàng tuần, khổ nhỏ, tôi mới đọc tuần báo này và mê nhất chuyện tranh *Cao bồi Hà Nội* của Mạnh Quỳnh sáng tác cùng thời vàng

son của Bàng xoăn, Vinh trố, hai tay “cao bồi” nổi tiếng của Hà Nội trong xã hội học trò.

Tôi đọc báo đều đặn. Hình ảnh ông nhà báo anh hùng của Vũ Trọng Phụng mỗi ngày một hiện rõ. Hiên ngang. Lẫm liệt. Tôi thêm khát trở thành nhà báo, khôn nổi, tôi không biết bắt đầu sự thêm khát của tôi ở chỗ nào! Tôi đã nghĩ rằng, văn như võ, phải có sư phụ. Thị xã của tôi thiếu tài năng văn chương, dù tỉnh Thái Bình của tôi đã sản sinh Lê Quý Đôn và Nguyễn Du đã tá túc tại huyện Quỳnh Côi thuở đói rách. À, thị xã của tôi có thông tin viên thường trú của báo *Tia Sáng*. Ông ta vừa viết báo vừa bán nước mắm Vạn Vân. Chúng tôi gọi ông là nhà báo Vạn Vân. Ông nhà báo Vạn Vân ra vào Ty Cảnh Sát, Ty Công An, Tòa Tỉnh Trưởng như tôi ra vào hiệu phở. Ông hách lắm. Túi áo sơ mi dắt bốn năm cây Bìc xanh đỏ. Lính Bảo Chính đoàn gác cổng Tòa Tỉnh không dám hỏi giấy ông nhà báo Vạn Vân. Tôi phục ông vô cùng, song vẫn thắc mắc tại sao đã là nhà báo lại còn phải bán nước mắm! Tôi định xin ông nhận làm đệ tử, tình nguyện đóng nước mắm giúp ông để ông truyền dạy nghề nghiệp. Bèn ngỏ ý với Đàm Viết Minh là thằng bạn học trên tôi một lớp, thông minh nhất trường và văn chương phú lục cùng mình. Đàm Viết Minh cười nghiêng ngửa, nó hỏi tôi:

- Mà mày học rót nước mắm hay viết báo ?
- Viết báo.
- Lão nước mắm Vạn Vân viết báo hả ?
- Ừ, ông ấy là nhà báo.
- Nhà báo khỉ mốc gì lão ấy ! Lão Vạn Vân nhặt tin vớ vẩn gửi lên Hà nội.
- Tao thêm có thể thôi.
- Thêm có thể thì tao dạy mày được.

Bố tôi thường khen Đàm Viết Minh giỏi. Chỉ tôi kiêu ngạo. Hồi tản cư, nó học viết văn thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Nó bảo nó học cả thi sĩ Đinh Hùng nữa. Hai vì sao thi ca này chạy giặc về Thái Bình và dạy học ở bên kia sông Trà Lý. Tôi tin Đàm Viết Minh đủ khả năng dạy tôi viết báo bằng nhà báo Vạn Vân.

- Mày dạy tao đi.
- Nhưng ...
- Sao ?
- Tao muốn mày viết văn, làm thơ ...

Nó nhấn mạnh:

- Như tao.

Tôi nói:

- Tao khoái viết báo.

Đàm Viết Minh nhún vai rất điệu bộ:

- Dạy mày trở thành nhà báo Tam Lang, nhà báo Trọng Lang, nhà báo Hiền Nhân, nhà báo

Thánh Sồng.. tao không đủ thờ. Dạy mày trở thành nhà báo nước mắt Vạn Vân, tao không thèm. Theo tao, muốn viết báo, cần học viết văn. Viết văn hay thì viết báo dễ ợt. Muốn viết văn hay, mày đừng đọc nhật báo.

- Đọc gì ?

- Thi ca và tiểu thuyết

- Tao sẽ đọc.

- Đây là bí quyết: Mày phải chép hết những bài thơ hay, học thuộc lòng. Mày phải chép hết những đoạn tả cảnh ở tiểu thuyết. Có khi, mày phải chép nguyên một cái kịch ngắn, một cái truyện ngắn.

Tôi nghe bùi tai. Đàm Viết Minh dẫn tôi về nhà nó. Nó cho tôi xem bài *Con lợn đất* của nữ sĩ Mộng Sơn mà nó nắn nót chép từ một tạp chí nào.

- Cỡ tao mà cũng chép mỗi tay.

Nó đưa thêm tùy bút *Thiếu chân trời* của Nguyễn Tuân bảo tôi cầm theo dõi nó đọc thuộc lòng:

- “Đã mấy tuần liền, Nguyễn không nhìn thấy chân trời, cái thứ chân trời cụ thể gọi ra trước nhãn giới mình. Một ngày không chân trời là một ngày thèm khát, thèm khát hơn cả kẻ tù tội trông ngóng ánh sáng ... Thiếu chân trời còn hại cho cơ thể hơn là thiếu chất i ốt, chất muối, chất đường”.

Đàm Viết Minh đọc một lèo, lên bồng xuống trầm. Tôi tròn xoe mắt. Nó cao giọng ngâm:

*Cắm thuyền sông lặng một đêm thơ
Trăng thượng tuần cao sáng ngập bờ
Đâu đó Tâm Dương lâu lắng đợi
Nghe buồn sương phụ khóc trên tơ*

- Của mày hả ?

- Không, của thầy Vũ Hoàng Chương tao.

Nó ngâm tiếp:

*Ta cười lên gọi Thăng Long
Lửa thiêu tâm sự máu hồng chiêm bao
Ngày về chuyển bước trăng sao
Đã nghe mạch đất dạt dào núi sông*

- Cái này của mày ?

- Không, của thầy Đinh Hùng tao.

- Của mày đâu ?

- Của tao đây.

Nó nhấp ngụm trà nước, vuốt mái tóc gọn sóng thiên nhiên của nó mà nó khoe giống mái

tóc Xuân Diệu:

*Trời đã vào thu em biết không
Ngoài kia em có đứng bên sông
Cổ buồn nghe lá rơi đầy ngõ
Có thấy hồn anh gió lạnh lòng.*

Đàm Viết Minh hoàn toàn chế ngự tôi. Nó đem Nguyễn Tuân, Mộng Sơn, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương ra đề bẹp nhà báo Vạn Vân. Và nó đọc thơ của nó. Nó triết lý:

- Người ta tán gái bằng thơ, không ai tán gái bằng tin chó chết, tin trộm khoét tường, tin chữa cháy ...

Nó đúng. Có thể nhặt “em, anh” trong thi ca, không thể vớt “em, anh” trong chum nước mắm, dầu là nước mắm Vạn Vân. Tự nhiên, ông nhà báo Vạn Vân hết thiêng. Ông ta không giống nhà báo trong *Giông tố* tí ti ông cụ nào cả. Ông ta chỉ là nhà báo nước mắm Vạn Vân “nhặt tin vớ vẩn gửi lên Hà Nội”. Ông ta không dám “chơi” bọn Đơ dzem mua rồ!

- Mơ màng trên những bờ nước rộng, rớt cục, thấy một mình trước đấng Thượng Đế.

- Cửa mây hả ?

- Không, Chateaubriand.

- Thịt bò nướng à ?

- Văn hào Pháp. Francois Rene de Chateaubriand.

- Mày đọc văn Pháp ?

- Bản dịch.

Đàm Viết Minh đưa thêm Chateaubriand ra dọa tôi. Tôi vững tin tưởng rằng muốn viết báo cần tập viết văn trước. Mà muốn tập viết văn, cần thực hiện đúng bí quyết của Đàm Viết Minh. Nó cho tôi mượn cuốn *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Chân và Hoài Thanh. Tôi về đọc cả đêm. Và bỏ cả học bài, tôi hì hục chép thơ của các thi sĩ tôi thích. Tôi bỗng mê thơ đến quên luôn ông nhà báo thần tượng của tôi. Bởi vì, tôi khám phá trong thơ rất nhiều tiếng yêu ngọt ngào. Thi sĩ tôi khoái nhất là Nguyễn Bính. Đọc tiểu sử của Nguyễn Bính, tôi càng khoái. Nguyễn Bính học ở nhà với chú thôi, mà cũng thành thi sĩ. Anh Thơ chỉ học tới lớp ba, mà cũng thành thi sĩ. Tôi học tới thành chung năm thứ ba, tôi sẽ thành thi sĩ. Tôi thuộc thơ vanh vách. Người ta nấu sủ sội kinh, tôi nấu thơ sôi vẩn điệu. Mê Nguyễn Bính, tôi mua *Lỡ bước sang ngang, Mười hai bến nước, Người con gái ở lầu hoa, Nghìn cửa sổ, Mây Tần* về đọc. Tôi còn tìm cả *Tâm hồn tôi, Hương cố nhân* chép mỗi tay. Tôi thuộc thơ năm chữ, thơ bảy chữ, thơ tám chữ, thơ lục bát. Những bài thơ mới vằn ôm, vằn chéo, tôi thuộc hết. Hẳn nhiên, các cụ Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến nằm yên trong *Việt Nam thi văn hợp tuyển* của giáo sư Dương Quảng Hàm. Các cụ đâu hấp dẫn bằng Nguyễn Bính, Nguyễn Nhược Pháp, Huyền Kiều, Xuân Diệu ... Phải thật lòng mà nói, vừa lớn lên, tôi yêu thơ Xuân Diệu và Nguyễn Bính. Thơ tình của Xuân Diệu nồng nàn, của Nguyễn Bính mộc mạc, tươi sáng và chân quê. Nguyễn Bính gần gũi với tôi. Thơ Nguyễn Bính thuần túy Việt Nam. Thơ Xuân Diệu lai Tây quá. Còn Thế Lữ thì cứ “cô em” xa lạ. Hàn Mặc Tử lại “sáng dậy điên cuồng mửa máu ra” khiếp lắm.

Kể ra, tôi đã thực hiện phần đầu nghệ thuật viết văn của “sư phụ” Đàm Viết Minh. Tại sao phải chép thơ, học thơ ? Tôi không rõ, vì “sư phụ” không chỉ dẫn. Tôi áp dụng bí quyết y hệt

con vệt. Bây giờ tôi sang phần hai.

Cuối năm 1951, thị xã Thái Bình thêm một hiệu sách mới: Hiệu sách Học Hải. Khác với hiệu sách Đông A chỉ bán sách giáo khoa, báo, dụng cụ học đường, hiệu sách Học Hải bán tiểu thuyết và cho thuê tiểu thuyết. Những bộ trình thám tiểu thuyết của Thanh Đình, Ngọc Cẩm, Phạm Cao Củng được tái bản. Tôi vui đầu đọc *Đoan Hùng*, *Lệ Hằng*, *Lệ Hằng với chí phục thù*, *Dao bay*, *Nhà sư thọt*, *Vết tay trên trần* ..., thay vì đọc Thạch Lam, Nhất Linh, Khái Hưng ... Rất thú vị những câu kết và những câu mở đầu mỗi chương của Thanh Bình, tôi chép lia lịa. Tôi học văn chương trình thán và ảnh hưởng cách hành văn kêu boong boong, ngắn cùn cợn với khá nhiều ba chấm và chấm than. Kết quả là bài luận tả cảnh trời mưa của tôi bị cụ cử Trịnh Đình Rư coi như “áng văn châu ngọc”, “văng vẳng tiếng chuông chùa”. Cụ cử Rư “bình văn” của tôi cả tiếng. Cụ châm biếm nghiêm ngặt khiến tôi muốn độn thổ. Tôi vỡ mộng viết văn. Từ đó, tôi không làm bài luận nào nữa. Luận tiểu học tả con trâu của tôi ăn 2 điểm trên 10. Luận trung học tả trời mưa của tôi ăn 1 điểm trên 20. Tôi hỏi “sư phụ” Đàm Viết Minh, được nó giải thích:

- Luận văn nhà trường khác hẳn tiểu thuyết ngoài đời. Xuân Diệu có làm thơ hát nói không ? Huy Cận có làm thơ Đường luật không ? Nhưng ai bảo mày đọc tiểu thuyết trình thám, tiểu thuyết kiếm hiệp ? Văn chương kiếm hiệp, trình thám là văn chương bỏ thùng rác.

Thế thì tôi quay sang đọc tiểu thuyết tình cảm. Thời kỳ này, Ngọc Giao đã bỏ kháng chiến về Hà nội. Ông cho tái bản *Nhà quê* và tung ra những tác phẩm mới như *Mưa thu*, *Đất*, *Cầu sương* ... Các nhà văn mới đua nhau ném vào thị trường chữ nghĩa vùng tề những tiểu thuyết tình. Người ta thấy xuất hiện những Nguyễn Minh Lang, Thanh Nam, Nguyễn Triệu Nam, Vĩnh Lộc, Huy Quang, Huy Sơn, Hoàng Công Khanh ... Trong số những nhà văn mới, viết ướt át và nhiều nhất là Thanh Nam. Tác giả *Cần một người đàn ông* viết tiểu thuyết khi tôi còn mài đũng quần trên ghế nhà trường. Tôi đã đọc Thanh Nam, đã phiêu lưu theo nhân vật của anh và đã khóc sụt sùi. Rồi tôi ước ao viết tiểu thuyết như Thanh Nam. Bạn thân của anh, Nguyễn Minh Lang, vào làng văn bằng tập truyện ngắn *Trăng đồng nội*, Nguyễn Minh Lang chinh phục độc giả ngay. Anh viết bay bướm, tình tứ. Tôi nhớ, trang đầu của *Trăng đồng nội* bằng lãng không khí và thời tiết kháng chiến, Nguyễn Minh Lang đề tặng: “Triều tặng Tâm Ván¹, người em gái của lòng tôi”. Kể đó, anh cho xuất bản *Hoàng tử của lòng em*. Nhiều nữa. Tiểu thuyết cuối cùng của anh là *Cánh hoa trước gió*. Tiểu thuyết này đã đăng trên nhật báo “trung lập chế” *Phương Đông* của Hồ Hữu Tường ở Sài gòn. Nguyễn Minh Lang và Thanh Nam là hai nhà văn “ăn khách” của Hà nội. Độc giả của họ, đa số là phụ nữ. Vĩnh Lộc viết cuốn *Bừng sáng* khá hay. Hoàng Công Khanh đã nổi tiếng trong kháng chiến với truyện *Trên bến Búng*. Vào tề, anh làm thơ, cho in kịch thơ *Bến nước Ngũ Bô* và cho trình diễn vở kịch thơ này tại Nhà Hát Lớn, Hà nội. Những người khác không có gì đáng nói. Chưa tìm thấy một tư tưởng mới hay một sự làm mới chữ nghĩa của văn chương vùng tề. Tất cả chỉ là nối tiếp cái lãng mạn tiền chiến. Tuy nhiên, ở *Đất* và *Cầu sương*, người ta cũng khám phá ra sự chuyển biến tâm hồn của Ngọc Giao. Đặc biệt, tạp chí *Thế kỷ* của Bùi Xuân Uyên đã giới thiệu hai cây bút mới tuổi nhiều: Triều Đầu với *Trên vĩa hè Hà Nội* và Trúc sĩ với *Kiểm trống*.

Cùng thời kỳ này, tiểu thuyết Lê Văn Trương tái bản ào ạt, tiểu thuyết của *Tự lực văn đoàn* tái bản ào ạt với thêm những nhà văn mới: Linh Bảo, *Gió bắc*, *Tàu ngựa cũ*; Nguyễn Thị Vinh, *Hai chị em*; Nguyễn Tường Hùng, *Gió mát*. Tôi lại say mê *Thằng còm* và *Thằng còm phục thù* của Lê Văn Trương. Tiểu thuyết Sài gòn cũng bay ra miền Bắc tới tấp. *Thu Hương*, *Chị Tập* của Hồ Hữu Tường. *Nhốt gió* của Bình Nguyên Lộc. *Mây ngàn* của Vita. *Đồng quê* của Phi Vân. Những truyện dài rất Sài gòn của Thanh Thủy, Dương Hà. Đọc tiểu thuyết Thanh Thủy, tôi đã cười hoài vì những câu đối thoại “Em có yêu anh hôn ? Anh có dĩa hôn ?”. Tôi chưa hiểu ngôn ngữ Nam bộ. Thế nhưng tôi đã bàng hoàng đọc truyện ngắn *Kòn tro*, *Chớp biển mưa nguồn* của Lý Văn Sâm, nhà văn Biên Hòa, đăng trên *Tiểu*

thuyết thứ bảy bộ mới. Lý Văn Sâm viết thật sâu sắc. Tôi cho rằng anh ta viết hay nhất thời đó, trong số các nhà văn miền Nam. Tôi còn đọc cả Võ Hồng ở *Tiểu thuyết thứ bảy*. Hiệu sách Học Hải chịu khó đại lý tuần báo văn nghệ. Có bán tại đây *Phổ Thông* của Nguyễn Vĩ. Tiểu thuyết tràn ngập các thành phố vùng tề.

Suốt mùa hè 1951, tôi đọc tiểu thuyết và ghi chép những đoạn văn hay. Tôi đọc mờ mắt luôn, đọc quên ăn, quên ngủ. Niên học 1952, “sư phụ” Đàm Viết Minh lên Hà Nội học nhảy thi tú tài nhất. Nó đã đậu trung học phổ thông hạng bình. Tôi bước vào năm học mới mà luận văn không có tả cảnh. Tôi học Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Tù Diễm Đồng, Học Lạc, Phan Văn Trị, Tôn Thọ Tường ... Bí quyết của “sư phụ” Đàm Viết Minh vất đi hết. Nước lã ra sông. Lúc này, bí quyết nằm trong “Luận đề về ...” của giáo sư Nguyễn Duy Diễm và Nguyễn Sĩ Tế. Tôi không hứng thú đọc “Luận đề về”, chẳng hạn, “Luận đề về Nguyễn Công Trứ”. Học thơ Phan Văn Trị, Tôn Thọ Tường không vô. Cứ ông này xuất “Khuyên đàn con trẻ chớ thầy lay”, ông kia đối “Lòng ta sắt đá há lung lay”, tôi thôi chí. Rồi thầy viết văn của tôi còn “chụp mũ cách mạng” vào thơ Nguyễn Khuyến mới nản !

*Ai xui con cuộc gọi vào hè
Cái nóng nung người nóng nóng ghê
Ngõ trước vườn sau um những cỏ
Vàng phai thắm nhạt ngán cho huê
Đầu cành bướm lượn oanh xao xác
Trong tôi đua bay đóm lập lòe
May được nồm nam cơn gió thổi
Đàn ta ta gảy khúc Nam nghe*

Chỉ là bài thơ tả cảnh vào hạ. Nhưng thầy tôi “bình” rằng: Ai xui ta mất nước khiến muôn dân căm phẫn. Trước sau toàn Việt gian, những tâm hồn Cần Vương mai một. Kẻ nào chiến đấu, kẻ nào phát cờ khởi nghĩa ? Nếu cách mạng nổi dậy, ta sẽ hoan hô !

Thằng bạn tôi ngựa miệng hỏi:

- Thừa thầy ở điển cổ nào gió nồm nam là cách mạng, cớ là Việt gian ?

Thầy tôi nổi giận:

- Người đời sau soi sáng chữ nghĩa đời xưa !

Tôi cảm thấy mình không soi sáng cớ ra Việt gian nên tôi cúp cua. Và hai bài luận một niên học của tôi cộng lại được 5 điểm trên 20. Điều đó không quan trọng. Quan trọng là bài báo đầu tiên của tôi, bài báo “bút chiến” ở bích báo – báo dán tường – với Đính phở, nhân dịp Tết Nguyên Đán. Tôi vốn ghét Đính phở. Nó vây vọ từ năm ngoài, khi cụ cử Rự khen văn tài của nó, cụ tiên đoán nó sẽ là nhà báo nổi danh. Bỏ nó bán phở. Bỏ tôi bán thuốc Bắc. Tôi tặng nó biệt danh Đính phở. Nó tặng tôi biệt danh Long dao cầu. Bạn tôi, Lê Huy Luyến, “chủ nhiệm” bích báo Mùa Xuân, mời Đính phở viết bài. Nó bảo nó sẽ viết bài nhan đề Long dao cầu và thách tôi viết bài Đính phở. Tôi chớ với. Làm sao tôi địch nổi văn tài “luận văn đệ ngũ” Đính phở, kẻ đã được cụ cử Rự “chấm” là nhà báo ? Làm sao tôi địch nổi văn tài “luận văn đệ tứ” Đính phở, kẻ đã được thầy Việt văn khen ngợi nức nở ? Chợt nhớ lời “sư phụ” Đàm Viết Minh: “Luận văn nhà trường khác hẳn tiểu thuyết ngoài đời”, tôi gồng người chấp nhận sự thách thức của Đính phở.

Chủ nhiệm Lê Huy Luyến, mỗi sáng, đến trường thật sớm. Nó vào các lớp, viết phấn trên bảng “quảng cáo” bích báo Mùa Xuân: “Cuộc bút chiến nảy lửa giữa nhà báo Đính phở và nhà văn Long dao cầu trên bích báo Mùa Xuân. Cả trường đón đọc nay mai”. Thằng Luyến

hại tôi. Nó phong tôi tước vị nhà văn ! Tôi mà là nhà văn ư ? Tôi đang chép văn của thiên hạ dài tay ra thì có. Ông Nhật Tiến ơi, ông viết kịch ngắn năm bao nhiêu tuổi ? Tôi đã chép trọn vẹn vở kịch của ông đăng hai kỳ trên nhật báo Giang Sơn trang nhất đấy. Tên vở kịch tôi quên rồi. Chắc ông chưa quên đâu nhỉ ? Giá “sư phụ” của tôi còn ở Thái, tôi nhờ “sư phụ” tôi dạy dỗ ... bút chiến. Than ôi, “sư phụ” dẫu nghề, “người” không chịu “phán” bút chiến khác luận văn nhà trường, khác luận tiểu thuyết ngoài đời. Vậy bút chiến là gì ? Hiểu theo lẽ giản dị thì bút chiến là chiến tranh bằng bút, là đánh nhau bằng bút. Đã đánh nhau, dù bằng súng hay bằng bút, dù bằng chân tay hay bằng mồm, rất khó tìm ra chân lý. Đánh nhau chỉ nhằm mục đích thắng và bại. Bút chiến cũng thế. Chiến tụng Tây Hồ phú của Phạm Thái tìm ra chân lý nào ? Sự kết án Nguyễn Hữu Lượng, tác giả Tụng Tây Hồ phú, bỏ Lê Chiêu Thống theo Nguyễn Tây Sơn. Phò Lê Chiêu Thống là chân lý ? Nếu có kẻ viết thêm “Chiến chiến tụng Tây Hồ phú”, chân lý của Phạm Thái sẽ là “Đù ỏ trần gian sống mãi chi!” Nguyễn Hữu Lượng viết Tụng Tây Hồ phú. Phạm Thái hèn học viết Chiến tụng Tây Hồ phú. Nguyễn Hữu Lượng không trả lời. Vậy bút chiến ở đâu ? Đúng lý phải nói: Nguyễn Hữu Lượng cay ngời công đức, sự nghiệp Nguyễn Huệ, Phạm Thái chống Nguyễn Huệ, phò Lê Chiêu Thống, cay cú Nguyễn Hữu Lượng, viết bài chửi Nguyễn Hữu Lượng. Văn học sử Việt Nam vốn ven ba cuộc bút chiến tạm gọi là bút chiến. Cuộc bút chiến thứ nhất xảy ra giữa ông Việt gian Tôn Thọ Tường và ông ái quốc Phan Văn Trị. Cuộc bút chiến thứ hai xảy ra giữa thơ mới và thơ cũ. Cuộc bút chiến thứ ba xảy ra giữa Nhân văn giai phẩm và đảng cộng sản Việt Nam. Còn lại rất là đánh đấm bằng bút. Có điều Ngô Đức Kế đánh đấm Phạm Quỳnh, Ngô Tất Tố đánh đấm Trần Trọng Kim nho nhã, văn vẻ. Người xưa hơn người sau chỗ đó. Cũng còn bút chiến với xác chết đấy. Đó là cuộc bút chiến “độc diễn” giữa Nguyễn Văn Trung và Phạm Quỳnh. Tội tệ nhất lịch sử nhân loại là cuộc bút chiến giữa Cách Mạng với những kẻ sĩ nằm tù, tay bị còng, miệng bị bịt ! Tuy nhiên, phàm đã dùng bút đánh nhau, đều gọi là bút chiến cả.

Tôi sắp đánh nhau bằng bút với Đính phở. Chúng tôi tham dự bút chiến ... học trò. Đình phở nộp bài trước. Bài ngắn thôi. Báo viết tay dán tường mà. Chủ nhiệm Lê Huy Luyện không học “nghĩa vụ luận” của nghề báo, lén đưa bài của Đính phở cho tôi đọc. Tôi tối tăm mặt mũi. Thăng Đính phở bắt chân tay tôi run lẩy bẩy. Đọc xong bài của nó, tôi bải hoải. Tào Tháo đang bị cảm cúm, đọc xong hịch của Trần Lâm hại tội mình thì toát mồ hôi, khỏi bệnh, tỉnh táo mà rằng: “Nó đánh ra bằng văn, ta đánh nó bằng võ”. Còn tôi, tôi đánh với Đính phở bằng gì ? Văn nó hay hơn tôi gấp bội phần. Võ nó to con, nó đấm tôi gãy xương. Tôi đọc lại bài “bút chiến” của Đính phở. Nó giỏi thật sự, xứng đáng là nhà báo lỗi lạc mai này. Nó lồng hình ảnh bố tôi vào tôi. Nó tả bố tôi như chụp ảnh. Bố tôi thái thuốc, bố tôi đập thuyền tán, bố tôi giã thuốc trong cối đồng. Đình phở miêu tả một cách tài tình. Đoạn nó làm tôi phì cười là đoạn nó tả bố tôi cời trần ngồi viên thuốc tể. Trí nhớ của tôi chỉ cho phép tôi ghi đoạn này:

“Long dao cầu ngồi viên thuốc tể đen xì. Thuốc tể là các vị thuốc bổ rang vàng, tán nát, rây thành bột trộn với mật. Long dao cầu rất khổ vì ruồi nhặng đánh hơi mật kéo đến. Thuốc tể muốn viên nhanh cần phải lặn những cục tròn dài. Hề hề, ruồi nhặng đậu trên đó, thật khó ví ! Đang viên thuốc, bị con ruồi bò sau gáy, Long dao cầu cầm cả cục thuốc viên dở mà gãi. Ghét bản dính lặn vào thuốc bổ. Ấy, có khi ăn viên thuốc bổ dính ghét lại ... trường sinh bắt tử đây nhé ! Nhưng khó béo, bằng chứng là Long dao cầu gãy nhom ...”.

Đính phở tả thật quá. Nó thuộc khuynh hướng tả chân. Thuốc tể mất vệ sinh lắm. Tôi đã nhìn nhặng đẻ giòi trên thuốc tể ngáo mặt ! Nhờ thế, thuốc tể bổ tì, bổ vị, bổ phế, bổ tâm, bổ não, bổ huyết ... Thuốc tể nằm trong câu “Ăn bản sống lâu!”. Tôi phục Đính phở bắt phì cười. Văn “bút chiến” của nó đạt tới hạng nhất. Tôi cần chứng tỏ hơn nó. Bèn về lòng đọc Ba Giai, Tú Xuất, Trang Quỳnh, Tiểu lâm ... Dở chồng báo cũ, tôi đọc Tam Lang, Hiền Nhân. Chẳng tìm ra truyện nào, bài nào có thể “cóp” mà chửi Đính phở cả. Buồn quá, tôi kiếm Đặng Xuân Côn vẫn kể. Nó bảo tôi khai triển mấy câu này:

Phở, phở, phở ...
Chẳng ở thì xéo
Léo nhéo chi đây
Đánh giấy sang Tây
Bỏ tù thằng bán phở

Tôi khoái chí. Nghĩ rằng, mày đánh ông bằng “bút chiến”, ông đánh mày bằng “truyện ngắn”.
Và đây là bài của tôi ghi lại theo hồi tưởng:

Đính phở

*Phờ ơ ớ ở ...
Phờ ơ ớ ở ...
Phờ ơ ớ ở ...*

Nó chum hai bàn tay sát miệng làm loa, cong người mà rao. Làm cái nghề bán phở gánh ban đêm thăm nảo thật, thua thằng bán xúc tắc. Xúc tắc nó gõ khúc tre vui tai. Phở gánh rao khiến mèo gào, chó sủa. Bạn biết thằng rao phở là đứa nào không ? Đính phở đấy. Năm ngoái nó học đệ ngũ trường Thị xã, cụ cử Rư đoán số luân văn cho nó, quả quyết nó thành nhà báo lừng danh, ai ngờ nó đi gánh phở bán rong. Nghĩ mà thương hại Đính phở. Nó “sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu số”. Tôi cần giúp đỡ nó, “thấy người hoạn nạn thì thương”.

- Phở ...

Đính phở mừng rỡ chạy lại, xun xoe:

- Thưa cậu gọi cháu ạ ?

- Ủ.

- Cậu dạy gì ?

- Bán cho cậu một bán chín nạc.

- Dạ.

- Nhớ vừa cầm thịt thái vừa móc tay gãi háng. Như thế khỏi nước béo !

- Cháu đâu dám. Với người khác, cháu cầm cả miếng thịt thò vào háng.

Ăn xong bát phở, tôi thân mật tâm sự:

- Này Đính phở, cậu hỏi cháu nói thật nhé, rồi cậu sẽ ăn ủng hộ cháu mỗi tối một bát.

- Dạ, xin cậu dạy.

- Nghe nói cháu làm luận, văn hay chữ tốt lắm.

- Thưa cậu, cháu thuê ông giáo tiểu học làm, cháu chỉ chép.

- Mỗi bài bao nhiêu ?

- Một thau xương bò hầm.

- À, ra thế ! Này cháu, cậu thấy bố cháu có tiệm phở, tại sao nõ bắt cháu đi bán phở rong. Bố gì ác thế ?

- Thưa cậu, ông nội cháu dạy: “Bé đi câu, lớn đi hầu, già đi bán phở”. Cháu sợ già đi bán phở nên cãi lời ông nội: “Bé bán phở, lớn đơm đố, già ngồi đan giỏ”.

- À, ra thế !

Sự phụ của tôi dạy đúng. “Luận văn nhà trường khác hẳn tiểu thuyết ngoài đời”. Sách có câu: “Con vua thì lại làm vua. Con sãi nhà chùa lại quét lá đũa”. Đính phở là con ông bán phở, dẫu vênh vang cách mấy, rốt cuộc, cũng sẽ lại tiếp nối nghề bán phở gia truyền.

Đây là “tác phẩm” đầu đời viết văn của tôi. Hẳn nhiên, cách hành văn “nguyên thủy” của nó ngô nghê hơn là chép lại. Tôi rất tiếc không nhớ cách hành văn “ngày xưa còn bé”. Ở tôi, mỗi giai đoạn đời sống kinh qua, mỗi thời gian tuổi tác chồng chất, đều một lần thay đổi hành văn và biến chuyển tư tưởng rõ rệt. Còn thay đổi nhờ kiến thức tôi thu lượm ngoài đời và trong sách vở, báo chí. Nhà văn không nhất thiết phải trung thành với một lối hành văn, một kiểu cấu trúc tác phẩm. Nhưng nhà văn cần thiết trung thành với lý tưởng viết mà y đã chọn lựa từ tác phẩm đầu tay, vẫn theo tôi. Sự phản tỉnh về lý tưởng, về tư tưởng của nhà văn, hình như, không được chấp nhận. Rất giản dị, ở bất cứ không gian và thời gian nào, Sự Thật luôn luôn là khuôn vàng thước ngọc của nhà văn. “Bút sa, gà chết”, câu này đúng. Nhà văn bắt buộc phải có thái độ sống và thái độ viết và phải tôn trọng thái độ của mình để được độc giả tôn trọng. Thi sĩ Phùng Quán, một trong những kiện tướng của Nhân văn giai phẩm, viết:

*Người làm xiếc đi trên giây đã khó
nhưng không khó bằng người viết văn
trộn đời đi trên đường Chân Thật*

Hơn mọi ai, nhà văn phải thật với chính tâm hồn mình khi cầm bút. Anh chỉ có thể phản tỉnh một lần và một lần thôi. Đó là trường hợp André Gide. Ông ta đã viết *Le retour de l'URSS*. Thấy không đúng sự thật, André Gide can đảm viết *Retouche sur mon retour de l'URSS*. Anh, nhà văn quốc gia chống cộng, anh phản tỉnh, anh đứng chung hàng ngũ cộng sản chống lại quốc gia. Đồng ý. Bút anh đã sa trên giấy cộng sản. Nếu anh thấy cần phản tỉnh thêm, anh bỏ cộng sản sang với quốc gia, anh cứ sang. Nhưng, là nhà văn, lần này anh đừng nuôi một ảo tưởng nào bằng ngòi bút của anh nữa, anh nên bẻ bút. Đó là anh có liêm sỉ. Người ta không tha thứ cái thái độ tráo trở của nhà văn. Quốc rồi Cộng, Cộng rồi Quốc, muối mặt mà văn học nghệ thuật, mà chống cộng như phường vô lại. Cộng sản rất khinh bỉ loại nhà văn thò lò sáu mặt này. Còn quốc gia ?

“Tác phẩm” đầu đời viết văn của tôi xuất hiện trên bích báo mùa Xuân cạnh “tác phẩm” của Đính phở. Trong thế giới học trò Việt Nam, tôi dám nói, chưa hề có bích báo nào đăng hai bài “bút chiến” láo lếu thế. Do sáng kiến của chủ nhiệm Lê Huy Luyến, do sự “thách đấu” của Đính phở, tôi bốc máu gò gẫm một “tác phẩm” ... phẩm luận cộng tiểu thuyết. Ôi, định mệnh đã an bài ! Bích báo mùa Xuân dán tường đúng ngày liên hoan Tết. Độc giả chen nhau đọc. Độc giả thị nhau cười. Long dao cầu và Đính phở thành hai cái tên chết. Độc giả bình văn và chấm điểm. Độc giả khen Đính phở sâu sắc, khen tôi đều, xỏ lá kèn. Tàn cuộc liên hoan, Đính phở đến bắt tay tôi thân mật, rủ tôi cùng về.

- Mà viết hay hơn tao, Đính phở nói.

- Tao gò mấy đêm đấy. Mà giận tao không ? Tôi hỏi.

- Không, tao gây sự trước. Nhưng, nói thật đi, ai gà mày ?

- Tao tự viết.

- Thật chứ ?

- Thật.

- Thế thì cụ cử Rư sai lầm. Mày mới sẽ là thằng viết báo. Luận văn nhà trường khác hẳn tiểu thuyết ngoài đời, Long ạ !

- Long dao cầu.

- Long thôi. Từ này, đừng chế tao Đính phở nữa.

Đính phở khôì hài:

- Cháu xin cậu.

- Ừ, cậu tha cho làm phúc.

Đính phở khoác tay lên vai tôi. Nó dẫn tôi về hiệu phở nhà nó, mời tôi ăn phở. Hôm sau, tôi “lại quả” nó một gói táo tàu. Khi tôi vào nghề báo thực thụ, chẳng bao giờ tìm thấy cuộc bút chiến nào êm ái như cuộc bút chiến giữa Đính phở và Long dao cầu. Nhà trường còn khác hẳn cuộc đời đủ mọi thứ chuyện.

Mùa hè 1952, tôi rảnh rỗi, vì không phải học thi kỳ hai. Tôi đã lều chõng sang Nam Định thi trung học phổ thông. Trượt. Thê thăm đến độ thiếu điểm thi kỳ hai. Rảnh rỗi thì kiểm tiểu thuyết đọc. Thế là tôi có dịp đọc Tô Hoài, Nam Cao, Bùi Hiển, Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuan, Nguyễn Công Hoan, Lê Văn Trương, Thẩm Tâm, Thanh Tịnh, Tự Lực văn đoàn ... May mắn sao, tôi được đọc *Thằng Kinh* của Nguyễn Đức Quỳnh. Ông Quỳnh còn viết *Thằng cu So*, *Con Phượng* nhưng tôi tìm không thấy. Tôi lục ra *Thằng Việt nghỉ hè*, *Anh em thằng Việt* của Lê Văn Trương, bản in giấy bản cũ mềm. Tôi say mê truyện tuổi thơ, truyện loài vật của Lê Văn Trương, Nguyễn Đức Quỳnh, Tô Hoài, song hành văn của Tô Hoài ở *Nhà nghèo* và *Quê người* làm tôi ngây ngất. Tôi cũng ngưỡng mộ cách hành văn giản dị, tươi sáng mà tha thiết đậm thắm của Thanh Tịnh ở *Quê mẹ*. Thanh Tịnh viết một truyện ngắn nhan đề *Con so về nhà mẹ* đăng trên giai phẩm *Ngày Nay* số Tết 1944 tuyệt bút, theo tôi. Đây là một truyện tình tự dân tộc bất hủ, vẫn theo tôi. Đắm đuối trong vũ trụ tiểu thuyết tiền chiến rờn rã ba tháng hè, tôi bị mê hoặc bởi nhà văn viết truyện ngắn bậc thầy như Thạch Lam, Thanh Tịnh, Tô Hoài. Tôi nghĩ Thạch Lam mới là kiện tướng của Tự Lực văn đoàn. Ông ta viết truyện ngắn trứ danh và ông ta cũng chỉ viết được truyện ngắn. Truyện ngắn viết khó hơn truyện dài. Nó không có chỗ ẩn núp cho những lăm lăm kỹ thuật và nghệ thuật. Nó phơi bày ra và người viết không được phép hồng một dòng, một chữ. Nhiều người viết mới quan niệm trái ngược. Họ cho rằng viết truyện dài khó hơn viết truyện ngắn. Thế nào là một truyện ngắn ? Truyện ngắn là truyện không phải truyện dài. Thanh Tâm Tuyền định nghĩa đơn sơ thế. Thế nào là một truyện dài ? Truyện dài là tập hợp những truyện ngắn liên tục. Ông Nguyễn Hiến Lê định nghĩa thế. Cứ theo ông Nguyễn Hiến Lê, người chưa bao giờ viết tiểu thuyết, chưa bao giờ viết truyện ngắn, truyện dài, thì đảo ngược câu định nghĩa của ông, truyện ngắn là truyện cắt ra từ truyện dài có mạch lạc. Có phải nên hiểu và đã hiểu theo ông Nguyễn Hiến Lê mà đa số những người viết mới của chúng ta cứ thích bắt đầu từ truyện dài để cắt lẻ ra làm truyện ngắn đăng báo ?

Tôi hiểu truyện ngắn mô tả một cảnh đời và vài con người sinh hoạt trong cái cảnh đời đó;

truyện dài mô tả một cuộc đời, một cõi đời với nhiều con người sinh hoạt trong cái cuộc đời, cái cõi đời đó. Nhưng mà định nghĩa của Thanh Tâm Tuyền dễ chấp nhận. Truyện ngắn là truyện không phải truyện dài. Và truyện dài là truyện không phải truyện ngắn. Có lẽ, cần bắt chước Gabriel Garcia Marquez nói thêm, truyện ngắn hay truyện dài, bất kể định nghĩa, phải viết cho hay. Phải như truyện ngắn *Người đàn bà trong vòng đai trắng* của Mai Thảo, *Đêm giao thừa* của Thạch Lam, *Con số về nhà mẹ* của Thanh Tịnh, *Nhà nghèo* của Tô Hoài, *Rừng Mắm* của Bình Nguyên Lộc, *Kòn tro* của Lý Văn Sâm, *Tình nghĩa giáo khoa thư* của Sơn Nam, *Nằm vạ* của Bùi Hiền, *Nhà đông con* của Hồ Dzếnh, *Chiếc chiếu hoa cạp điều* của Doãn Quốc Sĩ ... Những nhà văn viết truyện ngắn ra sao ? “Họ đã viết truyện ngắn như thế nào ?”. Tuần báo *Tuổi Ngọc* phỏng vấn 20 nhà văn đã viết nhiều truyện ngắn. Chẳng một nhà văn nào trả lời đúng câu hỏi. Rằng họ đã cấu trúc nhân vật, bố cục và xây dựng một truyện ngắn theo nguyên tắc nào. Bài tổng kết của Thiên Chương cho thấy câu hỏi của tuần báo *Tuổi Ngọc* nằm nguyên. Độc giả chờ đợi kinh nghiệm viết truyện ngắn, cung cách viết truyện ngắn của nhà văn đã thất vọng. Cũng nên thất vọng thôi, bởi vì, mỗi nhà văn có một bí kíp viết, chỉ có thể thực hành cho riêng mình mà không thể lý thuyết cho công chúng. Trước hết, không có trường dạy viết văn, không có thầy dạy viết văn. Lắc rắc vài cuốn sách dày cộm dạy nghệ thuật viết văn thì tác giả của nó lại là các ông không biết viết văn hay viết văn không thành công. Ngay cả hành văn trong sách dạy nghệ thuật viết văn còn cần sửa chữa rất nhiều, chưa kể văn kiện sai và thơ dãn chứng thiếu niêm luật !

Tôi đọc rất nhiều truyện ngắn hay, tôi nghiên cứu cách cấu trúc của từng tác giả, từng truyện. Cái vũ trụ truyện ngắn nó bát ngát khôn cùng. Có thể nói, mỗi tác giả là một vũ trụ. Người ta khó lòng thấu tóm các vũ trụ ấy. Vậy đọc xong, nghiên cứu xong chỉ có bí kíp hay nhất là quên luôn cả cốt truyện lẫn cách hành văn, bố cục, xây dựng nhân vật. Tôi nghĩ, khi mình hoàn toàn quên là mình nhớ tất cả. Cái tất cả đã được gạn lọc thành cái riêng của mình, cái độc đáo của mình. Một nhà văn không nên để bị so sánh với một nhà văn khác hay để bị ảnh hưởng tư tưởng và nghệ thuật của nhà văn khác. Ngọn đồi biệt lập vẫn hơn ngọn núi thấp chung một dãy núi có nhiều ngọn cao hơn. Tôi thích làm ngọn đồi biệt lập. Tôi thích độc hành trên con đường mòn. Tôi không thích xếp hàng giữa đại lộ. Nghệ thuật không chấp nhận mặc đồng phục. Nghệ thuật phủ nhận giáo điều và nghị quyết. Nghệ thuật khước từ luôn mọi thứ mũ đạo đức. Nhà văn làm ra giáo điều, làm ra nghị quyết, làm ra đạo đức. Đạo đức, giáo điều, nghị quyết không làm ra nhà văn. Nhà văn còn làm ra cách mạng, cách mạng không đủ khả năng làm ra nhà văn. Cho nên, nhà văn phải đứng trên tất cả mọi giáo điều của bất cứ một thứ giáo hội nào. Những thích, không thích, không chấp nhận, phủ nhận, khước từ, làm ra, không làm ra, đứng trên sẽ làm nhà văn bị săn đuổi, bị bủa vây. Nhà văn sẽ cô đơn. Đó là lúc sáng tạo tuyệt vời và ngoạn mục. Trước hết, phải là ngọn đồi biệt lập. Nghĩa là đọc nhiều, tốt, nhưng chớ ảnh hưởng bất cứ một nhà văn nào. Làm hành tinh nhỏ hơn làm vệ tinh lớn.

Mùa hè đắm chìm trong tiểu thuyết của tôi đã qua mau. Tôi lên Hà nội trọ học. Mơ ước trở thành nhà báo khác hẳn nhà báo nước mắm Vạn Vân của tôi vẫn còn. Mơ ước trở thành nhà văn, nhà thơ thì tôi chưa bao giờ dám rờ tới. Cho nên, tôi không còn ghi những đoạn văn hay và, chẳng hiểu sao, tôi quên biến những gì tôi đã đọc, trừ thơ. Đàm Viết Minh dạy tôi: “Muốn viết báo, cần học viết văn”. Viết văn không có nghĩa là viết tiểu thuyết, viết truyện ngắn. Viết một bức thư cũng là viết văn. Viết một lá đơn cũng là viết văn. Viết văn cho gãy gọn, mạch lạc, trong sáng, giản dị thì phải học. Làm luận chính là tập viết văn đó. Hễ viết văn giỏi, có thể viết báo, viết tiểu thuyết, viết truyện ngắn, viết hồi ký, viết bình luận, viết phẩm luận, viết khảo cứu, viết lịch sử ... Nhà văn bao gồm mọi sự viết. Cái gì dính líu tới truyện, tới sách thì là nhà văn. Nhà văn viết tiểu thuyết gọi là tiểu thuyết gia. Nhà văn viết bình luận gọi là bình luận gia. Không phải cứ viết tiểu thuyết mới là nhà văn. Nói tóm lại, muốn viết bất cứ cái gì, cần học viết văn trước. Biết xử dụng ngòi bút, sẽ biết diễn tả tư tưởng, tình ý ...

Thế thì tôi tiếp tục học viết văn ... một mình. “Sự phụ” Đàm Viết Minh của tôi kiêu ngạo quá,

bị trượt luôn hai kỳ học về tội học nhảy. Nó bỏ về Thái Bình rồi phần chí ra hậu phương theo kháng chiến.

*Trời đã vào thu em biết không
Ngoài kia em có đứng bên sông
Có buồn nghe lá rơi đầy ngõ
Có thấy hồn anh gió lạnh lòng*

“Sự phụ” của tôi đã tiên tri cái sự trượt thi của mình. Nó bèn ra “ngoài kia”. Khổ kẻ thất tình đi tu. Ít kẻ trượt tú tài đi làm ... cách mạng. “Sự phụ” còn dấu “đệ tử” vài ngón nghề. Tôi dành bơ vơ giữa cố đô Thăng long, nơi ngàn năm văn vật, choáng mắt ừ tai vì sinh hoạt văn học nghệ thuật Hà nội. Đôi khi, tôi đã nghĩ nên giết chết ông nhà báo thần tượng trong mộng ước của mình. Làm gì có nhà báo thần tượng ? Vũ Trọng Phụng viết tiểu thuyết đấy. Nhân vật tiểu thuyết mà. Tất cả nhà báo đều là nhà báo nước mắm Vạn Vân ! Tôi muốn vá víu cuộc đời học trò lêu lổng của tôi. Khốn nỗi, cuộc đời học trò lêu lổng của tôi nó giống cái xăm xe đạp rách tứ tung, vá sống, vá chín hàng trăm miếng vẫn không bõm căng nổi. Căng rồi xì xẹp lép. Là bởi tôi bận đi cầu, đi bơi, đi đá bóng, chép thơ, học thơ, đọc tiểu thuyết, trốn học dài dài. Trốn học đến mất căn bản học. Rồi chán học. Muốn làm lại cuộc đời học trò hoang đàng, tôi phải xin đi về ngôi lại lớp ba, lớp bét. Thôi, đã trót mơ làm báo, đành theo dòng mơ lênh đênh. Và bèn kiếm được cái phao. Chắc chắn có thần tượng, có nhà báo thần tượng. Báo chí oai phong lẫm liệt lắm. Cái rạp Eden của chủ Tây ở phố Tây kia hồn láo với khán giả Việt Nam, bị báo chí Hà Nội chửi rửa từng bưng. Báo Hà Nội nhất loạt không thèm đăng quảng cáo cho rạp Eden và kêu gọi khán giả Việt Nam tẩy chay cái rạp thực dân khốn nạn. Khán giả Hà Nội hưởng ứng nhiệt liệt. Rạp Eden vắng như chùa Bà Đanh. Chủ rạp phải hạ mình xin lỗi báo chí và khán giả Việt Nam.

Tôi sung sướng được trở thành nhà báo, dù là nhà báo nước mắm Vạn Vân. Và tôi bắt đầu thắm thía câu nói vô tình mà chí tình của Đinh phở thân mến: “Cụ cử Rư sai lầm. Mà mới sẽ là thằng viết báo ...”.

[1](#) Tâm Vần, ca sĩ đài phát thanh Hà nội, thời Minh Đỗ, Quách Đàm, nổi tiếng với ca khúc *Chiến sĩ của lòng em* của Trịnh Văn Ngân.

Căn gác nhỏ biệt lập đằng sau số nhà 13 phố Ngô Thời Nhiệm là nơi Nguyễn Thịnh và tôi trọ học. Bố Nguyễn Thịnh có hiệu may Âu phục. Mẹ nó bán vải ở chợ Vọng Cung, thị xã Thái Bình. Ông phở may và ông lái thuốc Bắc đã sai lầm, hoàn toàn sai lầm gửi hai thằng con lẳng tử lên Hà nội ... du học. Nguyễn Thịnh mơ trở thành nhạc sĩ sáng tác. Nó tin tưởng ca khúc của nó Quách Đàm ngoài Bắc, Anh Ngọc trong Nam phải hát. Nguyễn Thịnh cũng là thằng “học trò nhưng không sách cầm tay, có tâm sự đi nói cùng cây cỏ” như tôi. Nó giỏi đàn sáo, chơi lục huyền cầm Y pha nho mả lăm. Thằng này học dốt mà đua đòi học nhảy với “sư phụ” của tôi. “Kết quả hoàn toàn đông lạnh”, y hết câu quảng cáo tủ lạnh National, nghĩa là hai thằng đều “tiểu tự văn nhân lạc đề thi”. Đàm Viết Minh coi thường Nguyễn Thịnh mọi mặt “văn học nghệ thuật”, trừ ngón đàn. Dẫu kiêu ngạo cách mấy, “sư phụ” của tôi vẫn phải ngoan ngoãn học Nguyễn Thịnh một mớ “ác cơ” lưu thông trên phím lục huyền cầm để tay đàn miêng hát. “Sư phụ” của tôi thông minh nhất nam tử, thu nhận đầy đủ ngón nghề của Nguyễn Thịnh. “Người” cứ Ré majeur gặp La 7, về Ré majeur sang Sol majeur. “Người” bảo thể là đủ, thêm tí Mi mineur hay Fa dièse mineur rắc rối. Ba cái “ác cơ” thao túng khắp căn đàn, múa may loạn cào cào trên ba mặt trận trên, giữa và dưới đã thừa sức bắt các anh tức học máu mồm, bắt các em phục toét mắt. Nhiều người chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật, nghệ thuật vị nhân sinh, “sư phụ” của tôi -và tất cả những ai vừa mới lớn có máu văn nghệ – lại chủ trương nghệ thuật vị ... tán gái ! “Đời vắng em rồi say với ai”, câu thơ của Vũ Hoàng Chương là tư tưởng văn nghệ của “sư phụ” tôi. Buổi chiều, “khi nắng vàng nhuộm mái tóc em”, Đàm Viết Minh ôm đàn lục huyền, dựa lưng vào bức tường tiêu thổ kháng chiến, tay trái bấm “ác cơ”, tay phải búng “a pe”, miêng ca bài *Dư âm* của Nguyễn Văn Tý thì kiến dưới lỗ cũng bò lên, cua trong hang bò ra, chuột thập thò cửa hốc, ếch ương cầm nín, giun dế thoi đùn những điệu sâu. Nói chi các em gái. Cuộc đời rất nhiều giọng hát kiêu sang, truyền cảm, lẳng mạn mà không chịu xuất hiện trước công chúng. Ngược lại, rất nhiều giọng hát lại cái, bên phà, hạ cấp thì lại ửng ửng tôi ngày tru sửa. Mâu đó và thuận đó !

Sợ dĩ tôi nhắc nhở “sư phụ” Đàm Viết Minh của tôi vì nó liên hệ mật thiết với Nguyễn Thịnh sắp sửa trở thành “sư phụ” của tôi. Hai vị “sư phụ” này đã tạo ra cái *ngiệp* trong nghề viết của tôi sau này. Đàm Viết Minh luôn luôn chứng tỏ nó hơn người khác. Bấy giờ, tôi chưa kiếm Phật Thích Ca nên chưa biết câu dạy của Ngài: “Hơn người khác là một cái *tội*”. Tôi nó gắn liền với *ngiệp*. Tôi cũng chưa kiếm Chúa Giêsu nên chưa biết câu dạy của Ngài: “Kẻ nào tự hạ thấp sẽ được nâng cao”. Muốn hơn người khác phải cố gắng nhiều lắm, phải trầy bả vai, nhổ máu những chân mày trong phấn đấu can đảm và kiên nhẫn. Những kẻ luôn luôn chứng tỏ mình hơn người khác là những kẻ dám lập chí. André Gide khuyên: “Bạn đừng bao giờ nghĩ bạn sẽ bằng người khác, mà phải nghĩ bạn sẽ hơn người khác”. Hơn người khác, ví thử là cái *tội*, thì tội này do *ngiệp*. Mà *ngiệp* từ kiếp nào đó, chẳng phải ở kiếp này. Nhưng tội với ai ? Nếu tội do lòng đố kỵ hẹp hòi của những kẻ đố rách tài năng phán xét, không hề là cái tội. Mà chỉ là vết ô nhục trên sinh đạo con người phải thấy và phải ngậm ngùi. Theo tôi, cái tội lớn nhất của con người, nhất là con người văn nghệ, là nó lười biếng phấn đấu để hơn người khác. Ở hoàn cảnh chúng ta, tội này có xuất xứ rõ rệt: tự ti mặc cảm nô lệ trăm năm, tự ti mặc cảm tiểu nhược quốc lạc hậu, tự ti mặc cảm mất nước lưu vong ... Vẫn ở hoàn cảnh chúng ta, đừng hy vọng cúi xuống để được nâng lên. Không, phải tự nâng lên bằng chứng tỏ hơn người khác.

Những kẻ chứng tỏ hơn người khác đã hơn người khác. Thực sự đã hơn người khác nhờ biết và dám vượt qua mọi nghịch cảnh, nhờ biết và dám ngậm trái cô đơn, nhờ biết và dám suy tư trong thống khổ, nhờ biết và dám chấp nhận mọi ngộ nhận nghiệt ngã để thực hiện một sự nghiệp, một lý tưởng, một việc làm hơn hẳn mọi người. Họ có quyền tự hào. Vì họ đã phấn đấu, đã đạt mục đích phấn đấu của họ. Mùa thu 1987, đài truyền hình Antenne 2 của Pháp phỏng vấn tài tử Alain Delon về điện ảnh. Bất ngờ, có câu hỏi ngoài đề:

- Alain, anh nghĩ gì về thái độ xác xược với trọng tài, hỗn láo với khán giả của John McEnroe trên sân quần vợt trong các trận giao đấu ?

Alain Delon nghiêm túc:

-Tôi không có thói quen phán xét ai cả. Về McEnroe, tôi thấy trận đấu nào của anh ta, khán giả cũng mua vé vào xem đông nghẹt. Và khi anh ta đánh những đường bóng hay, khán giả vỗ tay khen ngợi nhiệt liệt. Không ai quan tâm tới thái độ ư ơ gây gổ với trọng tài, cau có với khán giả của anh ta. Người có tài năng được phép xác xược, hỗn láo. Như McEnroe.

Ngừng vài giây, Alain Delon tiếp:

- Nếu phải phán xét thì tôi sẽ phán xét những kẻ không có tài cán gì cả mà học đòi xác xược, hỗn láo. Tôi chỉ phán xét bọn này thôi.

Câu trả lời của Alain Delon xuất thần và tuyệt diệu, rất xứng đáng để đám bọn gây văn nghệ học tập. Bọn gây chưa từng viết nổi một cái truyện ngắn hạng xoàng mà cứ xác xược, hỗn láo luận bàn văn nghệ, phán xét nhí nhằng nhí nhỏ, bày đặt sổ tay, sổ chân lẳng nhách. “Sự phụ” Đàm Viết Minh của tôi giỏi hơn tất cả những thằng học trò thị xã Thái Bình mọi mặt, nên nó mới dám kiêu ngạo. Nó kiêu ngạo nên nó ư chê bai các “tài năng văn học nghệ thuật” của thị xã tôi. Tôi quên bém rằng thị xã của tôi đã xuất hiện một thi sĩ vào cuối năm 1951 với thi phẩm “do tác giả xuất bản”, ấn loát tại nhà in Đa Minh, phố Jules Picquet, Thái Bình. Thi sĩ tên là Nguyễn Xuân Mậu, thi phẩm mang tên gì, tôi không nhớ nổi. Nhà thi sĩ của quê hương Lê Quý Đôn của tôi làm đại lý bia và nước ngọt. Có bán thêm nước đá nữa. Đàm Viết Minh gọi anh ta là thi sĩ nước đá. Văn học nghệ thuật vùng tề thị xã Thái Bình có nhà báo nước mắm Vạn Vân và nhà thơ nước đá Nguyễn Xuân Mậu. Tôi ngưỡng mộ thi sĩ Nguyễn Xuân Mậu, mua tập thơ và đến tận nhà anh ta đối diện bên ô tô xin chữ ký. Tôi đọc thơ Nguyễn Xuân Mậu, thích lắm và ao ước làm thơ hay bằng anh ta. Tôi thuộc thơ anh ta.

*Nắng vàng vọt như da người ốm
Chợ vắng người chưa họp đã tan
Bến lạnh sông buồn thừa vắng khách
Đồng hoang cỏ úa sắc hương tàn*

Bèn đem tập thơ khoe Đàm Viết Minh. “Sự phụ” đọc qua vài bài, ném tập thơ xuống đất rất hỗn, dõ giọng phê bình gia Việt Sĩ mắng mỏ nhà văn Lê Văn Tâm trong truyện ngắn Ngươi điện của Nguyễn Công Hoan mà rằng:

- Thừa tiền thì cho ăn mày, không thèm mua loại thơ này !

Tôi há hốc miệng, tròn xoe mắt:

- Thơ hay chứ.

“Sự phụ” chửi tôi tàn bạo:

- Mày không xứng đáng đọc thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên ...

Nó bĩu môi:

- Da người ốm xanh xao trắng bệch. Mắt người sốt rét mới vàng. Mắt người đau gan cũng vàng. Nắng nào vọt như da người ốm ? Còn chợ đã vắng người là chợ đã tan mẹ nó rồi, họp gì nữa đây ?

“Sự phụ” không cho tội cái. Mà tôi dốt, khó cái. “Sự phụ” của tôi dám chê cả Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu. Nó đọc thơ Đồ Chiểu nhắm nhắm hài hước:

*Tiền rằng như lửa mới nhen
Để trong một bếp lại chen mấy lò
Lòng người như biển khôn dò
Chớ ngờ Ngô Khởi hãy lo Mãi Thân*

Rồi nó bình:

- Tình yêu mà ví như cái lò, cái bếp thì con chi là tình yêu ! Kể chung tình không thể yêu mấy em một lúc nhưng cái bếp có thể đặt nhiều lò. Hỡi ơi, “ông hơ khăn áo, bà hơ mặt mày”. Hơ khăn áo được, cầm bó được hơ mặt mày, tao sợ Kiều Nguyệt Nga cháy hết lông mày, lông mi, tóc mai !

Ấy đó, “sự phụ” xác xược của tôi. Nó chê cuốn truyện thơ Đòi thông hai mộ của Vũ Đình Trung là tác phẩm sôi nổi vùng tề vì được giải thưởng văn chương quốc trưởng Bảo Đại. “Sự phụ” công kích bài tựa của nữ sĩ Như Băng nào đó:

- Tựa một cuốn truyện tình lắm nhằm lại đề cao phụ nữ. Còn be be cái miệng hô khẩu hiệu: “Phụ nữ Việt Nam tiến ! Phụ nữ Việt Nam mạnh ! Hoan hô phụ nữ Việt Nam !”. Y hết chủ tịch xã nói chuyện với đồng bào: “Trước khi dứt lời, xin đồng bào cùng tôi hô to vài khẩu hiệu ...”.

Thằng “sự phụ” của tôi chê nhiều, khen rất ít. Nó chê luôn Nguyễn Bính mới bạo chứ. Một hôm, tôi đọc bài *Hương cố nhân* cho nó nghe, đoạn cuối gồm bốn câu:

*Huyền Trân ơi, Huyền Trân ơi
Mùa xuân rồi, mùa xuân rồi
Giờ đây chín vạn hương trời nở
Duy có tình ta khép lại thôi*

Nó mắng tôi:

- Ngu ! **Muôn** vạn hương trời nở. Ai viết **chín** vạn hương trời ?

Tôi tức quá, vác tập thơ *Hương cố nhân* và dí vào tận mắt nó bài *Hương cố nhân*. Nó gật gù kiêu thầy đồ:

- Một là thơ xếp chữ sai. Hai là Nguyễn Bính dở. Nhưng Nguyễn Bính dở, chứ *muôn* khó mà xếp thành *chín*.

Đàm Viết Minh kể như thằng nhóc bạo phổi. Sau này, được nghe một giai thoại thi ca miền Bắc, thằng nhóc Trần Đăng Khoa còn bạo phổi hơn. Thằng nhóc này con nhà bản cổ nông, mò cua bắt ốc ở đồng ruộng Hải Dương. Nó làm thơ hay lắm. Thần đồng. Bài Đám tang con giun của nó, Cuba dịch sang tiếng Tây ban nha, báo chí khen ngợi nhiệt tình. Liên xô cũng dịch. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị “cứ để cháu Khoa mò cua bắt ốc kéo hồng hồn thơ của nó, kín đáo giúp đỡ mẹ nó”. Trần Đăng Khoa lớn khôn, đi bộ đội, làm thơ ký bút hiệu *Hương Triều* (khác *Hường Triều* là bút hiệu thơ của Trần Bạch Đằng, thực danh Trương Gia Kỳ Triều). *Hương Triều* làm thơ không hay nữa. Thuở nó còn mò cua bắt ốc, Tổ Hữu, chỉ đạo văn nghệ miền Bắc, làm bài thơ mơ ước ngày mai xã hội chủ nghĩa, có câu:

Đường ta rộng thênh thang tám thước

Trần Đăng Khoa đọc xong thì xin sửa. Tổ Hữu cho nó gấp. Khoa chê:

- Thừa chú, đường rộng tám thước thôi à ? Hẹp quá. Giới hạn quá. Cháu xin sửa thành *Đường ta rộng thênh thang ta bước*.

Tổ Hữu đồng ý nhưng trong lòng không vui. Trưởng thành, Trần Đăng Khoa không được đăng chiếu cổ. Tôi nghĩ Đàm Viết Minh mà gặp Nguyễn Bính, sẽ được Nguyễn Bính mời uống rượu và khen nó ... hồn xược ! Lên Hà Nội vừa học nhảy thị tú tài, vừa học đàn Ta Tấn. Tết về nó chơi “cờ lát xích” bài *Sérénade* của Schubert khiến thầy đồn Nguyễn Thịnh chào thua. Bởi hay chê thiên hạ nên Đàm Viết Minh cố gắng hơn thiên hạ. Để khỏi mang tiếng nói phét, ghen tài. Tôi ở Hà nội, không được gần gũi nó là một thiệt thòi lớn lao cho âm mưu kéo xe bò leo dốc nhà báo của tôi. Lấp vào khoảng trống này, tôi có Nguyễn Thịnh, kiêu ngạo thua Đàm Viết Minh chút xíu. Hai thằng là cặp bài trùng. Những tay đàn sáo viết lách ở thị xã Thái Bình chán cặp bài trùng lắm.

Nguyễn Thịnh nói dối bố mẹ học thi tú tài, song nó bỏ trường từ đầu niên học. Mẹ nó mỗi tay xé vải, bố nó mỗi chân đạp máy may kiếm tiền gửi cho nó dùi mài kinh sử thì nó đem tiền nộp cụ Duyệt, giám đốc Âm nhạc học xá cạnh hồ Thuyền Cuông để cụ dạy nó hòa âm, âm điệu, giai điệu ... Nó cương quyết trở thành người soạn ca khúc lỗi lạc. Tôi ngỏ cái chí hướng nhà báo của tôi với Nguyễn Thịnh. Nó hân hoan ôm lấy tôi:

- Phải vậy chứ, phải sống đời nghệ sĩ. Tao soạn nhạc, mày viết báo. Rồi ai cấm mày viết tiểu thuyết như Nguyễn Minh Lang, Thanh Nam. Cái xó xỉnh thị xã Thái Bình chật hẹp lắm. Quên mấy ông bố, bà cô đi !

Tôi hỏi:

- Ông cô mày sẽ kỳ vọng gì ở mày ?

Nó nhún vai:

- Trước 1945, ông cô thua kiện chi đó, ông cô phần uất muốn tuyết hận bằng cách bắt tao làm thầy cãi.

- Mày chê ?

- Nghề thầy cãi bắt nhân lắm. Tao thích dùng mồm để hát, không để cãi cọ.

Nó hát đầu:

- Còn mày, ông cô kỳ vọng gì ở mày ?

Tôi nãy nê đáp:

- Ông cô tao lái thuốc Bắc kiếm lang băm. Cong lưng thái dao cạo, đạp thuyền tán và “xem mạch, cho đơn không tính tiền” đâm ra nản, ông hy vọng nuôi tao đậu đốc tờ. Tội nghiệp ông cô, biết tao thi trung học trượt vô chuổi mà vẫn nghĩ tao sẽ là bác sĩ ... toàn khoa !

- Đốc tờ sống mòn đời với người ốm, ham gì !

- Đúng.

- Nghệ sĩ mới hưởng mật ngọt của trời đất và ... các em. Uống hương tình trên môi em

ngon hơn uống vitamine C.

Con ông thợ may nói đúng. Con ông lang bầm bùi tai. Cũng chỉ tại rong chơi hóa nên học dốt, học dốt hóa nên chán học. Và ca vang bài “Tình nghệ sĩ:”

*Tung phấn hương yêu qua muôn lời hát
Bay tới bên em, tới em thầm nhắc
Đấy ý tơ xưa đâu duyên tình cũ
Bóng em phai dần ái ân tàn theo*

Nếu Hà nội có lớp dạy viết báo, viết tiểu thuyết, tôi đã bỏ học Toán, Lý, Hóa, Vạn vật và nhiều môn học lĩnh kinh không thể áp dụng vào việc tán gái. Tiếc rằng đã có Âm nhạc học xá mà chưa có Báo chí học xá, Tiểu thuyết học xá, Thị ca học xá ..., nên tôi vẫn phải bám vào trường học. Giáo sư Việt văn của tôi là Nguyễn Uyển Diễm, chồng nữ sĩ Mộng Sơn, giám đốc nhà xuất bản Vỡ Đất. Buổi học đầu tiên, giáo sư Diễm đã làm tôi khoái về cái lỗi gọt thơ của ông. Ông đưa ra một câu thơ thí dụ:

Có chiều nghe tiếng mưa dòn mái tranh

Ông nói:

- Cần gì phải “có chiều”. Chiều đủ rồi.

Câu thơ bị gọt một chữ:

Chiều nghe tiếng mưa dòn mái tranh

Ông tiếp:

- Mưa đâu chọn buổi chiều. Mưa sáng, mưa trưa, mưa tối, mưa đêm ...

Câu thơ bị gọt hai chữ:

Nghe tiếng mưa dòn mái tranh

Ông cười:

- Không nghe sao rõ tiếng mưa ? Mà mưa phải rơi thành tiếng chứ ?

Câu thơ bị gọt bốn chữ:

Mưa dòn mái tranh

Ấy đó là nghệ thuật loại bỏ chữ thừa, chữ không cần thiết trong câu văn. Tôi cảm giáo sư Nguyễn Uyển Diễm rồi. Ông có thói quen giảng dạy lạc đề. Tôi thích sự lạc đề của ông. Chẳng hạn, ông khoe ông mở nhà xuất bản Vỡ Đất và Vỡ Đất chỉ xuất bản tác phẩm của các nhà văn trẻ. Ông quảng cáo Trại tân bồi của Hoàng Công Khanh do Vỡ Đất xuất bản, khen Hoàng Công Khanh nức nở. Giáo sư Nguyễn Uyển Diễm kể nhiều sinh hoạt văn học nghệ thuật Hà nội khiến tôi mê mẩn. Ông đã làm to thêm, đẹp thêm, gần gũi tôi thêm cái hình ảnh ông nhà báo thần tượng của tôi trong Giông Tố. Tuy nhiên giáo sư Diễm vẫn chưa phải là nhà văn, nhà thơ hay nhà báo. Giá tôi được học văn chương Việt Nam với bà Mộng Sơn, với thi sĩ Vũ Hoàng Chương, với nhà báo Tam Lang thì nhất.

Một hôm, giáo sư Diễm say sưa nói về thơ lục bát và hàng trăm điệu hát dân tộc từ thơ lục

bát mà ra. Ông dang thẳng hai cánh tay, nhẹ nhàng đưa lên đưa xuống cơ hồ đôi cánh cò bay lả. Và ông khoan thai đọc:

*Con cò
bay lả
bay la
Bay ra
Phố Cát
bay vào
Đồng Đăng*

Ông bảo:

- Loại thơ hai chữ như đôi cánh cò bay lả. Có kẻ học đòi làm thơ hai chữ chả ra đâu vào đâu.

Ông nhăn nhó đọc y hệt con nít tập đọc:

*Mưa rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương liễu
Nhưng hơi
Gió bắc
Lạnh lùng
Hiu hắt
Thấm vào
Từng giọt
Em ơi ...*

Và ông bĩu môi:

- Thơ Nguyễn Vĩ đấy !

Sau này tôi hiểu vì Nguyễn Vĩ làm thơ tán tỉnh Mộng Sơn, hay đề tặng Mộng Sơn nên giáo sư Nguyễn Uyển Diễm ghét Nguyễn Vĩ. Giáo sư Diễm không ham dạy cổ văn. Ông bảo cổ văn đề lên đại học nghiên cứu. Học sinh, dù là học sinh trung học đệ nhị cấp, vẫn cần tập viết văn cho câu thành cú, dùng chữ chính xác, dùng hình ảnh tân kỳ. Tôi gặp đúng thầy. Giống “sư phụ” Đàm Viết Minh của tôi, giáo sư Diễm chê Lục Vân Tiên ông ẹo. Ông phát biểu một câu tàn nhẫn: “Học Lục Vân Tiên để tỏ tình đoàn kết Bắc Nam!”. Dạy lớp tôi đúng hai tháng, giáo sư Nguyễn Uyển Diễm nghỉ. Trường mời ông thầy khác. Thầy này rất đồ nho, cả giờ loay hoay diễn cổ Đông Chu, Tam quốc. Tôi ớn “Thùy bả thùy dương thực nội tri”, bỏ học luôn. Kể từ đây, tôi thực thụ “làm học trò nhưng không sách cầm tay, có tâm sự đi nói cùng cây cỏ”. Giã từ trường lớp, bằng đèn, thầy giáo. Giã từ Hình học, Đại số, Vật lý, Hóa học, Vạn vật, Sử ký, Địa dư, Anh văn, Pháp văn, Việt văn ... Tôi bước xuống cái tam cấp của học đường với mớ kiến thức ăm ăm ớ, đọc thạo viết chưa thông, nhiều sách đọc chẳng hiểu gì. Nhưng tôi cứ bỏ trường ra đi. Vì tiếng gọi của cuộc đời nghệ sĩ thiết tha quá đỗi. Vì có ở lại học cũng vô tích sự, phí tiền cha mẹ, uống công thầy giáo.

Quyết định bỏ học của tôi được Nguyễn Thịnh hoan hỉ chấp thuận. Bây giờ, thường lui tới căn gác nhỏ biệt lập đằng sau số nhà 13 Ngõ Thời Nhiệm là thằng Tôn. Sau Tôn có nhiều chữ tục tĩu. Nghệ sĩ văn hoa gọi nó là Tôn thối, bởi nó thối kèn trompette. Tôn thối đã chơi kèn ở Dancing Mélodie thành phố Nam Định. Bố nó là lính kèn thuộc binh chủng Khố xanh. Bố nó dạy nó thối kèn theo “mê tốt” truyền khẩu. “Con nhà tông, chẳng giống lông cũng

giống cánh". Tôn thối giống bố cả lông lẫn cánh. Bố nó mơ ước, lớn lên, Tôn thối đăng lính kèn. Ai ngờ nó bỏ xa bố nó. "Con hơn cha, nhà có phúc". Tôn thối chơi trompette trứ danh. Ví thử nó sinh ra ở Mỹ, lại da đen, Tôn thối sẽ là kỳ phùng địch thủ của Louis Armstrong. Hơi tiếc là Tôn thối mù ký âm pháp. Nó thổi một bản nhạc nhờ nghe quen điệu. Những bài mới, nó phải nhờ "thầy" đánh đàn từng nốt, chỉ dẫn chỗ nào nghỉ mấy nhịp, chỗ nào "xanh cấp", chỗ nào "công tờ rơ tăng". Tôn thối thổi kèn bài mới lạ như đa số ca sĩ dốt nhạc học hát vậy. Ấy thế mà nó được mời lên Hà nội thổi trompette ở Dancing Régina gần vườn hoa Con Cóc. Tôn thối tới 13 Ngõ Thời Nhiệm thụ huấn ký âm pháp "sư phụ" Nguyễn Thịnh. Trông nó keng trai và ... nghệ sĩ vô cùng. Khi Tôn thối vững nhạc lý, nghĩa là nó có thể nhìn bản nhạc thổi đúng nốt, đúng nhịp, tài năng của nó thăng hoa. Lính Pháp viễn chinh, lính lê dương ái mộ tiếng kèn tôn thối. Nó được tăng lương, được chiều chuộng. Nhờ thế, nhân dịp một tay chơi guitare bị động viên, Tôn thối cài ngay Nguyễn Thịnh vào chỗ làm béo bở.

Nếu Paris là đất thử thời vận của các nghệ sĩ Mỹ còn vô danh tiểu tốt tại quê nhà thì Hà Nội cũng là đất thử thời vận của các nghệ sĩ còn vô danh tiểu tốt ở tỉnh nhỏ. Tôn thối đang chơi trompette ở Régina. Nó mơ sẽ chơi ở Ritz, ở Sài gòn, ở Paris. Sẽ đóng phim nữa. Nguyễn Thịnh mơ sẽ thành người soạn ca khúc lỗi lạc và đang chơi guitare ở Régina. Ernest Hemingway thành công rực rỡ ở Paris. Dos Passos thành công rực rỡ ở Paris. Trước sang Pháp làm tài xế, Dos Passos đã học tại đại học Harvard; trước khi sang Ý làm tài xế rồi định cư ở Paris, Hemingway đã là phóng viên của báo Kansas City Star; trước khi lên Hà Nội, Tôn thối đã chơi trompette ở Nam Định, Nguyễn Thịnh đã mả guitare. Còn tôi, tôi chả ra ngô ra khoai chi hết. Có bột mới gột nên hồ. Nguyễn Thịnh và Tôn thối sẽ thành công rực rỡ tại Hà nội. Tôi thiếu bột, thiếu học, thiếu năng khiếu. Tôi sẽ thất bại thôi. Tôi tủ thân quá. Sông đời chưa chơi mà đã cảm thấy nhẵn tay ! Tôi bèn bị quan, tiêu cực cổ văn lớp đệ tứ:

*Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy
Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười
Thôi công đâu mua chuốc lấy sự đời
Tiêu khiển một vài chung lão lếu
Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu*

Và tôi tập uống bia, tập hút thuốc lá. Tôi đã tiêu pha ngày tháng một cách phí phạm. Giá tôi dùng thì giờ đi học Anh ngữ, Pháp ngữ hay học nghề húi tóc, nghề thợ may, nghề thợ sửa ô tô thì đời tôi yên ổn và thoát nạn tù đầy 22 năm sau. Thấy Tôn thối, Nguyễn Thịnh thực sự sống đời nghệ sĩ và sắp sửa nổi danh như cồn, tôi bỗng tội nghiệp tôi kèm theo sự ghen tằm với bằng hữu. Tâm sự u uẩn của tôi, tôi gửi vào những câu thơ mà "sư phụ" Đàm Viết Minh bắt tôi gò lưng chép, ra rả học thuộc lòng. Chán chương "tiểu học", tôi đọc Huy Cận:

*Kìa treo trái mộng trĩu cây đời
Ngang với tâm tay ngắn của người
Nhưng múa vu vơ tay đã mỏi
Ê chề đời thoáng vị cơm ôi*

Chán chương "trung học", tôi đọc Hàn Mặc Tử:

*Trời hỡi làm sao cho khỏi đói
Gió trắng có sẵn làm sao ăn
Làm sao giết được người trong mộng
Để trả thù ân ái phủ phàng*

Người trong mộng của tôi là ông nhà báo thần tượng. Chán chương "đại học", tôi đọc Nguyễn Bính:

Đời có còn gì tươi đẹp nữa

Buồn thì đến khóc, chết thì chôn

Chán chường tới cấp đại học là hết dám chán chường. Khóc thì có thể, chết thì sợ vô cùng. Ngu sao chết ? Thất bại ta về đập thuyền tạn, rây thuốc và viên thuốc tể như Đính phở đã miêu tả. Uống bia, hút thuốc lá rồi rong chơi.

*Hà nội băm sáu phố phường
Hàng Mật, hàng Muối, hàng Đường trắng tinh
Từ ngày ta phải lòng mình
Bác mẹ đi rình đã mấy mươi phen
Làm quen chẳng được nên quen
Làm bạn mất bạn ai đền công cho*

Tôi rong chơi đủ ba mươi sáu phố phường. Tự nhiên, tôi yêu Hà nội quá. Tôi bèn sưu tầm ca dao, thơ, nhạc dính líu đến Hà Nội.

*Con cò đậu cọc cầu ao
Ăn sung sung chát, ăn đào đào chua
Ngày ngày ra đứng cổng chùa
Trông lên Hà nội thấy vua đức tiền*

Và bụng tôi chứa đầy ca dao, thơ có hai tiếng Hà nội. Này thơ Nguyễn Bính, Chính Hữu. Nọ nhạc Nguyễn Đình Thi, Văn Cao. Hà nội nhỏ bé, rong chơi một tuần là hết chỗ rong chơi. Những vùng đất thánh như tòa soạn và ty trị sự các nhất báo *Tia Sáng, Giang Sơn, Dân Chủ, Liên Hiệp* tôi đã viếng thăm. Nghe ghê quá. Thực sự tôi đứng bên kia vỉa hè nhìn sang. Tôi thấy nhà báo ra vào tấp nập mà thêm nhỏ rãi. Tôi cũng viếng thăm các “thánh địa” tuần báo, tạp chí văn nghệ. Vẫn đứng bên kia vỉa hè nhìn sang, mắt áng lên nổi thèm thuồng. Hôm tôi chiêm ngưỡng tòa soạn tuần báo *Cải Tạo* của chủ nhiệm Phạm Văn Thụy, tôi gặp hai nhà văn lùn 1 (tôi phỏng đoán) sắp xỉ nhau, bước ra khỏi tòa soạn, mỗi nhà văn cầm mấy số *Cải Tạo* sắp phát hành. Tôi phục sát đất và ao ước sẽ có ngày đến tòa soạn nhận báo biểu. Qua tòa soạn các nhật báo, tuần báo, hy vọng trở thành nhà báo của tôi vươn cao rồi tụt xuống vội vàng. Tôi thiếu bột. Làm sao có bột ? “Sự phụ” Đàm Viết Minh ơi, mày hại tao, mày hiểu không ? Mày bơm quả bóng tham vọng to quá, căng quá. Nó xì hơi. Nó co rúm. Để yên tao học nghề ông nhà báo nước mắt Vạn Vân, tao sẽ không khổ sở, điều đứng; tao sẽ không uống bia, hút thuốc lá bằng những đồng tiền cong lưng thái dao cầu, đập thuyền tạn của bố tao. Với ông Vạn Vân, không thành nhà báo tắt thành nhà rót nước mắt, tao bằng lòng thể mày ơi ?

Ôi, tham vọng lớn, khổ lớn ! Tôi muốn tìm Đặng Xuân Côn than vãn và nhờ nó cứu nguy tình thế. Nhưng tội sợ thằng bạn thơ ấu của tôi đạo đức, chân chỉ hạt bột sẽ viết thư về Thái Bình mách bố tôi. Chẳng nên để ông lang băm võ mộng bác sĩ của đứa con hoang đàng. Thân phận tôi còn mỗi cách giải quyết:

*Văn chương phú lục chẳng hay
Trở về làng cũ học cày cho xong
Sáng ngày vác cuốc thăm đồng
Hết nước thì lấy gàu sông tát lên
Hết mạ ta lại quây thêm
Hết thóc ta lại mang tiền đi đong
Nửa mai lúa tốt đầy đồng
Gặt về đập xay bồ công cấy cày*

Lại gặp trở ngại chiến tranh, về quê cày ruộng không được. Đòi phát thanh Hà Nội lãi nhải sáng, trưa, chiều, tối ca khúc của Hoàng Giác:

...

*Bao nhiêu lều tranh yêu dấu
Bao nhiêu niềm vui thơ ấu
Theo khói bình lều tan tre nát
Theo khói bình lòng quê héo tàn ...*

Theo đúng một nhớ quê hương khói lửa, tôi đành: “Lòng quê khô héo, luyến tình quê, luyến tình quê. Hẹn sẽ trở về ...”. Sẽ trở về học cày, sẽ là tương lai mót mít. Hiện tại, nói thật lòng mình, dầu thiếu bột, tôi vẫn ôm mộng gột nhà bạo “Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà chỉ khó vì lòng người ngại núi e sông”. Cảm ơn cụ Nguyễn Bá Học.

*Một anh trò kiết chùa Lâm Tuyên
Aị ngờ nay lại đỗ Giải Nguyên
Ở đời chẳng có việc gì khó
Người ta lập chí phải nên kiên*

Cảm ơn Quốc văn giáo khoa thư của cụ Trần Trọng Kim, cụ Đỗ Thận. Đường vào tòa soạn không khó. Tôi lập chí trở thành nhà báo, tôi phải kiên nhẫn. Tôi là Châu Trí. Tôi sẽ tìm một ngôi chùa, quét lá đa đốt lửa ngồi viết báo.

Một hôm, Nguyễn Thịnh hỏi tôi:

- Mà đã viết bài báo nào chưa ?

Tôi ngần tò te:

- Chưa.

- Tại sao ?

- Tao tưởng ...

- Tưởng gì ?

- Tao tưởng phải vào được tòa soạn rồi mới viết bài.

- Mà phải viết gửi cho tòa báo. Mà có viết hay, họ mới thuê mà.

- Mà tao viết cái gì ?

- Chết bố !

- Tại sao chết bố ?

- Vì mà không có tâm sự u uẩn cần phải giải bày trên mặt báo.

- Ờ, ờ ...

- Mà đã thấy phú lít bắt nạt đàn bà bán hàng rong chưa ?

- Rồi. Tao chứng kiến phú lít đập đồ tung nôi canh bún.

- Mày nghĩ thế nào ?

- Tao thương hại bà bán canh bún.

- Thế thôi ư ?

- Ờ.

- Mẹ ! Mày phải phần nộ, vì đó là cường quyền đàn áp kẻ nghèo khổ, mày phải chống bất công xã hội, mày phải đi vào hang cùng ngõ hẻm của đời sống để phanh phui những sự thật đau lòng ...

Diễn giảng một hồi, Nguyễn Thịnh lắc đầu:

- Mày thích viết báo mà chưa hiểu mục đích cao cả của nghề báo, sứ mạng thiêng liêng của nhà báo. Làm báo là chiến đấu. Tao khuyên mày làm thơ đi, trưởng thành hãy làm báo.

Nó cười:

- Làm thơ dễ ợt. Muốn làm thơ hay, mày phải yêu một em và bị em đá đít. Không có động lực nào mãnh liệt bắt mày làm thơ bằng thất tình. Bị đào bỏ rơi, đau hơn bị phú lít đàn áp.

Thằng thầy đồn này còn kiêm thầy thơ. Nó xứng đáng là “sư phụ” thứ hai của tôi.

- Những bản nhạc tao sắp sáng tác lấy cảm hứng ở sự thất tình.

Tôi ngớ ngẩn:

- Mày yêu rồi à ?

Nó ưỡn ngực:

- Yêu vài em. Mỗi tình nào cũng tan vỡ.

Cuộc mạn đàm khai thông cái ống báo tắc tịt của tôi. Tôi đã vỡ lẽ, rằng, nhà báo là người chiến đấu, là chiến sĩ của sự thật. Sứ mạng báo chí gai góc như cá rô sống, tôi không nuốt nổi. Nhờ “sư phụ” Nguyễn Thịnh tôi mới hiểu nghề báo, trên cả nghề, là thiên chức, chẳng phải muốn làm báo có tiền là xuất bản báo, tha hồ viết bậy viết bạ, chửi càn chửi đại chửi dốt chửi ngu. Muốn viết báo lại cần có động cơ này, động lực kia thúc đẩy. Thôi, tôi nên quên nhà báo. Tôi xoay sang nghề thơ. Động lực thúc đẩy mạnh nhất để làm thơ là thất tình, lời vàng ngọc của “sư phụ” Nguyễn Thịnh. Muốn bị thất tình cần phải yêu và được yêu. Bây giờ, tôi tìm “đường vào tình sử”. Trên con đường đi tìm một người yêu - một nàng thơ-, tôi tốn khá nhiều tiền ăn bánh tôm, ăn thịt bò khô, ăn kem, ăn sấu dầm, ăn mận dầm, uống bia, uống cà phê và hút thuốc lá. Sự ăn uống do ông bố dao cạo, thuyền tán của tôi cung phụng. Bố tôi chỉ mơ nghề nghiệp tương lai của tôi có chữ sĩ. Bác sĩ, văn sĩ, thi sĩ, thượng sĩ, trung sĩ hay ... hạ sĩ, bố tôi sẽ vui lòng cả. Miễn đừng tu sĩ hoặc khát sĩ. Tử sĩ và liệt sĩ, bố tôi không ham đâu. Tôi sẽ là thi sĩ. “Là thi sĩ nghĩa là ru với gió, mơ theo trăng và vợ vẩn cùng mây”. Bất giác, tôi thấy tôi Nguyễn Bính quá. “Mình tôi, trời bắt làm thi sĩ”. Trời bắt tôi làm thi sĩ, tôi nghiệp tôi.

Trước khi đi kiếm một con mái để gáy và để xòe một bên cánh nghiêng mình lượn quanh tán tỉnh, tôi cần nghiên cứu tình yêu xem cái của nợ này ra sao. Cảm ơn “sư phụ” Đàm Viết Minh bắt chép thơ và học thuộc lòng thơ. Tôi có cả một dạ dày căng thơ, nghiên cứu tình yêu dễ dàng. Nghiên cứu xong, tôi thấy sáu thi sĩ viện dẫn dưới đây đều bí lù về định nghĩa

tình yêu.

Thi sĩ thứ nhất, Hàn Mặc Tử:

*Ai hãy làm thính chó nói nhiều
Để nghe dưới nước đáy hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để nghe trời giải nghĩa yêu*

Thi sĩ thứ hai, Xuân Diệu:

*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu*

Thi sĩ thứ ba, Tôn Nữ Thu Hồng:

*Người đi tôi thấy làm sao ấy
Và cảm bên mình nổi tịch liêu*

Thi sĩ thứ tư, Bùi Huy Nhiệm:

*Tôi yêu là bởi tôi yêu
Cầm tay cô hỏi han nhiều làm chi*

Thi sĩ thứ năm, Nguyễn Bính:

*Nhưng yêu chỉ để mà yêu
Chị còn dám ước một điều gì hơn*

Thi sĩ thứ sáu, Hồ Dzếnh:

*Em tôi ơi, tình nghĩa có gì đâu
Nếu là không lưu luyến buổi sơ đầu
Thuở ân ái mong manh hơn nắng lụa
Hoa bướm ngập ngừng cỏ cây lần lựa*

Hầu hết các thi sĩ đều không biết định nghĩa tình yêu mà cứ biết yêu nồng nàn, tha thiết và thất tình suốt暮. Tôi nghĩ các thi sĩ đã yêu giả vờ và thất tình giả vờ, thương vay khóc mướn, mua vui giải sầu cho thể nhân. Thi sĩ có thể ru với gió, mơ theo trăng, vẩn vơ cùng mây thì cũng có thể tưởng tượng yêu và được yêu và bị thất tình. Vậy thì, trên con đường đi tìm một em gái, tôi sẽ gắng sức phấn đấu của được em. Nếu tôi của được em, em bỏ tôi hay em bám chặt tôi như đĩa đói bám mình trâu, vì thi ca, tất cả cho thi ca nhân loại, tôi sẽ đoạt thắng lợi thất tình để có cái động lực làm thơ. Nếu tôi đi mòn vẹt cả chục đôi giày, “trên vĩa hè Hà nội” vẫn không của nổi em nào, vì thi ca, tất cả cho thi ca nhân loại, tôi sẽ kiếm một em đẹp nhất, khuê các nhất nói vài câu xỏ xiên, láo lếu, tục tĩu, để cáng, mất dạy, vô giáo dục để em mắng mỗ là đồ vô lại, em nhổ nước bọt hay em rình ngang qua nhà em, em hắt nước rửa bát ướt nhem quần áo. Thế là tôi ... thất tình. Tôi khen tôi “sáng chế” ra ý nghĩ độc đáo. Chuyện tình tưởng tượng là chuyện tình không giống bất cứ một chuyện tình nào. Hẳn nhiên, chuyện tình ấy phải lạ, phải đẹp, phải thơ. Và đó là thi ca, là tiểu thuyết đúng nghĩa. Yêu mà viết chuyện tình của mình thì bình thường. Không hề yêu, chưa từng yêu ai mà tưởng tượng chuyện tình, chuyện thất tình mới tuyệt cú mèo. Tuy nhiên, tôi cứ đi của gái, tôi thêm chất má, thêm má xùy. Biết đâu, được má xùy tôi chả sẽ nổi tiếng nhanh,

lấn át nhà báo nước mắm Vạn Vân và nhà thơ nước đá Nguyễn Xuân Mậu.

Tôi đi hai tháng, không dám tán em nào. Cứ kể, tôi cũng khá bảnh trai. Phải tội nhút nhát và đầy mặc cảm tình lý đồng chua nước mặn, học hành ảm ố. Lại có một hôm, “sư phụ” Nguyễn Thịnh hỏi:

- Làm bài thơ nào chưa ?

- Chưa.

- Lợn được em nào chưa ?

Tôi anh dũng đáp:

- Rồi. Em học Trưng Vương, gái Hàng Đào đấy.

“Sư phụ” khen:

- Mày tốt số quá. Tình nồng nàn chứ ? Dẫn vào Láng chưa ?

Tôi rầu rĩ:

- Nồng hơn vội. Dẫn em đi khắp nơi. Bách Thảo, Voi Phục, Nghi Tàm, Quảng Bá, Hà Đông ... Nhưng buồn ghê, tình đang trơ trụi bị hóc xương cá !

“Sư phụ” cười:

- Em đá hả ? Vui lên, có động lực thúc đẩy làm thơ rồi. Mà sẽ làm thơ hay.

Thằng “sư phụ” của tôi ông ổng ngâm:

*Đời mất vui khi đã vẹn câu thề
Tình chỉ đẹp những khi còn dang dở*

Nó hát hàm:

- Biết thơ ai không ?

Tôi nhún vai kênh kiệu:

- Hồ Dzếnh.

- Biết Hồ Dzếnh ở đâu không ?

- Không.

- Ở hiệu sách Trung Phương, phố Huế.

- Mày quen à ?

- Tao biết.

Nguyễn Thịnh kể hiệu sách Trung Phương của vợ thi sĩ Trần Trung Phương, tác giả thi phẩm *Mây vẫn tươi sáng*. Đây là tập thơ duy nhất viết cho tuổi thơ, học trò. Sau thi sĩ Trần Trung

Phượng không có ai làm thơ cho nhi đồng nữa. Ông đã qua đời ở hậu phương. Vợ ông về Hà nội và tái giá, trở thành vợ của thi sĩ Hồ Dzếnh. Tôi mê tập truyện *Chân trời cũ* của Hồ Dzếnh, nhà văn Minh Hương, bố Tàu mẹ Việt. Ông đã cho xuất bản hai thi phẩm *Quê ngoại* và *Hoa xuân đất Việt*. Ông yêu quê ngoại, yêu Việt nam. Hoài Thanh và Vũ Ngọc Phan đều hợp hời, không xếp ông vào *Thi nhân Việt nam* và *Nhà văn hiện đại*. Khi đăng lại truyện ngắn *Nhà đông con* của ông, tuần báo *Tuổi Ngọc* đã nói lên sự bất công này và yêu cầu những người viết văn học sử Việt Nam đừng quên Hồ Dzếnh. Ở Pháp và cả ở Mỹ nữa, những di dân đã mang quốc tịch Pháp, Mỹ mà viết văn bằng tiếng Pháp, tiếng Mỹ, được coi là nhà văn Pháp, nhà văn Mỹ. Hồ Dzếnh viết văn, viết thơ bằng tiếng Việt nam. Ông lại chọn Việt Nam làm quê hương. Văn ông thiết tha, cảm động. Thơ ông chứa chan tình tự, ngập tràn hình ảnh. Chưa thấy một thi sĩ Việt Nam nào yêu mẹ Việt Nam như Hồ Dzếnh qua bài Cảm xúc:

*Cô gái Việt Nam ơi
Tự thuở sơ sinh lận đận rồi
Tôi biết hồn cô u uẩn lắm
Xa nhau đành chỉ nhớ nhau thôi
Cô gái Việt Nam ơi
Nếu chữ hy sinh có ở đời
Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực
Cho hồn cô gái Việt Nam tươi*

Tôi ái mộ Hồ Dzếnh, thường đến hiệu sách Trung Phương, giả vờ mua tuần báo văn nghệ, cái bút bic, cuốn vở, hy vọng gặp mặt người anh của *Em Duyên* ². Không lần nào tôi gặp cả vì không bao giờ Hồ Dzếnh ngồi ngoài hiệu sách. Thời gian từ 1950 đến cuối 1954 là thời gian khá sinh động của văn học nghệ thuật Hà nội vùng tề. Nó cũng là một bến bờ, một dấu mốc quan trọng của văn học sử. Thanh Nam đã sống trọn vẹn ngày tháng này, đã sinh hoạt liên tục và quen biết hết văn nghệ sĩ. Rất tiếc, Thanh Nam đã không viết hồi ký. Thành ra, thế hệ những người cầm bút hôm nay rất mơ hồ về một bến bờ văn học Hà Nội 1950 – 1954, bến bờ có *Sao Mai* với *Nhìn xuống* nhiều vang vọng. Thanh Nam, nay đã quá cố. Chẳng còn ai đủ tư cách để nhìn lại một bến bờ. Chúng ra còn mơ hồ cả về bến bờ văn nghệ lãng mạn cách mạng 1946 – 1949. Thời gian 1950 – 1954, tôi đang mơ trở thành Thanh Nam và mong nhìn mặt Hồ Dzếnh. Không có hân hạnh nhìn mặt tác giả *Chân trời cũ*, tôi đành thu tôi trên căn gác nhỏ biệt lập sau số nhà 13 phố Ngô Thời Nhiệm mà tưởng tượng thất tình.

Rồi tôi thất tình văn chương, thi ca, báo chí. Tôi năng tới Dancing Régina nghe Tôn thổi chơi trompette và Nguyễn Thịnh chơi guitare. Và tôi nghiện không khí dancing. Chơi phước thiện ngu sao không nghiện ?

¹Về sau, vào nghề chữ nghĩa, tôi nhận ra hai nhà văn lùn là Hồ Nam và Dương Vi Long. Hồi đó hai vị này là mầm non văn nghệ.

²Tên một truyện ngắn trong *Chân trời cũ*. *Duyên* là tiếng Quảng đông, chữ Việt là *Duyên*.
Em Duyên đã làm tôi tốn nhiều nước mắt.

Nhà văn, nhà báo, tôi cứ thắc mắc, không biết họ sống ra sao ? Họ viết lúc nào và sao mà họ viết được nhanh thế, nhiều thế, hay thế ? Chữ nghĩa ở đâu họ viết mỗi ngày ? Nguyễn Bính nói, trời bắt chàng làm thi sĩ. Có lẽ, trời đã bắt một số người viết văn, làm thơ, viết báo chẳng ? Trời bắt làm, trời phải cho tài. Thế thì nhà văn, nhà thơ, nhà báo đều là những tài năng thiên phú. Trời đã không cho tôi một tí tí tài năng. Trời bắt công. Trời mù lòa. Ông Nguyễn Minh Lang sáng tác hàng chục tiểu thuyết. Ông Thanh Nam sáng tác hàng chục tiểu thuyết. Kể từ bản văn chương, người vô sản phú lục. Giá trời thay thế ông Sao Mai bằng tôi, tôi đã có tác phẩm *Nhìn xuống*. Hoặc, giá trời xui tôi viết đua với ông Sao Mai, tôi đã có kiệt tác “Nhìn lên”. Hỡi ơi, trời bắt tôi làm bản cổ nông văn nghệ ! “Bắt phong trần trải phong trần, Cho thanh cao mới được phần thanh cao, Có đâu thiên vị người nào !” Nguyễn Du đã xác định lập trường của trời một cách dứt khoát. Trời không cho tôi làm nhà báo, nhà văn, nhà thơ, còn không cho tôi nhìn mặt Hồ Dzếnh. Vậy bốn phận của tôi là chiêm ngưỡng nhà văn, nhà thơ, nhà báo. Văn hào Erskine Caldwell nói: có hai hạng người, hạng viết và hạng đọc. Tôi thuộc hạng đọc. Tôi đọc Nguyễn Minh Lang, Thanh Nam, Hoàng Công Khanh, Sao Mai, Ngọc Giao, tôi ngưỡng mộ họ. Vì họ viết hay, họ thổi những ngọn gió bồi hồi xao xuyến vào tâm hồn tôi. Tôi ngưỡng mộ nhà văn viết hay, tôi không có tội gì cả. Tội của nhà văn viết hay do mấy anh viết dở tạo ra. Hiệu phở ế khách có ưa chi hiệu phở đồng khách cạnh nhà mình ! Người ta bảo đó là hệ lụy của tài năng. Câu nói bất hủ của gã đồng bóng đất Tang Môn cách đây mấy nghìn năm vẫn còn là chân lý, mãi mãi chân lý: “Tài năng là cứu cánh, đồng thời, cũng là tai họa của con người”. Ngay ông Trời lại cái, Thượng Đế bị thiên 1 vẫn ghen tị với người tài, người đẹp. “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”. Má lợ lem, mặt rỗ nhằng nhịt, môi thâm sì, răng vỡ, mắt toét, thối tai, hôi nách, người còn chẳng thêm ghen nữa là trời ! Khi con người ghen tài năng của con người thì khiếp đảm lắm. Đàn ông ghen tài đàn ông dữ dội hơn sư tử Hà Đông. Nghệ sĩ mà Trương Chi là biểu tượng, tài năng khuyh loát trời đất, xoay chuyển lòng người khiến quyền uy của thống trị rung rinh. Nó chẳng thể hại được Trương Chi. Nó công nhận tài năng của chàng nhưng bêu nhục chàng mũi tẹt, cam tầu mã, chân thọt, bàn tay bảy ngón. “Ngày xưa có anh Trương Chi, người thị thậm xấu hát thì thậm hay”. Hãy hát thậm hay, hay viết thậm hay để người đời ngưỡng mộ, xá chi đám chủ hàng phở ế khách !

Tôi nói tôi ngưỡng mộ Thanh Nam, Ngọc Giao, Nguyễn Minh Lang, Hoàng Công Khanh bởi họ viết vào thời tôi vừa lớn. Họ gần gũi tôi. Họ chung hơi thở của tôi. Họ đang ở Hà Nội. Tôi khó lòng quen biết họ. Và tôi thắc mắc họ sống ra sao. Đọc trên tuần báo văn nghệ, mục “Đốt lò hương cũ”, tôi thấy cuộc đời văn chương của Vũ Trọng Phụng thảm quá. Tư chức lương cơm cối, viết sách bị nhà xuất bản bóc lột, Vũ Trọng Phụng ho lao. Cha đẻ Xuân tóc đỏ, Vạn tóc mai, bà phó Đoan phải nuôi bà, nuôi vợ con. Thịnh thoảng, Lan Khai, tác giả *Lâm than, Cái hột mạn, Ai lên phố Cát* ... mời Vũ Trọng Phụng đi ăn cơm Tây. Vũ Trọng Phụng, người viết *Số đỏ* mà mình số đen, tâm sự nào nê: “Đời tôi, nếu mỗi tuần được tới hiệu ăn cơm Tây một lần thì đâu đến nỗi !”. Nguyễn Vĩ thú nhận “nhà văn An nam khổ như con chó” rất chân thành. Tài năng như Vũ Trọng Phụng mà sống vất vưởng, chết bạo bệnh. Tài năng như Nguyễn Bính mà phải xin tiền “chị Trúc”. Tài năng như Trần Huyền Trân mà không tiền mua rượu. Tôi vẫn ham chui vào cảnh đoạn trường ấy. Vì tôi thêm, thêm nhỏ rãi được ghi câu “Kính tặng bố tôi, ông Vũ Mộng Hùng” trên trang đầu tác phẩm thứ nhất của tôi. Và tôi bắt chước Nguyễn Minh Lang, ghi câu tặng bổng bề trên trang đầu tác phẩm thứ hai: “Triu tặng (?) người em gái của lòng tôi”. Thi sĩ Nguyễn Bính viết: “Một nghìn năm, một vạn năm, Con tâm vẫn kiếp con tâm vương to”. Một nghìn năm, một vạn năm sau, tái hóa kiếp người mấy lần, tôi vẫn là thằng học trò lười biếng, lêu lổng. Và, dầu tái hóa kiếp người theo tôi, bố tôi có công lưng đập thuyền tán, veo mình thái dao cầu 24 giờ một ngày kiếm tiền nuôi tôi ăn học thành đóc tờ, tôi cứ chẳng bao giờ thành tu bip cả. Thế nên tôi cần nhãn hiệu sĩ. Mà thi sĩ là tôi khao khát. Thi sĩ vừa tầm tay với của tôi. Cái bí quyết trở thành thi sĩ lỗi lạc, “sư phụ” Nguyễn Thịnh phán, giản dị mà nhiều khê, “yêu, được yêu rồi bị đá đít”. Tôi

chưa yêu, chưa được yêu, chưa bị đá đít nên chưa ra thơ. Và sức tưởng tượng yêu, được yêu rồi bị đá đít của tôi còn là đà mặt cỏ, chưa vút lên Bắc đầu. Thi sĩ phải vận dụng trí tưởng tượng của mình bay cao, phải đẩy tâm hồn mình phiêu du vào cõi không tưởng. Tôi sẽ cố gắng bay và đẩy một phen.

Tôi đẩy tôi vào Dancing Régina. Tôi bay cùng âm thanh của Trompette Tôn thối. Uống bia 33, hút Cotab, nhìn Tôn thối cong người “hot” những nhịp nghỉ trong bản nhạc “Blues”, tôi đã phiêu bồng. Nguyễn Thịnh và Tôn thối nhún nhảy chơi “Swing”, tôi phát điên, chân tay rạo rục. Tôi lại thêm chơi kèn và chơi lục huyền cầm. Tôi thêm nhiều quá. “Anh là kẻ thêm yêu nhưng chóng chán”. Chóng chán vì thêm mà khó thực hiện nổi sự thêm. Chí lớn tài hèn là vậy. Chí lớn bất tài thảm não hơn. Như tôi. “Sự phụ” Đặng Xuân Côn đã dạy tôi chơi banjo, mandoline và tí ti ký âm pháp, hỏi tôi ở Thái. Tôi gạ gẫm “sự phụ” Nguyễn Thịnh dạy chơi lục huyền cầm.

- Tốt ! Thi ca gắn liền với âm nhạc, Thơ là nhạc, nhạc là thơ. Edgar Poe dạy thế. Thơ thiếu nhạc điệu là thơ con cóc. Nhạc thiếu lời thơ là nhạc máy nước. Lời của Văn Cao là thơ. Thơ quên lấy nhạc.

“Sự phụ” ngêu ngao:

*Một chiều xưa, trắng nước chưa thành thơ
Trăm trăm không gian mới rung thành tơ
Vương vất heo may hoa yếm mong chờ
Ôi, tiếng cầm ca thu tới bao giờ ...*

Nó hứng chí:

- Đó là lời Văn Cao. Còn đây là lời Phạm Duy.

Nó lại ngêu ngao:

*Chiều ơi ...
Nóc nhà sần tủa khói âm u
Cô nàng về để suối tương tư
Hỡi chiều ...*

“Sự phụ” lên giọng ... thầy:

- Lời của ca khúc phải như thơ, phải ngậm hình ảnh và chữ nghĩa. Thơ phải chan chứa âm điệu.

Tôi học guitar và hát để nhạc thấm vào hồn thơ. Rồi tôi nhất quyết vận dụng trí tưởng tượng vào ... thất tình. Thời kỳ này, tôi có mặt thường xuyên ở Dancing Régina. Tôi “được” ngồi chung bàn với Tôn thối khi nó nghỉ những bài “slow” để Nguyễn Thịnh chơi Hạ uy cầm. “Sự phụ” của tôi chơi guitar complete. Tôi thường về nhà trọ trước. Ra khỏi dancing, đêm lạnh, tôi tưởng tượng mình là Trần Huyền Trân uống rượu về khuya. “Rượu rồi nâng cổ áo lên cao”. Tôi nâng cổ áo trùm lấp gáy. Giá tôi được ngồi uống rượu với Thanh Nam, chỉ cần Thanh Nam thôi, tôi sẽ sượng rên méo đầu hiu. Thanh Nam đề tặng tôi cuốn tiểu thuyết, Tết tôi mang về Thái, khoe khắp thị xã: “Tao là bạn của nhà văn Thanh Nam”. Những đêm mưa to gió lớn, tôi tưởng tượng người con gái tôi yêu thắm nhớ trộm mà tôi cứ ngoác miệng chối tôi không yêu nàng. Sáng sau, tôi tưởng tượng nàng mặc sơ mi Tô Bia. Và tôi tưởng tượng tôi là Nguyễn Bình: “Đêm qua nàng đã chết rồi, Nghẹn ngào tôi khóc, quả tôi yêu nàng ...”. Tôi tưởng tượng dữ dội, tàn bạo, rụng rời, êm đềm và đăm đuối. Một buổi sáng đi ăn phở muộn, tôi gặp đám ma Tàu. Thấy chú Tàu nhóc bưng tám chân dung một thiếu nữ

Tàu, dĩ nhiên, tôi bèn tưởng tượng tôi là Nguyễn Bính dự “Đám ma người trinh nữ”. Tôi khôn lỏi tưởng tượng tôi trong đoạn này:

*Nàng đã qua đời để tôi này
Có chàng đi hứng gió heo may
Bên hồ để mặc mưa rơi ướt
Đếm mãi băng quơ những dấu giày
Người ấy hình như có biết nàng
Cổ lằn toan tính chuyện sang ngang
Nhưng hồn nàng tựa con thuyền bé
Đã cắm nghìn thu ở suối vàng*

Tôi không ngu tưởng tượng tôi ở đoạn này:

*Tôi với nàng tuy không biết nhau
Mà tôi thương tiếc bởi vì đâu
Mỹ nhân tự cổ như danh tướng
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu*

Tôi tưởng tượng nào nê mà vẫn chẳng thấy động lực nào thúc đẩy tôi làm thơ. Quả thật, tôi chưa có tâm sự nào ẩn ức cần thiết phải giải tỏ bằng văn, bằng thơ. Nghệ thuật đòi hỏi những rung động thật. Tôi thì chỉ giả vờ. Chất liệu của đời sống tôi rỗng tuếch, có đầy trí tưởng tượng lên chín tầng mây cũng vô tích sự. Tôi đọc lại bài *Hoa gạo* của Nguyễn Bính:

*Anh đã từng đi khắp bốn phương
Tháng hai anh có thấy trên đường
Những hoa gạo đỏ tươi màu máu
Nhàu nát như người lính tử thương
Anh ạ, tôi buồn không thiết nói
Cánh tình lỡ rụng tự hôm qua
Một khi tình rụng như hoa rụng
Máu đỏ lìa tim dạ xót xa*

Tôi thấy đã rỗng tuếch chất liệu của đời sống, tôi còn rỗng tuếch quan sát người, cảnh, vật ... Nguyễn Bính đã quan sát hoa gạo rơi từ trên cao xuống đất vỡ tươi máu. Nhìn hoa gạo rụng mới tưởng tượng tình rụng. Tôi không nhìn cái gì cả mà cứ đòi viết báo, viết văn, làm thơ. Thật sự, tôi chưa hề xao xuyến, chưa hề rung động về một cảnh trí của đời sống. Tôi cũng chưa hề thấy một cái gì đó khác lạ trong cái bình thường. Chắc chắn, tôi phải đọc nhiều thêm, suy nghĩ thêm. Sách tôi sẽ đọc, nhất định, không còn là tiểu thuyết ái tình lắm nhảm nữa.

Tết 1954, tôi trở về Thái Bình thăm gia đình. Chủ nhiệm bích báo Mùa Xuân của tôi, Lê Huy Luyến, bỏ ngang việc học. Đậu trung học phổ thông xong, nó ở lại thị xã, xin dạy tiểu học. Nhân tôi nói học Việt văn với giáo sư Nguyễn Uyển Diễm, chồng nữ sĩ Mộng Sơn, giám đốc nhà xuất bản Vỡ Đất, Luyến vác cái thư của giáo sư Nguyễn Uyển Diễm trả lời nó ra khoe tôi. Giấy viết thư in tiêu đề nhà xuất bản Vỡ Đất. Tôi choáng mắt. Nội dung bức thư, nhà xuất bản Vỡ Đất đồng ý xuất bản tập truyện ngắn *Thầy giáo tư lương* của Lê Huy Luyến, khen nó viết khá và khích lệ nó tiếp tục. Tôi chú ý câu sau đây của giáo sư Nguyễn Uyển Diễm: “Khuyên em nên viết những đề tài về kỷ niệm ấu thơ, gia đình, anh em, bằng hữu và những gì thật gần với em”. Tôi tỉnh người. “Sự phụ” chính công của tôi là Lê Huy Luyến ở ngay cái thị xã Thái Bình nhỏ bé này mà tôi không khám phá ra, mắt công lặn lội Hà nội.

- Đầu năm 1955 mày có tác phẩm rồi.

- Ừ.
- Mà viết hồi nào ?
- Một tháng sau khi tao làm nghề gõ đầu trẻ.
- Thầy giáo tư lương ?
- *Thầy giáo tư lương* nhắp nhồm ngồi, thơ Trần Tế Xương đó.
- Mà còn bản thảo nào không ?
- Còn.
- Cho tao mượn đọc nhé ?
- Ừ.

Thầy giáo tư lương của Lê Huy Luyện gồm 5 truyện ngắn. Truyện thứ nhất, *Thầy giáo tư lương* tả cảnh anh học trò nghèo lớp đệ tứ (chính Lê Huy Luyện) đi làm “pờ rê xép to” cho đám con ông Phó tỉnh trưởng. Mỗi ngày hai giờ, cậu giáo tư gia kèm hai cậu ấm và một cô chiêu học ba lớp tiểu học khác nhau. Cô chiêu và các cậu ấm đều dốt. Nhưng lười học, chỉ thích nghe cậu giáo kể chuyện cổ tích chứ ghét viết ám tả, làm toán số. “Tôi hết cổ tích kể. Bèn bịa truyện. Cô chiêu thích lắm, ngồi lắng tai nghe say sưa. Còn hai cậu ấm đánh cò “ca rô” thay vì dở bản cửu chương làm tính nhân. Không chừng, nhờ cô chiêu lười học, tôi sẽ trở thành Andersen đấy”. Cậu giáo tư gia kiêm thêm việc đi mua kẹo, mua kem cho học trò. “Giá thêm một cậu ấm bốn tuổi học bú, có lẽ, tôi phải rửa dít luôn!”. Nghề giáo tư gia cực thật. “Vinh nhục nghề nghiệp” mà. Thỉnh thoảng, bà Phó tặng cân thịt bò tươi, dọn đem về xào cải làn chứ đừng ăn tái tương gừng. Nhiều hôm vừa lò dò tới cửa, con nhài đã chạy vội ra xua tay: “Hôm nay nghỉ, cô cậu bạn đi ăn cỗ, đi xem xi nê, đi chào ông Tỉnh ... Minh về, khoái lắm nhưng mà tủi thân. Quyền quý nó coi chữ nghĩa rẻ hơn bèo”. Luyện viết dí dỏm, chua chát. Văn nó viết như thế nó nói sao viết thế. Truyện thứ hai *Vợ chồng nhà giáo*, tả cảnh ông giáo dạy vạn vật lớp đệ tứ, bà giáo dạy vạn vật lớp đệ thất. Hai vợ chồng lục đục hoài vì chuyện tranh luận danh từ khoa học. Truyện thứ ba, *Giáo rĩ* tả tâm trạng Lê Huy Luyện. Truyện thứ tư, *Carnot tân thời*, tả cảnh một ông quan ba về trường thăm thầy, đeo súng lục và dọa bắt bỏ tù học trò nào rắc truyền đơn chống đối quốc trưởng Bảo Đại. Truyện thứ năm, *Báo học trò*, tả kỷ niệm làm bích báo của nó, có dính líu cuộc bút chiến giữa Đinh phở và Long dao cầu.

Lê Huy Luyện viết hay lắm. Nếu không có hiệp định Genève, nó đã trở thành nhà văn cự phách. Than ôi, làm nhà văn cũng có số, *Thầy giáo tư lương* chẳng bao giờ xuất bản cả. Tôi đọc truyện ngắn của Lê Huy Luyện, ao ước viết bằng nó. Bằng nó thôi.

- Mà dạy tao viết truyện ngắn được không ?
- Không được.
- Tại sao ?
- Đã không có ai dạy tao cả, tao biết dạy mà cái gì ?
- Tại sao mà viết được ?
- Tao viết bừa.

- Khó không ?

- Khó trang đầu, rồi đoạn đầu, rồi những dòng đầu.

- Cứ đặt bút là viết à ?

- Phải hỏi xem truyện của mình muốn nói lên điều gì chứ. Đó là ý chính đấy, như luận vậy. Luận thì mày viết theo đề ra sẵn, truyện thì mày tự nghĩ lấy đề.

Thằng này có lý. Nó cho tôi mượn cuốn *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng. Tôi đọc phát khóc. Qua tuần lễ nghỉ Tết, tôi lại lên Hà Nội. Trót nói dối bố đi học thi tú tài, tôi đành “giã nhà ra đi”, chứ thực tâm, tôi muốn ở lại Thái Bình “mạn đàm” văn chương với Lê Huy Luyến. Cuối tháng 3 – 1954, Quách Đàm hát bài *Duyên Anh* của Nguyễn Thịnh trên đài phát thanh Hà nội. Nó đã thành công bước đầu. Nguyễn Thịnh bỏ số nhà 13 phố Ngô Thời Nhiệm, tôi cũng bỏ đi chỗ khác. Thời gian này, tôi đọc bản dịch *David Copperfield* của Charles Dickens. Tôi mê Dickens không thể tả được. Tôi rất thèm đọc loại sách này. Tôi mong hè chóng tới để về Thái. Đầu hè, tôi khăn gói quả mướp hôi hương ngay. Ở Thái, tôi đọc các bản dịch *Vô gia đình* (Sans Famille), *Về với gia đình* (En famille) của Hector Malot và *Tâm hồn cao thượng* (Les grands coeurs) của Amicis do Hà Mai Anh dịch. Rồi tôi đọc bản dịch *Sách của bạn tôi* (Le livre de mon ami) của Anatole France, *Chuyện một thằng bé* (Le petit chose) của Alphonse Daudet. Tôi bỗng thấm lời khuyên Lê Huy Luyến của giáo sư Nguyễn Uyên Diễm. Không còn loại sách này để đọc, tôi đọc lại *Hai chị em* của Nguyễn Thị Vinh. Vẫn cảm động như thường. Bây giờ, tôi chỉ còn đọc lại truyện ngắn Thạch Lam, Khải Hưng, Nhất Linh, Thanh Tịnh, Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Bùi Hiển, Hồ Dzếnh. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ viết nổi một hồi ký ảm đạm về thời thơ ấu của tôi.

Tôi không quên theo dõi sinh hoạt văn nghệ Hà nội qua báo chí. Thấy Hoàng Công Khanh rao lớn sắp phát hành bộ tiểu thuyết *Mối tình đầu* để làm quà cưới cho những người lấy nhau mùa thu 1954. Bộ tiểu thuyết được quảng cáo ồn ào là viết tới đâu xếp chữ tới đó và sắp chấm dứt. Tôi biết Thanh Nam đã vào Sài gòn làm chủ bút tuần báo *Thám Mỹ*. Tôi chẳng thèm chú ý gì tới những chuyển biến của tình hình chính trị.

o o o

Đầu tháng 7-1954, quân đội liên hiệp Pháp rút khỏi Thái Bình. Hiệu sách Đông A và hiệu sách Học Hải “di tản chiến thuật” trước đó vài ngày. Dân chúng tản cư lần nữa. Thị xã bỏ trống. Một tuần lễ sau, tất cả hồi cư và mọi sinh hoạt xảy ra ban đêm, sợ phi cơ Pháp trở lại oanh kích. Bố tôi buồn lắm. Kể như ông lang băm tiêu tan giấc mộng thấy con mình trở thành bác sĩ. Tôi cũng buồn lắm, giấc mộng trở thành nhà thơ, nhà văn, nhà báo của tôi bỗng ngất ngư. Bạn tôi buồn nhất. Nó cứ thắc mắc không hiểu Hà nội và Thái Bình còn có thể liên lạc với nhau. Tác giả *Thầy giáo tư lương* mân mê “tác phẩm” của mình một cách tiếc nuối. Chúng tôi hết mạn đàm văn chương, thi ca, tiểu thuyết. Tôi còn giữ bản dịch 3 cuốn *Gone with the wind* (Cầm bằng theo gió đưa đi) của Margaret Mitchell -bản dịch mới sau này có tên là *Cuốn theo chiều gió*, *Uncle Tom's cabin* (Túp lều của chú Tom) của Harriet E. Stowe, và truyện ngắn của Jack London thuê của hiệu sách Học Hải chưa kịp trả. Tôi không thiết đọc nữa nhưng phải đọc giết thì giờ.

20-7-1954, hiệp định Genève ký kết chia đôi nước Việt Nam. Tôi 19 tuổi. Bộ đội giải phóng vào thị xã. Không giống những người bộ đội của trung đoàn Thủ Đô, trung đoàn Ký Con, trung đoàn 44 năm 1947 tôi đã gặp, bộ đội giải phóng 1954 hoàn toàn khác lạ. Họ ngờ ngợ, ngáo ngáo và tỏ ra không mấy thiện cảm với dân vùng tề. Cùng với bộ đội giải phóng, cán bộ các ngành đội nón cối bọc ny lông màu nâu, đeo xắc cột, lê giép Bình Trị Thiên ² trên hè phố, sách báo kháng chiến cũng vào thị xã, bày bán ở lề đường. Tôi mua những số *Văn Nghệ* xuất bản đầu năm 1951. Tôi đọc và tôi ngỡ ngàng. Các nhà văn tôi đã ngưỡng mộ

như Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Thế Lữ ... , các nhà thơ tôi đã ngưỡng mộ như Xuân Diệu, Huy Cận, Thanh Tịnh ... đều đã phải học tập một khóa chỉnh huấn và đều phải viết tự kiểm phủ nhận sự nghiệp văn chương trước 1945 của mình. Thế Lữ nguyên rửa Tục Lực Văn Đoàn. Xuân Diệu hung hăng “lột người”. Văn hóa trước 1945 là văn hóa nô dịch bị kết án nặng nề. Chỉ có văn hóa sau năm 1950 mới được công nhận là văn hóa cách mạng chính thống. Văn nghệ từ cái mốc này là văn nghệ phục vụ giai cấp công nông, văn nghệ vô sản. Không một dòng chữ nào nhắc tới Văn Cao, Phạm Duy, Việt Lang, Yên Thao, Trần Quang Dũng Tô Vũ, tác giả *Em đến thăm anh một chiều mưa, Tạ từ, Tiếng chuông chiều thu, Nhớ thành Tô* sáng tác nhạc đầu tổ địa chủ:

*Hòn cãm địa chủ gian ngoan
địa chủ tham tàn
giơ tay bóc lột bần cố nông ...*

Tạ Phước làm nhạc, Thanh Tịnh viết lời xui bần cố nông phản nộ:

*Ta là người
là người có mắt có tai
Tay ta làm
mà hàm ta chẳng nhai
Vì ai
vì ai ta nghèo
Đó là cách bóc lột bóc tức
trăm điều oan ức
cãm tức
Của ta làm ra phải trở về ta ...*

Tôi đàn những bản nhạc này. Thấy âm điệu của nó lai Tàu quá. Nhất là ca khúc dưới đây:

*Nông dân Trung quốc đang ca hát rằng (à)
Đời ta ấm no sướng vui từ đây (a)
Vì chúng ta có Đảng cộng sản (à)
Vì chúng ta có bác Mao Trạch Đông (a)
Đã phát động chúng ta đứng dậy (à)
Ta lấy ruộng đất về cây cấy tăng gia (a)
Nội gương Trung quốc dân ta hát rằng (à)
Bền gan đấu tãnh chúng ta thêm niềm tin (a)
Vì chúng ta có đảng Lao động (à)
Vì chúng ta có bác Hồ chí minh (a) ...*

Ở tôi có một sự so sánh giữa âm điệu Hoàng Giác, Đoàn Chuẩn, Nguyễn Văn Khánh (Hà nội 1950 – 1954) và âm điệu Tô Vũ, Huy Du, Trần Hoàn (sau mùa quy định thành phần giai cấp 1950 – 1954). Và tôi chán ngán. Sách của cách mạng rất nghèo. Ngoài những cuốn khổ nhỏ đề cao các anh hùng giai cấp Nguyễn thị Chiên, Cù chính Lan, La văn Cầu ... thì, duy nhất, cuốn tiểu thuyết tiêu biểu *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng được đề cao ghê gớm. *Con trâu* của Trần Tiêu và *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng càng khác biệt, khác biệt luôn cả ước mơ của nông dân. Tôi thấy tiểu thuyết kháng chiến miền Bắc thua tiểu thuyết kháng chiến Nam bộ về cả số lượng lẫn chất lượng. Văn chương, thi ca cách mạng (1950 – 1954) không hấp dẫn tôi. Tôi vẫn thích Nguyễn Minh Lang, Thanh Nam hơn.

Nhưng tôi phải sống trong dòng cách mạng. Tôi cảm giác cách mạng hôm nay đã phủ màu xám lên cách mạng 19-8-1945. Tôi chợt nhớ vô cùng cái thị xã Thái Bình nhỏ bé của tôi, thời nó chưa bị tiêu thổ kháng chiến. Những hàng cây hời hợt chẳng bao giờ được trồng lại nữa. Tôi vĩnh viễn mất hết mọi ước mơ. Tôi gặp lại “sư phụ” Đàm Viết Minh. Nó đã là ...

cách mạng ! Nó không còn niềm nở nữa. Thêm cái biên giới giữa chúng tôi. Rồi tôi phải tham gia các tuần lễ bài trừ văn hóa nô dịch. Tôi phải đi tịch thu tiểu thuyết của Thanh Nam, Nguyễn Minh Lang, Sao Mai, Hồ Dzếnh, Ngọc Giao ... đem chất đồng mà đốt ! Cuốn *Đôi thông hai mộ* bị nguyên rửa là đòi truy, thổi nát. Tôi đọc báo Nhân Dân. Tôi hát nhạc ngợi ca Malenkov, Mao trạch Đông. Tôi nhảy đoàn kết:

*Chúng mình cùng đoàn kết tiến lên
Xây cuộc đời tươi mới hòa bình
Toàn dân đoàn kết
Nắm tay nhau cùng vui liên hoan*

Tôi nhảy hòa hòa bình:

*Ta yêu hòa bình
Lòng ta mến yêu hòa bình
Chống quân thù chung
Đập tan mưu mô chiến tranh
Diệt thực dân Pháp
Là đấu tranh cho hòa bình*

Tôi ca:

*Hoan hô bàn tay anh bạn Trung Hoa
Chặn sông Hoài ngăn đau thương
Nước không về toàn dân no ấm ...*

Tôi sửa lời:

*Hoan hô bàn tay anh cầm cần câu
Đã câu được ba con rô
Bốn con mè và năm con chép ...*

Tôi ca tiếp:

*Đêm hôm qua sáng sao
Gió đưa về nơi nào
Lòng em càng lưu luyến
Này anh chiến sĩ ơi
Đáng cho nó tan hoang
Đánh cho nó tơi bời ...*

Tôi “phản động”:

*Đêm hôm qua tát ao
Cá không được con nào
Phải ăn cơm với muối ...*

Tôi bắt đầu tìm ra một nỗi ngậm ngùi của mọi người trong cảnh đổi đời. Và tôi cũng bắt đầu biết nhìn cảnh đổi đời ấy bằng đôi mắt hài hước tinh quái. Sự hài hước tinh quái sẽ trở thành khẩu nghiệp rồi bút nghiệp khốn nạn của đời tôi sau này. Đó không phải là lỗi của tôi. Mà là lỗi của thời thế. Thời thế đã tạo ra những cảnh tượng nhố nhăng, những mẫu người nhố nhăng bắt tôi phì cười. Tôi ghét những thằng a dua cách mạng, những thằng cách mạng giả vờ mà cứ đóng vai cách mạng chính công thuốc họ Bà Lang Trọc. Nụ cười của tôi đều hơn. Lời nói của tôi ác hơn. Lợi dụng thanh niên vùng tề “chưa nắm vững tư tưởng”, tư

tượng vừa nằm, tay trơn quá nó tuột liền, chúng tôi đã “chống phá” cách mạng. Tư tưởng nổi loạn của tôi xuất xứ từ những ngày tôi sống với cách mạng sau hiệp định Genève 1954. Âm nhạc tôi yêu, cách mạng cấm đoán, bảo là nhạc vàng đồi trụy. Văn chương tôi thích, cách mạng thiêu hủy, bảo là văn chương nô dịch. Thi ca tôi khoái, cách mạng nguyên rủa, bảo là thi ca lạc hậu. Tôi phẫn nộ vì tôi bị tước đoạt tự do thích, tự do khoái, tự do yêu. Tôi phẫn nộ vì tôi phải thích, phải khoái, phải yêu những gì tôi không khoái, không yêu, không thích.

Hôm tôi nghe Trần Hoàn ôm đàn guitare hát bài thơ ca ngợi Rosenberg ³ của Tố Hữu do anh ta phổ nhạc, tôi thất vọng. Tôi đã say mê Sơn nữ ca, Lời người ra đi của Trần Hoàn.

*Một đêm trong rừng núi
Có anh du kích nhìn trời xa xa
biết đâu sơn nữ nhìn mình đắm đắm ...*

Nghe Trần Hoàn “văn công” hát thơ Tố Hữu chẳng ra cái gì cả. Nhạc tồi và giọng ca ổng bơ rĩ. Trần Hoàn chơi guitare kém xa Đàm Viết Minh. Có phải tôi ghét đời, ghét luôn Trần Hoàn ? Tôi thiếu công bình chăng ? Đến một tối, tham dự học tập hiệp định Gen è ve với Lê Huy Luyện, tôi hoàn toàn thất vọng cách mạng. Anh cán bộ vung vít nói về hội nghị Genève, anh ta bốc xê la bút:

- Tại hội nghị Giơ ne vơ, khi thủ tướng Phạm Văn Đồng đại diện nhận dân ta, chính phủ ta tha hết tù binh Pháp, thằng Bi đồ đã xấu hổ, khom lưng bước lên bắt tay thủ tướng Phạm Văn Đồng mà cảm ơn.

- Thừa đồng chí Giơ ne vơ ở đâu ạ ? Tác giả *Thầy giáo tư lương* hỏi.

- Cách đảo Phú Quốc 90 hải lý ! Anh cán bộ đáp ngon lành.

Thế thì tôi cần lên Hà Nội. Vì đồng bào Công giáo đã lũ lượt gồng gánh, dắt díu nhau tìm đường di cư vào Nam. Tôn trọng hiệp định Gen è ve, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa không ngăn cấm đồng bào chọn miền Nam làm nơi chốn định cư, nhưng tổ chức các đoàn thể thanh niên, phụ nữ tuyên truyền giữ chân đồng bào lại. Bài học tập giữ đồng bào:

- Muối Sài gòn dữ dội lắm, đông lắm, vợ tay quơ cả nắm. Đêm nằm ngủ bị muối đốt, sáng dậy soi gương thấy mặt mình kinh khủng.

- Răng đen vào Sài gòn bị nhổ hết.

- Vào Sài gòn bị Tây bắt đi làm cu ly đồn điền cao su.

Tôi áp dụng bài học tập này và bị đồng bào dơ đòn gánh phang. Cách mạng nào cũng gian dối cả. Thấy mình khó lòng ở với cách mạng, sau ngày 19-8-1945, tôi đã ăn cắp của bố tôi một khoản tiền còm làm lộ phí trở lên Hà Nội. Tôi bỏ gia đình đi tìm ... tự do thích, tự do khoái, tự do yêu. Biết đâu tôi chẳng tự do biến thành nhà văn, nhà thơ, nhà báo ! Tôi ví tôi như con dê mèn. Cuộc phiêu lưu của tôi bắt đầu ...

o o o

Qua phà Tân Đệ, đứng bên đây Nam Định nhìn sang bên kia Thái Bình, tôi đã không phát một lời thề lập chí mà thầm thì nói với mình:

- Chẳng bao giờ nên trở về gặp bố mẹ nữa. Ta cứ đi, đi mãi ... Không thành nhà báo Tam Lang tất thành nhà báo nước mắm Vạn Vân, không thành nhà thơ Nguyễn Bính tất thành nhà thơ nước đá Nguyễn Xuân Mậu, không thành nhà văn Thanh Nam tất thành nhà văn ...

Lê Văn Tầm !

Tôi gò lưng tôm đập xe trên con đường Nam Định – Phủ Lý. Giấy đi đường của tôi, nhà nước cách mạng chỉ cho phép sang tới Nam Định là thành phố đã được “giải phóng”. Tôi đã dùng “co rếch tờ” biến Nam Định thành Phủ Lý. Giấy đi đường viết tay đơn sơ, sửa chữa thật dễ. Tuy nhiên, tôi vẫn sợ bị bắt lại. Tôi đã vượt biên đường bộ tìm tự do từ 1954 ! Tôi đã là “land people” từ khi nhân loại chưa có danh từ “boat people” thê thảm. Buổi chiều, tôi đến Phủ Lý. Qua hàng rào kẽm gai, biên giới vùng giải phóng và vùng quân đội Pháp còn chiếm đóng, lính Ma rốc khám xét hành lý của tôi qua loa. Tôi đưa thẻ học sinh Hà Nội, họ cho vào đất của họ liền. Hú vía ! Tối Hà nội, tôi tìm Tôn thôi. Nó vẫn chơi ở Dancing Régina. “Sự phụ” Nguyễn Thịnh thì đã về Thái vì tin tưởng thợ may thuộc giai cấp công nhân ! Ông anh nó theo kháng chiến đã về “giải phóng quê hương” và gọi nó về “phục vụ nhân dân”. Con nhà Thịnh về Thái không phải vì lý tưởng cách mạng đâu. Nó đã chán chường nghề thợ đan nhà nhảy đầm và rã rượi các mối tình gái nhảy.

Hà Nội vài tháng cuối trước ngày đổi chủ rất sinh động. Chợ trời mọc ra nhan nhản. Người ta bình thân di cư và người ta tập nập mua đồ đặc của những người sắp di cư. Báo chí xuất bản đều đặn. Đã thấy xe bán nước mía ở đầu phố Bà Triệu. Trên vài bức tường vôi loang lổ, tôi được đọc mấy câu thơ tuyên truyền mới viết. Thí dụ:

*Cụ Ngô thống nhất sơn hà
Già Hồ chia rẽ nước nhà làm đôi*

Hay:

*Thuế đâu có thuế lạ lùng
Thu đến hạt thóc cuối cùng của dân*

Hay:

*Ma len cướp giết bỏ câu
Bạo tàn gậy hần hoàn cầu chiến tranh*

Tôi mua tuần báo *Việt Hồn* mới xuất bản, thấy tuần báo này công kích dữ dội Hoàng Công Khanh và cuốn *Quan điểm văn nghệ nhân dân* của tác giả *Mối tình đầu*. Báo *Việt Hồn* miệt thị Hoàng Công Khanh là thứ văn nghệ chong chóng, vừa ráo mực *Mối tình đầu* đã vội vàng *Quan điểm văn nghệ nhân dân* lập công. Báo này đặt câu hỏi: Những truyện tình ướm át của Hoàng Công Khanh có phải là văn nghệ nhân dân, có phải là quan điểm văn nghệ “ngoài ấy?”. Tôi đã đọc văn nghệ nhân dân ở Thái Bình. Tôi chỉ đủ kiên thức để hiểu rằng văn nghệ nhân dân là thơ đầu tổ cường hào địa chủ của Xuân Diệu, là nhạc gây cảm thù của Tô Vũ, là các nhà văn thần tượng của tôi phủ nhận những tác phẩm đã làm tôi ngây ngất xao xuyên. Không khí tranh luận văn nghệ nhân bản và văn nghệ phi nhân bản trên một vài tuần báo chính trị không quyến rũ tôi bao nhiêu. Tôi chẳng còn thiết theo dõi báo chí nữa. Và giấc mộng văn chương, báo chí của tôi cũng nguội dần.

Vào thời kỳ này, đài phát thanh Hà nội phổ biến ca khúc *Hướng về Hà Nội* của Hoàng Dương. Tác giả của nó bị động viên phải rời Hà nội vô Thủ Đức học làm sĩ quan bộ binh. Anh ta nhớ Hà nội: “Hãy tin ngày ấy anh về ...”. Anh ta đã về Hà nội. Sau này, dù “đã mang giày của giặc”, Hoàng Dương vẫn được dạy nhạc ở Viện âm nhạc Hà nội. Hoàng Dương sáng tác *Hướng về Hà nội* cho riêng Hoàng Dương bày tỏ tâm sự, khác hẳn Vũ Thành sáng tác *Giấc mơ hồi hương* mang tâm sự của hàng triệu người di cư. Thú thật, tôi chỉ thích nghe *Duyên Anh*, rồi *Ươm mơ* của Nguyễn Thịnh do Quách Đàm hát. Tôi không biết Quách Đàm, Minh Đỗ, Tâm Vấn, đã vào Nam chưa ? Hồi tưởng tháng ngày trọ học Hà Nội của tôi, tôi không thể quên những đêm kịch mùa thu. Tôi đã đi xem diễn vở *Kiều Loan* của Hoàng

Cầm ở Nhà Hát Lớn. Tôi đã xem Ban hợp ca Thăng Long từ Sài gòn ra hát tại Nhà Hát Lớn rồi tại rạp xi nê Cửa Bắc. Rồi đại Ban Gió Nam với kỳ tài Trần Văn Trạch tước vị *kỳ tài*. Riêng tôi, tôi mê bộ ba Thái Hằng – Thái Thanh – Khánh Ngọc trình bày ca khúc *Áo ảnh chiều thu* của Trần Văn Nhơn. “Kính thành Thăng Long trong bóng sương chiều ...”. Trần Văn Nhơn, người Sài gòn, chuyên viên kỹ thuật của đài phát thanh Hà nội, tác giả những ca khúc *Hà nội 49*, *Sài gòn xa hoa* ... Tôi cũng vừa mê những giọng hát đang lên: Kim Tước, Duy Trác, Thanh Hằng thì Hà Nội chuẩn bị ra đi và Hà Nội chuẩn bị đón những người về với mơ ước Văn Cao đã hiện thực: “Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về ... Chúng ta ươm lại hoa, sắc hương phai ngày qua, ôi phố phường Hà nội xưa yêu dấu ...”. Mặc kệ những chuyển dịch của thời thế, tôi tiêu pha nốt chút ngày còm cõi của tôi ở Hà Nội với những đồng tiền cuôm của ông bố tội nghiệp và tiền bán cái xe đạp ở chợ trời Bà Triệu.

Tôi sắp xa Hà Nội. Tôi bắt buộc phải xa Hà Nội. Cuộc đời phiêu lưu của tôi hứa hẹn bị gậy. Tương lai đối rách của tôi, tôi đã nhìn thấy trước. Nó đang đợi tôi ở Sài gòn. Tôi bỗng trách ông nhà văn Vũ Trọng Phụng đã miêu tả nhân vật ông nhà báo trong *Giông tố*. Cảm nhân vật ông nhà báo, coi ông như thần tượng, tôi đã thèm thuồng trở thành nhà báo. Tôi bỗng trách “sư phụ” Đàm Viết Minh, nó đã ngăn cản tôi thụ giáo ông nhà báo nước mắt Vạn Vân, nó tổng cổ tôi vào vũ trụ thi ca, tiểu thuyết lãng mạn. Tôi bỗng trách “sư phụ” Nguyễn Thịnh, nó dạy tôi cái động lực sáng tạo. Do những điều đó, tôi đã đâm đuột chồn phồn hoa. Rồi *Thấy giáo tư lương* và “bí kíp” của Lê Huy Luyện cùng “mấy lời khuyên” của giáo sư Nguyễn Uyển Diễm kích thích tôi. Thêm nữa, cảnh đời 1954 bắt tôi thoát ra, đi xa. Khi tôi bơ vơ giữa Hà Nội nháo nhác, tôi đã chọn cho tôi cái nghề cạo nhựa cao su đồn điền ở miền Nam thay vì nghề văn chương phú lục.

Như thế đấy, rất chân tình, tôi có thể làm cái nghề gì mưu sinh với mớ kiến thức âm a âm ớ ? Cạo nhựa cao su đồn điền sẽ thích hợp thôi. Phan Thanh Giản “giã vợ đi làm quan”, tôi “giã nhà” đi làm cu ly đồn điền. “Gặp thời thế thế thời phải thế”. Tự nhiên, tôi nhận vợ tôi là kẻ thất thế, thiếu thời. Tôi cảm khái nhớ thơ Vũ Hoàng Chương:

Thiên hạ hơn nhau một chữ thời !

Rồi tôi làm như là tôi đã viết vài pho tiểu thuyết nhưng nhân gian thiếu mắt xanh nhà xuất bản. Tôi lại gào thơ Vũ Hoàng Chương nữa. Lần này tôi gào kịch thơ *Vân Muội*:

*Sao hôm nay lòng ta buồn không nguôi
Niềm u uất dâng cao thẳng ngày trời xuôi
Há vì cơm áo chẳng nọ lành
Há vì đời không ai mắt xanh
Nhớ thuở chưa có ta đường đi thênh thênh
Kịp khi có ta chông gai mộng mênh
Cuồng vọng cả mà thôi
Bốn phương đều vương mắc
Ba mươi năm trên vai mà trống không bình sinh
Gối vãi mộng phong hầu
Vinh quang đường lối khép
Thẹn trước thương về sau
Đời tàn trong ngõ hẹp*

Đời tôi sắp tàn trong một ngõ hẹp nào đó ở Sài gòn. Tôi cứ nhận rằng tôi 30 tuổi. Và tôi trống không bình sinh. Cửa nhà báo đã khép chặt. Tôi húc đầu đời tự vẫn, nó kệ xác tôi. Nó còn xỏ ngọt tôi: “Mày đã có bài báo nào chưa mà đời húc đầu vào cửa nhà báo ?”. Tôi ngần tò te ...

Bài báo duy nhất của tôi trên đường vinh quang chông gai mộng mênh, nhan đề “Đính phở”

đăng ở báo trường của chủ nhiệm Lê Huy Luyện có được coi là bài báo không nhỉ ? Chắc chắn là không. Nhưng nó đã giúp tôi thân thiết với Đính phở, đã tạo cho tôi một cơ hội ăn phở khỏi trả tiền. Đính phở lại còn phục tôi và chê cụ cử Rự đoán lầm. Nó bảo tôi mới là thằng sẽ trở thành nhà báo. Tiếc nỗi, Đính phở chưa là cái thứ gì, chưa là Tam Lang. À, tôi đã có một bài gửi báo và bút hiệu của tôi nằm thõn thẹn trên mặt báo. Ít ra, tôi cũng phục tôi, cũng khoái tỉ đến nỗi mua năm số báo cất giữ làm kỷ niệm. Bạn biết bài báo tôi “đặt vấn đề” gì và đăng báo nào không ? Thưa bạn, tôi xin nói trước với bạn rằng, bài báo của tôi nặng lắm, không thuộc loại thơ hay truyện ngắn hay tùy bút bị đăng cả tên tác phẩm lẫn tên tác giả trong mục “Hộp thư tòa soạn” với lời lẽ đồ kỵ tài năng: “Còn kém, không thể đăng, xin gửi bài khác. Chúc sáng tác tiến bộ !”. Vậy bài báo của tôi “đặt vấn đề” chi ? Thưa bạn, tôi lấy bút hiệu Thanh Triều là tên làng của bà cô tôi ở huyện Hưng Nhân, tỉnh Thái Bình và đặt ba vấn đề trên nhật báo *Tia Sáng*. Tôi nôn nóng chờ đợi. Nửa tháng sau, *Tia Sáng*, đăng bút hiệu của tôi vào mục “Mách giúp chỉ giùm”:

Bạn Thanh Triều (Hà nội) – Muối Sài gòn tên thật là Vũ Tùng Linh. Hiền Nhân tên thật là Đỗ Trọng Quỳnh. Chế Lan Viên không có họ hàng gì với Chế Bồng Nga cả.

Nếu “tác phẩm” Đính phở và cái thư hỏi mục “Mách giúp chỉ giùm” của tôi là sự nghiệp văn chương, báo chí của tôi trước 1954 thì sự nghiệp ấy vốn vẹn thế. Hoặc đánh dấu mốc bừa bãi như các ông xuất bản nhạc, sản xuất băng nhạc, coi các nhạc phẩm sáng tác từ 1950 đến 1954 là nhạc tiền chiến thì sự nghiệp văn chương, báo chí tiền chiến của tôi cũng vẹn hai bài. Tôi ném sự nghiệp văn chương, báo chí của tôi xuống hồ Hoàn Kiếm để vào Sài gòn làm cu ly đồn điền cao su. Dội lòng mình, tôi có thể bắt chước Nguyễn Vĩ: “Nhà văn An Nam khổ như chó”, tôi che bỏ. Đây, cụ phách ai bằng Tản Đà, rớt cuộc vẫn “Nhận viết thuê đủ các loại văn vui buồn trong xã hội, lấy tử vi và giải đoán lý số !”. Tôi ham nói thật. Và tôi nói thật đây:

- Tôi học hành dốt nát, không hề có năng khiếu gì về văn chương từ thuở còn ngồi ở ghế nhà trường.

Sở dĩ tôi phải nói thật, vì rất nhiều người quan niệm rằng, bất cứ một nhà văn, nhà báo danh tiếng nào cũng có năng khiếu văn chương từ nhỏ. Hoặc bẩm sinh đã có máu văn chương. Hoặc trời phú cho tài năng. Với trường hợp tôi, quan niệm đó hoàn toàn sai.

- Vậy tại sao ông trở thành nhà văn, nhà báo ?

- Cuộc đời đưa đẩy tôi.

- Tại sao cuộc đời không đưa đẩy những người đã có thời son trẻ mơ mộng trở thành nhà văn, nhà báo như ông ?

- Vì họ thiếu bất hạnh như tôi.

- Ông bất hạnh ?

- Phải. Bất hạnh triền miên.

- Nhiều người bất hạnh hơn ông ?

- Nhưng là bất hạnh riêng. Tôi công chung bất hạnh của cuộc đời vào bất hạnh của tôi. Nỗi bất hạnh của tôi khôn cùng ...

- Thế nào là khôn cùng ?

- Là chẳng bao giờ biết mình hạnh phúc.
- Tôi chưa hiểu rõ.
- Thì ông đọc tiếp chương tư, chương năm. Cho đến hết.

- 1 Không nghe nói bà Trời và vợ Thượng Đế.
- 2 Năm 1975, người Sài Gòn gọi là giép râu.
- 3 Rosenberg, gián điệp, bị chính phủ Mỹ kết án tử hình cho lên ngòì ghế điện, Tố Hữu coi như chiến sĩ hòa bình.

Đêm nằm ở Tòa Thị Chính thành phố Hà Nội chờ sáng sớm hôm sau xe GMC của Pháp tới bốc sang phi trường Gia Lâm rồi bay vào Sài gòn, bất ngờ, tôi gặp Đồng Văn Khái, người đồng hương cùng trọ học của tôi. Anh ta cấy vào lòng tôi niềm lạc quan. Nghĩa là tôi sẽ thoát cảnh cu ly đồn điền cao su. “Thủ tướng Ngô Đình Diệm sẽ nuôi dân di cư. Mỹ thiếu gì tiền”. Đồng Văn Khái nói thế. Tương lai bà cả đời của tôi lại hứa hẹn bình minh nam vàng. Và cái “sự nghiệp văn chương, báo chí” của tôi đã bị tôi liệng xuống hồ Hoàn Kiếm chìm nghỉm dưới bùn đen hôi hám, lại được tôi “bông bông” tận đáy mò lên, hít hà khoan khoái. Tác phẩm đầu như mối tình đầu. “Đính phở” là “tác phẩm” đầu của tôi, là mối tình đầu của tôi. Như điều thuốc phiện thứ nhất của Thế Lữ:

*Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy
Ngàn năm hồ để mấy ai quên*

Tôi thề sẽ không quên “Đính phở” nếu tôi có “ngàn năm” để nhớ. Cơ hồ “sư phụ” Nguyễn Thịnh đang ngồi cạnh tôi, dạy tôi bài học vận dụng trí tưởng tượng. Tôi nghĩ đến trường hợp hai người lính thợ tham dự cuộc chiến không dính líu gì tới dân tộc mình là Nguyễn Dân Giám và Đan Trường. Nhờ luân lạc mãi tỉnh Remiremont, vùng Vosges của nước Pháp, Nguyễn Dân Giám đã viết *Dưới rừng thông* diễn tả một chuyện tình thơ mộng giữa chàng và nàng Yvonne ¹. Nhờ luân lạc mãi tỉnh Brest, vùng Bretagne của nước Pháp, Đan Trường đã viết ca khúc *Trách người đi* rồi trở thành đạo diễn điện ảnh ². Nhờ luân lạc mãi tận Sài gòn, tôi sẽ viết ra cái gì ? Tôi đẩy sự tưởng tượng của tôi lên cao vút. Mà vẫn chẳng thấy xao xuyến, rạo rực về những cảnh trí mình tưởng tượng đêm nằm ở Tòa Thị Chính thành phố Hà nội. Ngay cả nơi chôn tôi đã sống, đã gieo rắc ít nhiều kỷ niệm mà, sắp vĩnh biệt nó, tôi cũng trơ như thổ địa, không một ly ông lão ngậm ngùi. Nhưng, văn nghệ hay văn gùng, báo chí hay báo rận, tôi cóc cần. Điều cần thiết là “Thủ tướng Ngô Đình Diệm sẽ nuôi dân di cư”.

Buổi trưa cuối tháng 9-1954, bước xuống khỏi phi cơ quân sự của Pháp, tai tôi ù tịt, mắt tôi hoa lên. Đeo cái túi hành lý nhẹ tênh, tôi lê chân giang hồ trên đất miền Nam. Cảm khái, tôi hát một câu theo điệu Hải quân Việt Nam của Văn Cao:

*Ra đi không mang va li
Mồm hút thuốc lá Mic móc
Chân lê xăng đan cao su
Quần áo ruỗi bu ...*

Bấy giờ tôi chưa vỡ lẽ tôi là kẻ bị lưu đầy tại quê nhà. Chứ không, tôi đã ông ông ngậm:

*Cách dòng nước ta là dân mất nước
Nước non ta ai ngăn trở ta về
Thấy người quê không được tỏ tình quê
Rõ trước mắt mà tìm đâu cho thấy*

Bài thơ này tôi đọc ở tuần báo *Việt Hồn*, không ký tên tác giả. Những thằng tứ cố vô thân, tử vô địa táng như tôi phải ngồi chờ xe cam nhông của Phủ đặc ủy di cư đến bốc về một trại tiếp cư nào đó. Còn những kẻ có thân nhân vào Sài gòn trước ít lâu thì leo lên tắc xi con cóc mà đi định cư. Đồng Văn Khái và tôi được bốc tới Bệnh viện Bình Dân, còn gọi là Bệnh viện Hai Mươi vì nó nằm trên đường Hai Mươi mang tên ông Tây cà lồ Legrand de La Liraye. Đứng trên xe cam nhông “để ca pô táp”, tôi nhìn Sài gòn 1954 bằng đôi mắt ảo não. Nợ hoàn toàn khác với Hà nội ngàn năm văn vật của tôi. Bất giác, tôi thấy thôi ... mất nước Bắc kỳ. Rồi tôi ngao ngán quan sát Trại tiếp cư Bệnh viện Bình Dân. Đến khi người ta đưa

cho tôi ổ bánh mì và một dúm đường cát trắng, tôi mới thấm cảm thân phận di cư. Thủ tướng Ngô Đình Diệm sẽ nuôi tôi bằng bánh mì chấm đường. Bánh mì và đường không làm nên tác phẩm. Tôi thật sự đổ nát mộng văn chương. Tôi sẽ là cu ly cao nhựa cao su đồn điền Pháp. Tôi muốn trở về Hà nội, muốn trở về Thái Bình, gục đầu trên đùi già của con-dế-bồ-tôi mà nức nở: “Bố ơi, xin bố tha tội cho Mèn này đã cuôm của bố khoản tiền mồ hôi dành dụm ! Trời đất bao la quá, con sợ hãi phiêu lưu. Không, con sợ gặm bánh mì suốt đời. Con về với bố, bố ạ ! Nếu cách mạng không tiêu diệt dao cầu, thuyền tán, con sẽ tình nguyện nổi nghiệp bố”. Tôi lại khóc nữa mới bẽ bàng chứ ! Những giọt lệ của tôi động lòng Đồng Văn Khải. Nó dẫn tôi đến phố Heurteaux tìm Đặng Xuân Côn. Như cá gặp nước, Đặng Xuân Côn bỏ nhà quen bên Khánh Hội, dẫn chúng tôi đi tìm “một Trại tiếp cư vui nhộn”.

Thế là tôi có Nhà Hát Tây. Tục truyền rằng, thực dân Pháp xây cất xong Nhà Hát Tây Sài gòn rồi mới xây cất Nhà Hát Lớn Hải phòng và Nhà Hát Lớn Hà nội. Cái sau nhất là cái đẹp nhất nên Nhà Hát Lớn Hà nội chiếm một khoảng đất thênh thang, cách xa khu phố thương mại. Tôi không rõ, trước ngày phát xít Nhật tước quyền bính đồ hộ của thực dân Pháp, đã có những tuồng khi độ, kịch bú dủ nào diễn tại Nhà Hát Tây. Chỉ biết, từ 1940, Nhà Hát Tây đóng cửa. Và bom Mỹ đã chiếu cố Nhà Hát Tây. Khi tôi vào Nhà Hát, chẳng còn thấy cái ghế nào ! Tầng thứ nhất, tầng thứ hai và chuồng cu đông đầy người ... chọn tự do. Sân khấu cũng phân ranh giăng màn, kê ghế bố. Mỗi gia đình di cư chiếm một miếng đất cắm dùi. Rộng hẹp tùy đến trước, đến sau. Người ta mua giấy dầu làm vách. Giường chiếu, bếp núc, vợ con và ... tài sản thu gọn trong phạm vi đất đai của mình. Thời gian từ tháng 8-1954 tới tháng 12-1954, đa số dân di cư Nhà Hát Tây thuộc thành phần công chức, giáo chức. Chúng tôi là trâu chậm, đành mua cái ghế bố kê tạm chỗ trống, đem ngủ ngày đẹp ghế. Tầng của tôi là chuồng cu, lan can đã gục hết. Nằm sát lan can, rất dễ rơi tan so nếu trở mình và ư ả lẫn lộn.

Đêm đầu tiên xa quê hương Bắc kỳ ở Nhà Hát Tây Sài gòn, tôi đã không ngủ được vì sợ rơi xuống ... sân khấu. Đồng Văn Khải gặp bạn thân tầng dưới, nó bỏ chúng tôi trên chuồng cu. Nằm trở đầu ngược, Đặng Xuân Côn và tôi chung một ghế bố. Tôi thao thức. Tôi thức. Tôi biết rõ có thằng bò gần chỗ tôi nằm, mò mẫm túi hành lý của tôi. Mà tôi không dám la lối, không dám đánh thức Đặng Xuân Côn. Tôi bất động. Tôi nín thở. Sáng hôm sau, kiểm soát hành lý, tôi thấy gói tiền “lập nghiệp” của tôi mất một nửa. Thằng ăn trộm còn lương tâm để lại cho tôi 3 ngàn 600 đồng. Tôi đã nhận diện nó, nhưng tôi không dám làm gì nó. Đành ngậm miệng. Tôi bị mất 3000 đồng bạc. Đó là dấu ấn xấu xa thứ nhất của đời sống ghi hằn trong tâm tưởng tôi. Đó cũng còn là một chứng minh rằng, khi tôi bước xuống đời, tôi rất hiền lành và nhút nhát. Tôi nhớ thầy Lâm Hữu Bằng của tôi đã chửi Tống Văn Phúc nằm đệ tứ, hôm thi lục cá nguyệt, anh ta dở lên Tự điển Pháp Việt ra tra: “Anh là thằng ăn cắp. Ở trường học đã gian lận, lớn lên sẽ ăn cắp. Ăn cắp cái gì cũng là ăn cắp. Ăn cắp ít, ăn cắp nhiều, đều là ăn cắp. Ăn cắp của công, ăn cắp của tư, toàn bọn ăn cắp. Không ai dung tha bọn ăn cắp. Dung tha ăn cắp là tiếp tay ăn cắp !”. Người ta không dung tha bọn ăn cắp, tôi thì không dám làm gì thằng ăn cắp. Trước hết, tôi ngại gây sự. Sau hết, tôi yêu đuối hơn thằng ăn cắp tiền của tôi. Tôi hậm hực. Tôi uất ức. Tôi nuôi dưỡng sự hậm hực, nổi uất ức trong lóng xương, ống máu.

Tuần lễ thứ nhất ở Nhà Hát Tây thật buồn nản. Đặng Xuân Côn đã có việc làm ngay từ hôm vào Sài Gòn. Nó giữ chân “pointeur” cho hãng tàu buôn bên Khánh Hội. Nghề của chàng là ghi nhận hàng hóa xuống tàu, lãnh lương từng chuyến. Côn đã tậu nổi cái xe đạp cà là mềng, tôi về vác lên tầng hai, khóa ba lần ở lan can sắt; sáng đi lại mở khóa, vác xe xuống lầu. Ban ngày, Côn đi làm, tôi ngồi nhờ trên mép giường của một gia đình sát khít chỗ tôi kê ghế bố, hút thuốc lá Ruby, nhìn khói bay mà tưởng tiếc “thời gian vàng son”. Ít ra, tôi cũng đã từng là “dân chơi” của Dancing Régina -dù chưa biết nhảy đầm-, có bạn là Tôn thối chơi trompette tuyệt cú mèo, Nguyễn Thịnh, tác giả *Duyên anh* và *Ươm mơ* do Quách Đàm hát trên Đài phát thanh Hà nội, Lê Huy Luyến, tác giả “tác phẩm” *Thầy giáo tư lương* mà nhà xuất bản Vỡ Đất của giáo sư Nguyễn Uyển Diễm đã hứa hẹn xuất bản. Bây giờ, tôi là thằng

di cư hạng bét, thiếu cả miếng đất định cư cái ghế bô ở chuồng cu Nhà Hát Tây Sài gòn. Tôi cứ ngồi hút Ruby, cày đồng lương của Đặng Xuân Côn, chế lãnh bánh mì, đường cát trắng. Sáng, tôi thả rông uống cà phê vỉa hè, học tập dân lao động Sài gòn, đồ cà phê ra đĩa mà húp cho bớt nóng. Trưa, tôi vào hẻm Casino ăn đĩa cơm sườn nướng hay thịt heo quay kho. Chiều, tôi ăn cơm Tây ... cầm, tức là bánh mì nhét ba tề, dzăm bông. Món giải khát thích thú của tôi là nước mía Viễn Đông, đồng bạc xé đôi, năm cắc một ly ngon, bổ. Đặng Xuân Côn làm việc liên miên cả tuần.

Tôi không ngờ tôi chỉ ngồi hút Ruby tưởng tiếc “thời vàng son” mà cũng lọt vào ba cặp mắt giai nhân. Chắc chắn, tinh hoa văn nghệ của tôi phát tiết ra ở chỗ nào tôi không biết, chỉ có giai nhân biết. Giai nhân thứ nhất, Cung thị Ánh Tuyết, chị cả. Giai nhân thứ hai, Cung thị Minh Nguyệt, chị hai. Giai nhân thứ ba, Cung thị Ngọc Anh, em út. Cả ba đều là con một mẹ và ông bố, Cung Duy Độ, hiệu trưởng một trường tiểu học công lập ở Hải phòng. Một buổi sáng, bà chị hai của em gái Ngọc Anh tạt sang chỗ tôi ngồi rầu rĩ, ngồi không thềm nhìn ai vì “thế nhân mắt trắng như ngấn sữa”, đon đả hỏi tôi:

- Cậu cần chị giúp gì không ?

Tôi gạt tàn thuốc kiếu Tôn thối, làm như mình là Tôn thối ấy:

- Không, chị ạ !

- Cậu đợi gia đình vô Nam à ?

- Không. Em phiêu lưu. Em trốn gia đình ra đi sống giang hồ ...

- Hèn chi.

- Sao ạ ?

- Trông cậu có vẻ nghệ sĩ ghê !

Chết bố. Tôi có vẻ nghệ sĩ.

- Cậu nghệ sĩ thật hả ?

Tôi lấp lửng:

- Mới hai bài báo chưa đáng gọi là nghệ sĩ !

Phải khen tôi đã xuất khẩu nói một câu rất thật và rất đáng đồng cơm bát gạo. Chỉ cần câu nói đờ mi khiêm tốn đờ mi kiêu ngạo lấp trống cái tự ái tứ cố vô thân, cả một góc chuồng cu bên tay phải, tính bằng cửa Nhà Hát Tây đi vào, biết tôi là nghệ sĩ. Tôi cóc cần ai ngưỡng mộ tôi, kể luôn thằng cu Nguyễn văn Tí hiền lành, dễ thương, cỡ tuổi tôi, “hàng xóm” sát vách gia đình ông hiệu trưởng Cung Duy Độ. Tôi cần em Cung thị Ngọc Anh thôi. Là thừa thãi rồi. Em Ngọc Anh mở đường vào tình sử (xin lỗi thi sĩ Đinh Hùng) trước. Em khai pháo trước. Tôi bỗng thấy rụt rè, khúm núm một cách tội nghiệp. Tôi quên hết thơ tán gái của Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hồ Dzếnh ... Em gái tán tôi. Tôi lính quỳnh.

- Anh có biết làm thơ không ?

Tôi thành thật khai báo:

- Không.

- Em nghĩ anh đã viết văn thì muốn làm thơ là làm.

Tôi ngửa miệng:

- Thơ là nhạc, nhạc là thơ. Edgar Poe dạy thế.

Em gái tròn xoe mắt. Tôi đọc bài của “sư phụ” Nguyễn Thịnh:

- Thi ca gắn liền với âm nhạc. Thơ thiếu nhạc điệu là thơ con cóc. Nhạc thiếu lời thơ là nhạc máy nước.

Tôi bỏ nhỏ:

- Vì thế tôi chơi guitare espagnole.

Nhờ gần gũi em Ngọc Anh, tôi biết cái bà răng trắng ớn thuộc thành phần “đờ cóc xi cóc” không phải là mẹ em. Mẹ em đã đi vào hư vô. Bố em ham mượp già, khuôn bà này về. Bà ta không thích em Ngọc Anh gần gũi tôi. Lần thứ hai gặp tôi, em gạ gẫm tôi nhảy dài vào thi ca:

- Anh làm thơ sẽ hay lắm đấy.

- Sao cô biết ?

- Vì anh đẹp trai !

- Tôi học dốt, con nhà nghèo.

- Thơ không làm bằng tiền và bằng cấp.

- Vậy cần chi ... nhan sắc ?

- Đẹp trai một tí vẫn dễ chịu cho người ái mộ.

Không hiểu tôi đã nên cảm ơn sự bại trận của Pháp và cộng cuộc di cư vĩ đại chưa ? Tôi đi tán gái mòn hàng chục đôi giày trên vỉa hè Hà nội mà chẳng tóm được em nào, phải đợi nằm ghé bố Nhà Hát Tây Sài gòn mới chop đúng một em yêu mình. Đã có tình yêu, tất sẽ có sự nghiệp. Tôi sẽ thộp cổ sự nghiệp văn chương, báo chí. Chuyện tình của tôi, khởi sự, chẳng lãng mạn, thơ mộng tí ti ông cụ nào. Mỗi ngày em xuống phố hai lần và mỗi lần tôi đều được nhìn em cuộn tròn trong tấm chiếu dựng đứng thay quần áo. Thuở ấy, tôi còn trong sạch, chưa có ý nghĩ tục tĩu tưởng tượng em thay quần áo đến đâu mà chỉ sợ em cắn cái mép chiếu không chặt, nó bung ra thì vỡ nợ. Và tôi sẽ hết yêu em. Em thay quần áo cứ nhìn tôi cười bằng mắt. Tôi ngây ngất nhìn mắt em. “Mắt em là một dòng sông. Thuyền anh bơi lội trong dòng mắt em”. Mãi mới xử dụng được thơ Lưu Trọng Lư.

Quen nhau mười ngày, yêu nhau tám ngày, em dọn nhà về xóm Vực, cuối đường Eyriaud des Vergnes, có ô tô buýt xanh đậu ở trạm chính Aviateur Garros. Cu Tý cũng rời Nhà Hát Tây, nhường chỗ rộng rãi góc tầng chuồng cu cho chúng tôi. Đặng Xuân Côn nghỉ ít bữa, vì tàu mới chưa cập bến Kho 5. Chúng tôi mua giấy dầu làm vách “căn phòng”. Có cửa ra vào đằng hoàng. Bầy trò nấu nướng, chúng tôi kê bếp dầu hỏa phía ngoài. Các bà chị của em gái Ngọc Anh “yêu đời nghệ sĩ” đã sắm nồi niêu xoong chảo, bát đĩa, đĩa muống cho chúng tôi. Thoạt đầu, em gái Ngọc Anh leo ô tô buýt xanh từ Xóm Vực lên chợ Bến Thành mua rau thịt, gạo, nước mắm, hành tỏi “thân tặng” người anh văn nghệ. Sau thì trường Trưng Vương

khai giảng, em bận đi học. Chúng tôi phải tự lực cánh sinh. Nhờ sự “viện trợ vật chất” của em Ngọc Anh, Đặng Xuân Côn mua cây lục huyền cầm. “Căn phòng” của tôi rộn ràng không khí văn nghệ.

Bảy giờ, hàng xóm của tôi là Y Vân. Nó chưa là người soạn ca khúc, cũng chưa là nhạc công đúng nghĩa. Nó là ca sĩ với biệt hiệu rất Ra đê: Y Vân. Ban mê thuật nhiều vĩ nhân Y lắm. Y Kut, Y Pàm, Y Braham ... Y Vân hàng xóm của tôi di cư với mẹ và em gái. Mười năm sau, em gái nó lấy Tường Tuấn, Tổng thư ký nhật báo *Xây Dựng* của linh mục Nguyễn Quang Lãm. Y Vân là ca sĩ ... Phủ tổng ủy di cư. Nó hát đôi với Từ Lang. Đôi song ca bất hủ của thời đại Y Vân – Từ Lang “chuyên trị” bài *Ngày trở về* của Phạm Duy và không bao giờ “được” trình bày trọn vẹn. Buổi sáng, những hôm có tàu di cư cập bến Sài Gòn, hai ca sĩ Y Vân – Từ Lang ôm đàn guitar leo lên xe Thông tin của Phủ đặc ủy di cư chạy ra bến tàu. Đồng bào di cư, từng đợt xuống tàu, xếp hàng đôi lĩnh 700 đồng một đầu người cộng thêm vài thước vải, vài hộp sữa rồi bước nhanh tới xe cam nhông để được đi định cư ở Cái Sắn, Ba Bè, Hồ Nai ... Lúc đồng bào đến cam nhông, Y Vân – Từ Lang “oéo cơm” đồng bào:

*Ngày trở về
anh bước lên
trên quảng đường đê
đến bên lũy tre
Nắng vàng hoa
vườn rau trước hè
chờ đón người về ...*

Tôi theo dõi cuộc tiếp đón đồng bào di cư với sự hiện diện “văn nghệ giúp vui” của Y Vân. Bèn thấy rằng, cứ đến câu “ngày trở về có con trâu xanh hết lòng giúp đỡ” là đợt hai đã tới xe cam nhông. Y Vân lại tay đờn miệng ca *Ngày trở về* từ đầu ! Y Vân đây, tác giả mấy chục ca khúc phổ thông nổi tiếng, một trong những người soạn hòa âm hay nhất Sài Gòn trước 1975, đã bắt đầu sự nghiệp âm nhạc của mình “chông gai mông mênh” như thế đấy. Con đường vào văn nghệ, có thể, rất khó và, cũng có thể, rất dễ. Nhưng, đa số những tài năng văn học, nghệ thuật được quần chúng ngưỡng mộ đều khởi sự từ cái rất khó. Không cách nào len vào văn nghệ bằng rình mò bởi bản một danh sĩ, bằng âm mưu đánh nát một tác phẩm của danh sĩ hay bằng trò chơi bản tiền là phục kích danh sĩ mấy viên đá đổ kị hèn mạt ở những mục “Hộp thư, Tin văn, Sổ tay văn nghệ” của những con mối cả đời chưa làm nổi một bài thơ, một truyện ngắn bình thường hiện thân. Hãy nghe Trúc Sĩ, tác giả *Kẽm trống, Cánh tay đau, Thét hận, Sao rơi*:

*Thi nhân ta, én cùng loài
Huyết tâm nhả lệ cho đời giăng tơ*

Những kẻ thích khạc đờm vào đời sống, vào văn nghệ, một thi sĩ đã có chữ nghĩa xứng đáng cho chúng nó: Sa đích văn nghệ. Hơn cả sa đích, đó là bọn ngụy văn nghệ, bọn văn nghệ mạo hóa, bọn văn nghệ nhận vợ, bọn văn nghệ nước đục. Văn nghệ chần chính phiêu bông lắm:

*Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét*

Còn có kẻ hòa hoãn đầu lưỡi, thù hận đáy tim, ôm hôn trước mặt, đâm dao sau lưng, gian

dối đủ điều, ném đá dầu tay, phao tin huyền hoặc, cũng rằng văn nghệ đầy, thi sĩ nọ chưa có chữ nghĩa tung ra. Vậy tạm gọi nó là văn nghệ Mao Diên Thọ ! Chắc chắn “thi sĩ của tình yêu” đồng ý.

Y Vân là con người văn nghệ chân chính. Nó thấy tôi đàn hát, ghé sang chơi. Nó bảo tôi đánh đàn. Tôi tú bài tập số 14 của Carulli, múa may. Nó phát biểu:

- Cậu chịu khó tập, sẽ chơi hay lắm. Tôi mới chỉ chạy một số “ác co” đủ dùng. Tôi phải học thêm.

Một hôm, tôi không hiểu xảy ra chuyện gì, thân mẫu của Y Vân đập nát thùng bát đĩa cổ đem từ Bắc vào. Tôi ngại hỏi và Y Vân không kể. Bên cạnh “nhà” Y Vân có Đỗ Tiến Đức ³. Thằng này đầu bự, trán cao, đi nhanh và mặt cứ vác lên. Nhưng nó hiền lành, nhã nhặn. Nó đang “cộng tác” với báo *Ban Mai*, bút hiệu Đăng Giao. Tôi nể Đỗ Tiến Đức lắm. Nó đã là ... nhà văn, nhà báo mà tôi thì chưa là nhà gì cả. Không lẽ tôi chỉ là Nhà Hát Tây ? Tôi có vẻ ghen với Đỗ Tiến Đức. Tuy vậy, tôi vẫn lên mua báo *Ban Mai* về đọc xem “tác giả” Đăng Giao viết có hay bằng Thanh Nam không. Tồn tiền năm số báo mới vớ đúng bài của nhà văn Đăng Giao. Theo đúng một văn nghệ di cư 1954, nhà văn Đăng Giao diễn tả tấm lòng nhớ quê cha đất tổ bên kia sông Bến Hải. Tôi đã trót đọc Tô Hoài, Thạch Lam, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh và tôi thấy Đăng Giao thường quá, tuy tôi chưa viết được bằng nó. Học thói “sư phụ” Đàm Viết Minh, tôi nói phét với riêng tôi: “Ông mà viết, sẽ hay hơn mày, Đăng Giao ạ !”. Tưởng Đỗ Tiến Đức nên tự hào, vì, hầu như không một ai đã đọc Đăng Giao viết báo *Ban Mai* ám ở trước khi đọc Đỗ Tiến Đức, tác giả tiểu thuyết *Má Hồng*, giải thưởng văn học nghệ thuật toàn quốc, hạng nhất. Đỗ Tiến Đức đã bắt đầu sự nghiệp văn chương của nó từ cái rất khó, rất khổ. Như Y Vân. Ở đâu đó, tôi đã viết Đỗ Tiến Đức tặng Trần Duy Cát bút hiệu Đăng Giao, họa sĩ, tổng thư ký nhật báo Sống.

Cậu Đỗ Tiến Đức có vẻ then thùng mỗi lần gặp mặt tôi. Hình như cậu Đức không mấy tin cậu sẽ trở thành nhà văn nổi tiếng mai sau. Một lần, tôi mời cậu vào chỗ tôi chơi, cậu vội vàng hỏi:

- Nghe nói mày đã chơi đàn ở Dancing Hà nội hả ?

- Ai nói ?

- Bạn tao. Nó nhận ra mày. Nó bảo mày là bạn thân của thằng thổi trompette.

- Ủ. Tại sao bạn mày nhận ra tao ?

- Nó theo anh nó đến Dancing Régina, thấy mày ngồi uống với mấy thằng nhạc sĩ.

Tôi bị “xuyên tạc” âu yếm là nhạc sĩ chơi Dancing. Hèn chi, Đỗ Tiến Đức ớn tôi. Cứ kệ nó tưởng. Tôi bỏ và nó chẳng mất mát gì.

- Mày viết văn hồi nào ?

- Hồi còn ở Hà nội.

- Báo nào ?

- Mấy phụ trang văn nghệ của nhật báo.

- Quen Thanh Nam không ?

- Không.
- Mà viết mỗi bài bao nhiêu tiền nhuận bút ?
- Đủ uống cà phê.

Tôi mong viết văn được trả nhuận bút uống cà phê như Đỗ Tiến Đức. Tình thực, lúc ấy, tôi muốn bộc lộ tâm sự và nhờ nó dẫn dắt tôi vào con đường văn nghệ, dẫu rằng tôi không phục nó. Có lẽ, dưới con mắt xác xược của tôi, tôi đã chê bụt chùa nhà. Văn nghệ Nhà Hát Tây ra cái gì ! Đỗ Tiến Đức mà không ở Nhà Hát Tây, lại quen thân với Thanh Nam, tôi sẽ phục sát đất. Văn nghệ Nhà Hát Tây đây, Y Vân ca sĩ Phủ đặc ủy di cư, chuyên trị Ngày trở về. Văn Y Vân, văn *Ngày trở về* mà nó hát trên đài phát thanh, trên sân khấu phụ diễn tân nhạc và đừng quen tôi, đừng ở Nhà Hát Tây, tôi sẽ phục sát đất. Thay vì nhờ vả Đỗ Tiến Đức, tôi điều cốt nó:

- Đặng Phương là thầy mày à ?
- Không.

- Thầy nào đó ? Thơ của nó in trong sách Tập đọc lớp nhất. Bút hiệu của mày là Đặng Giao, tao nghĩ mày là học trò Đặng Phương chứ ?

- Tao không quen Đặng Phương.

Tôi đâu ngờ Đặng Phương là ông giáo sư Nguyễn Ngọc Huy và, về sau học Quốc gia hành chánh, phó đốc sự Đỗ Tiến Đức, trưởng ty thuế vụ Tuy Hòa, giám đốc Nha tâm lý chiến Bộ thanh niên, giám đốc trung tâm điện ảnh quốc gia, đạo diễn các phim *Ngọc Lan*, *Yêu lại gặp* gỡ giáo sư Nguyễn Ngọc Huy. Đỗ Tiến Đức trở thành bạn thân của tôi từ cuối năm 1954. Như một thằng tôi sắp kể đây, một thằng văn nghệ đúng nghĩa.

Tên nó là Đặng Trí Hoàn. Nó giống hệt cái xe đạp di cư của nó. Không chuông, không phanh, không đèn, không chắn bùn, không chắn xích, xe đạp của Đặng Trí Hoàn rất xứng đáng đem triển lãm tại hội chợ quốc tế đồ phế thải còn xử dụng tốt. Xe đạp liệng vĩa hè chẳng ma nào thềm nhát mà Đặng Trí Hoàn cứ tồn sức vác lên, vác xuống, mỗi lần dạo cảnh Sài gòn. Nó dạo cảnh nhiều lần một ngày, kẻ vác xe đạp không biết mệt mỏi. Thằng này yêu kỷ niệm. Xe đi học của nó từ Hà nội leo máy bay vô Sài gòn, nó cần gìn giữ. Tinh thần “gìn vàng giữ ngọc” của thằng này cao vời vợi. Trong dáng dấp của nó chả thi sĩ tí nào. Thế mà nó lại làm thơ ! Bút hiệu của nó trùng với nhãn hiệu nước mắm mà tôi quen dùng, nên tôi gọi đùa nó là thi sĩ nước mắm Hoài Hương. Ai dám nghĩ thi sĩ nước mắm Hoài Hương của tôi sẽ là thi sĩ Hà Huyền Chi lừng lẫy hôm nay ? Nó và Đỗ Tiến Đức “thao túng” văn nghệ báo *Ban Mai*. Tôi đọc thơ nó, không thấy dáng dấp Huy Cận, Nguyễn Xuân Huy song đã có nét lấm. Tôi nể nó, nó chẳng biết, lại nể nang tôi ra mặt. Hà Huyền Chi cũng bắt đầu sự nghiệp thi ca từ cái rất khó, khó hơn Đỗ Tiến Đức.

Nhà văn Đặng Giao và nhà thơ Hoài Hương tạo cho tôi cảm hứng ... mua báo. Tôi mua nhật báo *Tự Do*, “tiếng nói của người Việt di cư chống cộng” do Tam Lang, Mặc Đỗ, Đinh Hùng, Như Phong, Mặc Thu chủ trương biên tập. Bỏ tôi đã mê Tam Lang, bây giờ tôi thích đọc mục “Sài gòn muôn mặt”, phẩm luận của Tam Lang. Ở báo *Tự Do*, tôi khoái biếm họa của Nguyễn Gia Trí, thơ trào lộng của Thần Đăng Đinh Hùng và tiểu thuyết của Nguyễn Hoat. Tôi còn mua báo văn nghệ *Thẩm Mỹ* của nhóm Thanh Nam, *Nghệ Thuật* của nhóm Tô Kiều Ngân và *Việt Bút* của nhóm Trúc Khanh. Tôi đã thuộc lòng bài thơ *Trời chớm vào thu* của Nguyễn Minh Lang đăng trên *Thẩm Mỹ*.

Trời chớm vào thu ươn ướt mưa

*Sông sâu chùng thẳm lạnh đôi bờ
Họa vàng ý cúc phơi màu nhớ
Nằm giữa thôn hiền gọi cổ đô*

*Ta ở nơi này nhớ những ai
Đành thôi câu chuyện khách trang đài
Sông kia có gọi niềm u uất
Cũng thể đôi lòng sớm nhạt phai*

*Ôi tóc xanh này phai với thu
Ngàn năm còn khóc chuyện sông hồ
Bài ca trường dạ ngâm chưa dứt
Đã thấy dâng buồn ngát ý thơ*

*Chiều xuống mưa xanh màu nhớ thương
Hơi thu man mác gió lên đường
Cố nhân xa cách nghìn sông núi
Cách biệt đôi bờ thoảng phần hương*

*Ta gọi em thăm em gái ơi
Chiêm bao toàn những chuyện phương trời
Hờn lên ly rượu miền gai lửa
Chợt thấy em sầu lệ đầm rơi*

Với tôi, hồi ấy, bài thơ này hay lắm, hay đến nỗi tôi thuộc lòng. Về sau vào làng văn nghệ, chơi thân với Thanh Nam, tôi hỏi nó:

- Nguyễn Minh Lang cũng làm thơ à ?

Nó đáp:

- Không.

- Tao thuộc bài *Trời chớm vào thu* của nó đăng ở *Thắm Mỹ* của mày.

- Mày thuộc ?

- Ừ.

- Đọc tao nghe.

Tôi đọc. Thanh Nam sáng khoái:

- Mày thuộc thơ của tao. Tao quên mà mày nhớ.

Tôi ngạc nhiên:

- Của mày ?

- Ừ. Tao ký tên Nguyễn Minh Lang. Hơi hướm *Đôi bờ* của Trần Quang Dũng, phải không mày ?

- Dĩ nhiên là bây giờ. Đạo đó, ông mê Nguyễn Minh Lang, Thanh Nam, ông cóc cần bới lá tìm sâu.

Đặng Giao Đỗ Tiến Đức và Hoài Hương Đặng Trí Hoàn bắt tôi tốn tiền mua cả báo *Ban Mai* có hai đứa viết truyện, làm thơ. Tôi quen chưa kể, làng giềng của Đỗ Tiến Đức là anh em Đỗ Quý Tường, Đỗ Quý Toàn. Đọc báo hoài vẫn chưa thộp cổ được thằng cảm hứng viết lách, tôi “đổ kị tài năng” thi sĩ nước mắm Hoài Hương ghê lắm. Tự ái không cho phép tôi thộp giáo “sư phụ” Đỗ Tiến Đức. Ít ra, trong đầu óc cu Đức, tôi đã chơi đàn ở Dancing Hà nội và đang có người yêu Cung thị Ngọc Anh, nữ sinh Trưng Vương, thơm hơn chả chó. Chúng nó làm thơ giỏi, viết văn hay mà chả em nào mê cả. Chúng nó sẽ hút thuốc lá Kent dài dài. Kent là Không Em Nào Thương, như Ngym là NGười Yêu Mình, như Typhn là Tôi Yêu PHụ Nữ, như Tchya là Tôi CHẳng Yêu Ai. Người yêu của tôi dụ dỗ tôi sáng tạo thi ca, tiểu thuyết đủ lời, tôi cứ ì ra. Triết lý của tôi: làm thơ, viết văn là để tán gái. Không tán gái mà gái vẫn lẫn xả vào yêu thì làm thơ, viết văn chi nữa. Đã có người yêu, ta cứ thực thi âm nhạc Ngọc Bích “ngồi bên em dưới trăng mơ màng, kẻ đôi má lựa mảy cung đàn ...”.

Nhưng, một hôm, một hôm oan nghiệt của đời tôi, một hôm tôi cầm dao thọc cổ văn học sử Việt Nam chảy máu ròng ròng ...
o o o

Em Ngọc Anh đến thăm tôi “một chiều đông”. Tôi cầm tay em, hôn tóc em. Đang âm mưu uống hương tình trên môi em thì ôm chặt lấy tôi, khóc nức nở. Tôi mặc kệ em ôm tôi. Ngu sao mà gỡ tay em ra ? Thi sĩ nước mắm Hoài Hương mà nhìn rõ em gái Ngọc Anh ôm chặt tôi khóc nức nở, nó sẽ thêm nhỏ rãi. Nó đã từng lé mắt thấy tôi ôm đàn ngồi trên cửa sổ chuồng cu, ngó sang hăng Boy Landry (*khách sạn Caravelle sau này*) ngheu ngao hát ca khúc *Tình thâm* của Văn An, nhạc sĩ mới ra lò của Hà nội: “Tôi nhớ một chiều đơn côi chớm thu, em đến thăm tôi hoàng hôn khi nắng tàn ...”. Hoài Hương Đặng Trí Hoàn, mày có thơ đăng báo *Ban Mai*, ông có em gái Ngọc Anh. Đỗ Tiến Đức cay cú tôi cuôm trước em Ngọc Anh, sau này bày đặt đạo diễn phim *Ngọc Lan*. Tôi không biết làm thơ thì tôi vác thơ của các thi sĩ mà tôi ngưỡng mộ ra đọc trơn tru vậy. Cám ơn “sư phụ” Đàm Viết Minh. Cám ơn “sư phụ” Nguyễn Thịnh. “Sư phụ” thứ nhất dạy tôi chép thơ, thuộc thơ. “Sư phụ” thứ hai dạy tôi của gái. Ý sâu sắc của “sư phụ” Nguyễn Thịnh, nay tôi vừa vỡ nghĩa. Phải yêu mới biết nhớ. Phải nhớ mới biết buồn. Phải buồn mới biết nỗi rét mướt của chờ đợi. Phải ôm em và được em ôm mới biết cái ngây ngất của tình yêu và có một định nghĩa “thoảng hương thơm một da thịt đàn bà”. Hình như, “sư phụ” Nguyễn Thịnh đã không nói nổi những điều mình muốn nói với “đệ tử”. Sự tưởng tượng phải lọc qua sự thật thì nó mới tha thiết, đầm ấm. Đây mơ mộng lên cao bằng thanh khí thực tế. Tại sao tâm hồn vu vơ ? Tại sao buồn phải dậy ? Xuân Diệu viết:

*Gió đã nổi cho nên buồn phải dậy
Hồn vu vơ lỗi ấy bởi mây đào*

Mỗi tưởng tượng cần thiết một cái cớ. Thi sĩ phải nhìn rõ cái cớ, biết chính xác cái cớ ấy. Theo tôi. Nhưng, tôi không phải là thi sĩ lúc em gái Ngọc Anh ôm tôi khóc nức nở. Tôi đã nói tôi mặc kệ em khóc, em ôm chặt. Tôi vuốt tóc em, thăm thì thơ Nguyễn Xuân Huy:

*Em đang thêu bên cửa
Mơn mơn trăm vẻ xinh
Anh ghé đến ngồi cạnh
Vuốt ghẹo làn tóc xanh*

Tôi cầm tay em, thăm thì thơ Nguyễn Bính:

*Cầm tay anh khẽ nói
Khóc lóc mà làm chi
Hôn nhau một lần cuối*

Em về đi anh đi

Em gái nức nở chán chê thì bèn thở thê:

- Anh ơi, em khổ quá.

Tôi nhỏ nhẹ:

- Khổ thấy gì ?

- Khổ vô cùng.

- Vô cùng chưa đủ đâu em ạ ! Phải thấy cái gì chứ ?

- Em khổ thấy ... mồ.

Nàng thấm khô nước mắt, thuật cho tôi nghe nỗi khổ thấy mồ của nàng. Có nhiều nỗi-khổ-
thấy lắm. Tha thiết như nỗi khổ thấy mẹ. Bui ngủi như nỗi khổ thấy ông bà. Mãnh liệt như
nỗi khổ thấy ông cố nội. Rưng rờ như nỗi khổ thấy ... con dĩ mẹ ! Nỗi khổ thấy mồ của em
Ngọc Anh đã có đám ma, huyết mộ, phu nhà đòn, kể rằng cũng khổ thượng hạng. Tôi lắng
tai nghe:

- Trước khi yêu anh, em trót yêu một người ở Hải Phòng. Em yêu anh ta vì anh ta làm thơ.

- Thơ thằng này hay bằng thơ của thi sĩ Hoài Hương không ?

- Tuyệt diệu.

- Tuyệt diệu thấy bà cố nội hay thấy con dĩ mẹ ?

- Xin anh đừng nổi giận, anh đừng ghen. Em sẽ chỉ còn yêu anh thôi, yêu anh trọn đời.

- Yêu anh sao còn nhắc thằng thi sĩ làm thơ quảng cáo thuốc ho Bà lang Trọc trên xe điện
ấy và khen thơ nó tuyệt cú chó ! Than ôi, anh yêu ... sái nhất. Nó hút thuốc cống, anh
phuym sái.

- Em van anh, cho em nói ...

- Nói đi !

- Gặp anh em mới hiểu mình quá dại đi yêu anh ta. Em tưởng anh ta ở lại Hải Phòng. Ai
ngờ ...

- Ngờ sao ?

- Anh ta vào Sài gòn và tìm em.

- Rồi sao ? Nó cộng tác với *Ban Mai* hay *Thắm Mỹ* ?

- Anh ta chưa hề cộng tác với báo nào.

Tôi thở phào nhẹ nhõm:

- Em yêu dấu, sái nhất của anh, em nói tiếp đi ...

Nàng buồn bã:

- Em nói thật em đã yêu anh. Em chỉ nơi ở của anh cho anh ta. Em bảo anh âm nhạc và văn chương cự phách. Anh ta sẽ tìm anh ...

Nàng hôn môi tôi:

- Gặp nó, anh hãy chứng tỏ anh hơn nó nhé, anh Long trữu mến của em ! Anh Long, “hoàng tử của lòng em!”.

Nàng về, đôi mắt đỏ hoe. Tôi nhìn nàng đi. “Em đi áo mỏng buông hờn tử”. Tôi chuẩn bị nghênh tình địch. Các “đệ tử” lục huyền cầm của tôi được dặn dò bố trí. Nguyễn Xuân Nhân sẽ cời đàn cho tình địch của tôi khiếp sợ bắp thịt tập tã của nó. Lê Như Quỳnh sẽ làm khuôn mặt mình cô hồn hơn cho tình địch của tôi thoáng nhìn đã bủn rủn. Tạ Văn Ân thay cặp kính trắng bằng kính đen ra về ... cóm. Ba đưa lảng vảng bên ngoài để bảo đảm hội nghị tình yêu. Nghe tiếng hét, “đệ tử” phải ào vô cứu “thầy” gấp, chớ để thầy sừng quai hàm. Vũ Khắc Niệm, thằng bạn học Thái Bình, mê tôi, theo tôi “sống đời nghệ sĩ”, được miễn dịch vụ. Vì nó là “sư thúc” của ba thằng “đệ tử” của tôi.

Tình địch của tôi đã tới. Tôi cam đoan miêu tả nó chính xác, dù, hồi đó, tôi chưa là nhà văn, chưa phát nguyện “trọn đời đi trên con đường Chân Thật”. Tình địch của tôi đứng ngẩng đầu thật thẳng cũng chỉ ngang vai tôi. Nó lùn tì. Cặp mắt ti hí. “Những người ti hí mắt lươn, Trai thì trộm cướp gái buồn chồng người”. Thời ấy, cuối năm 1954, Quốc Phong đang làm Giám đốc Trung tâm huấn luyện cán bộ thông tin của Bộ Thông Tin mà Tổng trưởng là Phạm Xuân Thái, chưa xuất bản tuần báo *Kịch Ảnh* và Mai Châu chưa xuất bản tuần báo *Màn Ảnh* và cũng chưa có cuộc bút chiến du kích trong phóng sự tiểu thuyết giữa hai nhà văn ăn khách Văn Quang và Tuấn Huy. Chứ không, tôi đã thưởng ngôn ngữ của Tuấn Huy để miêu tả cặp mắt tình địch của tôi. Tôi sẽ không nói nôm na. Tôi nói bác học, theo Tuấn Huy: mắt nó giống hai sợi chỉ đen, người ta chỉ thấy lông mày, thiếu hẳn lông mi. Mắt ti hí, nó khó lòng đẹp trai. Được cái tóc nó bông bênh tự nhiên, rất thị sĩ, khỏi tốn “bi ăng tin” The Evening in Shanghai. Mặt nó đầy tàn nhang. Trán nó thấp như trán tôi. Miệng nó nhỏ xiu, hàm răng thưa. Nhưng nó rất lịch sự. Nó bắt tay tôi, niềm nở:

- Tôi là Nghĩa, chắc anh là Long.

- Phải, Long dao cầu !

Tôi nhắc biệt danh Đinh phở tặng để tình địch của tôi nhớ những Vinh trở, Bàng xoắn, Quý bệu, Hải lùn ... Nó không ớn.

- Ngọc Anh cho tôi “địa chỉ” của anh.

- Thế hả !

- Tôi muốn nói với anh một câu thôi.

- Dài không ?

- Không dài mấy.

- Nói đi !

- Giữa anh và tôi chẳng có chuyện gì cả vì chúng ta chưa từng quen nhau. Ngọc Anh phản

bội tôi. Tôi vì nàng làm hàng trăm bài thơ không đăng báo, vì nàng bảo tôi đừng đăng báo, làm thơ cho riêng nàng đọc thôi và đã cho nàng rồi thì xé bản thảo đi. Tôi xin đọc anh nghe hai câu thơ của Nguyễn Bính: “Một trăm con gái thời nay ấy, Đừng nói ân tình với thủy chung”. Anh là nhạc sĩ kiêm văn sĩ, anh cần suy nghĩ hai câu thơ của Nguyễn Bính. Ngọc Anh đã phản bội, sẽ phản bội. Nàng thấy anh tài hoa hơn tôi, đẹp trai hơn tôi, nàng bỏ rơi tôi.

Tôi nghe mũi lòng, an ủi nhà thơ tình địch của tôi:

- Anh sẽ trở thành thi sĩ bất hủ.

Nó đưa cho tôi cái phong bì lớn:

- Cám ơn anh. Nhờ anh chuyển giùm tận tay Ngọc Anh.

Tôi đỡ cái phong bì. Thi sĩ Nghĩa chào từ biệt tôi. Trên con đường văn nghệ bát ngát mông mênh, vạn nẻo, không bao giờ tôi tái ngộ chàng nữa. Có lẽ, chàng đã phản tình đời đen bạc đăng lính biệt kích, đi đồn củi trên rừng hoặc câu cá ngoài khơi, hoặc đẩy xe khô cá mực, khô cá thiêu mai danh ẩn tích ở ngoại ô đèn vàng hiu hắt. Bị đào đá không bao giờ trở thành thi sĩ lừng lẫy cả. “Sự phụ” Nguyễn Thịnh của tôi đã sai lầm. Thi sĩ Nghĩa đem thơ Nguyễn Bính dạy dỗ tôi bài học chung thủy của con gái thời nay. Chàng bị em Ngọc Anh đem tôi ra hù và chàng tưởng – như em đã tưởng – tôi là nhạc sĩ, văn sĩ ! Cung cách đối xử của Nghĩa quả là cung cách của một thi sĩ. Chàng chận thành nhận chàng kém thơ hơn tôi và chàng rút lui có trật tự. Tâm hồn thi sĩ Nghĩa rất hiếm hoi trong vùng trời thi ca bấy giờ. Thi sĩ bấy giờ, có kẻ hồn làm thơ tình yêu mà tìm nghĩ chuyện chụp mũ, bêu nhục đồng nghiệp, ăn quyết tiền nhuận bút, ném đá dẫu tay, đâm bị thóc chọc bị gạo, tự đồng hóa mình với phường vô lại. Tôi cảm thấy xấu hổ đã chuẩn bị nghênh tình địch. Tôi không xứng đáng là tình địch của thi sĩ Nghĩa. Chàng hơn tôi mọi mặt.

Đội thi sĩ bị đào đá rời khỏi Nhà Hát Tây khá lâu, tôi mới giải tán chúng “đệ tử” và vi phạm luật lệ nhân quyền bằng cách bóc thư của thi sĩ gửi cho tình nhân cũ ra coi lén. Thơ. Một tập thơ mỏng chép tay nắn nót với lời đề tặng ở trang đầu: “Cho em nốt những bài thơ anh chưa kịp cho em, vì còn tiếc nuôi giữ lại. Hãy cất kỹ bản thảo này, ngoài em anh cũng chẳng còn. Khi em chết, nhớ mang theo ... Người tình đầu của em: Văn Nghĩa ...”. Thi sĩ bị đào đá văn hay, chữ tốt. Tôi đọc mấy câu của chàng đã xa xắm mặt mày:

*Có một sớm con chim xanh tình ái
Vào hồn anh trong giây phút đắm chiều
Anh cảm thấy lòng anh đau tê tái
Vì từ nay anh đã bắt đầu yêu ...*

Thơ của thi sĩ Văn Nghĩa tuyệt diệu. Chàng dẫn tôi vào thế bí. “Anh hãy chứng tỏ anh hơn nó nhé, anh Long trù mến của em ! Anh Long “hoàng tử của lòng em”. Nàng Ngọc Anh xù tôi. Con mái xù con trống. Tôi đã bị nhận vợ nhạc sĩ, văn sĩ. Bị nhận vợ rồi nhận vợ ầm ừ, nửa thật nửa giả, hư hư thật thật. Tôi không thích làm nghệ sĩ giả vờ nữa. Tôi cần làm thơ. Tôi cần giữ em Ngọc Anh, cần lấy sợi giây thừng thi ca buộc chân em Ngọc Anh lại. Nhạc sĩ Nguyễn Văn Khánh hát: “Đời mà vắng em anh mất vui”. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương ngâm: “Đời vắng em rồi say với ai”. Tôi không nên vắng em. Em vẫn lên Nhà Hát Tây thăm tôi khiến văn sĩ Đăng Giao, thi sĩ Hoài Hương thêm nhỏ rỗi. Em thủ thi: “Anh viết truyện ngắn xã hội, làm thơ nhớ quê hương, anh nhé !”.

Thế là tôi cầm dao thọc cổ văn học sử Việt nam chảy máu ròng ròng ...

Tháng 4 năm 1987, Amnesty International, nhóm Remiremont mời tôi ra mắt tác phẩm mới của tôi tại đây, sau Un Russe à Sai gòn. Tôi hứa sẽ tới với La Colline de Fanta. Trong thư, tôi đề cập một nhà văn Việt Nam đã sống ở Remiremont và đã viết nhiều về Remiremont. Nhóm AI Remiremont tỏ ra sung sướng và hãnh diện.

Đan Trường, tác giả chiếc áo the thâm, đạo diễn phim Giá hạnh phúc đã chiếu ở Hà nội năm 1954. Tôi đã uống rượu với anh hai lần tại Paris. Anh mời tôi về Brest chơi, chỉ tôi chỗ Jacques Prévert ngồi làm thơ “Mưa rơi trên bến Brest”.

Hiện là chủ nhiệm tuần báo Thời Luận, xuất bản ở Los Angeles, CA.

Văn nghệ sĩ và ký giả di cư đã làm sinh động cái không khí văn nghệ, báo chí Sài gòn. Hai nhật báo *Tự Do* của nhóm Tam Lang, Mặc Đỗ, Đinh Hùng, Như Phong, Mặc Thu và *Dân Chủ* của Vũ Ngọc Các thể hiện rõ phong cách của báo có chính kiến rõ rệt. Hai báo này quy tụ những nhà báo bậc thầy. Nội dung và hình thức của nó khác hẳn nội dung và hình thức nhật báo do người Sài gòn chủ biên. Lối viết phiếm luận của Tam Lang (Vũ Đình Chí) và Ba Vui (Trọng Lang Trần Tấn Cửu) hấp dẫn các cây viết phiếm luận miền Nam. Người ta bắt đầu nghĩ tới nghệ thuật chơi chữ và bút pháp sâu sắc của danh sĩ miền Bắc. Về lãnh vực ca hát, các ca sĩ Sài gòn cũng học tập cách hát theo đúng giọng ca sĩ Hà nội, ngoại trừ nữ ca sĩ Ngọc Hà và nam ca sĩ Trọng Nghĩa. Về lãnh vực ăn mặc, nữ sinh Gia Long cố gắng đuổi theo cách ăn mặc của nữ sinh Trưng Vương. Sau này thì tiền vọt. Đường phố Sài gòn bớt các công tử diện py dza ma, quần ông túm thắt lưng trề quá rốn. Có thể nói, cuộc di cư năm 1954 của dân Hà nội đã làm thăng hoa văn hóa đất mới miền Nam. Tuy nhiên, về lãnh vực chính trị lại chẳng lấy gì làm đẹp để cho lắm. Một số trí thức, sinh viên thân Pháp và thân cộng đã công khai chống dân di cư. Theo họ, đất nước hòa bình, độc lập, người miền Bắc nên ở lại miền Bắc tự do, dân chủ.

Sự xung đột giữa trí thức, sinh viên thân cộng Sài gòn và trí thức, sinh viên Hà Nội di cư, khởi sự bằng những khẩu hiệu đuổi dân di cư viết tiếng Pháp và tiếng Việt trên mặt đại lộ Norodom, rồi bằng những cuộc diễn thuyết chống cộng và thách thức những kẻ thân cộng trong rạp hát Norodom. Tiếng nói của sinh viên di cư là tờ *Lửa Việt*. Tờ báo chiến đấu này gồm những cây bút đã tạm cư ở trường Gia Long, được dời về sống dưới những lều vải căng tại một khoảng sân Khám Lớn bị san bằng vào ngày tổng khởi nghĩa 19-8-1945. Những cây bút đầy lửa của *Lửa Việt*: Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Sĩ Tế, Minh Đạo, Trần Thanh Hiệp. *Lửa Việt* được sự ủng hộ tinh thần của nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh, chủ biên tuần báo danh tiếng *Đời Mới* của Trần Văn Ân.

Tôi không quan tâm tới sự xung đột chính trị. Cũng chẳng thêm chú ý “âm mưu phản loạn” của tướng Nguyễn Văn Hinh, tướng Lê Văn Viễn, tướng Lê Quang Vinh ... Tôi nằm ở chuồng cu Nhà Hát Tây đọc báo văn nghệ. Tôi thấy văn nghệ di cư có hai khuynh hướng: khuynh hướng tố cộng và khuynh hướng hoài hương. Thi sĩ nhớ quê dữ dội lắm. Sát cánh bên thi sĩ là các nhạc sĩ. Ông nào ông nấy hì hục khiêng đất lấp sông Bến Hải đòi nổi lại đôi bờ để mau chạy về gặp người em cũ se tình xưa. Đề tài sáng tác tiền di cư là quê hương khói lửa. Đề tài sáng tác hậu di cư là quê hương chia cắt. Nhớ mẹ, nhớ cha, nhớ em, nhớ anh, nhớ người yêu, nhớ ông nội bà ngoại, nhớ ruộng vườn, ao chuôm cứ loạn cào cào. Một đề tài phong phú cho các thi sĩ măm non. Như tôi. Máu xùy mạnh, tôi phải nghiên cứu các nỗi nhớ để tổng hợp một quả nặng nề.

Đầu tiên là nỗi nhớ mẹ giao duyên thơ nhạc giữa thi sĩ Thái Thủy và nhạc sĩ Nguyễn Hiền:

*Mẹ ơi thôi đừng khóc nữa
Cho lòng già nặng sầu thương
Con đi say tình viên xứ
Đâu có quên tình cổ hương*

*Thương ngóng về quê cũ
Gót thù xéo thảm thê
Bầy trai thâm rơi lệ
Súng gươm hện mai về*

*Con về tầm đẹp lúa
Mẹ cười vun khóm dâu*

Mái tranh nghèo vượn khói
Vườn thơm ngát hương cau

Mẹ ơi thôi đừng khóc nữa
Cho lòng già nặng sầu thương
Con đi say tình viễn xứ
Đâu có quên tình cổ hương

Vẫn thi sĩ Thái Thủy và nhạc sĩ Nguyễn Hiền giao duyên nỗi nhớ em:

Tôi có người em nhỏ
Xanh xanh đôi hàng mi
Môi hồng vừa đương độ
Chưa biết sầu biệt ly

Ngày tôi đi vàng nắng
Nghiêng nghiêng một hàng cau
Mai ta nhìn mây trắng
Gửi lời về thương nhau

Chiều nay buồn viễn xứ
Nhớ người em gái xưa
Tôi thấy chân trời cũ
Dằng dặc một hàng mưa

Mơ về đôi môi thắm
Cười ngày tôi lên đường
Quê ta chừng xa lắm
Giờ em có mến thương

Tôi có người em nhỏ
Xanh xanh đôi hàng mi
Môi hồng vừa đương độ
Đã biết sầu biệt ly

Hai ông Thái Thủy và Nguyễn Hiền phải cảm ơn tôi đã ngưỡng mộ hai nỗi nhớ đến thuộc lòng. Tôi nghĩ, ngoài tôi, ít ai có thể nhớ thơ nhạc hai ông này mà ghi lên giấy. Nhắc tới sông Bến Hải thì có nhạc sĩ Nhật Bằng:

Người ơi nước Nam của người Việt Nam
Vì đâu oán tranh để lòng nát tan
Đây Bến Hải là nơi ngăn cách đôi tình
Đứng lên tìm chốn yên vui thanh bình
Người ơi sống chi cuộc đời thương đau
Về đây áo cơm đùm bọc lấy nhau ...

“Hương về miền Bắc” có nhạc sĩ Phó Quốc Thắng. “Giấc mơ hồi hương” có nhạc sĩ Vũ Thành. Em Hà nội, em Hải phòng réo rất. “Hận ly hương” có nhạc sĩ Anh Hoa. Ài chà, phong trào hoài hương trăm hoa đua nở. Nhạc sĩ miền Nam Lam Phương cũng “sầu cổ đô”:

Buồn nhìn về xa xôi
Hà nội ơi đã xa mắt rồi
Mặt mừng ngàn trùng khơi
Thành phố cũ khuất sau núi đồi ...

Lấy đầu mà đong không hết nỗi nhớ quê hương trong thi ca, âm nhạc hậu di cư. Công viên, ghề đá, năm cửa ô, dòng sông, khe suối và những lời thề giải phóng sát khí đặng đặng đều có chỗ định cư tốt, “oeo phe” cao ở ba tiểu bang Thi ca, Âm nhạc và Tùy bút. Nhớ mãi đêm nhân, nhạc sĩ Trọng Khương sách động thanh niên yêu nước “Về miền Nam”:

*Đứng vùng lên nào bao thanh niên yêu nước
Hướng về đây miền Nam quê hương nắng ấm
Theo gót chân người xưa
Ta bước trên đường đi
Bao nắng mưa sương gió nào ngại chi*

Ông “Bánh xe lãng tử” quên bém mắt di cư tự do, có ai cần đứng vùng lên đâu, di cư bằng tàu bay, tàu thủy chẳng bị nắng mưa sương gió gì sốt cả. Ông Phó Quốc Thăng kêu gọi “Dựng một mùa hoa”. Nói thật, hàng trăm bài hát hoài hương 1954 không địch nổi một *Chiều quê* của Hoàng Quý 1940, một *Tình quê hương* của Việt Lang 1948. *Tình hoài hương* của Phạm Duy và *Xuân tha hương* của Phạm Đình Chương không nằm trong “thơ nhạc mùa nhớ nhà”. Tôi đã đọc bài thơ của Lan Sơn, thi sĩ tiền chiến, diễn tả cảnh chạy giặc, bỏ quê ra đi tản cư thật cảm xúc. Bài thơ nhan đề *Giàn thiên lý*.

*Mỗi khi mơ lại bờ thương cũ
Lòng nhớ quê hương vạn dặm dài
Có một mùa xưa hoa rồn lá
Trữ cảnh thiên lý góc vườn ai*

*Thiên lý giang sơn khuất bóng cây
Giàn hoa lạc chủ cánh hoa gầy
Trông hoa giữa lúc quân thù tới
Duyên với hoa chưa đậu mấy ngày*

*Từ đây ra đi vạn dặm dài
Nước dòng Tam Bạc quặn lòng ai
Hải Tân một giải xa xôi lắm
Thiên lý giàn xưa nay thắm phai*

*Bao được về trông thấy Hải Phòng
Tủi giàn thiên lý nở trời không
Tình ta giăng mắc tình thiên lý
Hồn ướp bên hồn thơm mấy bông*

*Hoa lạc tay thù có ổ gương
Bao về lại ngắt đóa hoa thương
Bên lòng lại áp lòng thiên lý
Tình cũ cờ bay đẹp phố phường. 2*

Bạn nhớ Lan Sơn chứ ? Lan Sơn của “Đám ma đi trong mưa phún thê thảm quá, đi trên đường và đập xéo lòng tôi” đấy mà. Bài thơ *Giàn thiên lý* của ông có vẻ nghèo vận, nghèo chữ (hai lần *vạn dặm dài*, hai lần *ai*, hai chữ *bao*) nhưng tôi thấy nó vẫn kín đáo, nhẹ nhàng và không đao to búa lớn kiểu “súng gươm hện vẽ” như thi sĩ hoài hương hậu di cư. Thi sĩ không đeo súng, không giết người. Những kẻ đeo súng, sát nhân không phải là thi sĩ. Những kẻ chuyên phì nọc rắn rết cũng không phải là thi sĩ, dù chúng nó làm thơ. Bọn này thuộc trường phái Mai Diên Thọ.

Nghiên cứu khuynh hướng thi ca hoài hương hậu di cư xong xuôi, tôi cời trần đánh vật với

vần điệu, chữ nghĩa “sáng tác” một bài thơ nhớ quê theo toa đặt hàng của người yêu. Tôi không hiểu tại sao em không “còm mắng” tôi thơ tình yêu mà lại “o đờ” tôi thơ tình quê. Thế thì tôi nhớ quê hương Thái Lộ của tôi. Tôi “thời trang thơ tuyển” chơi một bài thơ giữ gài bằng nhớ quê. Quê hương ơi, tôi lạy Người, xin hãy phù hộ tôi. Bạn làm ơn cho tôi tất cả sự khoan hồng đại lượng khi đọc “thi phẩm” đầu đời thơ của tôi nhé, bạn nhé ! Bạn cứ cười, càng cười bỏ lê bỏ càng tôi càng thành công. Vì khuynh hướng hoài hương biến hóa sang khuynh hướng hoạt kê. Và sẽ, rất có thể, tôi thành văn sĩ hoạt kê số một Việt Nam là Đồ Phồn, tác giả *Khao* hay thi sĩ hoạt kê Tú Mỡ, tác giả *Giòng nước ngược*. Bài thơ của tôi nó giống con cua rưng càng. Ấy vậy mà có ngày tôi đã bỏ vào thi ca. Xin chép ra đây với cả lòng chân thành:

*Thái Bình ơi !
Sau cơn khỏi lửa tôi bời
Gia đình tan nát bao người cách chia
Đau buồn giây phút phân ly
Thái Bình hãy đợi người đi sẽ về
Nước sông Trà vẫn đục
Dòng sông Trà vẫn vương
Ta nhắn gửi niềm thương
Sau chuỗi ngày ly biệt
Ta đang xây mộng đẹp
Mai trở về Thái Bình*

....

Bài thơ của tôi còn dài nhưng trí nhớ của tôi nó chê. Với lục thập nhất tứ hoài hương khuynh hướng thi ghi trên đây, tưởng đã đủ đánh dấu mốc thứ hai của cuộc đời văn nghệ của tôi. Tôi cam đoan bài thơ này là của tôi, nếu mạn trá tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật. Vất vả chân lấm, tay bùn mới hoàn tất bài thơ, tôi chép lại sạch sẽ, vừa rít Ruby vừa đọc lầm nhảm. Rồi cao hứng, tôi ngâm vang. “Đệ tử” Lê Như Quỳnh hót hơ hót hải chạy vào:

- Ông ngâm thơ của ai đấy ?
- Gì ?
- Tôi hỏi ông ngâm thơ của ai.
- Thơ của ai mắc mớ gì mà ?
- Mắc mớ chứ.
- Sao ?
- Nó khiến tôi nhớ quê, tôi muốn khóc.
- Thật à ?
- Thật. Thơ của ai ? Ông cho tôi chép nhé ?

Tôi anh dũng phưỡn ngực:

- Thơ của tao.

Lê Như Quỳnh nuốt nước miếng:

- Hay quá, hay quá ! Ông dạy tôi làm thơ đi !
- Tao sẽ dạy mày.
- Chép trước cái đã.
- Ủ.
- Ông đọc chậm chậm.

Thánh tổ nghề thơ đãi ngộ tôi lệ ghê. Thơ chưa khô mực đã có độc giả ái mộ đòi chép. “Đệ tử” Lê Như Quỳnh chép xong, gạ tôi:

- Ông cho phép tôi xập xí xập ngầu nhé ?
- Là gì ?
- Lấp Nam Định vào Thái Bình, vẽ địa đồ lại, thay sông Trà bằng sông Hồng.
- Để làm chi ?
- Đem trộ các em gái.
- Tao sẽ dạy mày làm thơ mà.
- Tôi khoái bài này, dễ lấp ghép.
- Đồng ý.

“Đệ tử” Lê Như Quỳnh đem “thi phẩm” của “sư phụ” khoe “sư huynh” Nguyễn Xuân Nhân. Thằng Nhân chép lại, đem khoe “sư đệ” Tạ Văn Ân. Thế là Thái Bình hóa thành Nam Định, Phủ lý, Ninh Bình và dòng sông Trà Lý của tôi hóa thành đủ các thứ sông ! Tôi thành công mau chóng. Tôi vác mặt tôi lên. Rồi Đặng Xuân Côn khen, Vũ Khắc Niệm khen. Tôi bỏ xa thi sĩ Hoài Hương. Tôi đã là thi sĩ ! “Thi phẩm” của tôi qua vòng loại, vô bán kết, sắp vào chung kết, đoạt giải ... hôn. Khả năng thi ca của tôi buộc chắc chắn còn mãi rồi.

- Anh làm thật nhiều thơ nhớ quê hương và tùy bút về quê hương. Nếu anh yêu em, anh đừng đăng báo, anh cho em luôn bản thảo.

- Em yêu dấu, sáng tác còn ướt mực anh đã cho em rồi.

Tôi thức khuya làm thơ nhớ quê. Sẵn có trón thơ, tôi cứ nhấm thơ mà đắm đá huỳnh huych. Mỗi ngày em lên nhận một bài thơ, có ngày hai, ba bài. Nhuận bút của tôi là ... hôn môi em. Làm thơ nhớ quê riết, quê hương gầy mòn, ốm teo. Tôi sợ quê hương ho lao, bèn chuyển hướng nhớ trường lớp, bạn bè. Em gái Ngọc Anh nhận tuốt. Thừa thắng xông lên, tôi rẽ sang truyện ngắn, tùy bút ...

o o o

Bài thơ đầu đời thơ của tôi đã soi sáng một điều này: Đọc thơ của các thi sĩ bậc thầy nhiều lắm, thuộc thơ của các thi sĩ bậc thầy nhiều lắm, phê bình thơ của người khác kỹ lắm nhưng khi mình làm thơ thì thơ của mình nó rơi tồm xuống khuyh hướng thơ kẹo kéo. Bạn biết khuyh hướng thơ kẹo kéo ? Xin đan cử vài áng thơ của trường phái ấy:

*Kẹo kéo
Càng kéo càng dài
Càng nhai càng ngọt
Chạy tốt về nhà
Xin bà một xu
Ra mua kẹo kéo*

*Ông Tây mà lấy bà Đầm
Thấy hàng kẹo kéo chạy ầm ra mua*

*Cô kia má đỏ hồng hồng
Không ăn kẹo kéo nên chồng cô chê*

*Con mắt kềm nhèm kềm nhèm
Ăn đồng kẹo kéo sáng như đèn ô tô*

Trường phái thơ kẹo kéo gần gũi với trường phái văn xi nê ma thùng. Thi sĩ kẹo kéo có thể vừa kéo kẹo vừa sáng tác thơ ca ngợi kẹo kéo:

*Ngọt như đường cát
Mát như đường phèn
Ăn hết họ hen
Bổ tim bổ phổi*

Văn sĩ xi nê ma thùng có thể vừa canh chừng phú lít vừa kể những câu chuyện hấp dẫn ăn khớp với chuyện đang diễn ra trong ... thùng. Tôi có triển vọng thi sĩ kẹo kéo kiêm văn sĩ xi nê ma thùng. *Sa đích phê bình văn nghệ rẻ tiền* – chữ của thi sĩ nọ – chính là bọn thi sĩ kẹo kéo kiêm văn sĩ xi nê ma thùng vậy. Trần Phong Giao nhất định không coi Hoàng Hải Thủy, tác giả bộ tiểu thuyết dày cộm, *Mối thắm nửa đời* là nhà văn, nhưng anh ta viết tập truyện *Ngôi lại bên cầu* có ra cái gì đâu ! Nguyễn Quốc Trụ chê tập truyện *Những ngày vui* của Đặng Trần Huân, nhưng anh ta viết truyện ngắn, ký tên Sơ Dạ Hương, cũng tâm thường như truyện ngắn họ Trần, có ra cái gì đâu. Hồ Nam phê bình văn nghệ khủng khiếp lắm, nhưng Hồ Nam làm thơ ký tên Vương Tân có ra cái gì, Hồ Nam chưa biết viết tiểu thuyết ! Uyên Thao phê bình đao to búa lớn nhất Sài gòn (Thanh Tâm Tuyền miệt thị Uyên Thao là nhà phê bình ít học), nhưng thơ văn Uyên Thao có cái gì ra cái gì đâu ! Hình như, Nhất Linh đã viết ở đâu đó: Phê bình gia là những kẻ không có tài sáng tác, là những kẻ sáng tác thất bại ê chề. Con đường văn nghệ đã đưa tôi đi xa khỏi khuynh hướng thơ kẹo kéo, văn xi nê ma thùng và dẫn tôi đến chỗ quen biết phê bình gia văn học Thượng Sĩ. Ông là bạn thân của Tam Lang, viết thường xuyên trên *Tin Mới* tiền chiến. Không hiểu giữa Thượng Sĩ và Nguyễn Tuân có xích mích gì nặng nề mà, ngay từ *Vang bóng một thời*, Thượng Sĩ đã “đánh” Nguyễn Tuân tơi tả. Nguyễn Tuân xuất bản tác phẩm mới, Thượng Sĩ theo dõi đã kích, không mệt mỏi. Bây giờ, Nguyễn Tuân đã chết, đã để lại cho đời sống *Vang bóng một thời*, *Tóc chị Hoài*, *Thiếu quê hương*, *Chiếc lư đồng mắt cua*, *Tàn đèn dầu lạc*, *Chùa Đàn*, *Tùy bút* ... hàng triệu độc giả biết Nguyễn Tuân, trong nước như ngoài nước. Bây giờ, Thượng Sĩ đã già lắm rồi, sắp về đất rồi, Thượng Sĩ không hề có bất cứ một cuốn sách loại nào để lại cho đời sống. Và ít ai biết tên Thượng Sĩ.

Từ bài thơ khuynh hướng kẹo kéo của tôi, tôi muốn nói với các bạn văn nghệ tuổi nhỏ của tôi điều này: Các bạn đã viết văn, làm thơ thì các bạn cứ lo trau dồi kỹ thuật và nghệ thuật viết văn làm thơ để văn thơ các bạn thật hay, đừng xía vào phạm vi phê bình văn học, nhận định văn học. Phê bình văn học đòi hỏi kiến thức văn hóa sâu rộng và tuổi tác chín muồi. Kiến thức văn hóa sâu rộng để khỏi bị chê trách là thiếu học. Tuổi tác chín muồi để công bình, khách quan và cảm thông được tác phẩm, tác giả và thời đại. Phê bình một tác phẩm

không có nghĩa là đề tác giả của nó ra bên nhục, lãng mạn vì đồ kỳ hay vì bất đồng chính kiến hay vì một âm mưu để tiện nào đó. Phê bình càng không phải là đánh du kích vài dòng chữ bên tiện trong những chỗ gọi là Hộp thư, Sổ tay văn nghệ. Người phê bình văn học lương thiện là người soi sáng tác phẩm cho cả độc giả lẫn tác giả. Kẻ phê bình văn học bất lương là đưa bôi bẩn tác phẩm, vấy nhơ tác giả và dè bĩu độc giả. Người trên được kính trọng. Kẻ dưới bị khinh bỉ.

Tôi đã phê bình thơ văn của văn sĩ Đỗ Tiến Đức, thi sĩ Hoài Hương tầm thường và tôi đã làm một bài thơ quá đỗi tầm thường. Nếu tôi nhớ hết để ghi ra, thơ tôi còn thua thơ kẹo kéo, thơ quảng cáo thuốc lậu của Xuân tóc đỏ trên xe điện Hà Nội. Nhưng cần gì, cứu cánh biện minh cho phương tiện, tôi đã dùng thơ tôi ... giữ gái yêu tôi, còn thơ tôi kẹo kéo, thuốc lậu, tôi bắt kê. Tôi có ... dám gửi đăng báo đâu ? Văn nghệ của tôi không vì nghệ thuật, vì nhân sinh. Mà vì giữ gái. Ít ra đã có ba “độc giả” chép thơ tôi và một em ái mộ độc quyền cất kín bản thảo của tôi. Em cho tôi hôn nhiều quá. Thi sĩ không thể sống bằng hôn. Đạo này, tàu buôn của Pháp ghé bến Kho 5 thừa thớt, Đặng Xuân Côn mất khả năng nuôi tôi ăn chơi rộng rãi làm thơ tặng gái. Em Ngọc Anh yêu dấu nhậ thơ mà quên cho gạo, dầu hồi, nước mắm, thịt, rau ... Để căng bao tử tiếp tục làm thơ kẹo kéo, tôi phải đi viết “fiche” ở Phủ tổng ủy di cư, lương chấm công mỗi ngày 50 đồng. Tôi trở thành đồng nghiệp của Y Vân. Y Vân đón đồng bào di cư. Tôi ghi danh sách từng gia đình di cư vào tấm “fiche”. Nhờ làm nhân viên chấm công của Phủ tổng ủy di cư, tôi được biết, người di cư bằng máy bay cũng có trợ cấp 700. Tôi gom thẻ học sinh của Nguyễn Xuân Nhân, Lê Như Quỳnh, Vũ Khắc Niệm, Đặng Xuân Côn. Năm đưa là có 3500 đồng rồi. Giá “đệ tử” Tạ Văn Ân đừng thuộc thành phần Bắc kỳ cũ, tôi sẽ thêm một đầu người. Tháng này, bố có tiệm may Văn Can ở Chợ Cũ, mê Bắc kỳ mới, tôi ngày quần quanh tại Nhà Hát Tây cho tôi sai vặt.

Mờ mắt, mỗi tay viết “fiche” và sai quai hàm cười vì những cái tên rất nhà quê Bắc kỳ, đêm đêm tôi vẫn thơ và tùy bút. Số lượng “văn nghệ” nộp em xuống dốc. Em chỉ còn lên Nhà Hát Tây chiều thứ bảy. Tôi ăn lương chấm công tròn một tháng thì bị đuổi sớ. Trừ bốn chủ nhật, tôi lãnh được 1300 đồng Đông Dương. Rồi được lãnh 5000 đồng trợ cấp di cư. Di cư bằng máy bay không lãnh vải, sữa, gạo nên mỗi đầu người 1000 đồng. Chúng tôi đi ăn cơm tiệm lu bù. Tôi mua 10 cuốn “an bum” nhạc soạn riêng cho lục huyền cầm về tập búng “xô lô cò lát xích”. Hôm ngang qua tiệm bán đàn sáo, kèn trống Âu Ménéstrel phố Catinat, tôi nhớ Tôn thôi. Tháng này ở lại với cụ Hồ. Tôi say mê ngắm cây kèn clarinette. Giá đề bán là 7500 đồng. Tôi không đủ tiền. đành mua cuốn phương pháp dạy chơi clarinette làm kỷ niệm. Giá tôi có tiền mua clarinette, tôi đã thành thợ kèn. Hệ lụy của nghiệp và oan khiên của nghề sẽ không bữa vầy, săn đuổi tôi. Không đủ tiền mua clarinette, chúng tôi ăn tiêu vung vít, chụp ảnh vỉa hè lia lịa, coi xi nê tung bưng. Khi cháy túi, chúng tôi đói. Vũ Khắc Niệm chán sống đời nghệ sĩ, “về với gia đình”. Nhờ thế, nó thành bác sĩ, phục vụ lính nhảy dù, đeo lon trung tá. Chức vụ cao nhất của nó trước 1975 là Chỉ huy phó Trường quân y. Hiện nó đang sống cạnh vợ đẹp, con khôn, hái ra đô la tại Arlington, Texas. Tính tình vẫn tốt và vẫn tỏ như hồi Nhà Hát Tây, đi chợ Bến Thành mua nước mắm Hoài Hương bị rớt đồ tung vỉa hè Bonard. Hai “đệ tử” Nguyễn Xuân Nhân và Lê Như Quỳnh không nuôi nổi “sư phụ” bằng chuối và hột vịt luộc mua chịu của “nghệ sĩ bán sắn” dưới chân cầu thang lầu hai. “Nghệ sĩ bán sắn” rất tốt. Anh ta làm nghề thợ kim hoàn, có hai cái răng vàng, tập chơi accordion, chuyên ngồi bán sắn đợi ... việc làm nên chúng tôi gọi chàng là “nghệ sĩ bán sắn”. Chàng thân với Y Vân, thường đãi Y Vân và tôi ăn sắn và hột vịt luộc. Còn thằng “đệ tử” Bắc kỳ cũ Tạ Văn Ân thì vất cổ chày ra nước. Nó đem tặng “sư phụ” cái áo sơ mi sò n cổ, cái quần kaki rộng thùng thình, dài lê thê. Tôi đoán cái quần này của tên lính Ma rốc nào may rồi chê, không thèm đến lấy.

Đang lúng túng chuyện áo cơm thì Đồng Văn Khải mò lên Nhà Hát Tây rủ tôi theo dự khóa Cận bộ thanh niên sơ cấp. Tôi khăn gói quả mướp tới sân vận động Richaud, ăn uống tập thể no nê, tắm táp thả cửa. Phải tội thức ngủ đúng giờ, tập thể dục sáng sớm và học “Hội nghị Genève” và “Cuộc đời tranh đấu của Ngô thủ tướng”. Tôi đang cay thơ, không có thì

giờ và nơi chốn làm thơ, đâm ra tương tự thơ. Lại bị Đặng Xuân Côn dụ dỗ: “Tàu buôn Pháp vào nhiều lắm, hết đối rồi”, tôi khấn gói quả mướp rồi trường, được lĩnh 200 đồng sau khi trừ tiền ăn hai tuần lễ. Ôi, nếu tôi bằng lòng làm Cán bộ thanh niên sơ cấp, tốt nghiệp, tôi trở thành thầy dạy võ ở các trường tiểu học công lập đấy. Tôi sẽ, mỗi sáng, mỗi chiều, mặc quần xoóc trắng, may ô trắng, đeo cái tu huyết trước ngực dạy các em nhỏ chim bay, cò bay, ếch nhảy, khom lưng, uốn ngực ... Đó là các động tác thể dục thường thức. Và, chắc chắn, tôi sẽ thoát cảnh tù tội, chụp mũ sau này.

Tôi hồng nhân viên chấm công Phủ đặc ủy di cư. Tôi hư Cán bộ thanh niên sơ cấp. Trở lại Nhà Hát Tây, tôi y hệt thái tử Đan thoát cảnh con tin về nước Yên ấy. Chúng “đệ tử” mừng rỡ. Đặng Xuân Côn ngày ngủ đêm đi làm. Sáng sớm nó khuôn cam, táo, nho, lê, phó mát về. Cuối tuần lĩnh lương rả rích. Một hôm, Đặng Xuân Côn bảo tôi:

- Tao thấy mày làm thơ, viết văn càng ngày càng hay đấy.

- Thì sao ?

- Mày cứ đem cho gái hết, uống lắm.

- Không cho giữ lại làm con mẹ gì ?

Tôi “lập chí” văn chương:

- Bài tập, giữ chặt chỗ.

Côn nói:

- Thử gửi đăng báo xem sao.

Tôi nín thịnh Bấy giờ, tuần báo *Việt Bút* của Trúc Khanh, bạn thân của Nguyễn Bính, đã đình bản. Trúc Khanh qua làm chủ bút tuần báo *Thợ Thuyền*, 8 trang, khổ nhật báo. Trúc Khanh và Nguyễn Bính cùng sống ở Sài gòn trước 1945 và cùng phiêu lãng trọn vẹn 9 năm Nam Bộ kháng chiến. Trúc Khanh về Sài gòn năm 1952, Nguyễn Bính ở lại bưng biền. Trong bài *Hành phương Nam*, Nguyễn Bính đề tặng Trúc Khanh, mở đầu:

*Hai ta lưu lạc phương Nam này
Trải mấy mùa qua én nhận bay ...*

Và kết thúc:

*Nhà người ơi hè nhà người ơi
Người sang bên ấy sao mà lạnh
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi*

Vào tề đã lạnh, ở lại với kháng chiến càng lạnh. Sao tôi yêu Nguyễn Bính thế ! Tôi có cảm tình với Trúc Khanh vì Trúc Khanh thi sĩ là bạn của Nguyễn Bính thi sĩ thần tượng của tôi. Tôi bèn loay hoay viết một truyện ngắn lấy nhan đề “Đình công”. Truyện ngắn diễn tả cảnh đình công kéo dài 10 ngày của phu bến tàu. Tình tiết trong truyện khá éo le. Công nhân vừa phải đối phó với chủ bóc lột cương quyết không tăng lương, vừa phải đối phó với vợ mình sợ mất việc đói rách áp lực chồng đầu hàng. Còi tàu hụ dọa rồi cẳng, không thềm xuống hàng hóa nữa. Cuối cùng, nhờ lòng quả cảm đấu tranh kiên nhẫn, công nhân thắng lợi. Truyện ngắn “Đình công” gửi tuần trước, tuần sau đăng liền ở trang 2. Tôi ký tên cúng cơm Vũ Mộng Long. Ngay dưới truyện, Trúc Khanh nhắn tin: “Bạn Vũ Mộng Long, tiếp tục gửi truyện ngắn đề tài xã hội. Chờ đợi. Thân ái”. Tôi không nghĩ *Thợ Thuyền* đổi bài mà nghĩ

rằng truyện của tôi hợp với khuynh hướng *Thợ Thuyền*. Nếu tôi gửi “Đình Công” cho *Thăm Mỹ* của Thanh Nam, bài của tôi sẽ bị liệng vào thùng rác. Vì *Thăm Mỹ* chuyên đăng truyện tình sùng lệt.

Vậy bạn tuổi nhỏ thích làm văn nghệ của tôi, muốn bài của bạn được đăng tải, bạn cần chọn báo hợp khuynh hướng với bài của bạn. Bạn gửi truyện chống cộng sản cho tờ báo trung lập hay tờ báo thân cộng, truyện của bạn nghệ thuật cách mấy, vẫn bị loại bỏ. Cũng vậy, bạn đừng gửi truyện tranh đấu xã hội cho báo huê tình. Và cũng vậy, bạn chớ nên gửi truyện tình dục cho báo ... chán hưng đạo đức ! Tôi nghĩ nhiều tài năng văn chương đã bị thui chột vì cứ gửi bài cho báo không hợp với khuynh hướng của mình, gửi hoài không thấy đăng, đâm ra nản chí, bỏ viết. Bạn nên suy nghĩ vấn đề này.

Cảm giác lần đầu tiên thấy truyện ngắn của mình xuất hiện trên báo do Trúc Khanh làm chủ bút là sung sướng và hãnh diện. Tôi mua 5 số báo. Đêm ấy, Đặng Xuân Côn, Nguyễn Xuân Nhân, Lê Như Quỳnh và tôi ngao du, tốn một trăm đồng. Đêm ấy, tôi được nghe Quách Đàm hát *Duyên Anh* của Nguyễn Thịnh trên đài Pháp Á. “Cờ” văn nghệ của tôi leo thang tại Nhà Hát Tây. Hưng hăng con bọ xít, tôi chơi bài thơ xã hội, diễn tả sự nhọc nhằn của người lao động dưới nắng lửa Sài gòn. Tôi gửi báo *Nhân Loại* và được đăng ngay. Bài thơ “xã hội” của tôi, tôi chỉ còn nhớ bốn câu cuối:

*Nắng, nắng mãi trời oi
Mát, mát lần đi thôi
Những người dân lao động
Đã khổ quá nhiều rồi*

Với một truyện ngắn đăng trên tuần báo *Thợ Thuyền* và một bài thơ đăng trên tuần báo *Nhân Loại*, Vũ Mộng Long ngỡ nó thơ văn toàn tài. Tôi bỗng phân vân giữa tình yêu và sự nghiệp. Chợt nhớ thi sĩ Văn Nghĩa đã dạy dỗ mình: “Anh là nhạc sĩ kiêm văn sĩ, anh cần suy nghĩ hai câu thơ của Nguyễn Bính”, tôi ngâm vang:

*Một trăm con gái thời nay ấy
Đừng nói ân tình với thủy chung*

Thêm con nhà Đặng Xuân Côn trách móc tôi đem thơ văn “cho gái hết, uổng lắm”, tôi nhất định cúp viện trợ vô điều kiện thơ, tùy bút, truyện ngắn cho em Ngọc Anh. Để dò lòng em xem em yêu tôi hay yêu thơ văn của tôi. Em lên Nhà Hát Tây, không đưa thơ, em không cho hôn. Tôi ôm đại em, hôn gờ từng bông hoa lá, hôn cho bõ công lao thức đêm gò vắn của tôi. Em ngúng nguẩy. Em hờn dỗi. Hai lần nhạt son môi mà không có thơ đem về, em Cung thị Ngọc Anh không lên Nhà Hát Tây nữa. Tôi cóc cần em. Tôi đã có *Thợ Thuyền*, *Nhân Loại*. Tôi đá đít em, chứ không phải em đá đít tôi. Tôi chiếm thế thượng phong về tình yêu đàn bà, con gái. Luôn luôn thượng phong. Còn thượng mã phong thì đợi ngày bắt chuồn chuồn mới dám tuyên bố.

Tôi trải qua cái Tết 1955 vui vẻ. Cuối tháng 2-1955, ông bà của Đặng Xuân Côn khiêng bà nàng hầu di cư. Ông bà tìm lên Nhà Hát Tây. Những ngày vui của chúng tôi chấm dứt. Tôi có ông cậu họ làm y tá ở Phủ đặc ủy di cư, đọc báo *Nhân Loại* thấy tôi là “thi sĩ” thì hân hoan ra mặt, cứ gạ tôi về sống chung với gia đình ông ta. Tôi hẹn hẹn hờn hử. Bây giờ, tôi đành khăn gói quả mướp, đeo thêm túi thơ về Quai de Belgique tá túc ông cậu. Ông ta chiêu đãi tôi nồng nhiệt, nhường cả xe đạp hộp cho tôi xử dụng. Bà mợ tôi thì ít thiện cảm với tôi. Một hôm, ông cậu dúi vào tay tôi vài trăm, bị đưa con gái 8 tuổi trông thấy. Ông ta dặn dò con bé: “Đừng nói cho mẹ biết nhé !”. Tôi bắt đầu cảm cảnh. Đêm khuya, cậu mợ tôi cãi nhau. Mợ tôi không bằng lòng chứa chấp tôi. Tôi nghe lọt tai. Trên gác, dưới nhà cách nhau cái sàn ván. Sáng sớm hôm sau, nhạc sĩ kiêm văn sĩ kiêm thi sĩ Vũ Mộng Long, tác giả đã có truyện đăng *Thợ Thuyền*, có thơ đăng *Nhân Loại* khăn gói quả mướp, đẩy nhẹ

cửa, lẳng lẽ ra đi. Tôi “lê gót chân phong trần tha hương” nhiều hè phố mà không tìm thấy chỗ nào tuyển dụng cu ly đồn điền cao su hay tuyển mộ lính. Leo xe thổ mộ, tôi xuống gần ngã ba Ông Tạ, vào trại lính nhảy dù, tình nguyện đăng lính. Người ta bảo chiến tranh chấm dứt rồi, không cần lính. Thế là tôi mất cơ hội làm thiên thần Mũ Đỏ.

Rốt cuộc, “trời chiều bằng lăng bóng hoàng hôn”, tôi lại mò về Nhà Hát Tây. Người tôi gặp ở cửa nhà hát là Hoàng Văn Bảo, em cùng cha khác mẹ với ông Hoàng Huy Bích, chủ hiệu sách Học Hải thị xã Thái Bình. Thắng này đã bị chốt mà mũi còn tẹt và nói to là nhiều nước miếng. Nó đon đả hỏi tôi:

- Cậu đi chơi xa về à ?
- Sao mà biết ?
- Thấy khăn gói quả mướp. Với lại, hai tuần nay, nhìn lên chuồng cu, không thấy cậu.
- Ông bộ thắng Côn rồi đại gia đình chú nó xâm lăng đất của tao. Tao “mất nước” phải giang hồ.
- Bây giờ ông tính ở đâu ?
- Chưa biết.
- Hay ông về ở với tôi đi ?
- “Nhà” mà đông không ?
- Có bà cụ tôi và tôi thôi.
- Được. Nhưng tao tự túc cơm nước.
- Ồ, lo gì.

Tôi vào “nhà” thắng Bảo ở tầng dưới có sân khấu. Nơi sân khấu, nghe nói có tay văn nghệ Dương Kiên, “Nhà” Bảo kê hai cái giường lớn, vách giấy dầu kín mít. Tôi có thể làm thơ, viết văn ở đây. Còn vài trăm ông cậu dúm cho, tôi cứ đến hẻm Casino ăn cơm sườn nướng, cơm hoay quay kho quán của cô Cúc. Đặng Xuân Côn than thở nỗi buồn riêng của nó. Nó gạ tôi đi giang hồ.

- Bỏ ông bồ ai nuôi ?
- Tao nản gia đình mới bỏ vào Nam. Tưởng sống một mình quên quá khứ, ai dè quá khứ nó theo mình vô tận Sài Gòn.
- Chờ ông bồ mặc sơ mi gối rồi tính chuyện giang hồ.
- Mà lên ở với tao.
- Không.
- Tại sao ?
- Cuộc vui tàn mẹ nó rồi.

Tôi tá túc “nhà” thằng Bảo, gần hẳn túi thì vợ được cứu tinh. Cứu tinh là thằng học trò Bùi Chu lên trọ học Hà nội, tên là Trần Văn Thông. Nó đang theo học khóa Cán bộ thông tin mở tại Khâm Lớn, do Quốc Phong làm giám đốc. Thông nhảy vào Ban báo chí. Nó tìm tôi, thuê tôi viết thơ chống cộng, mỗi bài 15 đồng, mỗi ngày hai bài. Tôi bèn làm nhăm hai con tính cộng trừ. Hai đĩa cơm 18 đồng. 30 đồng trừ 18 còn 12. 12 đồng rỉ rả cà phê, thuốc lá đủ. Tôi bằng lòng. Thế là tôi “cho thuê bản thân”, làm thơ chống cộng kiếm cơm. Được đúng tuần lễ, thay vì tiền trao thơ mức hoặc thơ mức tiền trao, Trần Văn Thông đề nghị dẫn tôi tới Câu lạc bộ ăn cơm, uống cà phê ghi sổ. “Không phải là mỗi ngày tao được lĩnh lương”. Tôi đành theo nó, ngày hai bữa, vào Khâm Lớn ăn cơm Câu lạc bộ. Ăn uống no nê, ghi sổ xong xuôi, trên đường về tôi mới móc bài thơ đưa nó. Tôi bán luôn bản quyền, bán cả quyền để nó ký tên. Tôi sợ đưa thơ trước, nhờ gặp trực trực ghi sổ thì xấu hổ lắm.

Nghề làm thơ chống cộng thuê, giá bình dân, giúp tôi no bụng, đồng thời, giúp tôi xử dụng niềm luật dễ dàng. “Trăm hay không bằng tay quen”. Vì thi ca của tôi lúc này vị ... bao tử, nên tôi đã quên *Thơ Thuyền, Nhân Loại*. Tôi chưa biết ngày mai của tôi ra sao. Tất cả phụ thuộc vào Trần Văn Thông. Giữa tháng 4-1955, khách hàng thơ của tôi báo tin buồn:

- Mãn khóa cán bộ thông tin rồi !

- Mà hết thuê tao làm thơ.

- Ừ.

- Còn thuê gì khác không ?

- Không.

Nó rút tặng tôi hai trăm.

- Tao vừa lĩnh lương, mà cầm tiêu đỡ.

Nó khao tôi châu cơm tám giò chả Quốc Hương. Rồi mỗi đĩa một ngả. Tôi ăn dè 200 đồng. Cuối tháng, tiền cháy. Cứu tinh thứ hai xuất hiện. Lại thằng đầu bự Đồng Văn Khải. Nó cũng đã bỏ Cán bộ thanh niên sơ cấp.

- Mà đi làm cách mạng không ?

- Chống ai ?

- Lung tung.

- Đi đâu ?

- Ban mê thuật.

- Rừng rú hả ?

- Rừng rú. Chiến khu đấy.

- Có lương không ?

- Bảo đảm cơm no.

Tôi đang lo đói, có thằng rủ đi làm cách mạng, bảo đảm cơm no thì mừng quỳnh. Thú thật,

tôi đã chán Nhà Hát Tây. Những chuyến tàu vét chở từ Hải phòng vào đây rất cặn bã của xã hội miền Bắc. Công chức, giáo chức và các gia đình khá giả lần lượt giã từ Nhà Hát Tây hết. Đồ Tiên Đức gạ tôi xuống trại học sinh Phú Thọ. Cảm thấy mình không có khiếu học, tôi cảm ơn nó. Nhà Hát Tây còn gì đâu ? Em Long phốp pháp. Em Hải đen gầy đét. Em Trinh vô duyên. Và cái câu tiêu công cộng ngập phân. Tôi cần thoát khỏi xã hội Nhà Hát Tây ô hợp, giẻ rách. Tôi cần thay đổi không khí.

- Mày nhận lời chứ ?
- Chắc chắn cơm no không ?
- Chắc chắn.
- Tao nhận lời.
- Mai tao tới dẫn mày gặp thằng Truyền.
- Truyền nào ?
- Dân Hưng Yên, nó lo vé xe đò.

Hai hôm sau, sáng sớm tinh mơ, tôi đã ngồi trên xe đò Sài gòn – Ban mê thuật, hàng ghế cuối cùng. Tôi đi làm cách mạng ! Bố ơi, con đi làm cách mạng chống lung tung. Con đi làm cách mạng được bảo đảm cơm no mà không nghe nói được bảo đảm áo ấm. Đói đầu gối phải bò. Bò trên đường cách mạng kể như vẽ vang cho đầu gối. Tạm biệt Sài gòn. Tạm quên thi ca, tiểu thuyết. Đã có dấu mốc thứ hai trong “sự nghiệp văn chương” của tôi. Đó là dấu mốc sau 1954. Dấu mốc này được tính bằng những bài thơ, những tùy bút tặng luôn bản thảo cho em gái Ngọc Anh; những bài thơ chống cộng bán đứt cho Trần Văn Thông; một truyện ngắn đăng trên *Thợ Thuyền*; một bài thơ đăng trên *Nhân Loại*. Dấu mốc thứ hai rõ nét và tiến bộ hơn dấu mốc thứ nhất.

Văn học sử Việt Nam hiện đại đã bị tôi cầm dao thọc cổ máu chảy ròng ròng ...

1 Trong một băng nhạc sản xuất tại Mỹ, Bến Hải đã biến thành biển rộng tức là Thái Bình dương. Biến hóa kiểu này, nhạc sĩ Nhật Bằng có thể bị bắt lại sau ngót 7 năm tù tội. Nó còn giả dối ở chỗ, không có áo cơm đùm bọc nhau bên Mỹ đâu, chỉ có ăn cướp cơm chim của nhau. Thí dụ tác quyền của Nhật Bằng.

2 Đây là bài Giảng văn lớp đệ nhất năm 1947 (đệ thất 1950 vùng tè) ở trường trung học Trịnh Phổ, Thái Bình. Tôi học trung học nửa năm ở đây rồi bỏ học 3 năm liền. Bài thơ, có thể, tôi nhớ sai vài chữ.

Tôi không hiểu người ta rẽ vào cách mạng từ ngã ba Ông Tạ, ngã năm Chuồng Chó hay ngã tư Chú Iá. Riêng tôi, tôi xông xộc nhảy vô cách mạng từ ngã sáu Đồi Rách. “Đêm giã từ Hà nội”, tôi tưởng tôi sẽ định cư cuộc đời học hành ẩm ố của mình ở đồn điền cao su nào đó tại miền Nam. Ai ngờ gặp gỡ thằng đầu bự Đồng Văn Khải, rồi gặp gỡ Đặng Xuân Côn, “trót nghe theo lời u mê”, tôi tạm cư ở Nhà Hát Tây, văn nghệ văn gừng các ké. Bấy giờ, phong trào thi văn đoàn còn nằm rữ, chưa dựng cột buồm, chứ không, tôi đã lập thi văn đoàn Bí Tất hoặc thi văn đoàn Áo Thun, chủ trương một nền văn nghệ bi quan cận kiến đối lập với văn nghệ lạc quan viễn kiến của Nguyễn Đức Quỳnh. Văn nghệ văn gừng của tôi táo bôn hơi lâu, nhờ thuốc xổ của thi sĩ Văn Nghĩa – nhà thơ bị đào đá – và nhờ em Ngọc Anh xùy mạnh mẽ, nó đã khai thông. Tôi có bao nhiêu “tác phẩm” tặng đào, nhớ không rõ vì đào gom luôn bản thảo. Tôi có bao nhiêu “tác phẩm” bán đứt cả quyền ký tên cho Trần Văn Thộng, nhớ không rõ vì cơm cháo đã tiêu hết troi. Đi theo tôi làm cách mạng, có truyện ngắn “Đình công” đăng trên tuần báo *Thợ Thuyền* và bài thơ “Nắng lửa” đăng trên tuần báo *Nhân Loại*. Tôi đã là nhân viên chấm công của Phủ đặc ủy di cư, đã “khước từ” Cán bộ sơ cấp thanh niên. Cứ kể ra, cuộc đời tôi đã có tí ti sóng gió. Bị bà mợ xử ức, bị xã hội bỏ rơi, tôi đi làm ... cách mạng ! Cách mạng của tôi bảo đảm cơm no. Bữa cơm cách mạng no nê căng ròn và ngon lành thứ nhất xảy ra tại Bù Đăng, trong tiệm cơm giữa đường Sài gòn – Ban mê thuật. Bữa cơm khiến tôi quên Bình Xuyên của Bảy Viễn đã bị quân đội của thủ tướng Ngô Đình Diệm đánh chạy tóe khói vô Rừng Sát, khiến tôi quên tướng Cao Đài ly khai Trịnh Minh Thế đem thuộc hạ về Sài gòn đầu hàng chính phủ Việt Nam cộng hòa, khiến tôi quên Kim Chung, Đại Thế Giới bị dẹp tiệm và Bình Khang được giải phóng.

6g chiều, ba nhà cách mạng, Nguyễn Văn Truyền, Đồng Văn Khải và tôi đến Ban mê thuật. Ra đón chúng tôi là đàn anh Nguyễn Văn Luyện. Vị đàn anh này dẫn chúng tôi vào chiến khu. Vượt qua ba con suối cạn, đi ngót một giờ đường mòn, chúng tôi dựng độ chiến khu. Và, chiến khu của tôi mang tên Trại định cư Hưng Đạo. Hưng Đạo không phải là Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn đâu. Mà hưng đạo Phật. Vậy thì trại định cư Hưng Đạo gồm toàn dân di cư theo Phật giáo. Trưởng trại là Đại đức Thích Độ Lượng. Chiến khu cách mạng chống lung tung của tôi có vẻ ... kỳ quá xá. Tôi leo lên cái nhà sàn, nửa trong của hai gia đình khác, nửa ngoài của gia đình cách mạng chúng tôi. Bữa cơm tối khá linh đình. Có con gà luộc chặt miếng lớn rắc lá cam thái nhỏ như sợi chỉ trông ngoạn mục lắm. Thêm đĩa sào lòng gà với mướp và bát canh miến nấu bằng nước luộc gà. Tôi đã nghĩ mình sẽ làm cách mạng suốt đời, với những bữa ăn giống bữa ăn này. Mâm cơm gồm các nhà cách mạng Nguyễn Văn Mao, Phạm Văn Sơn, Đoàn Trọng Thu, Nguyễn Văn Truyền, Đồng Văn Khải, hai vị đàn anh Nguyễn Văn Luyện, Trần Tiến và tôi. Gia đình riêng của đàn anh Nguyễn Văn Luyện gồm bà mẹ già, bà vợ, ba đứa con và cô Khiết, một thứ Cô Giang, Cô Bắc hôm nay. Những người này đã cơm nước xong xuôi trước khi chúng tôi tới.

Như sinh hoạt của các gia đình di cư, chúng tôi đi ngủ sớm. Đêm ấy, tôi đẩy giấc trên nhà sàn.
o o o

Không một ai nói gì với tôi về cách mạng cả. Tôi rất muốn biết cách mạng của tôi thuộc loại cách mạng nào và tôi sẽ lãnh sứ mạng chống lung tung ra sao. Nhưng tất cả im lặng. Hình như đàn anh đã chỉ thị bảo vệ bí mật cơ sở. Tôi không dám hỏi. Tuy nhiên, chúng tôi thân nhau sớm sủa và được đàn anh Luyện giới thiệu với bà con trong trại là họ hàng gần cả. Nghĩ dưỡng sức vài ngày, Khải và tôi bắt đầu công tác cách mạng. Nghĩa là chúng tôi vào rừng hạ cây khiêng về dựng một cái nhà sàn riêng biệt, gần con suối và xa hân trại Hưng Đạo. Chúng tôi cưa cây vừa vừa, chặt cành rồi vác bễ làm cột kèo ... Các chiến sĩ “cựu trào” đã thực hiện quá nửa công tác kiến trúc cái sườn nhà. Khải và tôi cưa cây, chặt cành, vác cây ngót một tháng đủ để tay chai, vai chai thì sang “khâu” cắt tranh lợp nhà. Cưa, dao,

liềm, búa, cuốc, xẻng của cách mạng chống lung tung do Mỹ viện trợ ! Chúng tôi ăn gạo Mỹ, phó mát Mỹ, dầu Mỹ. Chúng tôi uống sữa bột Mỹ, mặc quần áo cứu trợ của Mỹ. Cuộc đời tôi đã rẽ đúng vào khúc mà tôi tiên đoán. Thay vì đi cao mủ cao su đồn điền, tôi đi “chém tre dẫn gỗ trên ngàn”. Cu ly hay cách mạng đều giống nhau ở chỗ gian khổ. Cái gian khổ của cu ly thì có lương cơm cà phê, thuốc lá, nhậu nhẹt lai rai. Cái gian khổ của cách mạng thì có ... tương lai huy hoàng của dân tộc. Tôi vốn là thằng học trò hoang đường, nay bước vào kỷ luật cách mạng thì cảm cảnh lắm lắm. “Hữu thân hữu khổ phân nan cùng ai”. Tôi muốn bỏ rừng về xuôi. Khổ nổi không còn đồng tiền nào dính túi. Vả nữa, tôi tò mò, đợi xem cách mạng nó hứa hẹn gì với mình.

Đọc *Đôi bạn và Đoạn tuyệt* của Nhất Linh, tôi thấy anh chàng Dũng đi làm cách mạng phơi phơi, phiêu bồng quá. Còn tôi, tôi vất vả chân lấm tay bùn. Sau bữa cơm “chào mừng vô chiến khu”, các chiến sĩ cách mạng chống lung tung ăn cơm với rau dền đại nẫu phó mát Mỹ. Cuối tuần, thực đơn thêm tôm khô giã nhỏ đúc trứng. Chúng tôi thiếu chất thịt, chất mỡ, chất đường. Sữa bột viện trợ Mỹ không đường uống chán ngấy. Và uống là nhuận tràng lia chia. Con đường mòn gần “cơ sở” cách mạng, tôi đặt tên là đường Hoa Thịnh Đốn. Bởi vì, chúng tôi đã “khước từ chủ nghĩa tư bản” trên con đường này. Bao tử cách mạng không chấp nhận tư tưởng đế quốc. Sữa bột Mỹ vừa vào là ra liền. Ra không mệt. Biện chứng pháp gọi là té re êm ái. Nếu đầu óc tôi chưa biết “chống Mỹ cứu nước” thì bao tử tôi đã chống Mỹ xâm lược, chống thực dân mới đầu độc con người bằng sữa bột quá “đắt” phế thải.

Bằng rau dền đại dân tộc kết hợp phó mát vàng khè viện trợ Mỹ cộng với gạo hạt tròn, tôi đã phục vụ cách mạng chống lung tung của tôi. Những ngày đi cắt tranh thật gian khổ. Buổi sáng, chính quyền Ban mê thuật gửi chú lính Ra đê lái chiếc cam nhông chở “quân phản loạn” đến khu rừng tranh xa tít tắp. Có hôm, xe hư phải ngủ giữa đường rừng. Có hôm xe đang leo dốc cao, chết máy, tụt từ từ. Chưa đến nỗi “mồ hôi lạnh” xuống dốc không phanh. Cây xấu hổ – trinh nữ mẹ gì – bám đầy gốc cỏ tranh. Tay thiếu gang đeo, xước xát chảy máu. Tôi đã hy sinh nhiều giọt máu cho cách mạng. Chiều lạnh, nhúng tay xuống nước suối độc, buốt không tả nổi. Gai trinh nữ hay gai cách mạng ? Nhờ một đêm ngủ rừng, tôi có cảm giác sợ hãi thiên nhiên và hiểu được sự huyền bí trong im lặng.

Cắt tranh đủ lợp nhà, tôi phải vào rừng sâu, khu rừng ẩm thấp chặt nửa về đan sàn và làm vách. Vất vả hút của tôi hơi nhiều máu. Tôi vác hai chục cây nửa chạy phăng phăng qua cầu khỉ. Tôi không ngờ mình “lao động tiến bộ” thế. Nhờ cách mạng chống lung tung rèn luyện, 19 năm sau tôi có thể phan đầu để tồn tại khi bị cách mạng vô sản đẩy dọa. Tôi là nạn nhân của đủ loại cách mạng, kể luôn cách mạnh lặc quyền xô số.

Khi “cơ sở” mới hoàn tất, chúng tôi bỏ “cơ sở” cũ. Đêm đầu tiên ở “cơ sở” mới, đàn anh Luyện dạy chúng tôi bắt chước hổ gầm. Chúng tôi ra xa bờ suối, chụm hai bàn tay vô miệng, hướng về trại Hưng Đạo, thay phiên nhau ... gầm ! Sáng sau, cả trại sợ hãi vì chúa sơn lâm đã lảng vảng khu nhà sàn của chúng tôi. Đàn anh Luyện xác nhận cộp đã đánh hơi người. Đàn anh giải thích với đàn em:

- Để thiên hạ không dám bén mảng quanh “cơ sở cách mạng” !

Tôi phục và ớn thủ đoạn cách mạng chống lung tung. Ổn định “cơ sở” xong xuôi, chúng tôi có phiên họp quan trọng. Đàn anh nói:

- Các chú đã trải qua thời gian thử thách. Chỗ này là Lam Sơn. Cách mạng sẽ khởi nghĩa từ đây. Và cũng từ đây, chúng ta tự lực cánh sinh, vừa canh tác vừa trau dồi lý thuyết cách mạng. Cách mạng của chúng ta có chủ nghĩa chỉ đạo. Chủ nghĩa của chúng ta là chủ nghĩa Duy Dân. Chủ nghĩa Duy Dân cao siêu nên muốn hiểu thấu đáo, các chú cần có ý niệm về triết học. Vậy, trước hết, các chú phải học triết học nhập môn.

Tôi đã biết cách mạng của tôi là Duy Dân, có chủ nghĩa cao siêu dẫn đường chỉ lối. Thăng cu Đồng Văn Khải dám nói cách mạng Duy Dân là cách mạng chống lung tung.

- Đường vào Duy Dân chủ nghĩa khó khăn. Vì nó là triết học, là học thuyết trên tất cả học thuyết thời đại này. Các chú chịu khó học, trí tuệ các chú sẽ thăng hoa. Và không cần cử nhân, tiến sĩ, kiến thức các chú sẽ sâu rộng. Các chú sẽ lãnh đạo dân tộc, sẽ là bộ trưởng tương lai, nếu thích địa hạt chính trị; sẽ là nhà văn, nhà thơ lỗi lạc, nếu thích địa hạt văn nghệ ...

Tôi nghe sướng tai quá. Chủ nghĩa Duy Dân đã gãi đúng chỗ ngứa văn nghệ của tôi.

- Hôm nay, chú Khải và chú Long có thể biết rõ anh em. Như anh Trần Tiến, giáo sư Pháp văn trung học tư thực Phan Sào Nam, Sài gòn. Trường Phan Sào Nam là nghĩa thực của chúng ta. Anh Tiến khước từ thụ phong linh mục ở Bùi Chu, anh mê thơ của lãnh tụ Lý Đông A của chúng ta và anh gia nhập Duy Dân. An em Duy Dân ta rải rác khắp nơi, toàn là tinh hoa cả. Viết văn, viết báo lừng danh có Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng, Thái Lăng Nghiêm ... Cảm tình viên của Duy Dân có nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh, thượng tọa Thích Tâm Châu.

Tôi ngẩn ngơ nghe đàn anh nói. Các “đồng chí” của tôi vĩ đại ghê.

- Nơi đây, chúng ta có thi sĩ Đoàn Trọng Thu và thi sĩ Nguyễn Văn Mạo, bút hiệu Hải Phương.

Hai ngọn núi trước mặt tôi. Vậy mà ngót ba tháng trời gần gũi, tôi không hề biết. Có những thứ tinh hoa không chịu phát tiết ra ngoài. Dưới mắt tôi, Đoàn Trọng Thu hiền lành nhưng thích lên mặt thầy đời và tinh hoa của chàng là ... hôi nách kinh khủng. “Thối tai, hôi nách đồ quách ra đường”. Còn Nguyễn Văn Mạo gần bát sách, ưa xỏ nhơ và quê mùa hết chỗ chê. Tôi đã tặng chàng các biệt danh Đồ Mạo, Phó Mạo và một biệt danh tục tĩu phải nói ngược. Nhờ phiên hợp ... nhập môn Duy Dân, tôi xoắn lấy hai thi sĩ cách mạng chính gốc. Rồi tôi hiểu rõ hơn cuộc đời ái tình và sự nghiệp của hai chàng.

Thi sĩ Hải Phương, tác giả bài thơ *Thăng Long trường ca* bắt hủ đã đăng báo mới đây và chương trình Tao Đàn của Đinh Hùng khen nức nở, ngâm đi ngâm lại. Chàng đã sáng tác mấy chục bài thơ tình lãng mạn cách mạng. Khi tài năng Nguyễn Văn Mạo đã được lôi ra ngoài ánh sáng và khi bớt “chém tre đâm gỗ trên ngàn”, chàng thường sáng khoái ngâm vang thơ chàng khiến tôi thuộc một đoạn:

*Em có bao giờ nhớ đến ta
Ra đi không một chén quan hà
Ra đi cho bước chân rời rã
Ôm bóng em trong bóng nguyệt tà* ¹

Thi sĩ Đoàn Trọng Thu thì đã có cả một tập thơ xã hội. Thuở học trò, chàng từ Bùi Chu lên Hà nội trọ học ở nhà người đồng hương. Chàng mê con gái ông chủ nhà trọ. Nàng mê chàng. Sau, nàng bỏ chàng mê một người trên chân chàng là nhà văn, giáo sư Nguyễn Sĩ Tế, rồi lấy giáo sư Tế. Đoàn Trọng Thu thất tình, bỏ học, đi làm thơ rồi đi làm cách mạng. Một vài đoạn thơ của chàng:

*Em héo tuổi hoa giữa phố phường
Giữa khi cuộc sống phải lên hương
Mà không ấp áp lòng tin tưởng
Em ạ nhớ còn anh mến thương*

...

*Em đã mơ gì em ơi
Lúa chín hai mùa no ấm
Chồng giết giặc về em vui*

...

*Ai khổ suốt đời chuyện áo cơm
Đau thương không nhắc nhớ cầm hờn
Cháy nhà mất đất đau ngùn ngụt
Nguyễn dựng lại đời tươi sáng hơn*

Đoàn Trọng Thu thích lên mặt thầy đời mà bót vênh vào chuyện thi ca. Nguyễn Văn Mao thì đặc ý Thăng Long trường ca và coi như mình đã tới. Tôi phục cả hai. Nhưng tôi thân Đoàn Trọng Thu hơn. Hai thi sĩ này giống hai con chim cùng hót hay, cùng đậu chung một cành và, dù là cành cây cách mạng, vẫn không chịu nhau về tài làm thơ. Tôi đưa thơ của tôi cho thi sĩ Nguyễn Văn Mao coi, chàng khuyên tôi nên học chữ Nho và chàng sẽ dạy tôi. Chàng bảo giỏi chữ Nho sẽ giàu từ ngữ. Tôi nói điều đó với Đoàn Trọng Thu, thi sĩ bị đào đá cười:

- Thi sĩ là người chế ra chữ nghĩa mới, cần gì phải thưởng chữ nghĩa của Tội
- Chế cách nào ?
- Có hai cách.
- Cách thứ nhất ?
- Dùng những chữ thật bạo, thật lạ cho thơ của mình. Thoạt đầu nghe chướng tai lắm, sau được công nhận là hay. Đó là của riêng mình, là sáng tạo.
- Cách thứ hai ?
- Dùng những chữ dân gian mà thi sĩ khác chê. Bỏ những chữ tầm thường nhát vào thơ đúng chỗ cũng là chế chữ nghĩa mới cho thi ca đấy.
- Thí dụ ?
- Chữ *với* chẳng hạn. Chữ này ảm ớ quá, “hèn” quá. Thế mà Nguyễn Bính dùng nó tuyệt diệu. Chữ *với* của Nguyễn Bính tình tự dân tộc nhất.

*Xóm giếng đã đổ đèn đầu
Chờ em ăn giập miếng trầu em sang
Đôi ta cùng ở một làng
Cùng chung một lối vội vàng chi anh
Em nghe họ nói mong manh
Hình như họ biết chúng mình **với** nhau*

Chữ *luồn* có chi tân kỳ. Luồn lọt, luồn cúi, chui luồn. Thế mà Xuân Diệu ném chữ *luồn* vào chỗ tài tình, xứng đáng bậc thầy.

*Đã nghe rét mướt **luồn** trong gió*

Rét mướt chui luôn vào gió thì số một. Đó, thí dụ về chữ của thơ. Chữ làm rục rở nghĩa. Nghĩa làm chói sáng thơ. Thơ còn cần hình ảnh. Hình ảnh là hơi thở của thơ, là mạng sống của thơ. Thiếu hình ảnh, thơ chết. Một bài thơ chở chất một tâm sự nào đấy, chưa cần biết. Chỉ biết rằng, muốn tâm sự ấy gây xao xuyến cho người đọc, bài thơ phải có chữ mới, hình ảnh mới. Và âm nhạc, dĩ nhiên.

Thi sĩ Đoàn Trọng Thu là tay lý luận thi ca. Tôi thấy tôi bé nhỏ quá. Cách mạng đã hấp dẫn tôi, không phải vì chủ nghĩa Duy Dân, vì lãnh tụ Lý Đông A mà vì thi sĩ Đoàn Trọng Thu hồi nách. Tôi chưa là đồng chí của Thu. Theo đàn anh Nguyễn Văn Luyện, chúng tôi còn phải học tập chủ nghĩa Duy Dân, còn phải thử thách thêm một giai đoạn nữa rồi mới được tuyên thệ để trở thành đảng viên của Duy Dân đảng. Vậy tôi học tập chủ nghĩa Duy Dân ra sao ?

Mỗi buổi sáng, đàn anh Trần Tiến đưa tôi vào triết học ... nhập môn. Đàn anh cầm cuốn *Triết học nhập môn* của Foulquier vừa dịch vừa giảng giải. Tôi đọng độ danh từ triết học muốn nhức đầu. Nội cái định nghĩa triết học là gì đã khiến tôi chán nản. Tôi khoái nghe Đoàn Trọng Thu lý luận thi ca hơn là nghe đàn anh dẫn tôi trên “nẻo về của ý”. Nhưng mà tôi vẫn cứ bị học triết học. Học và không nhớ mình đã học cái gì ! Sáng học, chiều canh tác. Qua phần triết học nhập môn, chúng tôi học chủ nghĩa Duy Dân. Bắt đầu chép *Chu tri lục*, tác phẩm của lãnh tụ Lý Đông A. Tôi chép như cái máy, chẳng hiểu nổi ngôn ngữ của lãnh tụ. Chép xong lại phải gói kỹ bằng bao ni lông đem chôn dấu, khi nào học thì đào lên, học xong đem chôn. Bí mật ! Tôi được sống thời hội kín. Rồi tôi chép *Huyết hoa* và thơ của Lý Đông A. Lãnh tụ Lý Đông A viết tùy bút thật hay, chữ nghĩa thật lạ. Thơ của ông chính khí dạt dào. Tôi mê thơ Lý Đông A, mê văn Lý Đông A. Còn *Chu tri lục*, tôi chán ngấy. Đọc thơ văn Lý Đông A, tôi thấy ông nhắc nhở hoài thứ năng mà ông gọi là năng Viêm, rồi phương Viêm. Tham vọng của ông, ông mơ ước tạo dựng một nước Đại Việt hùng cường, uy danh của thời Lý thời Trần. Do đó ông lấy tên Lý Đông A. Duy Dân tính niên biểu bằng quốc lịch, căn cứ từ Hùng Vương dựng nước. Riêng điều này, Duy Dân đã dân tộc hơn hết và làm rạng nghĩa tuyên ngôn độc lập của Lý Thường Kiệt: “Nam quốc sơn hà nam đế cư”. Chủ nghĩa Duy Dân do chính người Việt Nam sáng tạo. Chủ nghĩa ấy mưu cầu độc lập, tự do, dân chủ, bình đẳng, hạnh phúc cho nòi giống Bách Việt gồm các nước, căn cứ theo một bài hát của Duy Dân: *Đứng lên, Việt, Thái, Mèo, Miên, Lào, Mường, Mã lai, Pa, Pu, Chăm, Ngái lầy, Phi lip pin*. Tôi không biết các nước Pa, Pu, Ngái lầy nằm ở chỗ nào của nước Đại Việt xưa tính từ Động Đình Hồ trở xuống. Rõ rệt nhất, Lý Đông A đã muốn kết hợp các nước Đông Nam Á châu thành một liên bang để chống sự xâm lược của nòi giống Hán. Theo sử Duy Dân, Đông Nam Á có ba nòi giống đáng kể: nòi Hán (Trung Hoa), nòi Bách Việt và nòi Di (Nhật Bản, Cao ly). Nòi Hán là kẻ thù truyền kiếp của nòi Bách Việt và thường xuyên nuôi mộng thôn tính nòi Bách Việt. Nòi Bách Việt nhờ có Đại Cồ Việt đương đầu mà tồn tại. Nhưng mãi mãi cần thiết kết hợp thành một liên bang để phòng nòi Hán tràn xuống. Sử quan của Duy Dân về huyền sử Việt Nam thật sáng tạo. Quan niệm sử ấy biến mọi chuyện hoang đường thành niềm kiêu hãnh rục rở của giống nòi. Thí dụ huyền sử “Phù Đổng thiên vương đánh giặc Ân”. Huyền sử này chứng minh người Việt đã biết dùng đồ sắt (roi sắt, ngựa sắt) trong khi Âu châu còn chìm ngập trong vũng lầy man rợ. Nó chứng minh thêm rằng, người Việt khi cần biểu lộ sức mạnh thì mạnh như Rồng (cậu bé Phù Đổng vươn vai lớn lên, một mình dẹp tan giặc) và khi sứ mạng đã hoàn tất thì thoát tục, tìm chỗ ẩn danh như Tiên (Phù Đổng bay lên núi), không thèm ở lại làm chủ tịch hay tổ chức bầu cử gian lận làm tổng thống. Cũng không thèm ai suy tôn mình “vĩ đại, sống mãi trong sự nghiệp chúng ta”. Rồng Tiên đã mai một. Cái nhân sinh quan nguyên thủy Việt Nam mất rồi. Bây giờ, Rồng Tiên hóa thành liu điu !

Tôi mê tùy bút Lý Đông A, mê thơ Lý Đông A, mê sử quan và triết lý kinh tế bình sản của Duy Dân, nhưng Duy Dân dân tộc cực đoan và quá khích cực đoan. Duy Dân chống cộng sản Nga, chống tư bản Mỹ, chống Trung Hoa, hẳn nhiên, chống tay sai của thực dân, đế quốc cũ và mới, chống luôn các Giáo hội, nhất là Giáo hội Vatican mà Duy Dân gọi là cộng sản đen. Duy Dân chỉ chấp nhận Phật giáo vì Phật giáo ở Việt Nam ràng buộc mật thiết với

dân tộc Việt Nam. Với Duy Dân, chỉ có Tổ Quốc, không có Giáo Hội dù Giáo Hội khiêm tốn đứng sau Tổ Quốc. Nếu lãnh tụ Lý Đông A lập thuyết vào đầu thế kỷ thứ 19, chủ nghĩa Duy Dân đã cứu rỗi dân tộc thoát cảnh đô hộ của thực dân Pháp và cảnh thao túng của đế quốc Mỹ, đế quốc Nga. Không một tiểu nhược quốc nào còn được phép theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan và quá khích ở cái thế hôm nay. Hóa cho nên Duy Dân đã, hình như, lạc hậu, trong cuộc chơi đánh đu tư tưởng của nhân loại ở cuối thế kỷ thứ 20. [2](#)

Đồng Văn Khải nói láo mà đúng. Cách mạng của tôi chống lung tung thật. Bài báo bí mật tôi đọc ở “chiến khu” có câu: “Một chén thuốc độc cho Bảo Đại, một giải lụa cho Ngô Đình Diệm, một con dao găm cho Hồ Chí Minh”. Duy Dân 1955 không còn Lý Đông A nữa (ông đã bị Việt Minh giết trong cuộc tàn sát Duy Dân trên đồi Nga My năm 1946) và họ đã “tam âm triều diễm” cho ba tay sai của ba đế quốc thực dân Pháp, Mỹ, Nga. Thế thì tôi đã ăn gạo Mỹ viện trợ qua trung gian cấp phát Ngô Đình Diệm để làm cách mạng chống cả Pháp, Mỹ, Nga lẫn ... Vatican ! Hồi đó, tôi không có ý nghĩ trào lộng này. Được nghe kể về cuộc đời bốn ba của ông Lý, tôi rất kính trọng ông. Cái sở học trù m thiên hạ của ông, tôi nghĩ, ông Lý là người Việt Nam xuất chúng. Ông thiếu mỗi chữ *thời*. Bây giờ, tôi vẫn kính trọng Lý Đông A và chủ nghĩa Duy Dân. Những kẻ tiếp nối sự nghiệp Lý Đông A, đàn anh của tôi, đã không được gần gũi ông Lý nên không hiểu nổi tư tưởng của ông nên, hầu hết, bị tẩu hỏa nhập ma, biến thành các lãnh tụ gàn và biến học thuyết Duy Dân thành triết lý “bất chiến tự nhiên thành”, triết lý cách mạng nằm há miệng dưới gốc cây sung, tiêu cực, thụ động, ngơ vực ... Và máu lãnh tụ duy ngã độc tôn ngập ứ. Và thủ thuật cây hy vọng hão huyền vào tâm hồn đàn em để đàn em tình nguyện làm âm binh bu quanh phù thủy, suy tôn phù thủy và làm guốc cho phù thủy lê mòn vẹt cũng thừa thãi.

- Duy Dân hiện nay có bốn hệ phái, đàn anh Luyện nói. Hệ phái tổng lý (Chánh tổng và Lý trưởng) ngu dốt, không hiểu *Chu tri lục*, chỉ có công chứa chấp và phục dịch ông Lý, nay vào Nam cũng nhận mình là lãnh tụ Duy Dân, thừa lệnh ông Lý. Đó là lão Nhân già và Thản già. Hệ phái phản đảng đã bị kết án xử tử, bán anh em cho Ngô Đình Nhu là tên Việt gian Lê Quang Luật. Hệ phái Nhân già, hệ phái Thản già, hệ phái Lê Quang Luật là đồ giả mạo. Chỉ có hệ phái của chúng ta là Duy Dân chính thống do anh Đình lãnh đạo.

Duy Dân, như thế, đã phân hóa từ 1955. Như Việt Nam quốc dân đảng. Như Đại Việt. Trở lại tôi, kẻ lạc đường vào Duy Dân ... Tôi bằng lòng sáng học chủ nghĩa Duy Dân, chiều cuộc đất cạnh tác, chủ nhật nghỉ, sinh hoạt cá nhân tự do. Tôi thường rủ Đoàn Trọng Thu đến khúc suối vắng, nằm trên bờ cỏ nghe suối reo và gạ chuyện văn nghệ.

- Ông đã đọc thơ của tôi, ông thấy thế nào ?

- Ông đừng buồn nhé !

- Cam đoan không buồn.

- Thơ của ông rộng tuếch !

Tôi đau nhói. Đoàn Trọng Thu tiếp:

- Vì ông lười tìm chữ mới, hình ảnh lạ. Nếu ông điều luyện, ông sẽ thành sáo như thơ Phó Mạo. Thơ của Phó Mạo ước lệ và hay vay mượn chữ và hình ảnh của thi sĩ khác.

Tôi hỏi:

- Còn văn của tôi ?

Thu đáp:

- Văn ông hút hơi.
- Có triển vọng dài hơi chăng ?
- Có chứ. Tôi khuyên ông nên làm thơ trước đã. Ông chịu khó tìm chữ mới, hình ảnh mới. Làm thơ thật nhiều, càng nhiều càng tốt. Thơ hay hoặc không hay không thành vấn đề. Vấn đề là làm thơ nhiều.
- Tại sao ?
- Để ông giàu chữ, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu. Đến khi ông viết văn, văn ông nhiều chữ, nhiều hình ảnh, nhiều nhạc điệu. Nhà văn phải coi thơ của mình như một trương mục để dành chữ nghĩa. Ông thích trở thành nhà văn hay nhà thơ ?
- Cả hai.
- Một thôi.
- Nhà văn.
- Nhà văn cần sống nhiều, đọc nhiều. Sống nhiều hơn đọc nhiều. Nếu sống nhiều và đọc nhiều thì quá tốt. Ông sẽ đừng từ chối bất cứ cơ hội nào dẫn ông phiêu lưu vào cuộc sống, dẫu những cuộc phiêu lưu gặp ghềnh tai họa. Đã chấm dứt một giai đoạn nằm bàn đèn thuốc phiện nghĩ đề tài viết tiểu thuyết. Bến bờ ấy đã xa hút. Hôm nay là giai đoạn dần thân tích cực của nhà văn. Hôm nay nhà văn phải chứng kiến cảnh tượng phần nộ để phản kháng. Tiểu thuyết là gì ? Là phản kháng hiện hữu. Không chấp nhận thiên đường hiện tại, mơ ước triệu triệu thiên đường mới là phản kháng đấy.
- Ai dạy ông thế ?
- Tôi đọc và tôi suy tư.
- Ông nói tiếp đi.
- Nhà văn phải dám nổi loạn. Bản chất của nhà văn là nổi loạn. Nhà văn không chấp nhận hiện hữu, không chấp nhận luôn cả mình. Nhà văn phản kháng chính mình. Thường trực.
- Phản kháng cả cách mạng ?
- Chứ sao !
- Tại sao ông đi làm cách mạng ?
- Tôi rong chơi thôi. Tôi lên rừng hong vết thương đời. Vết thương lành, tôi bỏ rừng. Nghệ sĩ từ chối bất cứ cái gì ràng buộc mình. Thi sĩ thần phục một chủ nghĩa, y sẽ giống con ngựa kéo xe bị bịt mắt.

Đoàn Trọng Thu mỉa mai:

- Thời đại chúng ta không còn cách mạng nữa. Cách mạng mà thiên hạ lạm dụng chỉ là sự tranh chấp quyền bính thống trị, thứ cách mạng bệ rạc.

Tôi ngạc nhiên:

- Tại sao ông dám nói với tôi như thế ?

- Vì tôi đọc từ mắt ông ý nghĩ bỏ rừng. Thi sĩ là nhà tiên tri.

- Ông tiên tri thêm gì về tôi ?

- Có thể viết văn được. Nghe đây nhà cách mạng bắt đắcc dĩ: ông đừng bỏ rừng sớm. Bỏ sớm là dại. Bởi không có lần thứ hai nữa. Ông đang sống đây, tận hưởng cuộc sống đi ! Bốn mươi tuổi hãy viết tiểu thuyết. Cái hôm nay, ông viết vội, sẽ chỉ là bút ký, phóng sự tầm thường. Để nó thấm vào máu, nó gạn lọc qua thời gian, lúc ấy nó là tiểu thuyết. Tiểu thuyết không bao giờ là sự thật nguyên khối. Chỉ là *hình như*. Nếu nhà văn không xuyên qua cuộc sống đích thực của y, cái *hình như* của y vất đi.

- Thí dụ cụ thể đi !

- Thí dụ ông viết về cái chiến khu này bằng hình thức hồi ký, ông phải viết toàn sự thật. Và chỉ có những ai ở chiến khu này mới biết rõ và xác nhận ông viết đúng hay viết bỗ láo. Những người cũng đi làm cách mạng, cũng mạng tâm trạng và tâm sự như ông không nhìn thấy họ. Nhưng nếu ông viết bằng hình thức tiểu thuyết và nếu ông viết có nghệ thuật, chiến khu này không ở Ban mê thuật, ở nơi nào đó mà những kẻ đi làm cách mạng đọc xong thì ngẩn ngơ "*hình như* mình đã có lần ở đây, *hình như* nó viết về mình, nó viết giống mình". Tiểu thuyết là cõi, là vũ trụ bao la và quyền uy của nó vô cùng. Không có khẳng định hay phủ định trong tiểu thuyết. Tất cả đều *hình như*. Nhà văn miêu tả một nhân vật xấu biểu tượng trong tiểu thuyết, tất cả những kẻ xấu ngoài đời đều nghĩ *hình như* nhà văn lột tâm hồn mình. Cũng vậy, nếu nhà văn miêu tả một nhân vật tốt biểu tượng.

- Tiểu thuyết không phải là hoàn toàn tưởng tượng ?

- Có người phát biểu: Viết truyện tưởng tượng mà người đọc tin rằng truyện thật là đạt tới đích nghệ thuật viết tiểu thuyết. Có thể đúng, nếu chỉ là truyện giải buồn ở thời đại phăng phiu. Ở thời đại bão táp cuốn xoáy thân phận con người, tiểu thuyết không thể gào thét cô đơn, đập tung phần nộ bằng tưởng tượng. Chất liệu cấu tạo nó đòi hỏi nhà văn phải kinh qua thời đại, phải ngậm hơi thở của thời đại, phải chia sẻ đớn đau và mơ ước của con người trong thời đại khốn khổ ấy. Người ta gọi là kinh nghiệm sống. Bằng kinh nghiệm sống cộng với tưởng tượng, nhà văn sẽ làm nên tiểu thuyết nghệ thuật. Tôi có một thí dụ nhỏ cho ông: nhà văn miền Nam Dương Hà viết một tiểu thuyết thời chiến, nhan đề *Những bức thư tình*. Vì không sống ở Hà nội, chưa bao giờ biết Hà nội dù biết qua bài học địa dư, ông ta cho nhân vật phóng xe jeep tốc độ 100 cây số giờ mà hơn 1 giờ phóng xe từ ngoại ô nhân vật của ông ta mới vào trung tâm thành phố ! Có lẽ, Dương Hà nghĩ rằng ngoại ô Hà Nội là Nam Định, Thái Bình chẳng ?

- Tại sao ông không viết tiểu thuyết ?

- Vì đã có Tản Đà, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Nguyễn Xuân Huy, Thâm Tâm viết văn xuôi không hay và không biết viết tiểu thuyết. Thi sĩ khó viết nổi tiểu thuyết hay. Văn sĩ khó làm nổi thơ hay.

Tôi có thêm "sư phụ" Đoàn Trọng Thu, nhà lý luận văn nghệ sắc bén. Với tôi thôi. Đàn anh Nguyễn Văn Luyện đã cấy tương lai vào tâm hồn tôi: "Các chú sẽ lãnh đạo dân tộc, sẽ là bộ trưởng tương lai, nếu thích địa hạt chính trị; sẽ là nhà văn, nhà thơ lỗi lạc, nếu thích địa hạt văn nghệ"... Tôi thích trở thành nhà văn. Chủ nghĩa Duy Dân có công giúp tôi gặp Đoàn Trọng Thu. Tôi cần nán lại thời gian học hỏi văn nghệ, ném thêm mùi cách mạng và tìm cách xoay vé xe đò về Sài gòn.

Vài sinh viên Sài gòn lên thăm “chiến khu”. Họ nói về cuộc xuống đường của tuổi trẻ sẵn đuổi Văn Tiến Dũng, đốt phá hai khách sạn Majestic và Galliéni. Họ mang theo vài số tuần báo *Người Việt*, vài số nhật báo *Dân Chủ* có đăng bài của nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh ngợi ca sự phần nộ của kẻ sĩ hôm nay. Tôi ngưỡng mộ sinh viên Duy Dân lắm. Lại có phiên họp quan trọng xảy ra. Đàn anh vẽ kế hoạch đánh chiếm Ban mê thuật. Lúc này, quân đội Pháp còn đồn trú ở đây và Ban mê thuật vẫn là hoàng triều cương thổ. Tôi không hiểu quân đâu mà đánh chiếm Ban mê thuật. Thì cứ nghe. Khi nhóm sinh viên rời “chiến khu”, thêm vị đàn anh nữa lên. Vị đàn anh này tên là Nguyễn Văn Tâm, sinh viên sĩ quan Thủ Đức đào ngũ tháng 7-1954, viết báo, kể rằng đã làm thư ký tòa soạn cho *Người Việt*, rất thân Vũ Ngọc Các, Trần Việt Hoài, Doãn Quốc Sĩ, Lữ Hồ ... Đàn anh Tâm thấp, tóc hớt kiểu “giật mìn”, nói nhiều, gần như ba hoa. Đàn anh bảo đàn anh viết xã luận cho *Người Việt* ký bút hiệu Minh Đạo.

Một buổi chiều, chúng tôi đang lên luống trồng khoai thì có một thanh niên lạ mặt tới hỏi thăm đường ra thị xã. Thanh niên mời chúng tôi hút thuốc, chuyện trò khá lâu. Sáng hôm sau, hai đàn anh Trần Tiến và Nguyễn Văn Tâm khăn gói quả mướp rời “chiến khu” đáp xe đồ sớm về Sài gòn. Đàn anh sợ “mật vụ” đánh hơi theo dõi. Không khí “chiến khu” căng thẳng. Kế hoạch đánh chiếm Ban mê thuật ... hỏng ! Đàn anh Luyện chỉ thị chúng tôi ngưng canh tác, phân tán mỏng ban ngày, vừa làm tình báo vừa đề phòng bị bắt cả cụm.

Đoàn Trọng Thu hỏi tôi:

- Ông sợ không ?

Tôi đáp:

- Hơi rét.

- Sợ con mẹ gì. Nằm trong rọ, nó muốn nhúm lúc nào thì nhúm. Cứ đánh giá mình quá cao. Đàn anh chưa chi vắt đàn em chạy trước. Lý tưởng cách mạng đấy. Lãnh tụ đấy. Cứ thần nhiên mà sống. Cần mở mắt to.

- Ông có gì bất mãn ?

- Tôi rong chơi. Khí hậu ở đây tốt, tôi lợi dụng “chiến khu” chữa bệnh lao phổi. Ông đã thấy, tôi chỉ làm việc thật nhẹ.

- Còn tôi, tôi tị nạn ... dạ dày !

- Không ôm mộng bộ trưởng à ?

- Cái này to quá, tay tôi ôm không xuể.

- Còn nhà văn lỗi lạc ?

- Nhà văn thôi. Tôi nhờ ông dạy.

- Không có thầy giáo nào dạy ông làm nhà văn cả. Tôi gợi hứng cho ông. Tôi xui ông suy nghĩ. Duy Dân có tay văn nghệ nào cự phách đâu ? Kiến thức văn nghệ của tôi hữu hạn. Tôi đã nói hết rồi. Tôi nhắc lại, ông cần từng trải đường đời, hưởng nhiều cay đắng, bốn mươi tuổi ông nhìn lại ông, ông sẽ có chất liệu đã gạn lọc qua thời gian mà viết. Bấy giờ, cái ông tưởng quên thì ông lại nhớ, nhớ chính xác và nó giúp văn ông thiết tha, đậm thắm. Tôi khuyên ông đừng bao giờ làm mằm non văn nghệ, đừng bao giờ có đàn anh nổi tiếng đỡ

đầu, cất nhắc.

- Cám ơn ông. Tôi đã đọc hết tập thơ của ông, ông đã nghĩ nên xuất bản chưa ?

- Chưa.

- Tại sao ?

- Toàn là bài tập.

- Hay lắm chứ.

- Bài tập. Tôi sẽ xé bỏ và, có thể, chẳng thêm làm thơ nữa.

Đoàn Trọng Thu quả là tay khinh bạc. Cuộc đời rất hiếm thi sĩ không thêm in thơ.

Được rong chơi, tôi rong chơi khắp trại. Tôi lên trụ sở của đại đức Độ Lượng. Đại đức đã gặp tôi vài lần ở “cơ sở” cũ, rất cảm tình với tôi. Đại đức cứ gạ tôi làm bí thư cho ông, theo ông đi họp hành đây đó. Trót đóng kịch cách mạng, tôi không thể làm vui lòng đại đức. Giá tôi theo đại đức Thích Độ Lượng, dầu khó lên Niết Bàn nhưng, chắc chắn, tôi không bị xuống Âm Phủ leo qua cầu vòng Sở Công An, đề lao Gia Định, khám Chí Hòa, trại tập trung Sa Ác, Rừng Lát. Và nếu có căn tu, tôi đã thành thượng tọa làm thầy vô số tướng lãnh, bộ trưởng, nghị sĩ, dân biểu ... Hoặc vung tu, tôi cũng thành sư văn nghệ như Phạm Thiên Thư, cũng được gọi là thầy, cũng mang pháp danh Thích Đủ Thứ.

Nhân đại đức Độ Lượng hỏi tôi cần giúp đỡ gì không, tôi xin đại đức cái vé xe đò khứ hồi Ban mê thuật – Sài gòn, Sài gòn – Ban mê thuật và vài trăm đồng. Đại đức cho ngay. Tôi mót về Sài gòn một chuyến. Từ ngày lên rừng, tôi chưa viết cho Đặng Xuân Côn bức thư nào. Chẳng hiểu vắng tôi nó ra sao. Tôi vẫn cay em gái Ngọc Anh, vẫn nhớ em từng đêm. Chỉ vì bài thơ thổ tả đăng *Nhân Loại*, bài báo khỉ gió đăng *Thợ Thuyền* mà tiếc văn thơ tặng em đến nỗi mắt em thì đau quá. Than ôi, vì văn nghệ ta có em, vì văn nghệ ta đá em ! Đá em, ta hết những chiều tan học đón em về, ta hết những lần hẹn hò thơ mộng, ta hết hôn em. Giá không mắc cái hệ lụy cơm áo, tôi sẽ tiếp tục nằm Nhà Hát Tây làm thơ tặng em luôn bản thảo, năn nỉ xin lỗi em là em cho hôn dài dài. Rót cuộc, “đói đầu gối phải bỏ”, tôi không thể bỏ thăm em, đành bỏ ... đi theo Duy Dân. May mắn, tôi gặp thi sĩ Đoàn Trọng Thu. Cũng đỡ. Thi sĩ họ Đoàn khích lệ tôi làm thơ vung vít, làm thơ không lấy hay, làm thơ lấy nhiều để quen xử dụng chữ nghĩa, hình ảnh cho tiểu thuyết của tôi mai này.

Vậy thì tôi đã làm thơ. Tôi làm thơ không dám đưa cho thi sĩ Phó Mạo và thi sĩ Hôi Nách xem. Nguyễn Bính có chị Trúc. Tôi có chị Nguyệt. Tôi rên rỉ với chị Nguyệt trong thơ. Bài thơ cách mạng đầu tiên của tôi nhan đề *Cuối mùa*, tôi còn nhớ vài đoạn. Xin chép ra đây và xin được coi như cái chìa khóa mở kho cười vô tận:

*Em về thăm lại đất Sài gòn
Ánh mắt mờ trong loạn phẩn son
Con gái thời nay là thế cả
Nhưng hương dễ biến đổi tâm hồn*

*Lâu rồi chị nhỉ, ngót hai năm
Em vẫn nghèo và sống tối tăm
Chị bận giang hồ nơi vạn dặm
Nhớ nhiều nhưng chỉ biết âm thầm*

Một dạo làm quen với núi rừng

Mài gương đợi buổi gió lên hương
Đi là quên hết còn vương vấn
Hình ảnh người em trót mến thương

Nào có bao giờ em dám quên
Chuỗi ngày thơ mộng nhẹ êm êm
Bên nhau tâm sự rồi tâm sự
Để khóc tình đời trắng mấy đêm

...

Cuối mùa chị ạ, cuối mùa mơ
Ai đốt giùm em câu đợi chờ
Thu cả ngàn phương mưa nắng gió
Về đây chôn chặt một đời thơ

Bài thơ cách mạng xạo của tôi có mấy “xì tờ rốp” trách móc em Ngọc Anh rất ... quan trọng thì tôi lại quên bống. Nghĩa là tôi không yêu em, tôi chưa yêu em, tôi chẳng yêu. Tôi xạo từ câu đầu. Chửi về Sài gòn đã dóc tổ về thăm Sài gòn. Câu ba thưởng ý Nguyễn Bính. Câu tám càng xạo, cuộc đất và học *Chu tri lục* lại bảo mài gương. Nói tóm, tôi xạo. Tất cả thi sĩ làm thơ nhớ người yêu, trách người yêu, giận người yêu đều xạo. Mới làm mấy bài thơ cóc nhái, ềnh ương, thẩn lẩn, các kẻ đã “một đời thơ”. Còn điểm vớt vát sự xạo là dưới bài thơ tôi đã không thềm ghi câu ... chính khí: *Chiến khu, đêm thương tổ quốc và người yêu*. Tôi có chiến khu đảng hoàng. Chiến khu trong rừng Ban mê thuật. Chiến khu cạnh vườn cam của vua Bảo Đại. Tôi không mượn chiến khu. Thật ra, tôi sợ ghi câu trên dưới bài thơ. Vì độc giả sẽ đòi hỏi tiếng khí cười trong thơ chiến khu của tôi ! Loại thơ nhớ nhung giả vờ nay tôi có một bó, đem về tặng em cứ gọi là em khóc suốt mướt. Gặp em, em vẫn yêu nồng nàn rồi chúng “đệ tử” ăn nên làm ra, có nhà cửa đảng hoàng, tôi sẽ “a đi ơ” cách mạng, tôi ở lại Sài gòn. Nếu em lạnh nhạt, chúng “đệ tử” đói rách lêu bêu, tôi sẽ tiếp tục cách mạng. Tôi xin cái vé xe đồ khứ hồi là đã sẵn âm mưu.

Tôi cho thi sĩ Đoàn Trọng Thu biết tôi sắp về xuôi.

Chàng chúc tôi thượng lộ bình an. Xin phép đàn anh Luyện, đàn anh hỏi:

- Chú về Sài gòn có mục đích gì ?
- Nghỉ học, nghỉ canh tác, em về giải quyết vài việc riêng.
- Mấy ngày ?
- Tuần lễ.
- Được.

Đàn anh dẫn riêng tôi vào rừng tâm sự:

- Tôi thấy chú xuất sắc nhất trong anh em, không phải ở riêng chốn này, mà ở khắp nơi.
- Cám ơn anh.
- Chú sẽ lãnh đạo Đảng. Tôi nhìn mắt chú ...

Tôi rét. Thi sĩ Đoàn Trọng Thu đã “đọc từ mắt” tôi “ý nghĩ bỏ rừng”.

- ... tôi thấy ánh lên một sự thông minh tuyệt vời. Trong thông minh, mắt chú còn toát ra vẻ tinh nghịch, trào lộng, khinh mạn. Nụ cười của chú ngạo nghễ. Chú là mẫu lãnh tụ lý tưởng. Chú ở với chúng tôi vài năm chúng tôi sẽ dạy chú đọc và viết giỏi hai sinh ngữ, sẽ dạy chú tinh thông triết Đông, triết Tây rồi chú thẩm thấu Duy Dân chủ nghĩa.

- Vâng.

- Về Sài Gòn lần này, chú sẽ tuyên thệ gia nhập Đảng.

- Vâng.

- Mua vé xe đò chưa ?

- Rồi.

Tôi đưa cái vé khứ hồi, đàn anh tin tôi liền.

- Cần tiền tiêu vặt không ?

- Em đã có. Thưa anh ...

- Chú muốn gì ?

- Em có được phép kết nạp bạn em và dẫn nó lên rừng không ?

- Tại sao không ?

Thế là tôi yên tâm về Sài Gòn.

¹Thi sĩ Phó Mạo hiện đang sống ở Mỹ. Sự nghiệp thi ca của chàng tác nghễn ở Ban Mê Thuột. Chàng sẽ ngạc nhiên thấy có kẻ ái mộ thơ của chàng mà chàng đã quên.

²Sau ngày 1-11-1963, nhà xuất bản Sông Đáy của Duy Dân đã vội vàng cho xuất bản Chu tri lục của Lý Đông A. Đến nay, cơ sở Nhân Xã lại xuất bản thêm văn thơ của Lý Đông A tại Hoa Kỳ. Tôi hoàn toàn thất vọng vì huyền thoại Lý Đông A và Duy Dân đã bị phơi ra dưới nắng chiều.

Chơi bộ quần áo kaki nhà binh lột bỏ cầu vai, mang đôi giày đen mỗ vịt, tôi xách túi hành lý đầy nhóc thơ thương nhớ giả vờ, bước xuống xe. Đi bộ một quãng khá xa tôi mới bắt chiếc xe nhân dân Công Quán chuyên chở Công Cộng, nôm na là ô tô buýt về bến chính. Lại cuốc bộ từ chợ Bến Thành đến Nhà Hát Tây. Trông tôi có vẻ Dững lăm. Chiến sĩ cách mạng tôi có chủ nghĩa Duy Dân soi đường chỉ lối đấu tranh đã ngỗ ngàng đứng trước Nhà Hát Tây hui quanh. Cảnh đấy, người đâu ? Dầu biển gì nhanh thế ? Dân di cư tàu vét đĩa đói đã bị Tòa Đô Sảnh càn quét hết. “Trời chiều bằng lăng bóng hoàng hôn” rồi. Tôi hỏi thăm ai ra nhà Hoàng Văn Bảo, Đặng Xuân Côn, Nguyễn Xuân Nhân, Lê Như Quỳnh bây giờ. Chiến sĩ cách mạng Vũ Mộng Long, nhân danh chủ nghĩa Duy Dân, chống cộng sản Nga, tự bản Mỹ, đế quốc Pháp, Giáo hội Vatican, Trung Hoa và Việt gian tay sai ngoại bang bèn thắm thì hát *Lời du tử*: “Chiều nay biết về nơi đâu ? Dừng chân ta ngắm cảnh bao la sâu ...”. Vừa hát tới đây thì có tiếng gọi:

- Ông Long, ông Long ...

Cứu tinh của tôi chính là “đệ tử” bản Tạ Văn Ân. Nó vồn vã:

- Ông đi đâu tuyệt tích ?

- Du sơn du thủy.

- Cảnh đẹp ông thấy đã nhiều đấy nhỉ ?

- Ừa.

- Nơi nào đẹp nhất ?

- Nơi đẹp nhất vẫn là Nhà Hát Tây. Từ em Hải đen gầy đét, em Long phốp pháp, em Trinh vợ duyên đến mày và cái cầu tiêu ngập phân kê năm viên gạch vẫn không thể ngồi đại tiện nổi đều làm tao bồi hồi xúc động.

- Ông xỏ tôi.

- Chứ lâu lắm mới gặp nhau, mày hỏi gì lằng nhách vậy ?

- Hỏi thế nào ?

- Hỏi tao ăn cơm chưa !

- Ông ăn cơm chưa ?

Thằng “đệ tử” keo cú này cần rào đón.

- Chưa thì sao, rồi thì sao ?

- Chưa thì tôi mời ông đi ăn cơm sườn nướng hẻm Casino. Rồi thì tôi mời ông đi uống cà phê.

- Mày tiến bộ ghê nhảy !

- Tôi vừa làm cách mạng.

- Cách mạng ?
- Tôi chống bà dì ghẻ, cãi nhau với ông via, bỏ đi giang hồ một tháng. Tôi ra Phan Thiết, đến làng Ninh Chữ thì về.
- Rồi gì nữa ?
- Tôi làm thơ, lấy bút hiệu Ninh Chữ.
- Mà cũng làm thơ thì tao đói to mất. Mà định viết văn thêm không ?
- Có chứ.
- Bút hiệu gì ?
- Vẫn Ninh Chữ.
- Không hay.
- Ông chọn giùm bút hiệu đi.
- Nấu Vần.
- Ông lại xỏ. Đi ăn rồi tôi nhờ ông đọc thơ của tôi.

Ăn no nê, tôi gạ nó chở tôi đi uống cà phê. Ở đây, tôi đọc mấy bài thơ đầu đời của thi sĩ Ninh Chữ, chủ tiệm may Can phố Tự Do sau này. Luận điệu của tôi bậc “thầy” lắm.

- Ông thấy thơ tôi thế nào ?
- Mà đừng buồn nhé !
- Buồn chi.
- Thơ mà rỗng tuếch.

Y hệt thi sĩ Đoàn Trọng Thu, tôi thao thao lý luận thi ca những bài học tử. Thi sĩ Ninh Chữ vênh tai nghe, phục sát đất. Tôi móc bó thơ của tôi ra biểu diễn. Nó đọc vài bài. Cảm khái quá, nó hẹn mai mời tôi đi ăn phở. Tôi nhờ nó chở tôi đến thăm hai “đệ tử” Nguyễn Xuân Nhân, Lê Như Quỳnh ở đường Paul Bert, Tân Định. Quỳnh đang ăn bám gia đình Nhân. Nó gặp tôi mừng rỡ. Đợi thi sĩ Ninh Chữ phóng mobylette về, tôi kéo Lê Như Quỳnh ra quán cà phê gốc cây tâm sự.

- Mà thấy tao lạ không ?
- Lạ.
- Lạ chỗ nào ?
- Ông mập mập và nam nhi lắm.
- Sài gòn vui chứ ?

- Vui mẹ gì !
- Đặng Xuân Côn ở đâu ?
- Xóm đười quốc tế, khổ vô cùng.
- Mà hay gặp em Ngọc Anh của tao hả ?
- Hết của ông rồi. Em dính kếp mới.
- Tại tao đá em.

Tôi nói thế mà lòng hơi đau. Sài gòn chẳng còn gì hấp dẫn cả.

- Mà sống với cu Nhân ... no chứ ?
- Ăn bám xấu hổ thấy mẹ. Tôi chưa hỏi ông đi đâu, làm cái giống chi.
- Tao hoạt động cách mạng trên rừng Ban mê thuật. Đảng của tao nuôi tao, dạy tao nên người ... lãnh tụ dân tộc mai này.

Tôi bốc máu cách mạng huyễn hoặc “đệ tử” Quỳnh. Mắt nó sáng rực:

- Ông cho tôi đi làm cách mạng với.
- Mà chịu đựng gian khổ nổi không ?
- Bao lâu.
- Đến khi chính quyền về tay ta. Mà sẽ làm Thứ trưởng.
- Tôi chịu nổi gian khổ. Mà gian khổ thế nào ?
- Học triết học dài dài.
- Chỉ nằm nhà học thôi à ?
- Nằm chiến khu.
- Ông bảo đảm thành công chứ ?
- Bảo đảm.
- Bao nhiêu phần dầu ?
- Dầu gì ?
- Dầu dừa.
- 99 phần.
- Chiến khu cách mạng của ông chống Ngô Đình Diệm à ?
- Chống lung tung.

- Có các em không ?
- Vô số. Em nào em nấy thơm phưng phức. Toàn Cô Giang, Cô Bắc cả. Mà sẽ gặp cô Khiết và sẽ ngất ngây.
- Được yêu hả ?
- Ai cấm.
- Có điều kiện gì không ?
- Có.
- Gì ?
- Cái vé xe đò cho mà, thế là đủ. Mà cần dự trữ cái vé xe “rơ tua” nếu mà thấy cách mạng gian khổ. Và tí tiền còn ăn cơm dọc đường.
- Dễ ợt.
- Còn nữa.
- Gì ?
- Tao lãnh nhiệm vụ đưa anh em lên chiến khu.
- Ông đưa tôi đi, tôi nhớ ơn ông suốt đời.
- Dĩ nhiên là tao phải đưa mà đi.
- Bao giờ đi ?
- Mai được không ?
- Không kịp xoay tiền.
- Một nhé ?
- Một thì kịp.

Tôi muốn về “chiến khu” càng sớm càng tốt. Quả thật, tôi không còn chỗ nào nương náu ở Sài Gòn. Tôi lánh mặt Đặng Xuân Côn vì chưa có gì giúp đỡ nó thiết thực. Không lẽ tôi nói phét nó chuyện cách mạng như nói phét thằng “đệ tử” Quỳnh. Tôi cần Quỳnh sống bên tôi cho vui. Giá bà mẹ của tôi rộng lòng một tí, cậu tôi sẽ đóng tiền cho tôi học lái tắc xi. Thì nay tôi đã là tài xế. Cậu tôi bảo làm nghề chạy tắc xi tự do, lúc rảnh vẫn viết thơ văn được. Tôi cũng thích chạy tắc xi. Định mệnh trớ trêu thật, nó đẩy tôi vào ... cách mạng Duy Dân. Thôi, tôi mặc kệ con nhà định mệnh. Tôi có một ngày ăn phở, ăn cơm, uống bia bằng tiền của “đệ tử” keo cú Ninh Chữ để lý luận thi ca cho nó nghe, để đọc thơ và sửa thơ giúp nó. Rồi tôi kéo “đệ tử” Quỳnh bốn ba trên con đường giải thoát dân tộc !

° ° °

Nhờ tôi trở lại sớm, “kết nạp” thêm tay cuộc Lê Như Quỳnh, đàn anh Nguyễn Luyện tin tưởng tôi trung thành với cách mạng, tôi sẽ dâng hiến trọn đời tôi cho cách mạng. Quỳnh

lên rừng hôm trước thì hôm sau Đào Xuân Sắc ¹ theo Nguyễn Văn Truyền lên. Truyền có nhiệm vụ đưa anh em mới vào cách mạng, lên núi xuống đồng bằng thường xuyên. Rất xui xẻo cho chiến sĩ Duy Dân tân tòng Lê Như Quỳnh và Đào Xuân Sắc là, “tình báo” của Đảng cho hay “cơ sở” còn ... trình. Nghĩ rằng địch chưa biết. Chúng tôi lại sáng nhai *Chu tri lục*, chiêu cuộc đất tự lực cánh sinh, thề không ăn gạo Mỹ viện trợ để chống Mỹ. Chiến sĩ Xuân Sắc cuộc đất dưới nắng bị say nắng lăn đùng trên đất vỡ. Anh em cuống quýt khiêng vào nhà. Chiến sĩ Như Quỳnh thối chí.

- Ông bảo chỉ nằm nhà học triết.
- Mà trách tao à ?
- Tôi không cuộc đất được, tay tôi bị xưng mọng nước.
- Mà ngại khó ngại khổ ?
- Tôi không quen.

Tôi lên giọng cách mạng:

- Không tập cuộc, sao hiểu nổi tâm sự người cuộc đất ròng rã bốn nghìn năm ? Cách mạng tranh đấu cho con người đau khổ. “Ngọc kia chẳng dũa chẳng mài, Cũng thành vô dụng cũng hoài ngọc đi”. Con người chẳng làm cách mạng há sống ăn bám ư ?

Như Quỳnh lắc đầu:

- Thôi, ông ở lại mà làm cách mạng.
- Mà cũng không muốn thành thi sĩ.
- Thi sĩ nhằm nhò gì tới cách mạng ?
- Cách mạng đào tạo mà thành thi sĩ.
- Thôi, ông ở lại để cách mạng đào tạo ông thành thi sĩ. Tôi tưởng ...
- Tưởng gì ?
- Cô Khiết như Cô Giang. Mẹ ơi, cô Khiết chuột chù quá. Chứ, cô ấy lãnh nhiệm vụ chi ?
- Cấp dưỡng.
- Tức là ma ri sên cách mạng ? Các ông nhặt ở xó xỉnh nào thế ?

Thằng này phản cách mạng ra mặt. Tôi không thể cầm chân nó. Thế là nó về Sài gòn cùng chuyên xe với Đào Xuân Sắc. Hai tuần sau, Đoàn Trọng Thu cũng rời chiến khu. Trước ngày chia tay, thi sĩ Hôi Nách dặn tôi “một câu sinh tử”:

- Đừng bao giờ tuyên thệ trung thành với bất cứ Đảng nào, Giáo Hội nào. Chúng ta chỉ trung thành với Dân Tộc, Tổ Quốc. Tổ quốc và Dân tộc không bắt chúng ta tuyên thệ. Nghệ sĩ khước từ bí danh.

Đoàn Trọng Thu ra đi, “chiến khu” buồn bã vô kể. Đàn anh Luyện mất một thầy giáo dạy riêng con mình, tôi mất một thầy giáo văn nghệ. Rồi thi sĩ Phó Mạo Hải Phương bỏ “chiến

khư”. Cơ sở chỉ còn đàn anh Luyện, vợ đàn anh, mẹ già đàn anh, ba đứa con 7 tuổi trở xuống, nữ đồng chí Cô Khiết mà Lê Như Quỳnh gọi là ma rí sến cách mạng, Phạm Văn Sơn, Đồng Văn Khải và tôi. Chúng tôi sang giai đoạn sống tự do. Gạo Mỹ viện trợ tha hồ ăn. Đàn anh không dạy *Chu tri lục*, không dạy ... lao động nữa. Tôi ra suối câu cá hay đi sâu vào rừng kết bạn với nhóc tí Ra đê canh khi phá nương ngô. Tôi có những sáng ngời nhìn con voi già của vua Bảo Đại bị xích chân, bị cưa cụt ngà, mắt lờ đờ, đứng buồn bã, thỉnh thoảng, ngẩng đầu lên rống những tiếng “phè” náo nức. Tôi có những trưa nằm dưới gốc cam trong vườn cam của vua Bảo Đại, ngắm nắng xuyên qua lá, ngắm những trái cam còn xanh, thấy người di cư đuổi người Ra đê canh vườn, vào hái cam xanh đầy bao bố. Tôi có những chiều dựa lưng bên thành hồ bơi của vua Bảo Đại – cái hồ bơi tuyệt diệu nằm giữa khúc suối cao và thấp, nước trên cao tràn đầy hồ chảy xuống thấp làm cho hồ bơi thay nước thường xuyên và thiên nhiên – nghe các nghệ sĩ Ra đê thổi kèn bầu sáu ống cùng tiếng suối reo. Tự nhiên, trong tôi nổi dậy những gợn sóng u hoài. Tôi vừa hiểu thế nào là “lớp sóng phé hưng”. Nếu tôi có tài như Bà Huyện Thanh Quan và nếu tôi đã là một kẻ phò Nguyễn, tôi sẽ sáng tác bài thơ hoài Nguyễn qua hình ảnh con voi già, vườn cam tiền và cái hồ bơi.

Chắc chắn, tôi phải rời “chiến khu”, phải giã từ Duy Dân chủ nghĩa. Chủ nghĩa ấy, tôi mới chỉ hiểu mơ hồ, phiến diện. Nhưng tùy bút của Lý Đông A, thơ của Lý Đông A và huyền thoại Lý Đông A đã hoàn toàn chinh phục tôi. Tôi không chống chủ nghĩa Duy Dân, hôm qua và hôm nay. Tôi hãnh diện về chủ nghĩa Duy Dân vì chủ nghĩa ấy do người Việt Nam sáng tạo. Nỗi bất hạnh của chúng ta là một chủ nghĩa dân tộc thuần túy do người của chúng ta sáng tạo để cứu rỗi dân chúng ta đã không bao giờ được thực hiện trên đất nước chúng ta. Rõ ràng một nghìn năm nô lệ Tàu chuyển sang một trăm năm nô lệ Pháp, năm năm nô lệ Nhật, hai mươi năm làm nô lệ Nga, nô lệ Mỹ, chúng ta chỉ biết vay mượn chủ nghĩa của ngoại bang để mưu cầu tự do, dân chủ, hạnh phúc, thương yêu, đoàn tụ cho dân tộc chúng ta. Chúng ta thất bại. Chúng ta náo nức. Sự náo nức thảm khốc là cái tinh thần bất khuất nằm bẹp dí nhường chỗ cho tinh thần vọng ngoại vươn cao. Chúng ta hết dám tin chúng ta. Chúng ta gửi niềm tin vào người ngoài. Hết dám tin và không dám làm. Thản hoặc, có người Việt Nam nào dám ngẩng mặt, dám tin mình, dám làm công việc phi thường, nhất định, người Việt Nam ấy bị dè bieu, bị coi thường, bị xếp vào loại điên, bị miệt thị học hành tới mức nào mà toan đội đá vá trời ! Tôi tự hỏi Khổng Tử học ai, đọc những sách của ai; Thích Ca học ai, đọc những sách của ai; Jesus học ai, đọc những sách của ai ? Từ mặc cảm nô lệ triền miên nảy sinh một “truyền thống” mặt rệp: Người Việt Nam chỉ thích suy tụng người chết dù người chết để lại đời sống cái sự nghiệp, đôi khi, chẳng ra gì và rất sung sướng bên nhục người sống dù người sống đang cống hiến cho đời sống những sợi giây máu của tài năng siêu việt.

Bây giờ, tôi có thể nói thêm rằng, tôi không chống bất cứ một chủ nghĩa nào. Chủ nghĩa nào cũng tốt đẹp, cũng được sáng tạo bằng tim óc. Nhưng mà những kẻ thừa sai đã biến chủ nghĩa tốt đẹp thành chủ nghĩa phi nhân bản. Khi Marx – Engels viết chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa này thật lý tưởng cho nhân loại thời đó. Nó đã lạc hậu hôm nay. Những kẻ thừa sai của Marx – Engels, từ Lénine, Staline, Malenkov ... đã khắc nhố xuống công trình của Marx – Engels. Giáo hội và Giáo hoàng những thế kỷ trước đã làm buồn lòng Jesus. Trong bộ Lịch sử nhân loại, cuốn viết về Ấn Độ, Will Durand đã hết lời ngưỡng mộ Thích Ca và học thuyết của Ngài, đồng thời, sử gia lỗi lạc và uyên bác này cũng không quên nghiêm khắc chỉ trích những kẻ đời sau làm sai lạc ý của Phật. Những kẻ thừa sai ngu xuẩn, dốt nát, gàn dở đã biến học thuyết Duy Dân thành triết lý “bất chiến tự nhiên thành”. Và chủ nghĩa Duy Dân cũng đã lạc hậu như chủ nghĩa Tam Dân, chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa của thời đại, chủ nghĩa cứu rỗi nhân loại, bình đẳng cho các nước lớn nhỏ trên trái đất sẽ thay thế các thứ chủ nghĩa lạc hậu chỉ là chủ nghĩa tiểu tư sản. Chủ nghĩa này được sáng tạo trên đất khổ Việt Nam và do Người Việt Nam đau khổ sáng tạo. Trong cuốn Giờ thứ hai mươi lăm, hơn 40 năm trước, Georghiou đã tiên đoán: “Ánh sáng cứu rỗi nhân loại sẽ đến từ phương Đông”. Ánh sáng ấy sẽ bùng lên từ Việt Nam, sắp bùng lên từ Việt Nam,

phải bưng lên từ Việt Nam. Chớ hài hước hời ánh sáng nhiệm màu ấy liệu có nhấp nháy từ Washington, Houston, Paris, Australia, San Jose, Los Angeles hay Orange County !

o o o

Cuối tháng 9-1955 tôi trở về Sài gòn sau khi đã hưởng những đêm mưa rừng tầm tã, đã chứng kiến những dòng suối ngàu đổ chảy siết, đã thấy cuộc hành quân của mối trên lá mục, hàng tỉ con, con nào con nấy to như con nhặng. Suy nghĩ mãi, tôi kiếm nhà Đặng Xuân Côn tá túc. Bấy giờ, quân đội Pháp chưa bị thủ tướng Ngô Đình Diệm đuổi về nước. Và khu vực Quận vụ thị trấn, Tòa tổng trấn Sài gòn còn là thành Ô Ma. Lính Phi châu đồn trú ở đây khá đông. Bờ tường dăng giây kẽm gai sát khít con lạch nhỏ, lối thoát nước cống của thành phố ra ngoài là biên giới quân sự và dân sự. Nằm thấp ngang bờ con lạch và trũng sâu quá hai thước so với mặt đường Lê Văn Duyệt, xóm nhà Côn thuê dưới đó. Phải bước xuống con hẻm dốc thoải thoải mới vào xóm. Toàn nhà mái lá lè tè, vách ván gỗ mỏng. Dân chúng cư ngụ xóm này gồm các thành phần chính: viên chức chấm công của nhà nước, thợ thuyền, me Tây, dĩ điểm, Tây lai, Chà và lai ... Lê như Quỳnh gọi là Xóm Đuội. Tôi gọi là xóm Quốc Tế 2.

Đặng Xuân Côn đã xuống Mỹ Tho, vô tận trại định cư Ba Bèo làm việc, sau đó, được đổi về trung ương, chuyển ngành thư ký đánh máy tại Phủ đặc ủy định cư cải danh từ Phủ đặc ủy di cư rồi trụ sở ở đại lộ Trần Hưng Đạo sang trụ sở ở đại lộ Thống Nhất. Lương chấm công không đủ thuê nhà khu khá giả nên Côn đành chọn xóm Quốc Tế. Tôi về sống chung. Côn vui lắm, nhưng nhìn cảnh sống nghèo nàn của bạn, tôi rất ái ngại. Côn buồn bã vì dĩ vãng, đuổi theo nó, không chịu buông tha nó. Tôi bảo với nó rằng tôi chỉ tá túc một thời gian ngắn.

Thời gian tôi ở xóm Quốc Tế, mưa đang hung hăng. Mỗi ngày một trận mưa lớn. Mỗi đêm một trận mưa to. Mưa đổ những cây nước xuống đời. Mái lá dột tứ tung. Gió hắt mưa qua kẽ vách ván hở. Con lạch – tôi lãng mạn hóa là *Giòng sông xanh* - mệnh mông nước, lều bều rác rưởi, phân người và xác chuột. Nước mấp mé sàn nhà. Người ta phải xắn quần cao, vác xe đạp lội bộ trên các lối xóm. Xóm Quốc Tế không có điện. Ban đêm tối om. Nhà nhà thắp đèn dầu. Chủ cho mượn nhà toàn là me Tây già. Những đêm không mưa, chuột lộng hành khủng khiếp. Chuột khiêu vũ trên nổi cơ cầu của xóm Quốc Tế. Gắn căn nhà ọp ẹp của tôi là cái cầu tiêu công cộng của một chục gia đình. Cầu tiêu không hầm thông phân tiểu, không cả thùng chứa phân tiểu. Nó như cái phòng tắm, sàn gỗ. Luật bất thành văn của những kẻ sử dụng cầu tiêu là phải mang giấy nhật trình cũ trải lên sàn, đại tiện xong, gói phân liệng xuống *Giòng sông xanh*. Thường xuyên là có mấy tay khu khác, chơi khuya về, ngang qua bị đau bụng, vô cầu tiêu đại tiện ... đại. Sáng sau, xóm Quốc Tế oang oang bần hợp ca chửi rửa hàng giờ. Chửi đã miệng, người ta hè nhau múc nước xối rửa. Chưa đủ rức rở xóm Quốc Tế đâu. Đêm đêm, dĩ điểm kéo lên đường đón lính Ma-rốc, Xê-nê-gan, Tuy-ni-di, bị kiểm tục ruồng bỏ, chạy xuống xóm ẩn trốn. Lính kiểm tục truy lùng. Xóm Quốc Tế thức giấc hết. Và gia đình nào cũng bị kiểm soát. Vô phúc các em con nhà lành bị bắt chung với dĩểm nhà nghề, kêu oan và khóc rống. Xóm Quốc Tế rưng rờ. Xóm Quốc Tế phần nộ. Lâu lâu, có anh lính lê dương vô xóm chơi quýt rồi bỏ chạy. Em dĩểm la lối đuổi theo, bị khách làng chơi ồm liệng xuống *Giòng sông xanh*, kêu cứu vang cả xóm. Tôi không sống mùa khô ở xóm Quốc Tế nên không biết thảm cảnh mùa khô.

Ở xóm Quốc Tế, tôi có nhiều suy nghĩ. Trước hết, tôi nhớ bài hát *Sài gòn xa hoa* của Trần Văn Nhơn:

... Đầu đường đó đây những hàng quán
không ngớt người khách ra vào uống ăn
Trong những ngày vui sống
khi lòng man mác buồn
là có ngay tắc xi vào chơi Chợ lớn
Mặc ai ai vì non sông kiến thiết nước nhà

*ru bao tâm hồn càng thêm say đắm
Sài gòn, nơi từng bừng trong cảnh sống xa hoa
Ánh sáng gây mờ mắt ...*

Trần Văn Nhơn thống trách Sài gòn xa hòa từ năm 1950. Ánh sáng gây mờ mắt nhưng bóng tối không làm lay động lương tri những ai “từng bừng trong cảnh sống xa hoa”. Tôi biết phần nọ đời sống từ xóm Quốc Tế. Tôi biết khinh bỉ những tên trọc phú từ xóm Quốc Tế. Tôi đã tận mắt nhìn nỗi oan ức của các cô gái con nhà lương thiện bị nghi làm điếm, bị bắt chung với điếm chỉ vì gia đình nghèo khổ phải thuê nhà ở xóm Quốc Tế. Tôi không biết ở Sở kiểm tặc các cô ra sao, về nhà các cô ra sao và sau này các cô ra sao. Tôi đã nổi giận bắt công xã hội và sự ngu dốt của quyền hành. Sài gòn có bao nhiêu nơi tương tự xóm Quốc Tế ? Việt nam có bao nhiêu nơi tương tự xóm Quốc Tế? Bỗng nhiên, tôi thêm cách mạng, khao khát cách mạng. Nhưng, cách mạng tôi thêm không phải là cách mạng nghiên cứu, học tập chủ nghĩa đến hóa thành dờ hời. Mà phải là cách mạng tích cực san bằng lập tức mọi bất công xã hội, giải quyết lập tức sự nghèo khổ của dân chúng lao động chân tay và trí óc. Phải làm cho lối tôi bừng sáng. Tôi bắt đầu nổi loạn.

Xóm Quốc Tế có một chuyện rất người mà tôi không quên. Đó là chuyện cô gái điếm nhan sắc mê cậu học trò nghèo ít tuổi hơn mình. Cô yêu cậu học trò muốn làm vợ cậu học trò. Cậu học trò khước từ. Cô gái điếm năn nỉ xin làm chị đỡ đầu cậu học trò. Cậu học trò bằng lòng. Cô gái điếm hoàn lương, buôn thúng bán bưng nuôi cậu học trò ăn học, nuôi cả mẹ và em cậu học trò. Còn chuyện nữa, cũng rất người. Một thằng du đảng cướp của giết người bị cảnh sát truy nã. Nó lên về xóm Quốc Tế đưa tiền cho em điếm giữ giùm, dặn đưa bố nó vào nhà thương lao và mua thuốc chữa bệnh cho bố nó. Rồi tay không tìm cảnh sát nạp mạng. Những cánh sen chỉ nở giữa đầm bùn. Tôi đã hiểu đôi chút về trái tim trong lớp áo rách. Tôi đã ngửi được mùi thơm của đời sống làm than. Cảm ơn thời gian ngắn ở xóm Quốc Tế đã soi sáng cho tôi cái ý nghĩa tội nhục ê chề của kẻ bị trị để, sau này, tôi biết chống bọn thống trị, tôi dám chống bọn thống trị.

Giữa tháng 11-1955, tôi bỏ xóm Quốc Tế, định về Trảng Lớn ở Tây Ninh sống với mẹ con Hoàng Văn Bảo. Tôi mới gặp lại Bảo. Nó cho biết nó làm việc tại Ty định cư, Tòa tỉnh trưởng Tây Ninh. Nhà nó cách thị xã vài cây số. Nó tha thiết mời tôi về Trảng Lớn. Bất ngờ, trên đường đi tới bến xe đò miền Đông, tôi gặp đàn anh Trần Tiến. Đàn anh mời tôi ăn cơm tám giờ chả Quốc Hương đường Trần Hưng Đạo. Đàn anh đã dạy lại ở trường Phan Sào Nam, đường Trần Quý Cáp. Sau bữa cơm no căng rốn, đàn anh gọi tắc xi đưa tôi về xóm Bầu Sen. Tôi ngạc nhiên, thấy ở “cơ sở” mới này hai “đồng chí” cũ là Đoàn Trọng Thu và Đồng Văn Khải. Thêm “đồng chí” mới Phùng Văn Chiêu. Đàn anh Trần Tiến nói:

- Chú ở đây.

Rồi đàn anh chào tạm biệt. Đoàn Trọng Thu cho tôi biết:

- “Cơ sở” này là “cơ sở” Sài gòn. Chúng ta cứ nằm chơi thôi.

Đưa nhau ra cái nghĩa địa nhỏ trước nhà, chúng tôi tâm sự vụn.

- Cách nào đàn anh vô được ông ?

- Tôi định đi Tây Ninh kiếm sống, may mắn gặp đàn anh. Còn ông ?

- Tôi đang lờn vờn trong hiệu sách Khai Trí, gặp đàn anh.

- Còn Khải ?

- Ông ấy được gọi từ Ban mê thuật về.
- Ông có ý nghĩ gì ?
- Sài gòn vui hơn Ban mê thuật và chắc vui hơn Tây Ninh. Cách mạng lo chỗ ăn, chỗ ngủ rồi chỗ làm nữa. Để cách mạng lo.
- Ông sáng suốt thật.
- Tuyên thệ chưa ?
- Chưa và không bao giờ.
- Nếu có bao giờ, ông sẽ đội chữ Thái trên đầu: Nhà Phật đội chữ Thích, nhà Duy Dân đội chữ Thái. Phật tổ là Thích Ca. Chúng đệ tử là Thích Tâm Châu, Thích Giác Đức, Thích Trí Thủ ... Lãnh tụ là Thái Dịch. Chúng đệ tử là Thái Hạo, Thái Lăng Nghiêm, Thái Anh ... Ông Thái gì đây ?
- Ông trước đi !
- Tôi Thái Thượng Hoàng.
- Còn tôi, tôi Thái Tổ.
- Ông khó làm cách mạng, khó làm lớn, vì ông ưa điều cốt. Đúng, chẳng có con mẹ gì đáng quan trọng cả. Ông và tôi đi làm cách mạng đã là điều cốt rồi. Cách mạng mù chẳng ?

Chúng tôi ăn cơm ở nhà ông Tàu già và ngủ trên căn gác gỗ mái tôn của bà bán sừng xam. Chồng bà sừng xam chạy xích lô máy, hai vợ chồng đi làm, đi bán thật sớm. Chúng tôi trông nhà giùm, thay phiên nhau dạy con cái ông bà nên ông bà ta không lấy tiền nhà. Còn được ăn sừng xam đường cát điểm tâm đến phát ngán.

Xóm Bầu Sen cũng là xóm lao động, bớt thê thảm hơn xóm Quốc Tế, có ba ngả ra vào: Nguyễn Hoàng, Thành Thái, Trần Bình Trọng. Chỉ có Khải, Thu và tôi thường trực ở “cơ sở” Bầu Sen. Phùng Văn Chiêu, thỉnh thoảng mới ghé. Chiêu có việc làm và có cái Lambretta cũ. Chiêu vui tính, cởi mở. Nhà chiến sĩ Duy Dân này, mỗi lần đến, đều ôm cây guitar búng bài Tango tử: *Impossible*. Impossible cái gì ? Impossible chống một lượt Nga, Mỹ, Pháp, Tàu và Vatican chẳng ? Ở Bầu Sen được nửa tháng, đàn anh cử riêng tôi đi học khóa chống cộng 10 ngày do Bộ thông tin tổ chức. Mỗi ngày học chống cộng được phát 50 đồng Ngân hàng quốc gia. Giảng viên khóa chống cộng là các ông Đinh Sinh Pài (Vụ trưởng Văn hóa vụ Bộ thông tin), Trần Việt Hoài, thi sĩ (con trai Á Nam Trần Tuấn Khải), Lê Vinh, em Trần Việt Hoài (đồng chí Duy Dân của tôi), Trần Học ... Cứ theo tờ rô lê ô chương trình thì ông Trần Học đại diện Bộ thông tin điều hành khóa học. Ông Trần Học tọ thật. Vụ trưởng Đinh Sinh Pài đến đọc bài diễn văn khai mạc khóa chống cộng Quyết Thắng. Rồi về. Chúng tôi học tại Phú Thọ.

Bài học chống cộng đầu tiên là “Ý nghĩa về nước chấp chính của Ngô thủ tướng”. Xướng ngôn viên giới thiệu giảng viên Trần Học. Lý thuyết gia chống cộng từ ngoài hành lang bước vào. Ngài mặc “com lê”, thắt “cà vạt”. Ve áo đeo cái cờ vàng ba sọc đỏ. Ngài lên bục giảng. Mẹ ơi, Trần Học chỉ là Trần Văn Thông, thành cán bộ thông tin, đệ tử ông Quốc Phong, bạn Hà nội của tôi, từng thuê tôi làm thợ chống cộng ăn cơm ghi sổ. Nó nhìn thấy tôi. Nó khờp. Nó ngó tôi, mỉm cười. Vì nó có quyền, nó xin lỗi toàn thể học viên cho nó ngưng giây lát rồi ngoắc tay gọi tôi ra thật xa khỏi lớp học.

- Mày ngồi như mả ông tiên sư, tao làm ăn gì được, hả ?
- Ông đâu biết mày trở thành lý thuyết gia chống cộng !
- Tao được cất nhắc, lên vun vút. Nhờ thơ mua rẻ của ông.

Nó móc ví xỉa cho tôi hai trăm:

- Cút mẹ mày đi cho ông dạy chống cộng !

Tôi nói:

- Khóa học 10 ngày, 5 bò lặn.

Lý thuyết gia Trần Văn Thông, biệt danh chống cộng Trần Học đậm chân, nhấn nhó:

- Mày cút đi chơi, ông giảng bài xong sẽ về gặp mày.

Ông cho mày ký tên vào tờ giấy xác nhận mày học đủ 10 ngày, cụ Ngô sẽ trả mày đủ 5 bò. Mày sẽ có bằng chống cộng. Từ chiều nay, ông không muốn nhìn mặt mày nữa. Cứ nằm nhà. Ngày mãn khóa nhớ đến liên hoan đớp hít, lĩnh tiền và bằng cấp.

- Thế thôi à ?
- Muốn gì nữa ?
- Tao muốn học chống cộng !

Lý thuyết gia chống cộng Trần Học xỉa thêm hai trăm nữa.

- Cấm mày tiết lộ vụ bán thơ.

Tôi phú lĩnh ngay. Cuộc đời xử ức tôi, dồn tôi vào con đường trào lộng. Tôi đi học chống cộng sản nghiêm túc, ai dè gặp ông thầy Trần Văn Thông. Từ cái mản đi học chống cộng bị cấm không cho học, tôi bắt đầu ngỡ vực mọi sự nghiêm túc trên trái đất. Và các thứ lý thuyết gia chống cộng, dưới mắt và trong ý nghĩ của tôi rất bộn Trần Văn Thông, tức Trần Học. Tôi bèn cười. Rồi tôi châm biếm. Và tôi độc ác trong loại văn phúng thế của tôi.

Làm đúng “chỉ thị” của giảng viên Trần Học, ngày mãn khóa học chống cộng tôi lò dò tới. Người ta cho tôi ký sổ lĩnh 500 đồng. Người ta phát cho tôi tấm bằng tốt nghiệp chống cộng, dầu tôi chẳng học giờ nào. Tôi được ăn bữa cơm mãn khóa do nhà hàng Tàu nấu nướng, phục dịch. Tiết mục liên hoan văn nghệ khoái nhất. Thi sĩ Trần Việt Hoài dẫn hai em thật mượt tới hát giúp vui. Hai em không phải ca sĩ. May mắn ..., chống cộng đến với tôi là thằng đệm đàn guitare tới trễ quá. Thi sĩ Trần Việt Hoài ngâm hết sáu bài thơ rồi mà thằng đệm đàn vẫn chưa tới. Nhà thi sĩ cuống quýt hỏi:

- Có bạn nào chơi đàn khá không ?

Tôi đang sợ “có bạn nào” nhanh tay dơ vọi thì lý thuyết gia chống cộng đã mau miệng giới thiệu:

- Anh Long.

Tôi lừ đừ lên sân khấu, ôm đàn guitare, đứng cạnh em mượt nhất, đệm cho hai em “đuy ô”

Về miền Nam của Trọng Khương, *Hướng về miền Bắc* của Phó Quốc Thăng. Các em được hoan hô nhiệt liệt. Đến bài *Những nẻo đường Việt Nam* của Thanh Bình, tôi cao hứng nhìn em mướt nhất mà tình tứ: “Yêu là yêu là yêu không bờ bến rồi ...”. Tôi cảm câu: “Yêu là yêu là yêu những nẻo đường ơi!”. Cảm ơn ông Thanh Bình em vợ ông nhạc sĩ Trịnh Hưng, tác giả những ca khúc *Vùng tự do*, *Những nẻo đường Việt Nam*, *Lá thư về Bắc*, *Sớm mai về đâu* và tác giả tiểu thuyết *Mình còn trẻ lắm*, xuất bản tại Sài Gòn. Nhờ lời ca của ông, tôi đã quen em và được em mời tới thăm em ...

o o o

Con đường chống cộng của tôi thật gập ghềnh, khúc khuỷu. Thoạt đầu, tôi làm chống cộng thuê cho Trần Văn Thông. Kể đến đi học chống cộng ăn lương công nhật 50 đồng. Học chữ tôi dở dang. Học lái tắc xi tôi dang dở. Học chống cộng bị đuổi khỏi lớp. Thế mà tôi vẫn có bằng tốt nghiệp chống cộng. Mới hay rằng mọi sự tốt nghiệp đều cần phải xét lại. Tôi xin phép mở ngoặc để thừa vài lời với quý vị phán quan của đảng cộng sản Việt Nam. *Thưa quý vị, khi tôi trả “nợ máu nhân dân” ở đề lao Gia Định, chấp pháp của quý vị thẩm vấn tôi về cảm hứng nào tôi chống cộng, nhận tiền của ai chống cộng, tôi đã thú thật cảm hứng và kẻ trả tiền tôi. Thì chấp pháp đập bàn bảo tôi giõn mặt Đảng và tổng tôi vào cachot. Rồi quý vị viết sách, khi thì kết án tôi chống cộng tự nguyện, khi thì kết án tôi lãnh lương CIA. Hôm nay, chắc quý vị đã tin tôi thành khẩn ... tự khai. Trần Văn Thông, sau này, bị đi tới chỉ, bị giáng xuống làm Trưởng chi thông tin quận Tân Bình rồi bị phứt xuống Rạch Giá giữ chức Trưởng ty thông tin, chiều hồi rồi ... dân vận. Nó cũng đã đền “nợ máu” 7 năm. Xin đóng ngoặc.*

Đàn anh của tôi muốn tôi có 5 trăm tiêu vật đã xui tôi học chống cộng lãnh lương Ngô Đình Diệm. Nhờ bạn tôi cứu nạn, chứ không tôi mang tiếng nhận 5 bò của “ngụy quyền” chống cộng. Cảm ơn “a mi dzôn” Trần Văn Thông. Quốc gia chân chính và cộng sản chuyên chính hầy yên tâm, tôi còn ... trình, tôi chưa chống cộng ăn lương Mỹ, lương ngụy. Tôi mới chống cộng ăn cơm, ăn phở ghi sổ chịu. Vì tôi đói. Vì thắng Trần Văn Thông thuê tôi. Quý vị bằng lòng chưa ? Nếu quý vị bằng lòng rồi thì xê ra chỗ khác cho tôi đi thăm em gái Trầm Tư của tôi.

Em gái Trầm Tư là thư ký riêng của sư bà Từ Ái. Văn phòng của sư bà Từ Ái đặt tại một ngôi chùa đường Phan Thanh Giản. Sư bà Từ Ái, nhân vật của Phật Giáo, đặc trách công tác xã hội bên cạnh Bộ xã hội. Sư bà đi khắp các nước trên thế giới. Em Trầm Tư được thắp tụng. Trầm Tư không đẹp nhưng mà hiền ngoan. Mắt em như mắt nai ấy. Em tiếp đón tôi niềm nở, dù tôi chơi bộ quần áo kaki cắt gờ cầu vai và mang giày mủ vịt. Vì tôi thấy em thân với thi sĩ Trần Việt Hoài và anh em của tôi lại nói Trần Việt Hoài là Z³ vì Hoài là anh ruột Lê Vinh, tay Z nặng, bèn tấn công em bằng đòn cách mạng. Gái bên song cửa thường mơ mộng chuyện chân mây, em cảm tôi liền tù tì. Tôi tiểu thuyết hóa chiến khu Ban Mê Thuật, lãng mạn hóa chuyện ăn cơm với rau dền đại nấu bằng phở mát viện trợ Mỹ. Em lắng tai nghe ra cái điều ... trầm tư lắm. Em mê tôi đầu hót quên cả công việc của sư bà. Em nhìn tôi âu yếm: “Mai anh đến chơi nữa, anh nhé !”.

Buổi trưa hôm thăm em lần đầu về “cơ sở” Bàu Sen, tôi bị choáng váng khi nghe một ca khúc ở radio.

*Quê hương ơi
Sau mùa chinh chiến toi bời
Gia đình tan nát bao người cách chia
Đau buồn giây phút phân ly
Quê hương hầy đợi người đi sẽ về
Quê hương ơi
Mi còn sống trong ê chề
Bên dòng sông cũ mi còn tái tê*

...

Nước sông Hồng vẫn đục
Dòng sông Hồng vẫn vương ...

Giống bài thơ Thái Bình tôi tặng em Ngọc Anh quá. Xương ngôn viên giới thiệu:

- Quý vị đang nghe *Quê hương ơi*, thơ Cung thị Ngọc Anh, Hà Dzũng phổ nhạc, Ngọc Long hát.

Tôi hiểu rồi. Kép mới của em Ngọc Anh có thể là anh chàng nhạc sĩ Hà Dzũng. Thơ nghe choáng váng, chân tay run lẩy bẩy xấu hổ mà cũng có kẻ phổ nhạc ư ? Em Ngọc Anh lưu manh thật. Em đấu thầu thơ tình của thi sĩ Văn Nghĩa rồi đấu thầu thơ, truyện nhớ quê của tôi. Hèn chi, em cứ gạ gẫm tặng em luôn bản thảo. Tôi đã bị gái lừa gạt. Tôi thức đêm thức hôm gò vắn điệu cho em ký tên. May quá, thơ văn cóc nhái được trả nhuận bút hôn thì cũng lời to rồi. Tôi cần đề phòng con gái. Con gái ... độc thật, độc hơn nhựa cóc. Liền đó, đọc trang trong nhật báo *Ngôn Luận*, mục do chị Thùy Hương (bút hiệu giả gái của đực rựa Văn Sơn) phụ trách, tôi xuyết ngất xỉu vì bài thơ ềnh ửng của tôi đã đăng chữ đậm, đóng khung, ký tên Cung thị Ngọc Anh. Thế đã đủ rõ ... tình yêu. Tôi rất có lý đá em văng xi lô trước. Tôi không cần em nữa, Ngọc Anh à, em cứ đem cả bó thơ văn của tôi ra, ký tên em mà đăng báo làm "mâm non văn nghệ". Tôi đã có em Trầm Tư thân mến !

Tôi đang rông dài, tha hồ rong chơi. Vào thời kỳ này, nhật báo Tự Do đang gây sôi nổi bằng Ty Bái của Nguyễn Hoạt. Đi đâu cũng nghe chuyện Lan con, Ty Bái. Tác giả *Mắt em ở bốn phương* trời thành công hết cỡ. Hồi ở Hà nội, thường viết trên tạp chí *Thế Kỷ* của Bùi Xuân Uyên, song ít ai biết Nguyễn Hoạt. Ở nhật báo *Ngôn Luận*, Hoàng Hải Thủy là vua không ngai, thao túng phóng sự trào lộng ngay trang nhất. Chàng Phi (Nguyễn Văn Phiến) sinh lực dồi dào "Mỗi ngày một truyện" trang hai *Ngôn Luận*. Thanh Hữu, tác giả *Đợi anh về* và *Một chuyện tình của người sinh viên* của *Tia Sáng* Hà nội đang giữ chức vụ thư ký tòa soạn cho nhật báo Thời Đại của Nguyễn Thành Danh. Ký giả Hồ Nam (Lê Nguyên Ngự) vung vít "Tin văn nghệ" ở đây. Trên trang văn nghệ của nhật báo *Dân Chủ*, Nguyễn Đức Quỳnh cổ súy một nền văn nghệ chủ quan viễn kiến và nhắc nhiều về Đàm trường Viễn kiến. Thanh Nam đã cho xuất bản tiểu thuyết mới. Nhiều tác phẩm đã quảng cáo. Không khí văn nghệ rộn ràng, Thanh Tâm Tuyền gây chấn động với thơ tự do trên tuần báo Người Việt. Triều Đầu chuẩn bị tung ra thị trường chữ nghĩa miền Nam *Trên vĩa hè Sài gòn*. Bùi Xuân Uyên rêu rao *Luyện máu*. Vợ của ông, bà Xuân Nhã sáng tác mạnh mẽ. Mặc Thu đã hoàn tất tiểu thuyết *Bát cơm bát máu*. Đình Hùng được hâm mộ qua thơ châm biếm ký Thần Đăng và đã sử tiểu thuyết ký Hoài Diệp Thứ Lang. Độc giả mê *Kỳ nữ gò Ôn Khâu* và *Người đao phủ thành Đại La* như điên đổ. Tôi không đủ tiền mua nhiều báo nên sự hiểu biết về sinh hoạt báo chí, văn nghệ rất giới hạn.

Tôi quên, ở một chương nói về báo chí Sài gòn cuối 1954, đã không đề cập tuần báo *Tự Quyết*, một tuần báo trào lộng, đối lập chính phủ Ngô Đình Diệm rất hay của nhóm Đại Việt miền Nam: Nguyễn Ngọc Tân (Bảy Bốp), Phạm Thái (Xừ Rô be), Nguyễn Ngọc Huy (Đằng Phương), Lê Bình Tăng (Lê Xuyên) ... *Tự Quyết* đã bị đình bản, Lê Xuyên nằm đề lao Gia Định, Nguyễn Ngọc Tân trốn sang Cao Mên tị nạn. Chưa thấy xuất hiện một tạp chí văn nghệ nào tiêu biểu cho giai đoạn chuyển mình của đất nước. Khuynh hướng nhật báo cuối 1955: Thương mại thuần túy (*Sài gòn mới*, *Tiếng Chuông*), chống cộng, ủng hộ Ngô Đình Diệm (*Tự Do*, *Ngôn Luận*), chống cộng, đối lập tí ti (*Dân Chủ*), thông tin, nghị luận vô tội vạ (*Lẽ sống*, *Thời Đại*, *Buổi Sáng*). Các nhật báo thân Pháp, trung lập bị đình bản (*Tin Điện*, *Thần Chung*).

Sinh hoạt báo chí và văn nghệ không còn hấp dẫn tôi nữa. Vì, dường như, máu văn nghệ trong tôi đã nguội lạnh. Cứ nghĩ đến ngày mai đói rách, tôi hết hăm văn chương. Những ngày ở Bầu Sen, tôi còn một niềm vui duy nhất là mỗi sáng tôi đến thăm Trầm Tư. Tôi yêu nàng. Nàng yêu tôi. Chúng tôi yêu nhau. Tôi không hề tâm sự với nàng rằng tôi đã làm thơ. Cái bộ thơ thương nhớ giả vờ, bài nào cũng “Gửi chị Nguyệt”, tôi liệng vào đồng rác thành phố rồi. Trầm Tư yêu tôi qua hình ảnh một chiến sĩ cách mạng. Chúng tôi đã có nhiều đêm “điều nhau đi trên phố vắng”, đã có nhiều lần ôm nhau, hôn nhau say đắm. Chuyện tình thơ mộng của Trầm Tư và tôi kéo dài đến cuối tháng 1-1956 thì gặp trục trặc ... cơm áo. Đoàn anh quên trả tiền ông Tàu già hơn một tháng rồi, ông ta cần nhân chúng tôi. Phùng Văn Chiêu lo vụ này. Anh chàng bảo sẽ thanh toán và chúng tôi trở lên Ban mê thuật.

Đoàn Trọng Thu chia tay tôi. Nhà thi sĩ Hôi Nách từ chối lên “chiến khu”. Anh ta phiêu bạt nơi nào, tôi không rõ. Đồng Văn Khải tiếp tục theo cách mạng. Còn tôi, tôi quyết định về làng Trắng Lớn, Tây Ninh. Tôi tìm Trầm Tư về chuyện chia ly:

- Anh sắp xa em một thời gian khá lâu.
- Anh đi đâu ?
- Đến một tỉnh miền Đông.
- Anh phải đi à ?
- Bắt buộc. Nhiệm vụ, em ạ !

Trầm Tư khẽ lắc đầu:

- Em ghét nhiệm vụ của anh. Em yêu anh, em muốn gần gũi anh, em muốn lấy anh.

Tôi hỏi:

- Không phải em yêu anh qua hình ảnh một chiến sĩ cách mạng à ?

Nàng buồn bã đáp:

- Em yêu anh vì em thấy ở anh có vẻ gì thật quyến rũ mà em không biết diễn tả. Cách mạng có nghĩa lý gì với em.

Tôi không thể nói thật với Trầm Tư rằng tôi sắp đói to, tôi cần cho đầu gối của tôi bò đi Tây Ninh.

- Cám ơn em.
- Anh nhất định xa em ?
- Anh không muốn thế.
- Bỏ cách mạng của anh đi, bỏ rơi nó đi !

Tội sợ hãi ngày Trầm Tư nguội nồng nhiệt vì biết rõ cuộc đời rách nát, học hành ảm ờ, tứ cố vô thân, tứ vô địa táng của tôi nên tôi đổ vạ cho cách mạng.

- Anh đã bị ràng buộc, anh đã tuyên thệ.

Trầm Tư chớp mắt:

- Bao giờ anh đi ?

Tôi thở dài:

- Mai sớm.

Nàng nói:

- Hôm nay thứ sáu, thứ hai anh hãy đi. Thứ bảy, chủ nhật mình ra Vũng Tàu chơi.

Tôi gật đầu:

- Cũng được.

Tôi có hai sáng và một đêm tuyệt diệu với Trầm Tư. Chúng tôi bay lên ngọn đỉnh của tình yêu. Rồi tôi ra đi. Trầm Tư ở lại khóc thương đời.

[1](#)Sau trở thành thi sĩ, sĩ quan quân đội.

[2](#)Xóm này bị xóa bỏ trên bản đồ thành phố sau trận hỏa hoạn thiêu rụi hết vào năm 1957.

[3](#)Z: Duy Dân.

Chiếc xe thổ mộ chở tôi về Trảng Lớn. Tôi muốn gây một sự ngạc nhiên cho Hoàng Văn Bảo, nên đã không ghé vào tòa Tỉnh trưởng Tây Ninh. Ngồi trên xe thổ mộ thừa khách, nhìn người mã phu già buồn bã, ngắm con ngựa ốm mệt mỗi trước giữa trưa nắng, tôi cảm giác nỗi gì đó thật xót xa, bùi ngùi vừa mới lên lời vào tâm hồn tôi. Cảnh trí miền Đông thê lương lắm.

*Đường gập ghềnh con ngựa gầy mệt nhọc
Kéo lê xe thổ mộ vài người
Ở đây ít nói ít cười
Buồn như nắng hoàng hôn
chậm chậm đổ
xuống núi Bà mờ mịt phía trời xa
Giàn hoàng lan gió làm sụp đổ
Tiếng ru con nước nổ
nhịp vồng đưa
U ở ở ơ ...
Ví dầu cầu ván đóng đinh ... 1*

Tôi thật sự bước xuống cuộc đời bằng những ngậm ngùi. Nỗi ngậm ngùi thứ nhất tính từ đối rách đi làm cách mạng. Đối rách đi làm cách mạng thì lỗ gích quá rồi. Nhưng không đẹp. Bởi đã có toan tính. Không đối rách, tình nguyện dấn thân làm cách mạng cho những ai đối rách, vì những ai đối rách mới đẹp. Nỗi ngậm ngùi thứ hai là tôi thấy một thứ cách mạng chống Mỹ, chống Nga, chống Pháp, chống Tàu, chống Vatican, chống toàn bộ tay sai của đế quốc, thực dân bằng gạo Mỹ viện trợ qua trung gian tay sai của Mỹ. Mà vẫn đòi tiêu diệt Mỹ và đòi tay sai Mỹ phải ... tự sát ! Đám thừa sai của vĩ nhân Lý Đông A đã nhục mạ Lý Đông A. Nỗi ngậm ngùi thứ ba là tôi thấy tôi, chiến sĩ cách mạng Duy Dân, được cử đi học chống cộng lĩnh lương chấm công 50 đồng một ngày do tay sai Mỹ tổ chức và phát tiền. Nỗi ngậm ngùi thứ tư là tôi nhận diện lý thuyết gia chống cộng Trần Văn Thông, bậc thầy chống cộng của những kẻ chống cộng ăn lương của Ngô Đình Diệm. Nỗi ngậm ngùi thứ năm là tôi không được học chống cộng mà vẫn bị nhận bằng tốt nghiệp chống cộng. Nỗi ngậm ngùi thứ sáu là thời gian tôi ở Xóm quốc tế. Nỗi ngậm ngùi mới nhất, là đây, trên chiếc xe thổ mộ ị ạch lăn bánh dọc đường cát đỏ dẫn tôi về làng Trảng Lớn.

Bà mẹ của Hoàng Văn Bảo tiếp đón tôi niềm nở. Tôi cất hành lý rồi ra giếng công cộng múc nước tắm tại chỗ. Bảo chưa về. Buổi trưa nó ở lại sở. Bà cụ nói với tôi rằng bà nuôi hai khách trọ, một làm chung sở với Bảo, một làm ở phòng thông tin xã. Cả hai đều còn trẻ, độc thân. Người khách trọ thứ nhất gặp tôi trước nhất. Anh ta tên là Ngọc, Phan Minh Ngọc, tốt nghiệp khóa huấn luyện cán bộ thông tin 1955 tổ chức ở Kháms Lớn. Tôi biết khóa này có Trần Văn Thông. Ngọc được đưa về Ty thông tin Tây Ninh. Ty cử anh ta về coi Phòng thông tin xã Trảng Lớn. Còn Thông, bí danh Trần Học, đang làm thầy chống cộng của Bộ thông tin. Nghĩ cũng bẽ bàng ! Nhờ Ngọc dẫn giải tôi mới rõ, nơi tôi đang có mặt là làng định cư Trảng Lớn, gồm toàn dân di cư theo đạo Thiên Chúa. Cha xứ nắm gọn quyền hành. Hội đồng xã chỉ là bù nhìn.

Làng định cư Trảng Lớn nằm phía tay phải, tính bằng lối từ thị xã Tây Ninh đi lên Bến Sỏi, sát hương lộ. Phòng thông tin bên ngoài lề đường. Nhà thờ tuốt bên trong. Đối diện Phòng thông tin, bên kia đường, là một cái quán bán nhà quê Bắc kỳ: canh bún, canh bánh đa cua đồng, nước trà tươi ... Tôi hãy tạm biết thế.

Như mọi căn nhà của dân di cư Trảng Lớn, căn nhà của Hoàng Văn Bảo lợp lá, vách tre trát rơm ngào đất. Hàng xóm của Bảo là ông chủ sản xuất kiêm công nhân đóng quan tài.

Xưởng chế sơ mi gỗ của ông ta cách tư thất của ông ta khoảng ba mươi thước. Buổi chiều, Hoàng Văn Bảo và người khách trọ thứ hai, Võ Văn Cư tan sở về. Phương tiện lưu thông của họ là xe đạp. Cư tóc quăn, mắt nâu, mũi cao. Bố anh ta là Pháp chính cống. Mẹ anh ta người Huế, dòng dõi tôn thất. Nhưng Cư không biết họ và tên bố và cũng chẳng hiểu tại sao mẹ anh ta ghép đại cho anh ta cái họ Võ. Chúng tôi quen thân nhau, sau bữa cơm chiều. Nhân Bảo nói tôi biết chơi đàn guitare, Ngọc chạy sang phòng thông tin vác cây đàn về. Tôi biểu diễn vài đường ... “éc dec xít” của Carulli. Rồi tôi múa may nhiều “ác co”, nghêu ngao bài *Đôi mắt huyền* của Thông Đạt (tên ký chung của hai nhạc sĩ Mạnh Phát và Ngô Ganh):

*... Đôi mắt huyền ơi
Hay chẳng tôi yêu say mê nồng nàn
Ngày tháng phôi pha
Cổ em hững hờ
Tình tôi bơ vơ ...*

Võ Văn Cư và Phan Minh Ngọc mê tít thò lò. Hai vị cán bộ xin tôi truyền nghề. Tôi cảm thấy mình sắp cà phê, thuốc lá vùng vút rồi đây. Bèn nhận đệ tử. Tôi bảo ra giềng hầy tính. Khi tôi đến Trảng Lớn, Tết Nguyên Đán gần kề. Dân làng chuẩn bị đón chúa xuân rộn ràng lắm. 29 tháng chạp, mẹ con Hoàng Văn Bảo về Sài gòn ăn Tết với đại gia đình. Phan Minh Ngọc, Võ Văn Cư cũng về Sài gòn luôn. Một mình tôi ở lại giữ nhà. Chiến sĩ cách mạng Vũ Mộng Long ăn gạo Mỹ viện trợ, chống tất cả các thế lực vĩ đại trên trái đất, giã từ người yêu Trầm Tư lên đường lý tưởng chông gai để đóng vai “le chien garde la maison”. May cho tôi, em Trầm Tư không yêu tôi vì cách mạng Duy Dân, nếu không, tôi đã can tội lừa gạt ái tình, tước đoạt niềm tin của em. Em ơi, xin em thông cảm, chỉ vì anh đói rách, bắt tài vô tướng nên anh đã nói dối em anh ra đi thi hành sứ mạng thiêng liêng của cách mạng. Anh đâu còn dính líu chi tới cách mạng nữa. Cách mạng hết khả năng nuôi anh rồng dài yêu em. Anh đành “lê gót chân phong trần tha hương” tới “chiến khu” Trảng Lớn làm chó giữ nhà cho thiên hạ về ăn Tết với gia đình.

Bà mẹ Hoàng Văn Bảo kho nồi thịt, muối hũ dưa để lại. Tôi được phép giết một con gà mái dầu ăn Tết. Tôi mua lít rượu nếp than, hai tút thuốc Ruby, định sẽ uống đêm Giao thừa cho thủng dạ dày, hút cho đen phổi. Nhưng đêm Giao Thừa, rượu rót đầy ly, tôi nhấp một ngụm đã chhuizen choáng. Nhìn khói thuốc, tôi nhớ gia đình. Nhớ ời là nhớ. Tôi nhớ bố tôi. Tôi nhớ mẹ tôi. Tôi nhớ các em tôi. Nước mắt tôi ứa ra. Đó là những giọt nước mắt tha phương cầu thực đầu tiên của tôi. Tôi muốn ghi ngay nỗi nhớ chân thành của tôi, nỗi nhớ tôi đang ôm chặt trong cô đơn. Ở Trảng Lớn không có điện. Phòng thông tin chỉ cho cái máy phát điện nhỏ chạy vào những buổi phát thanh. Nhà thờ xữ dụng máy phát điện riêng của nhà thờ. Vậy thì tôi lại bàn viết, kêu to ngọn đèn dầu, cầm bút viết một bài tùy bút nhớ mẹ. Tôi đốt thuốc lia lịa, loay hoay hàng tiếng đồng hồ không ra câu vắn nào. Tôi chợt nhớ Đoàn Trọng Thu và tôi võ lể rằng, *nỗi đau còn đang tươi rói không thể dàn trải ra văn chương được, phải đợi thời gian dài cho nỗi đau thấm vào máu, vào từng thớ thịt*. Tôi nghĩ, câu này không tìm thấy trong bất cứ một cuốn sách nào bàn về nghệ thuật viết tiểu thuyết cả.

Không viết được, tôi uống rượu. Bây giờ, rượu vào bao tử tôi dễ dàng. Tôi quên nhớ, quên văn chương, quên tôi hiện tại, không nghĩ tới tương lai. Tôi uống rượu. Tôi hút thuốc. Rồi tôi lẩn ra ngủ ...
o o o

Mồng 3 Tết, căn nhà lại đông đủ khuôn mặt cũ. Tôi sắp xếp chương trình làm việc của tôi.

Buổi sáng: Gánh nước đổ đầy hai phuy cho bà cụ. Tưới vườn cải bẹ xanh, xà lát cho bà cụ. Tôi làm việc để khỏi mang tiếng ăn bám.

Buổi trưa: Dạy đàn Phan Minh Ngọc.

Buổi chiều: Lên phòng thông tin đọc sách báo.

Buổi tối: Dạy đàn Võ Văn Cự.

Gánh nước, tưới rau mất hai giờ. Tôi có khoảng trống từ 9 giờ đến 12 giờ. Khoảng trống buồn tênh này, tôi đem cuốn Carulli ra tập nhuyền phần thứ nhất. Dạy đàn Phan Minh Ngọc mất một giờ. Tôi ngủ trưa một giờ, tắm gội rồi lên Phòng thông tin đọc báo cũ mèm, tạp chí *Thế giới tự do* và sách ca ngợi công đức và sự nghiệp của chí sĩ Ngô Đình Diệm và *Những nét đan thanh trong lịch sử Hiệp chủng quốc Hoa kỳ*. Tôi đọc hai ngày là hết sách báo của Phòng thông tin xã định cư Trảng Lớn. Đọc lại. Đọc đủ mục. Đọc quảng cáo, rao vặt, cáo phó, thông cáo, chia vui, chia buồn. Buổi tối, dạy đàn Võ Văn Cự lâu hơn. Chúng tôi đi ngủ trước 22 giờ. Một hôm, mò vào kho chứa báo phế thải, tôi vớ được bộ *Đông Chu liệt quốc* và bộ *Tây Hón chí*. Đọc *Đông Chu liệt quốc*, mê ngay. Bèn bỏ rơi Carulli vì phần thứ hai khó nuốt, thiếu thầy giỏi chỉ dẫn, kể như mù. Tôi đem sách ra xưởng chế sớ mị gỗ của ông hàng xóm, kiếm khúc cây làm gỏi, nằm dài trên nệm quan tài đọc truyện Tàu. Ông chủ, tên là Bá, cứ việc kéo cửa xẻ gỗ, không phản đối. Bản dịch *Đông Chu liệt quốc* này xuất bản ngoài Hà nội trước 1954, mất trang ghi tên dịch giả, đọc rất dễ hiểu. Tôi đọc quên ăn, khiến bà cụ phải gọi hoài. Đêm tôi thắp đèn đem sách ra xưởng chế quan tài của ông Bá đọc ngấu ngiến. Tôi đọc hết *Đông Chu* rồi quên hết *Đông Chu*, chỉ loáng thoáng nhớ Kinh Kha, Tần Thủy Hoàng, Ngũ Tử Tư, Tây Thi, Bao Tự. Sang *Tây Hón chí* thì khó đọc vì văn dịch của người miền Nam do Tín Đức thư xã xuất bản. Tuy nhiên Hạng Võ và Lưu Bang tranh hùng đã làm tôi thích thú. Nghĩ rằng loại sách này lâu lâu đọc một lần mới nhập tâm. Do đó, tôi không đọc lại ngay.

- Này Ngọc, ông còn truyện Tàu không ?

- Ra thư viện tỉnh mượn.

- Ông mượn được chứ ?

- Dư sức.

- Vậy ông mượn giùm tôi.

Thế là Ngọc khuan *Phong thần*, *Đông Hón chí*, *Tam quốc chí*, *Thủy hử* về. Tôi đọc say sưa. Tôi hiểu lịch sử Trung Hoa mạch lạc từ *Phong thần* qua *Đông Chu liệt quốc*, *Tây Hón chí*, *Đông Hón chí*, *Tam quốc chí*. Tôi sẽ kiếm *Thuyết Đường*, *Tàn Đường*, *Tổng Nhạc phi* ... theo nhà xuất bản quảng cáo, để nối tiếp *Tam quốc chí*. Hiểu lịch sử theo dã sử tiểu thuyết thú vị lắm. Một hôm, vì thư viện cho mượn hết truyện Tàu, Ngọc đem về hai cuốn *Kho tàng trong động ma* và *Phiêu lưu trên sông* 2 dịch từ tiếng Anh của Mark Twain. Tôi đã từng mê *Anh em thằng Việt*, *Thằng Việt nghỉ hè*, *Thằng Còm*, *Thằng Còm phục thù* của Lê Văn Trương; *Thằng Kinh*, *Thằng cu Sô* của Nguyễn Đức Quỳnh, *David Copperfield* của Charles Dickens, *Le petit chose* của Alphonse Daudet, hôm nay, đọc Mark Twain, tôi mê thằng Tom Sawyer và thằng Huckleberry Finn quá xá. Tôi đọc nhiều lần. Rồi, bỗng nhiên, tôi buồn bã không thiết đọc sách nữa. Tôi nghĩ, lúc này tôi có thể học được, học sẽ vào lắm, học một hiểu mười nếu tôi được đi học và được thầy giỏi dạy. Tôi thêm đi học, thêm đến trường, thêm lên đại học. Nếu tôi không tốt nghiệp đại học, tương lai tôi sẽ mờ mịt và có làm thơ hay như Nguyễn Bính cũng chỉ đến:

*Ở mãi kinh kỳ với bút nghiên
Đêm đêm quán trọ thức thi đèn
Làm thơ đem bán cho thiên hạ
Thiên hạ đem thơ đọ với tiền*

Tôi hiểu trí tôi đã sáng ra một tí. Đọc *Đông Chu liệt quốc* rồi đọc loạt bài nhận xét nhân vật

Đồng Chu của các ông nhà báo, tôi khó chịu cái lối nhận xét khen “phò mã tốt áo”. Nhà báo khen Ngũ Viên, tôi chống lại, cho rằng Ngũ Viên là tên phản quốc. Y thù riêng Sở Bình Vương, đem quân Ngô về tàn sát dân nước Sở. Nhà báo nường truyện, phong Chuyên Chư, Yêu Ly là dũng sĩ, nghĩa hiệp, tôi coi hai thằng này là hai tên giết mướn ngu xuẩn. Tôi chống luôn lời bàn “phò Hán” của Mao Tôn Cương. Với tôi, Tào Tháo mới đáng mặt anh hùng và đại lượng. Ít ra, Tào Tháo đã không giết Quan Công, đã không bắt văn sĩ Trần Lâm đi “học tập cải tạo”, dẫu Trần Lâm, khi theo Viên Thiệu đã viết hịch chữ Tào Tháo thậm tệ: “Nó chữ ta chưa đủ, còn đem cha ta ra chữ”, Tào Tháo hận Trần Lâm dường nào !

Chừng tôi thềm học hành chăm chỉ thì bố tôi tị nạn ngoài Bắc, không ai giúp tôi ăn học cả. Mọi sự dở dang. Và cuộc đời không có ai để phần cơm chõu đưa trẻ mồ côi ngang qua cả. Tôi đọc nhiều sách rồi cũng đến gánh nước, tưới rau. Hay có làm cách mạng thì lại “chém tre dẫn gỗ trên ngàn”.

Cho nên chán đọc sách, chán tập đàn. Rồi tôi chán cả dạy đàn, vì đệ tử của tôi vừa dốt lại vừa ngu. Chúng nó không thích học ký âm pháp, chỉ khoái học tử. Như đệ tử Cụ “còm măng” tôi dạy đệm bài *Thôi tơ*, “chơi van xơ, xô lô một câu”. Nó cóc cần biết “tăng pho” ở đâu, “tăng phép” ở đâu, cóc cần luôn nốt nhạc. Nó học “tay đờn miệng ca” bằng ... lời ca thôi.

- Ông giảng dễ hiểu hơn được không ?

- Được.

- Tôi nghe đây.

- *Chình* chát chát, *Chinh* chát chát, *Chình* chát chát, *Chinh* chát chát ... Nhịp “tờ roa ca” chơi thế. Nhanh là “van xơ”, chậm một tí là “van lăng”, thật chậm là “bốt tông”. *Chình* là “tăng pho”. Pho là mạnh, quai thật mạnh. *Chát chát* là “tăng phép”. Phép là yếu, quai nhẹ nhẽ. Hát đi !

- *Em lo gì trời gió.*

- Tốp. *Em* quai *chình* thêm cái chát *lo* quai chát *gì* quai *chình* thêm cái chát *trời* quai chát *gió* quai *chình* ...

- Chình, Chinh, Chình, Chinh khó phân biệt quá.

- Vậy dễ hơn nhé ?

- Tốt.

- Em là Cam, Gì là bông, Gió là quýt. Bắt đầu ... Cam chát chát, Bông chát chát, Quýt chát chát, Nho chát chát, Oì chát chát, Sung chát chát ... *Cam* chát lo *bông* chát trời *quýt* chát chát. *Nho* chát lo *ôi* chát trời *sung* chát chát ... Em lo gì trời gió, Em lo gì trời mưa ...

- “Mê tốt” số một.

- Nhưng sung chát, đào chua, tớ không nuốt được. Cậu tự học đi !

Không đọc sách, không tập đàn, không dạy đàn, tôi chỉ còn công tác gánh nước, tưới rau và lãnh thêm công tác bồ cùi. Thì giờ thừa thãi, tôi rủ mấy thằng nhóc dạy chúng đánh cờ tướng để chúng nó tợn tôi làm sư phụ. Thầy trò tôi ngồi trên quán tài lên xe, xuống ngựa. Tôi đâm ra khoái mấy ông nhô. Thấy chúng nó sắp xỉ 12 mà chẳng đứa nào biết đọc, biết

viết, tôi bày trò dạy nhô con học chữ. Tôi xin giấy bút của Phòng thông tin phát cho nhô con. Chúng nó khoái học nên học nhanh lắm. Ông Bá, chủ nhận xưởng nhà đòn, gạ dạy tôi xẻ gỗ đóng quan tài trả tiền công đảng hoàng. Tôi nhận lời. Thế là tôi thành thợ xẻ, ca bài tử:

*Kéo cưa lừa xẻ
Ông thợ nào khỏe
Được ăn cơm vua
Ông thợ nào thua
Thì về bú mẹ*

Tập kéo cưa xẻ gỗ một tuần, tôi hết ê ẩm tay chân mình mẩy và tay nghề tạm được. Ông Bá trả tôi 50 đồng một ngày. Tôi ăn ngủ ở nhà Hoàng Văn Bảo, trả nợ cơm áo bằng gánh nước tưới rau, bồ củi. Tôi dậy sớm hơn lo công việc của bà cụ xong xuôi để đúng giờ kéo cưa xẻ gỗ. Buổi trưa, được ngủ một tiếng, tôi bỏ ngủ, dạy học mấy ông nhô. Tôi mong sống ở Trảng Lớn yên ổn vài tháng để có khoản tiền dặt túi để phòng ngày nào đó phải ra đi. Tôi ngán sự bấp bênh rồi.

Tính ra, tôi “tạm trú” ở Trảng Lớn đã hơn ba tháng. Bà cụ muốn tôi dừng bước giang hồ vài năm. “Cho đến khi Bảo đổi về Sài gòn”, bà cụ nói thế. Tôi chưa vội đi và cũng chẳng biết đi đâu. Ở đây, mỗi sáng tinh mơ, đều có chiếc xe đồ nhỏ của người di cư từ Bến Sỏi ghé qua, bộp còi inh ỏi và chú lơ oang oang hỏi “Có ai đi Sài gòn không?”. Tôi không biết những tiếng còi tàu nào đã réo gọi máu giang hồ của Nguyễn Tuân và đã tạo cảm hứng *Một chuyến đi* của ông. Nhưng mà nghe tiếng còi xe đồ sáng sáng, tôi râm ran những cảm giác phiêu lưu. Đôi khi, tôi muốn quên Trầm Tư. Đôi khi, tôi muốn bay về Sài gòn, ôm gọn nàng trong vòng tay, hôn nàng say đắm và nói thật với nàng cái cuộc đời rách nát của tôi. Tôi nhớ Trầm Tư, tôi nhớ lần đầu tiên làm tình với nàng ở Vũng Tàu tưởng có thể chết vì sung sướng. Chúng tôi lên đèn. Chúng tôi ngắt ngưỡng. Tôi sẽ làm gì cho Trầm Tư vui? Tôi làm được gì? Vậy tôi đành phải quên nàng. Tôi nên để nàng bình yên mơ ước. Đời sống đã rắc rối. Tình yêu còn rắc rối hơn. Khổ nỗi, lúc tôi bảo tôi quên Trầm Tư là lúc tôi nhớ nàng nhất. Mà lạ thật, tôi chưa hiểu rõ cuộc đời nàng, nàng cũng không thêm hiểu rõ cuộc đời tôi.

Đã nhiều lần tôi viết thư cho Trầm Tư. Rồi tôi xé đi. Vì thư của tôi toàn chuyện dối trá, bịa đặt. Tôi không thể vẽ chiến khu tưởng tượng lừa gạt Trầm Tư. Người chiến sĩ cách mạng, nếu tôi viết cho nàng, sẽ không bao giờ gánh nước, tưới rau, bồ củi, xẻ gỗ cho lý tưởng ... bao tử cả. Người chiến sĩ ấy càng không bao giờ nằm trên nắp quan tài đọc truyện *Thủy Hử* tiêu phí thời gian. Có lẽ, tôi phải nói thật với nàng.

Một hôm, tôi quyết định về Sài gòn thăm Trầm Tư. Tôi đứng ở góc phố Phan Thanh Giản nhìn công ngôi chùa quen thuộc chênh chếch bên kia đường. Tôi biết Trầm Tư đang ngồi trong đó, chỗ chúng tôi đã tỏ tình. Tôi cứ đứng ì, hút thuốc lá liên miên, nửa muốn băng sang đường, nửa không muốn. Chợt tôi nhớ Xuân Diệu:

*Không gian như có giây tơ
Bước đi sẽ đứt động hồ sẽ tan*

Và Hồ Dzếnh:

*Đời mất vui khi đã vụn câu thơ
Tình chỉ đẹp những khi còn dang dở
Thư viết dừng xong, thuyền trôi chớ đỗ
Cho nghìn sau lơ lửng tới nghìn xưa*

Và tôi bỏ đi. Nghĩ rằng, ngày thay đổi trong vòng 24 giờ, người đổi thay chỉ cần một thoáng

qua. Tôi sợ thêm sự bẽ bàng. Hãy cứ hiểu Trầm Tư vẫn yêu tôi, đang nhớ tôi ... Tôi ra bến xe miền Đông, trở lại Trảng Lớn ngay buổi chiều.

o o o

Trong bốn thằng nhóc tôi dạy học có thằng tên là Hải thông minh nhất. Tôi không biết nhà nó ở xóm nào thuộc xã Trảng Lớn. Một buổi chiều, Hải dắt một người đàn ông đến xưởng đóng quan tài của ông Bá, lúc tôi đã nghỉ cửa và đang nằm suy nghĩ vấn vợ trên nắp quan tài.

- Anh ời, bố em tìm anh.

Tôi ngồi dậy. Bố thằng nhóc Hải lễ phép:

- Chào cậu giáo.

Tôi ngần ngợ:

- Không dám, chào ông. Tại sao gọi tôi là cậu giáo ?

- Thưa, cậu dạy cháu Hải biết đọc, biết viết.

- Chuyện nhỏ mà. Nó sẽ đọc thông, viết thạo, làm tính ...

- Cám ơn cậu. Cháu nó nói muộn quá, nay tôi mới biết.

- Ông đừng cám ơn tôi.

- Cậu khai tâm cho cháu, tôi biết ơn cậu. Thưa cậu ...

- Chi đó ông ?

- Gia đình tôi sửa soạn bữa ăn, xin mời cậu chiêu cố.

- Ông bà bày đặt quá.

Không thể nào từ chối, tôi phải nhận lời tới nhà nhóc con Hải “dùng tiệc”. Tôi bảo bố thằng Hải về trước, còn nó, nó chờ tôi tắm gội thay quần áo. Buổi tối, tôi vào xóm trong, gần nhà thờ. Người ta thiết đãi tôi một bữa thịt chó thịnh soạn. Tôi cảm động thấy đủ mặt bốn tên học trò và cha mẹ của chúng. Người ta bàn mở một lớp dạy trẻ em trên 10 tuổi chưa biết đọc, biết viết nhờ tôi dạy và trả lương cho tôi. Người ta không muốn tôi xẻ gỗ vát vĩa.

- Cậu giáo nghĩ thế nào ?

- Tôi sẽ dạy các em mỗi tối, không cần lĩnh lương.

- Chúng tôi không nỡ để cậu làm việc nặng nhọc.

- Vậy các ông kiếm người khác.

Cuối cùng, tôi vẫn kéo cửa xẻ gỗ với ông Bá và tối tối đi đánh giặc mù chữ. Lớp học của tôi có 15 học trò cả trai lẫn gái, mù chữ từ ở ngoài Bắc, vô đây xấu hổ không dám học chung với trẻ nít lớp đồng ấu. Ông già Thành cho mượn gian nhà làm lớp học. Cháu gái ông là học trò của tôi. Cô con gái út của ông già Thành lo đèn dầu, bảng phấn, bàn ghế ... Tôi dạy theo phương pháp riêng của tôi, học trò không buồn ngủ và ham học. Một tháng liền, không đứa nào vắng mặt. Chúng nó chăm chỉ và tiến bộ nhìn rõ. Mọi người yêu mến tôi. Tôi trở

thành sự cần thiết cho một số người. Và tôi coi đó là hạnh phúc của tôi. Cha sở rất bằng lòng công việc của tôi. Ông thường tặng tôi thuốc lá và khuyên tôi vào đạo. Người bằng lòng tôi nhất là cô Hiền, con gái út ông già Thành. Khi tôi dạy học, cô Hiền đứng cửa lớp nhìn tôi say đắm. Cô gái quê này có vẻ đẹp hồn nhiên, không son phấn, nước hoa.

Một buổi tối, lớp học vừa tan, ông già Thành níu tôi lại ngồi uống trà với ông. Gọi là đàm thoại, thực ra, ông ta muốn phóng xe vận tải vào đời tư của tôi.

- Ngoài Bắc cậu giáo ở đâu ?

- Thái Bình.

- Gia đình di cư vào Nam ở đâu ?

- Tôi di cư một mình.

- Tại sao thế ?

- Bố mẹ tôi cho tôi lên Hà nội học, tôi trượt tú tài không dám về nhà, tôi vào Nam luôn ...

Tôi phịa chuyện:

- Vào Nam tôi chán học, đi giang hồ đây đó. Tôi về Trảng Lớn, định chơi với anh Bảo vài tuần, thấy đây vui, ở thêm ít lâu. Vì cần tiền xe cộ cho những chuyến giang hồ sắp tới, tôi xẻ gỗ kiếm chút tiền.

Ông già Thành gật gù:

- Cậu đúng là tay giang hồ. Thôi, giang hồ đủ rồi, dừng bước đi.

Ông ta nhấp ngụm trà:

Tới đây thì ở lại đây ...

Ông không dám đọc thêm:

Cùng con gái lão xum vầy thất gia ...

Ông già thuộc Lục Vân Tiên và biết áp dụng đúng lúc, đúng người. Ông ta tán tôi giùm cô Hiền.

- Đàng cậu Bảo có tiện không ?

- Tiện ạ !

- Đến tôi ở cho nó rộng rãi.

- Cám ơn ông.

Hết tuần trà tôi cáo từ ra về. Ông già Thành dặn con gái út:

- Hiền, con đưa anh về tận nhà đi !

Ông già nhà quê này coi bộ Tây hơn cả Tây. Cô Hiền ngoan ngoãn đưa tôi về. Rồi tối nào

cô cũng đưa tôi về. Dân làng quý mến tôi, muốn tôi lấy cô Hiền, không ai xâm xì, dị nghị cả. Kể ra, chiến sĩ cách mạng hơi thất thế. Đang cấp thành ủy tụt xuống cấp xã ủy. Ông già Thành tận dụng chiến thuật “Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén”. Mà lửa bén rơm thật. Đi sát cô Hiền tôi đâm ra nghiện cái mùi thơm hoa đồng cỏ nội. Tôi thấy cô như thơ quê mùa Nguyễn Bính.

Có một tối trời đầy trăng, tôi hỏi cô Hiền:

- Cô dám đi chơi khuya với tôi không ?

- Tùy cậu.

- Cô không sợ bố cô à ?

- Bố em đã cho phép.

- Thật chứ ?

- Dạ, thật ạ !

Tôi dẫn cô Hiền đi trên hương lộ hướng ra thị xã Tây Ninh. Một quãng khá xa, tôi cầm tay cô, dắt cô rẽ xuống con đường mòn. Đến cái chuôm, sát vườn cà của người địa phương, chúng tôi kiếm chỗ tốt ngồi nhìn trăng sao trên mặt nước. Tôi đặt tay lên vai cô Hiền. Cổ run rẩy.

- Cô sợ hãi à ?

- Không ạ, em không dám ạ !

- Cô không dám gì ?

- Em không dám sợ cậu.

Tôi hôn tóc cô Hiền. Hương tóc cô cơ hồ phảng phất mùi hoa cau, hoa bưởi, hoa lý. Tôi hít hà tóc cô. Tôi hít hà da thịt cô. Cô Hiền hay là Ngây của Tô Hoài ? Tôi hay là Hời của Tô Hoài ? Không, Ngây và Hời đã chết năm 1940. Cô Hiền và tôi đang sống và bây giờ là 1956. 14 năm, nhiều biến cố. Cách mạng và chiến tranh đã biến 14 năm thành 140 năm. Nhiều thứ đã biến hút. Nhiều điều đã nát vụn. Cái tốt chìm lún. Cái xấu mọc cao. Sự rung động của lén lút hẹn hò chẳng còn. Nổi bâng khuâng giảm sút. Tôi ôm chặt cô Hiền. Cô đẩy tôi nhẹ nhàng, lấy lệ. Tôi hôn má cô. Tôi hôn môi cô. Cô Hiền chưa biết hôn. Tôi dạy cô hôn. Cô học hôn thật chóng. Tôi luồn tay sau lưng cô. Da thịt cô mát rượi.

- Cô Hiền !

- Dạ.

- Cô có yêu tôi không ?

- Em yêu cậu.

- Tại sao cô yêu tôi ?

- Em không biết.

- Cô có sợ tôi không yêu cô không ?
- Em không biết.
- Cô Hiền !
- Dạ.
- Nếu mai đây tôi bỏ đi, cô có buồn không ?
- Em không biết.
- Cái gì cô cũng không biết, vậy cô biết cái gì ?
- Em chỉ biết em yêu cậu.

Tôi đẩy khẽ. Cô Hiền nằm trên lớp cỏ tươi. Cô duỗi thẳng chân chờ đợi dâng hiến. Tôi cúi thấp hôn ngực cô. Rồi tôi kéo cô ngồi dậy, dìu cô đứng lên. Có trăng sao làm chứng, cô Hiền tỉnh giấc hồn nhiên. Vẫn đó, hoa hiền ...

o o o

Năm nay mưa hơi muộn. Giữa tháng năm mới thấy trận mưa đầu mùa báo hiệu những trận mưa ừng ực kéo dài đến cuối thu. Tôi ở Trảng Lớn hơi lâu rồi. Kể từ hôm tôi kéo cửa sổ gỗ cho ông Bá, giữa tôi và sinh hoạt văn nghệ, báo chí Sài Gòn hoàn toàn xa lạ. Tôi không đọc báo nữa, dù là báo cũ. Tôi cũng chẳng đọc thêm cuốn sách mới nào. Văn nghệ, với tôi, đã trở thành một thế giới mù mịt, bí ẩn, hoang đường. Có vẻ thiêng liêng nữa. Văn nghệ ví như đất thánh. Mà tôi, kẻ ngoại đạo. Tôi ôm mộng trở thành nhà văn cũng giống những kẻ tưởng mình sẽ câu được trăng sao in hình trên mặt nước. Tôi muốn sống cuộc đời đơn giản thôi. Trước ngày lên Ban mê thuật học triết học nhập môn để đi vào Duy Dân chủ nghĩa, tôi đã hì hục khuôn tằm đá văn nghệ. Tôi nghĩ rằng sự hì hục văn nghệ của tôi, của những ai mang tâm sự tôi, chỉ nhắm mục đích lấp đầy cái mặc cảm học hành ảm ờ, nghèo đói. Và vầy vo với mấy thằng ngây thơ cùng tuổi. Và hãnh diện với mấy em gái ngớ ngẩn. Ở Ban mê thuật, đàn anh bơm căng tâm hồn tôi: Cách mạng có thừa khả năng đào tạo tôi thành Bộ trưởng hay thành nhà văn lỗi lạc mà khỏi cần bằng cấp cử nhân, tiến sĩ. Bây giờ, tôi nhìn rõ tôi hơn. Sự vất vưởng trên bước đường tha phương cầu thực đã giúp tôi nhìn rõ tôi. “Thôi, giang hồ đủ rồi, dừng bước đi”, tôi nghe lời ông già Thành vậy. Tôi sẽ ở đây, lấy cô Hiền làm vợ. Cô Hiền buôn bán chợ gần hay cô Hiền làm rẫy làm vườn. Tôi nhờ cha sở xoay sở chân hương sự. Tôi sẽ là giáo làng, giáo rĩ suốt đời gõ đầu đám trẻ quê ngô nghê. Tôi sẽ hút thuốc lào, sẽ triết lý quèn ... Tam quốc chí diễn nghĩa trong mâm thịt chó rượu đế. Chắc chắn, tôi phải học giáo lý nhà Chúa. Rồi tôi sẽ nghiên cứu Thánh Kinh. Biết đâu, về già, tôi chả trở thành ông trùm họ đạo. Đời sống sẽ bình yên vô cùng.

Tôi ngỏ ý cưới cô Hiền làm vợ với bà mẹ của Hoàng Văn Bảo. Bà cụ tán thành ngay và hứa sẽ đóng vai đại diện đằng trai trong ngày hôn lễ. Ông già Thành bằng lòng quá rồi. Tôi học giáo lý với cha sở. Cô Hiền mừng rỡ lắm. Coi như cô Hiền đã là vợ tôi. Chúng tôi tự do đi chơi với nhau ban ngày, ban đêm. Cũng thiết thòi cho cô Hiền. Vì những chiều ở Bến Sỏi hay những đêm dạo chơi dưới ánh trăng trên các lối mòn Trảng Lớn, bên cạnh cô Hiền tôi cứ tưởng bên cạnh Trầm Tư. Tôi vẫn yêu Trầm Tư tha thiết. Tôi không phụ bạc Trầm Tư, tôi thêm Trầm Tư vô cùng. Nhưng cái mặc cảm nghèo đói, thất học bắt tôi xa Trầm Tư, xa vĩnh viễn.

*Bao giờ bến mới gặp đò
 Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau* 3

Bên có thể gặp đờ. Hoa khuê các thì không bao giờ gặp bướm giang hồ cả. Trầm Tư, em là hoa khuê các, anh là bướm giang hồ, em hiểu chưa ? Nếu trái tim như trái cam, trái tim anh có nhiều múi và mỗi múi tim anh đồn trú một tình yêu. Múi tim này, nơi đồn trú của tình yêu mẹ anh; múi tim này, nơi đồn trú của tình yêu bố anh; múi tim này, nơi đồn trú của tình yêu em anh; múi tim này, nơi đồn trú của tình yêu vợ anh; múi tim này, nơi đồn trú của tình yêu con anh; múi tim này, nơi đồn trú của tình yêu bạn anh; múi tim này, nơi đồn trú của tình yêu em; múi tim này, nơi đồn trú của tình yêu sự nghiệp anh ...

Nhờ cô Hiền, tôi được hưởng những đêm trăng thanh bình của một làng quê Tây Ninh. Thi sĩ Vũ Anh Khanh sinh trưởng ở Tây Ninh đó. Tha La xóm đạo của ông ở Trảng Bàng cơ. Tác giả những tiểu thuyết kháng chiến chống Pháp như Nửa bồ xương khô, Xin phủ mặt tôi bằng mảnh lụa đào. Vũ Anh Khanh làm tôi sáng khoái lối viết bốc lửa và tâm hồn yêu nước mãnh liệt của người Nam bộ. Ông đã chết, chết khi tài năng của ông đang thăng hoa. Thơ của Vũ Anh Khanh truyền cảm xúc động. Để biết ơn người văn nghệ ấy, tôi còn thuộc hai câu thơ của ông nằm trong bụng biên thống trách dân Sài gòn hồ hững với sự nghiệp chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược bảo vệ nền độc lập của dân tộc Việt Nam:

*Hỡi cô con gái đô thành nội
Ai điểm trang mà em phấn son*

Hai câu thơ này vẫn còn giá trị lắm đấy. Nhất là với các ông tuổi trẻ tự hào 12 năm bỏ quê hương Việt Nam, các ông ấy đã “tóc dài, mặc áo rộng, mặc quần ống túm” và các ông phi cầm phi thú đồng ý với “quan điểm” mất gốc. Tôi nói biết ơn thi sĩ Vũ Anh Khanh, tôi nói thêm: Tôi biết ơn tất cả thi sĩ, văn sĩ làm thơ, viết văn trước tôi. Không có họ sẽ chẳng bao giờ có tôi. Những kẻ vô ơn đối với tiền nhân, đối với những người văn nghệ đi trước mình, chắc chắn, không bao giờ khá nổi. Anh có thể hay hơn Trương Vĩnh Ký, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Nhất Linh, Trương Tửu, Lê Văn Trương, Túy Hồng, Nhật Tiến, Lê Tất Điều, Thanh Nam, Văn Quang, Mai Thảo, Đỗ Tiến Đức, Hà Huyền Chi, Dương Nghiễm Mậu ..., nhưng anh đừng quên mỗi người tôi vừa kể đã là một bến bờ dọc con sông dài văn học Việt Nam. Dòng sông không bên bờ là dòng sông buồn tẻ. Dòng sông chỉ có một bến một bờ là dòng sông thẳm nào. Anh sẽ là một bến bờ trên dòng sông đã nhiều bến bờ. Anh không xóa nổi các bến bờ văn học đâu. Thiếu bến bờ cũ sao mà thẳm định giá trị bến bờ mới ?

Tôi thả dài những ngày nghỉ kéo cửa xẻ gỗ, tha thẩn khắp làng Trảng Lớn, lân la làm quen nhiều bà mẹ, nhiều người chị Nam bộ. Tôi thấy vắng vẻ đàn ông, thanh niên ở Trảng Lớn. Hỏi thăm tôi mới rõ đàn ông, thanh niên tập kết ra Bắc sau hiệp định Genève 1954. Cảnh trí buồn bã trong những gia đình có con, có chồng đi tập kết đã găm vào hồn tôi một suy nghĩ mới. Tại sao người ta nỡ bỏ mẹ già, vợ dại, con thơ tập kết ra Bắc ? Tại sao người ta nỡ bỏ mẹ già, vợ dại, con thơ di cư vào Nam ? Kê ra mong trở vào. Người vào mong trở ra. Người Việt Nam hai miền sẽ trở lại nơi chôn rau cắt rốn của mình bằng cách nào ? Lúc ấy, tôi chưa đủ kiến thức để hiểu sự tranh chấp quyết liệt giữa các ý thức hệ, các chủ nghĩa đối nghịch nhau tạo ra thù hận dân tộc trên quê hương tôi. Tôi hoàn toàn không có ý niệm gì về chủ nghĩa cộng sản và chống phá chủ nghĩa ấy. Bởi vì, tôi chưa đọc chủ nghĩa cộng sản. Gia đình tôi, kể từ ông nội tôi, không nằm trong đối tượng thù hận cần thiết tiêu diệt của giai cấp vô sản. Tôi đã cố tìm ra những bằng chứng cụ thể, những “kinh nghiệm sống” với cộng sản để biện minh cho “lập trường” chống cộng của tôi. Chỉ thấy hai điều. Một: Hai tên du kích làng Thọ Bi đã hạch sách mẹ con tôi khi mẹ con tôi từ thị xã Tề về làng Tường An gồng gánh ít đồ đạc chưa bị giặc Pháp đốt. Tôi chửi chúng nó. Chúng nó bắt tôi. Mẹ tôi phải xin lỗi chúng nó và nhận rằng tôi đã chửi mẹ tôi, chúng nó hiểu lầm. Hai: Ông chú Phương hen của tôi cả đời chỉ mơ ước được mặc bộ quần áo mới diện Tết và ăn vã một cân giò lụa. Cách mạng 19-8-1945 không mang lại nỗi ước nhỏ bé cho chú tôi. Giải phóng tháng 7-1954, tôi vẫn thấy chú tôi còng lưng kéo xe bò và vợ chú tôi oằn xương sống đẩy xe. Rồi tôi bắt mắt thái độ của Đàm Viết Minh, của các nhà văn phủ nhận sự nghiệp cũ, sự nghiệp đã

làm tôi say mê, ngưỡng mộ và mơ ước, của những tuần lễ “tiêu diệt văn hóa nô dịch”, của kẻ giải phóng tuyên bố Genève cách đảo Phú Quốc 90 hải lý, của sự bắt người Việt Nam suy tôn Mao Trạch Đông, Malenkov ... Người cộng sản sẽ nói: Đó là hiện tượng, không phải bản chất. Vậy tôi đã chống cộng vì hiện tượng. Và đúng thế. Khi tôi thắc mắc người Việt Nam hai miền sẽ trở lại nơi chôn rau cắt rốn của mình bằng cách nào, tôi chưa đoán nổi con đường trở lại ngập tràn xương máu, dằng dặc oán thù và người Việt Nam sẽ xa lạ người Việt Nam hơn, và rồi người ta cũng chẳng trở lại được quê hương mình.

Tôi thương bà mẹ Tây Ninh có con đi tập kết sống hiu quạnh dưới mái nhà lá lụp xụp. Đêm đêm ai thắp cho bà cụ ngọn đèn dầu ? Tôi nghĩ đến mẹ tôi. Tôi nhớ mẹ tôi. Mẹ tôi, ngoài Bắc, đang tưởng tượng đứa con đầu lòng của mình bỏ nhà ra đi để làm chín ước mơ của bố nó. Chắc chắn, mẹ tôi đang cầu nguyện tổ tiên phù hộ tôi sớm trở thành bác sĩ y khoa. Mà tôi thì lêu bêu xó xỉnh Nhà Hát Tây, xó xỉnh Ban mê thuật, xó xỉnh Xóm Quốc Tế, Bầu Sen, xó xỉnh Trảng Lớn. Tự nhiên, tôi không muốn định cư đời mình trong trái tim cô Hiền nữa. Tôi bỏ ngang lớp giáo lý. Thời kỳ này, ông Bá bị đau, tôi được nghỉ kéo cưa xẻ gỗ. Tôi nằm dài trên nắp quan tài ngủ và ngủ. Rồi tôi vác đàn ra xưởng đóng quan tài, nghề ngao ngao hát:

*Mẹ ơi thôi đừng khóc nữa
Cho lòng già nặng sầu thương
Con đi say tình viễn xứ
Đâu có quên tình cố hương ...*

Tiếng đàn và giọng hát của tôi lọt vào tai một khách giang hồ già. Ông ta khoảng 45 tuổi, có chiếc xe lạ nhất thế giới. Hãy hình dung một chiếc xe chở khách trong phim cao bồi. Nhỏ hơn, thấp hơn nhưng lạ hơn bởi hai bánh cao su bồm căng như bánh xe ba bánh chở hàng hóa. Thay vì ngựa kéo, chiếc xe của khách giang hồ già lôi bằng chiếc xe máy Đức cũ. Cửa xe khóa chặt, tôi không biết trong đó chứa những gì, ngoài con khỉ ngồi ngoan trên mũi vải bố. Khách giang hồ già lái xe sát xưởng quan tài, cách lề hương lộ 5 thước. Khách tắt máy xe, bước xuống xe và, như bố ông Không Tử, khách ra lệnh:

- Tiếp tục đàn hát !

Tôi ngưng đàn hát, sừng cò:

- Ông là cái thứ gì mà ra lệnh ?

Khách cười:

- Chú nhỏ, mày hỏi mày xem mày đã là cái thứ gì ! Mày chỉ hơi hơi có thứ từ lúc tao ra lệnh cho mày hát.

Khách nói giọng Bắc. Rõ rệt dân Bắc kỳ ... di cư ! Khách ngồi trên đầu nắp quan tài, gật gù:

- Chưa là cái thứ gì mà dám xác xược thì mày sẽ có thứ, chú nhỏ à !

Khách móc gói Ách chuẩn, mời tôi:

- Hút đi, coi như tao xin lỗi mày.

Tôi rút điều thuốc. Khách bật lửa cho tôi mời.

- Mày tên gì ?

- Long.
- Họ ?
- Vũ.
- Chữ lót ?
- Mộng.
- Dân Hưng Yên à ?
- Thái Bình.
- Giòng họ Vũ ở Hưng Yên đấy. Vũ Hoàng Chương, chẳng hạn. Mà biết Vũ Hoàng Chương không ?
- Biết. Thi sĩ.
- Thế thì mà khá. Tổ tiên mà vượt sông Trà Lý sang Thái Bình mưu sinh, rồi định cư ở Thái Bình. Mà bao nhiêu tuổi ?
- 21.
- Lớn hơn con trai tao một tuổi. Mà Ất Hợi, “con lợn ủ ỉn mua hành cho tôi”. Mà không phải dân di cư Trắng Lớn.
- Sao ông biết ?
- Ở đây không đứa nào biết Vũ Hoàng Chương, kể luôn ông cố đạo. Mà giang hồ vật, tứ cố vô thân.
- Sao ông biết ?
- Vì có bố mẹ, mà phiêu bạt tới cái xó xỉnh này làm gì !
- Còn ông, tên ông là gì ?
- Vô Danh.
- Vô Danh là tên ?
- Ừ. Có thằng tên Nguyễn Điểm Danh, có thằng tên Phan Minh Danh, có thằng tên Trần Vinh Danh, có thằng tên Lê Chính Danh ... Bố mẹ tao sợ tao mạo danh, ô danh nên đặt tên tao là Vô Danh, họ Lý.

Khách nhìn thẳng mặt tôi:

- Mà tưởng tao điên hả, chú nhỏ ?

Tôi nói:

- Ông lạ lắm.

Khách phá lên cười, cười vắng cả tiếng thuốc trên môi. Cười hả hê xong, khách trở giọng buồn bã:

- Với mày thì tao lạ, với thiên hạ thì tao điên.

Khách giang hồ Lý Vô Danh xích lại gần tôi:

- Mày thuộc mấy bài hát phổ thông không ?

- Thí dụ ?

- Tao không thèm biết tên bài. Đại khái là “Gánh gánh gánh gánh lúa về”, “Quê hương tôi gió chiều về trong nắng vàng” và “Kìa thôn quê dưới trăng vàng bát ngát” ...

- Thuộc cũng dễ thôi.

- Tốt.

- Tốt sao ?

- Chẳng dấu diếm gì mày, tao làm nghề bán thuốc dạo. Tao chuyên bán thuốc trừ giun sán, miền Nam gọi là sán lã. Trước đây, tao mượn một thằng nhóc đi đánh thanh la quyến rũ khách hàng tới đông. Tao cho con khỉ làm vài trò rồi bán thuốc sán lã. Tao biết vài trò ảo thuật vớ vẩn. Thằng nhóc không có máu giang hồ, bỏ trốn dọc đường gió bụi. Tao đã quanh quẩn xó này mấy hôm, chú ý mày lắm. Tao nghĩ mày đàn hát giáo đầu hay hơn đánh thanh la, hấp dẫn hơn, lạ hơn. Mày thích giang hồ phiêu bạt không ?

- Không.

- Thế thì mày ngu. Ngu vì mày không bao giờ có dịp biết phong cảnh, người ngợm khắp tỉnh lỵ, thị xã, quận huyện, làng xóm miền Nam. Giang hồ với tao mày sẽ khôn ra, mày có cơm ăn, áo mặc, có tiền để dành. Chừng chán giang hồ, mày có tiền ăn học. “Ba năm lưu lạc giang hồ, Một ngày làm lại cơ đồ cũng xong”. Mày ở đây làm cái gì ?

Tôi chưa kịp kể công việc của tôi cho khách giang hồ già nghe thì cô Hiền tới. Cô ta xách theo một nồi nhúm canh bún nấu với cua đồng, rau rút, nước màu vàng ửng. Tôi vào nhà lấy bát đũa mời khách giang hồ họ Lý ăn. Khách ăn vui vẻ. Ăn no nê canh bún quà quê và chờ cô Hiền về, khách mỉm cười, ngó tôi:

- Tao đã hiểu tại sao mày không thích giang hồ phiêu bạt. Con nhỏ đẹp đấy, hiền đấy, ngoan đấy. Tướng con nhỏ lại tốt mái. Mày sẽ có cả chục đứa con. Đứa mở quán bán canh bún. Đứa làm ruộng. Đứa buôn bán chợ xa, chợ gần. Đứa đẩy xe nước mía. Đứa đun xe khô mực. Đứa làm lơ xe đò ...

Tôi lớn tiếng:

- Đủ rồi, ông Sơn Đông bán thuốc sán lã ! Ông không phải là cha tôi. Ông lo bán thuốc với con khỉ của ông, để tôi yên.

Khách không giận, giọng trầm xuống, cách xưng hô khác đi:

- Tôi sẽ để chú nhỏ yên phận. Nghe đây ...

Khách đọc hai câu thơ cổ:

*Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách
Sắc bất ba đào dị nịch nhân*

Rồi hỏi:

- Chú hiểu không ?

Tôi đáp:

- Hiểu.

- Đọc Tam Quốc Chí chưa ?

- Rồi.

- Triệu Tử Long nói với Khổng Minh câu nào hay nhất ?

Tôi bắt đầu kể ông Lý Vô Danh, áp úng:

- Cháu không nhớ, không hiểu câu nào hay nhất.

- “Làm trai, chỉ sợ không lập nên sự nghiệp to lớn. Chứ, đàn bà, con gái đẹp thiếu gì, muốn lúc nào chả có”. Câu hay nhất của Triệu Tử Long đấy, chú nhỏ ạ !

- Cám ơn bác chỉ dạy.

Ông Lý Vô Danh vỗ vai tôi:

- Suy nghĩ rồi ra tìm tôi ở ngoài quán.

Ông ta đẩy xe lên hương lộ. Tôi ngồi trên nắp quan tài đờ đẫn, bàng khuâng. Rồi tôi ôm cây đàn vút chạy vào nhà. Tôi thu xếp nhanh quần áo, sách dạy học đàn, quên chào bà mẹ Hoàng Văn Bảo, hối hả phóng ra quán. Tôi gặp ông Lý Vô Danh đang uống nước trà.

- Cháu theo bác.

- Tốt.

- Cháu muốn đi ngay lập tức.

- Tốt.

Ông ta nhún vai:

- Còn cây đàn ?

Tôi lắc đầu:

- Không phải của cháu.

- Của ai ?

- Cửa Phòng thông tin.

- Lấy đi !

- Không được.

- Tại sao ?

- Vì không phải của cháu.

- Tốt.

Ông Lý Vô Danh trả tiền nước, ra xe. Ông mở cửa xe cho tôi ném hành lý vào. Ông đạp máy. Máy xe nổ ròn rã. Tôi ngồi sau ông. Chiếc xe Sơn Đông bán thuốc sán lải lẩn bánh chạy về hướng thị xã Tây Ninh. Giã từ Trảng Lớn. Giã từ núi Bà Đen. Giã từ cô Hiên. Giã từ và xin lỗi ... Tôi theo ông khách giang hồ già vào đầu tháng 7-1956.

[1](#) Bà mẹ Tây Ninh, 1960.

[2](#) The adventures of Tom Sawyer và The Adventures of Huckleberry Finn.

[3](#) Nguyễn Bính.

Nếu ông Lý Vô Danh chỉ là gã Sơn Đông bán thuốc tầm thường, tôi đã không theo ông ta. Vì ông ta khác thường và vì ông kiếm tôi đúng lúc tôi không muốn định cư đời mình trong trái tim cô Hiền nữa, nên tôi nghe lời ông, dấn thân vào con đường vô định. Sơn Đông bán thuốc sán lải quả là giang hồ vô định. Tôi không cần tìm hiểu thân thế của ông Lý. Ông ta cũng chẳng thèm tìm hiểu thân thế tôi. Ông già và tôi, trên chiếc xe Đức máy Sachs cũ kỹ, rày đây mai đó. Một tháng liền, chúng tôi qua nhiều xã lớn, nhỏ của quận Trảng Bàng. Chúng tôi thường đến các chợ bán thuốc. Kết quả tốt đẹp. Tôi ôm cây đàn ông Lý mua ở thị xã Tây Ninh hát bài *Khúc ca ngày mùa* của Lam Phương là bài hát đang thịnh hành từ thành phố lan rộng khắp cùng nông thôn miền Nam. Tôi hát như con vẹt thuộc bài.

*Kìa thôn quê dưới trăng vàng bát ngát
Ánh trăng lên chiếu qua làng xơ xác
Chiếu đồng quê bao khúc ca ngày mùa
Mừng trăng lên chúng ta cùng múa hát
Ước mong sao lúa hai mùa thơm ngát
Lúa về mang bao khúc ca tuyệt vời
Lờ lững trôi đi trôi mãi
trong chiều tà
tiếng tiêu buồn êm quá
Lòng ngất ngây theo tiếng hát
ca nhịp nhàng
tiếng chày xôn xao ...*

Sau *Khúc ca ngày mùa* là *Quê hương tôi*:

*Quê hương tôi gió chiều về trong nắng vàng
tang tình tang
bên bờ sông
ai chờ mong
bao hình bóng
Quê hương tôi cái màn lại kêu cái mừng ...*

Chỉ cần hai bài thôi, dân quê đã bu kín quanh tôi. Con khỉ biểu diễn vài trò gánh nước, kéo xe, hút thuốc lá, giả vờ chết là đến lượt ông Lý nói về sự nguy hiểm của bệnh sán lải. Ông nhắm vào cái bụng ỏng của con nít để cảnh cáo các bậc cha mẹ những biến chứng ghê gớm do sán lải tác hại cơ thể con nít. Rồi ông giới thiệu môn thuốc trị sán lải gia truyền, cam đoan uống ba gói, sán lải sẽ bị tiêu diệt và bị đẩy hết ra khỏi ruột con nít. Dân quê thật thà tin ngay, tranh nhau xĩa tiền mua thuốc trị sán lải. Hồi nhỏ, tôi đã đi xem nhiều gánh bán thuốc ê. Tôi thấy ông Lý không khoa trương môn thuốc của ông bằng ngôn ngữ ré tiền, khoác lác như bọn thuốc ê miền Bắc. Ông giải thích bệnh sán lải do đâu mà có, con nít bị bệnh sán lải thì ra sao và ông khuyên cha mẹ không nên để con cái cởi truồng lê la ngoài đường, sân đất ... Thuốc trị sán lải của ông Lý gói bằng miếng giấy trắng mỏng nhét vào bao. Trên bao giấy đóng con dấu khắc, in mực đen chỉ rõ cách dùng thuốc. Tôi phải đóng dấu và gói thuốc. Con ông lái thuốc Bắc kiêm lang băm đi gói thuốc trị sán lải thì đúng nghề quá.

- Bác ạ, thuốc của bác thật hay rờm ?
- Thật. Santonine đấy. Mà biết tại sao Cam tích tán nhãn hiệu Cái Xe Đạp của Tàu trị bệnh giun sán con nít rất công hiệu không ?

- Không.

- Nó chế bằng Santonine, Âu dược. Còn Thối nhiệt tán của Tàu trị cảm sốt khỏi liền là gì ? Chỉ là Aspirine tán nhỏ. Chúng ta làm ăn lương thiện mà, thẳng nhóc.

- Tại sao mình bán độc nhất môn thuốc sán lải ?

- Vì cái bụng của con nít nông thôn chứa nhiều sán lải. Sán lải tạo thêm nhiều bệnh. Con nít bị bệnh sán lải như cây nhung nhúc sâu đục ruột, chậm lớn và không hứa hẹn đơm hoa, kết trái.

- Bác có mục đích ?

- Mục đích bán thuốc. Nông thôn là thị trường tiêu thụ sán lải. Con nít là khách hàng chính. Do đó, tao nghiền Santonine với đường để quý vị thân chủ uống bớt đắng. Mày nghi ngờ tao ?

- Hơi hơi ...

- Thế thì mày cứ việc chọn một nơi nào mày thích, chúng ta ở lại ba ngày chờ dân chúng đến báo cáo kết quả. Sơn Đông bán thuốc dạo không dám đến một nơi hai lần. Tao dám ở một nơi cả tháng.

Và ông ta đã ở Củ Chi tuần lễ. Khách hàng đến cảm ơn ông, mua thêm thuốc. Con cháu họ xỏ lải cả chùm, ham ăn ham chạy nhảy, cười nói líu lo chứ không ủ rũ như trước khi dùng thuốc trị sán lải.

- Nhãi ranh, ông Lý nói, nếu mày thấy nghề này tự do, thích thú, tao sẽ dạy mày vài môn thuốc công hiệu như thần.

- Âu dược ... phóng tác ?

- Dĩ nhiên.

- Thế là bịp.

- Là làm phúc cho dân quê ngu dốt. Mày nhớ rằng, dân quê ta tin thầy chùa, thầy chú, thầy pháp hơn là tin bác sĩ y khoa. Sơn Đông bán thuốc có đất sống, nhờ vậy. Thay vì bịp, ta làm phúc. Nhức đầu, đau răng, đau mình mẩy, hai viên Aspirine là chấm dứt. Mụn nhọt làm độc, vài viên trụ sinh là chấm dứt. Kiết lỵ thì vài viên Gagénan. Cầm ngay bệnh té re thì viên sái thuốc phiện nhỏ. Nhuận tràng thì cho uống dầu thầu dầu ... Thuốc viên, ta nghiền nát. Thuốc dầu, thuốc nước ta pha màu vô tội vạ. Nhỏ hai giọt Sulfate de Zinc vô mắt là mắt tự nhiên sáng bừng. Thế là làm phúc hay là bịp ?

Đúng như ông Lý Vô Danh nói, nhờ theo ông, tôi biết nhiều địa danh, địa hình, địa vật và người của những làng xã thuộc vài tỉnh miền Đông. Chúng tôi ăn cơm hàng, ngủ trong quán chợ. Chỗ nào có thể thuê ghế bố hay thuê gian nhà dựng chân ít hôm là chúng tôi thuê. Con khỉ đã có nhi đồng cung cấp chuối và các thứ trái cây. Ông Lý chia tiền lãi cho tôi. Trừ cơm nước, cà phê, thuốc lá, tôi có 500 đồng để dành mỗi tháng. Cung cách làm trò bán thuốc sán lải thì nó lập đi lập lại mòn teo tẻ nhạt nhưng, dọc đường gió bụi, cảnh trí mỗi nơi mỗi mới lạ, đổi thay khiến tôi nao nức đi xa hơn. Ông Lý Vô Danh uống rượu nhiều. Trong xe của ông có mấy bình nhựa đựng rượu đế. Ông ta uống ở quán đã đời, về chỗ ngủ uống tiếp. Ông ta mang một tâm sự u ám hay một niềm bí ẩn nào đó, tôi không biết và ông ta không bộc lộ.

Một buổi chiều mưa, trong gian nhà trọ lụp xụp, ông Lý hỏi tôi:

- Mày đã đọc nhiều sách chưa ?

- Khá nhiều. Bây giờ cháu chán đọc.

- Tại sao ?

- Đọc nhiều vô ích, mệt óc suy nghĩ.

- Tại sao mày nghĩ thế ?

- Vì tương lai cháu mù mịt.

- Mày sai lầm. Cháu ạ, không một cố gắng nào không dẫn đến kết quả tốt đẹp cả. Người có văn hóa không cần thiết có bằng cấp cao. Người có bằng cấp cao chưa chắc đã là người có văn hóa. Văn hóa của kẻ giang hồ là kiến thức nó thu nhận từ sách, truyện và đời sống nó trải qua. Nếu nó chịu khó suy nghĩ những gì nó thu nhận, kiến thức của nó sẽ sâu sắc. Một phu xe xích lô có văn hóa vẫn hơn những phu xích lô thiếu văn hóa. Văn hóa của con người xác định giá trị của nó, dù nó làm bất cứ nghề gì. Cháu phải đọc sách, đọc nhiều. Sách là nhà trường, là thầy giáo bất hủ. Để viết một cuốn sách về xã hội học, chẳng hạn, tác giả của nó đã đọc hàng trăm pho sách, đã nghiên cứu hàng mấy nghìn vấn đề, đã viết hàng mấy năm. Mày đọc vài tuần và tóm tắt vài trang. Trường nào, thầy nào hơn sách ? Đọc sách là đầu tư vào tương lai. Cháu ơ, cái công thức này gần như là chân lý: Thành công = Khả năng + May mắn. Có may mắn mà thiếu khả năng thì chỉ mùa may vùn vờ. Có khả năng mà thiếu may mắn thì vất vưởng hóa ẩn sĩ gàn dở. Nhưng muốn chờ đợi may mắn, phải trau dồi khả năng, phải chuẩn bị văn hóa, kiến thức nghề nghiệp ...

Ông Lý Vô Danh là con người lạ lùng. Ông ta dấu diếm một hành tung nào chẳng ? Tôi không nên biết. Điều tôi cần biết, điều quan trọng đối với tôi là ông Lý thương yêu tôi tận tình, săn sóc tôi từng chút.

- Bác ạ !

- Gì ?

- Bác có mấy bồ văn hóa ?

- Không có bồ nào cả. Cao Bá Quát kiêu mà dở. Sự học như biển rộng mênh mông. Cao Bá Quát khoe mình chiếm 2 bồ, ít quá.

- Bác thiếu may mắn ?

- Tao thích giang hồ. Giang hồ với mày thú vị vô cùng.

Ông Lý nhai rau ráu miếng ổi xanh, rót thêm rượu đầy ly tôi.

- Mày uống rượu cũng khá nữa.

Tôi cầm ly rượu trút sang ly của ông Lý.

- Cháu đủ rồi.

- Mà y sợ say ?

- Dạ, cháu sợ.

- Tại sao phải sợ ?

Ông ta nâng ly nốc cạn.

- “Trượng phu chơi rượu như chơi máu. Sợ say không uống, sợ máu không giết người”.

Nhìn tôi, ông ta hỏi:

- Biết thằng nào nói câu đó không ?

Tôi lắc đầu:

- Không ạ !

- Mà y đọc Thủy Hử chưa ?

- Dạ rồi.

- Thằng cu Võ Tòng nói ở quán rượu dưới chân núi Cảnh Dương đấy.

- Bác nhớ ghê.

- Trí nhớ thấp lắm, thua trí tuệ ngàn bậc. Tao thuộc câu nói của Thị Nại Am mớm cho Võ Tòng, có chi là hay. Câu nói do tao nghĩ ra mới hay. Người có trí nhớ chỉ đáng khen. Người có trí tuệ mới đáng phục.

- Trí nhớ và trí tuệ cách nhau xa quá.

- Vì khác nhau vời vợi. Đọc sách thuộc sách đến nô lệ sách, dẫn chứng từng chương, từng đoạn, từng số trang không sai mảy may là trí nhớ. Đọc sách quên sách, để tinh hoa của sách thấm vào máu mình, tìm mình rồi sáng tạo cái của mình hay hơn sách, không giống sách là trí tuệ. Trí tuệ hạng trung. Trí tuệ thượng hạng là nghệ sĩ sáng tác. Trí tuệ ngoại hạng là tư tưởng gia, triết gia. Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Thích Ca, Jesus, Marx, Engels là trí tuệ thượng đẳng. Môn đệ của Khổng, Lão, Trang, các ông sư, các ông cố đạo, các ông cán bộ cộng sản chỉ là những kẻ có trí nhớ để nhai lại lời Thầy. Đức Giáo Hoàng cũng thế, Lénine, Staline cũng vậy. Mà y muốn làm kẻ có trí nhớ hay làm kẻ có trí tuệ ?

- Cháu muốn làm kẻ có trí khôn.

- Trí khôn thì dễ.

- Cần gì ?

- Ngu nhiều và biết mình ngu thì sẽ khôn. Ngu mà không biết mình ngu thì suốt đời ngu.

- Bác ngu lần nào chưa ?

- Ngu nhiều.

- Bác đã khôn chưa ?

- Chưa. Vì thế tao thềm đọc sách và giang hồ.
- Bao giờ mình khôn ?
- Lúc mình nằm dưới huyết sâu.
- Thưa bác, như vậy, trí khôn cao hơn trí tuệ.
- Mà nói sao ?
- Thưa bác, ông Khổng, ông Lão, ông Marx, ông Engels thừa trí tuệ sáng tạo chủ nghĩa, học thuyết mà khi chết vẫn không hiểu mình khôn hay mình ngu khi để lại đời sống học thuyết của mình. Nếu các ông ấy có trí khôn các ông ấy phải biết khi mình chết không có ai chống đối mình, nguyên rửa sự nghiệp của mình chứ ? Và, nếu có trí khôn, các ông ấy đã không lập thuyết.
- Mà cù nhày. Nói tiếp đi !
- Thưa bác cháu đọc Đông Chu liệt quốc nhớ được chuyện Vệ Ưởng. Ông ta có trí tuệ chứ ạ ?
- Hẳn nhiên.
- Có trí tuệ mới dám luận bàn Đế đạo, Vương đạo, Bá đạo. Có trí khôn mới được vua Tần áp dụng Bá đạo. Biết Bá đạo dở mà cứ hung hăng thì thổ để chết thảm vì cái đạo của mình. Vệ Ưởng thật ngu. Có trí tuệ, trí khôn mà vẫn ngu. Theo cháu, cái trí ngu mới là chân lý. “Ngu si hưởng thái bình”. Bởi vậy, cháu không đọc sách, không muốn làm kẻ có trí nhớ, trí tuệ và trí khôn.
- Hay lắm. Tao tưởng mày ngu, ai dè mày khôn hơn tao. Mày có thể lập thuyết ngu đấy. Nhưng tại sao đã khôn, quá khôn để hiểu rằng “Ngu si hưởng thái bình”, mày còn theo tao, không ở lại lấy vợ sinh con ở Trảng Lớn ?
- Vì nhờ theo bác cháu mới khôn.
- Khôn và Ngu như Mâu và Thuần của anh chàng Hàn Phi Tử. Thế giới, loài người đầy rẫy mâu thuẫn. Mày có tính trở lại Trảng Lớn không ?
- Có.
- Mày thích ngu mà mày thềm khôn. Mày mâu thuẫn với chính mày. Mày không bao giờ trở lại Trảng Lớn đâu, cháu ạ ! Mày sẽ trở thành con người tổng hợp trí nhớ, trí tuệ, trí khôn và trí ngu. Rốt cuộc, mày là đứa đối địa nghịch thiên, chung thân bất mãn, chồng chất oan khiên. Mày sẽ giống Nễ Hành, không chết bởi tay Tào Tháo, Lưu Biểu mà bị bêu nhục bởi đám vô lại Hoàng Tổ. Tao yêu mày ...
- Cám ơn bác.
- Mày yêu tao không ?
- Cháu yêu kính bác.
- Vậy phải đọc sách, suy nghĩ và chiêm nghiệm đời sống.

- Cháu vâng lời bác.

o o o

Tôi chỉ mơ hồ đoán rằng Lý Vô Danh là cái tên giả của một người không muốn tiết lộ tung tích của mình và cái nghề Sơn Đông bán thuốc trị sán lải của ông ta nhằm ngụy trang một hành động nào đó. Tôi theo ông Lý ngót 4 tháng rồi. Chưa đọc thêm một cuốn sách, cũng chẳng thiết đọc báo. Ông Lý dạy tôi nhiều bài học thâm thúy. Bài học giá trị nhất ông phả vào chuỗi ngày giang hồ của tôi là: “Cháu phải nghiền rằng chịu đựng mọi nghịch cảnh, mọi nhục nhằn của đời sống. Đã lưu lạc giang hồ thì ví như trái hoang. Trái hoang mà chín sẽ ngon, lạ và ngát hương”. Tôi định, sẽ có một hôm, hỏi rõ thân thế ông Lý Vô Danh. Vào thời gian này, tình hình chính trị miền Nam đã ổn định. Các giáo phái hoặc đã quy thuận, hoặc bị quân chính phủ đánh tan tác chim muông. Ngôi vị của chí sĩ Ngô Đình Diệm vững chắc. Quân đội viễn chinh Pháp đã rời hết khỏi Việt Nam từ cuối 1955. Ông Diệm đã truất phế quốc trưởng Bảo Đại bằng cuộc trưng cầu dân ý, lên ngôi Tổng thống, tuyên bố thành lập nền đệ nhất Cộng Hòa, chọn ngày 26 tháng 10 làm ngày Quốc khánh. Nước Việt Nam có thêm một cuộc cách mạng ... buồn cười do Hội đồng nhân dân cách mạng Việt Nam vận động lật đổ ông vua phong kiến thất thời, thất thế và thất nghiệp. Cách mạng 23 tháng 10 là cách mạng không cần cướp chính quyền vì quyền bính đã nằm gọn trong tay “cách mạng” từ 7 tháng 7 năm 1954. Cách mạng tháng 10 rất ... nhân vị, khác hẳn cách mạng tháng 8, chỉ hơi giống nhau ở chỗ này: Cách mạng tháng 8 “thề phanh thây uống máu quân thù”, còn cách mạng tháng 10 thì “thề phanh thây quân xâm lăng!”. Dân gian rộn ràng khúc ca “Suy tôn Ngô tổng thống”. Đàng ngoài “Hồ Chí Minh muôn năm”. Đàng trong noi gương, “Ngô Đình Diệm muôn năm”. Nhân dân hai miền méo xệch miệng vì cái muôn năm lẫn nhách, cái muôn năm không quá 40 năm và không quá 10 năm ! Văn nghệ ở giai đoạn này, từ hoài hương lấp sông Bến Hải chuyển sang tố cộng theo đúng chính sách của Bộ thống tin. Tố cộng vung vít. Thanh minh cũng tố cộng. “Thanh minh trong tiết tháng ba, Lệ là tảo mộ hội là đậm thanh” được sửa lại câu dưới là “Lệ là tố cộng, hội là suy tôn”... Ngô tổng thống.

Xe Sơn Đông bán thuốc trị sán lải của chúng tôi, sau khi in dấu trên các đường làng Bà Rịa, Biên Hòa thì về Gia định. Chúng tôi bán thuốc ở các xã thuộc quận Bình Chánh. Đạo này, ông Lý thường đi uống rượu ngoài quán. Ông về nhà trọ thật khuya. Chúng tôi neo xe tại đây hàng tuần không thêm mưu sinh. Đã đến lúc tôi phải biết thân thế ông Lý Vô Danh rồi. Một đêm, thức đợi ông về, tôi nắm tay ông ta:

- Thưa bác, cháu có chuyện muốn nói.

- Chuyện gì ?

- Thân thế bác.

- Để làm gì ?

- Để theo bác hay bỏ rơi bác.

- Tại sao ?

- Vì mâu thuẫn Khôn Ngu. Và vì khi nào nên Khôn, khi nào nên Ngu, khi nào nên hy sinh và khi nào không nên hy sinh.

- Hay lắm.

- Thưa bác, câu này của ai ?

- Câu nào ?
- Câu cháu sắp đọc.
- Đọc đi !
- “Trượng phu trên đời, miếng cơm hớp rượu phải mình bạch”.

Ông Lý ôm lấy tôi:

- Bác hiểu rồi. Mà bắt đầu muốn trí nhớ. Mà mượn lời Võ Tòng.

Tôi nói:

- Thị Nại Am. Cháu xin lỗi bác.
- Mà hỏi, bác trả lời.
- Bác không buồn chứ ?
- Không.
- Thưa bác, tên thật của bác là gì ?
- Nguyễn Trọng Bình.
- Bác quốc gia hay cộng sản ?
- Quốc gia.
- Bác chống lung tung ?
- Diệm và Hồ Chí Minh thôi.
- Bác khỏi cần nói tên Đảng của bác. Cháu cũng từng theo Duy Dân, chưa tuyên thệ và đã bỏ cuộc.
- Duy Dân gần gũi bác lắm. Thế này ...

Ông Nguyễn Trọng Bình bí danh Lý Vô Danh kể: Đảng của ông, ngoài Trung, bị mật vụ của Ngô Đình Nhu bắt bớ, thủ tiêu, giam cầm và truy nã. Đảng Cần Lao muốn trở thành một Đảng chuyên chế như Đảng Lao Động. Đồng chí của ông tản mạn khắp nơi, cơ sở của Đảng bị phá vỡ và chiếm lĩnh. Ông ta đã lưu lạc bên Tàu ít năm, biết nhiều cách mưu sinh tự túc. Do đó, ông giả vai giang hồ Sơn Đông bán thuốc ở các làng mạc miền Đông một thời gian rồi mới trở về quanh Sài gòn tìm lại các đồng chí.

- Bác đã gặp ai chưa ?
- Vài người, cấp thừa hành.
- Bác cần gặp cấp lãnh đạo ?
- Đúng.

- Vì thế bác đi uống rượu khuya.
- Đúng.
- Bác đang gặp khó khăn ?
- Sao cháu biết ?
- Thấy bác mất cái vẻ thản nhiên.
- Cháu sợ bác không ?
- Đáng lẽ cháu phải hỏi bác có sợ cháu không, vì cháu đã biết rõ bác.
- Không, bác không sợ cháu.
- Tại sao ?
- Vì bác biết xem tướng người và cũng đã đến lúc chúng ta chia tay.
- Tức là bác sợ cháu ?
- Không đâu. Bác chơi kịch mới. Đời sống luôn luôn thay đổi mà cháu.
- Bao giờ mình chia tay ?
- Ngay bây giờ.

Bây giờ là giữa tháng 12-1956. Tôi xa Sài Gòn đã gần một năm. Tính ra, tôi đàn thuê, hát mướn cho ông Nguyễn Trọng Bình đúng 4 tháng 13 ngày. Ông đã trả tôi 2 ngàn đồng. Tôi hoàn lại ông Bình khoản tiền ông bảo chia lãi bán thuốc cho tôi.

- Bác đang gặp khó khăn.
- Ông ta lắc đầu:
- Không phải khó khăn vì tiền. Cháu cần tiền ăn học nên người.

Tôi cười:

- Chẳng ai nên người nhờ tiền bạc cả, bác ạ ! Nếu sau này cháu nên người là nhờ những ngày theo bác.
- Cháu sẽ nên người.
- Cám ơn bác.

Ông Bình nhất định không nhận tiền của tôi. Ông dặn tôi để nguyên đồ nghề Sơn Đông trên xe rồi ôm chặt tôi, nói với tôi câu cuối cùng trước khi giã biệt:

- Hy vọng bác cháu mình sẽ gặp nhau. Đừng bao giờ quên, cháu chưa khôn lớn.
- Cháu nhớ.

Ông Bình rời nhà trọ. Đợi một lúc khá lâu, tôi mới đeo túi hành lý đơn giản ra đi, vắt lại chiếc xe giang hồ, còn khi, cây đàn và thuốc sán lải. Tôi thêm chiếc xe Đức máy Sachs mà chẳng dám gõ đem theo. Lầm lũi cuộc bộ tới Phú Lâm thì trời đã vỡ sáng. Tôi leo chuyển xe ô tô buýt sớm nhất, về Sài gòn.

o o o

Túi có hai ngàn tiền đàn thuê hát mượn công thêm hơn ba ngàn tiền kéo cựa xẻ gỗ, tôi trở lại Sài gòn lần này vững vàng. Làm con tính nhảm, nếu ăn tiêu dè sẻn và nếu có chỗ ngủ nhờ, tôi có thể sống được 6 tháng yên ổn. Xuống bến xe Bến Thành, tôi luôn xe đi Hòa Hưng. Đường phố Sài Gòn đã đổi tên anh hùng, liệt sĩ, danh nhân Việt Nam hết. Tôi về Xóm quốc tế tìm Đặng Xuân Côn. Nó đã dọn nhà. Tôi lên Phủ đặc ủy định cư, Đặng Xuân Côn đã kiếm việc mới ở ngân hàng ngoại quốc nào đó. Tôi kiếm Nguyễn Xuân Nhân, nó cũng hết cư ngụ tại Trần Quang Khải. Tôi bối rối. Chưa đầy một năm giang hồ mà “dâu biển” quá xá.

Thế thì tôi đành đáp xe nhân dân lên Sài gòn, vào hẻm Casino ăn cơm sườn nướng, uống cà phê đá quán nhà cô Cúc. Ăn no căng rốn, lẳng tử xách túi hành lý tới rạp xi nê ma Long Thuận, mua cái vé 5 đồng vào coi phim cũ. Năm đồng bạc vừa được đi cầu, rửa tay, rửa mặt, thưởng thức nghệ thuật thứ bảy và ngủ thì rẻ quá. Thuở cầu tiêu Nhà Hát Tây mọc núi phân, dân di cư có máu mặt thường mua vé vô Long Thuận, bình dân hơn thì mua 2 cắc giấy vô cầu tiêu công cộng chợ Bến Thành. Dân di cư đến đâu là gây phiền toái ở đó. Tôi xem xi nê “pec ma năng”, ngủ “pec ma năng”. Thức ngủ, ngủ thức. Chợ đến vẫn xuất cuối cùng mới ra. Trước khi ra còn gỡ gác màn đi tiêu, rửa tay, rửa mặt. Ăn một tô mì hai vắt, uống thêm ly đậu đỏ bánh lọc, tôi tới cửa ga Sài gòn đóng vai khách bộ hành chờ tàu sớm. Đã quen ngủ đường, ngủ chợ, tôi dùng túi hành lý làm gối, nằm duỗi chân thoải mái. Tiền bạc lần này cẩn thận lắm, phải thừa một thứ ruột tượng nhét vô rồi buộc chặt quanh bụng. Cứ mỗi lần trở giấc lại rờ rẫm kiểm soát xem còn hay mất. Tôi để riêng vài trăm bạc tiêu vặt ở ví, ở túi áo, túi quần. Phân tán mỏng “lực lượng” để bảo toàn “lực lượng”.

Tôi vụt thức vào giờ khởi hành của chuyến tàu ra Trung sớm nhất. Ga bến tấp nập, còi tàu thét muốn xé tan sương mù khiến hồn tôi gợn những đợt sóng giang hồ vật. Tôi chưa được đi tàu hỏa. Tôi rất mong, ngày nào đó, thầy cho ông soát vé tàu chút tiền để được nằm gối đầu lên túi hành lý ở toa chờ hàng hóa, theo con tàu tới nhà ga xa nhất.

Mặc còi tàu thét, hành khách hối hả ra vô, tôi vẫn nằm bắc chân chữ ngũ, hút thuốc và nhớ lại những vần thơ tả cảnh tiễn đưa của Tế Hanh, Nguyễn Bính. Rồi tôi nhớ ông Nguyễn Trọng Bình có vẻ như là chiến sĩ cách mạng của Việt Nam quốc dân đảng. Tôi thích cái bí danh Lý Vô Danh của ông ta hơn tên thật. Mới xa người khách giang hồ già mà tôi tưởng đã xa ông ta lâu lắm. Tôi có nhiều kỷ niệm với ông ta. Kỷ niệm tôi nhớ nhất là buổi chiều ở Long Thành, ông ta bảo tôi hát bài *Khúc ca ngày mùa* cho ông ta nghe, rồi hỏi:

- Mà có nhận xét gì ?

Tôi thuộc bài của “sư phụ” Nguyễn Thịnh, đáp ngay:

- Lời ca của nhạc sĩ này thiếu chất thơ và không chịu ngâm chữ nghĩa.

- Loại nhạc này cần chi thơ và chữ nghĩa. Phổ thông là đủ rồi. Tao muốn mày nhận xét phần tả cảnh thôi.

- Thì tả cảnh thôn quê dưới trăng ngày được mùa.

- Thế thôi à ?

- Vâng.

- “Kìa thôn quê dưới trăng vàng bát ngát” là đêm hay là chiều ?

- Đêm ạ !

- “Ánh trăng chiếu” và “mùng trăng lên” càng là đêm chứ gì ?

- Vâng.

- Ấy thế mà đang đêm lại hóa chiều. “Lờ lững trôi đi trôi mãi trong chiều tà tiếng tiêu buồn êm quá”. Mùng trăng lên để giã gạo buổi chiều tà!

- Bác chải sợi tóc làm mấy ?

- Tao dạy mày nhận xét. Nghệ thuật còn đêm, chiều không phân biệt thì phân biệt sao nổi đen, trắng trong cuộc đời. Đen trắng, trắng đen trong cuộc đời lẫn lộn. Có khi đen hóa trắng, có khi trắng hóa đen. Không phải cuộc đời đâu. Thói đời đấy. Bởi thế, khi cần phần nộ thì chỉ phần nộ thói đời. Chứ cuộc đời rất đáng thương xót. Này cháu ...

Ông ta chuyển mục:

- Bây giờ người ta dùng chữ nghĩa lung tung xòe.

Tôi hỏi:

- Thí dụ ?

- Mày học *Truyện Kiều* chưa ?

- Học lơ mơ.

- Kiều cắt tóc trao cho Kim Trọng là Kiều thề nguyện chung tình trọn kiếp với Kim Trọng. Tóc của người tình nữ trao tặng người tình nam gọi là tóc thề. “Tóc thề đã chấm ngang vai”, Nguyễn Du viết thế. Các ông thi sĩ, nhạc sĩ hôm nay lại tưởng tóc chấm ngang vai của thiếu nữ là tóc thề. Nên mới ông ông hát: “Tóc thề thả gió lê thê, hãy tin ngày ấy anh về”, mới rên rỉ ngâm “Em tôi có mái tóc thề, ngày mai anh sẽ trở về cưới em”...

- Bác dạy cháu điều này nhằm mục đích gì ?

- Mục đích đọc sách, nhìn đời, nhận xét và chiêm nghiệm.

Giá đàn anh Nguyễn Văn Luyện của tôi từng trải và hào sảng như ông Lý Vô Danh, tôi đã không bỏ rừng Ban Mê Thuật. Tôi không cần triết học nhập môn, không cần *Chu tri lục*. Tôi cần những gì thiết thực cho đời sống luẩn lác của tôi. Ông Lý Vô Danh chỉ mong tôi trở thành một người có văn hóa, dầu tôi làm bất cứ nghề gì trọng xã hội, cho dù là phu xích lô, tài xế tắc xi, tùy phái hay thợ hồ ... Bất hạnh cho người tuổi trẻ là không được bậc thầy đời chân thật, chí tình hướng dẫn. Càng bất hạnh cho người tuổi trẻ bị đàn anh cấy vào tâm hồn những ảo vọng cách mạng. Nhiều tuổi trẻ ếch ọong đã biến thành bò tộ nghiệp vì ảo vọng cách mạng, văn nghệ, chính trị của đàn anh. Bất hạnh cho tôi đã không được theo ông Lý Vô Danh đến khi ông nói “cháu khôn lớn rồi” khi chúng tôi chia tay nhau. Nếu cách mạng còn trong tôi hình ảnh nào đẹp nhất, hình ảnh ấy chỉ là ông Lý Vô Danh.

Nhưng tôi không thể nằm mãi ở cửa nhà ga Sài Gòn thương nhớ người chiến sĩ cách mạng giang hồ. Trời sắp sáng rồi. Tôi ngồi dậy, đeo túi hành lý bên vai, đi tìm cái máy nước công

cộng ở đường Lê Lai, gần rạp hát Aristo, đánh răng rửa mặt. Rồi tôi ghé vào quán cà phê bình dân, gọi ly cà phê sữa nhấm nhá, hút thuốc và uống gờ cả bình trà rẻ tiền. Sài gòn, hầu như, không có thư viện công cộng, tự do vào đọc sách. Có mỗi Thư viện trung ương ở đường Gia Long, đối diện Bộ Kinh tế thì phải có thẻ mới được vào. Muốn được cấp thẻ lại phải có bằng Trung học phổ thông. Thời kỳ này, thư viện Abraham Lincoln của Mỹ ở góc đường Lê Lợi và Nguyễn Huệ chưa mở. Tôi thiếu chỗ nghỉ chân để noi gương ông Châu Trí. Đành đi lang thang “trên vỉa hè Sài gòn” đọc bích chương quảng cáo dán tường và nhặt những tờ bướm bướm ngời ghé đá công viên nghiền ngẫm văn chương mở quán, giới thiệu thành tích của Madame Vũ Nhân “hồ phù Ai cập, nước hoa tình ái” và đại nhạc hội do quái kiệt Trần Văn Trạch tổ chức, chờ trưa vào quán cô Cúc ăn cơm rồi mò về xi nê ma Long Thuận.

Tôi có một kỷ niệm thê thảm “công viên ghé đá” hồi tôi sống ở Nhà Hát Tây. Chúng tôi thường ra công viên trước của Nhà Hát Tây “Pháp ngữ thực hành” với lính Tây, lính Ma rốc, lính An giê ri ... Một hôm, tôi gặp thằng Tây dân sự dắt con chó bec giê ngang qua. Con chó nhìn tôi mừng quính khiến chủ nó ngạc nhiên. Thằng Tây dừng lại chào tôi. Tôi chào nó. Nó lại gần tôi, giới thiệu tên nó là Louis, chủ Sporting bar ở đường Catinat, gần hiệu đàn Au Ménestrel. Nó rủ tôi đến bar của nó. Tôi đến. Nó cho tôi uống sirop soda và vận đĩa *Ngựa phi đường xa* do ban Thăng Long hợp ca mà nó bảo nó thích lắm. Nó cho phép tôi rủ bạn bè đến Sporting bar chơi. Tôi rủ cả bầy Nhà Hát Tây. Một buổi chiều, nó mời riêng tôi ăn cơm ở nhà hàng Majestic rồi dẫn tôi về nhà nó trên lầu ba bin đình Eden. Nhà thằng Louis sang trọng quá. Nó bảo tôi tắm gội, ngủ nhà nó đêm nay nói chuyện, nghe nhạc. Tôi tưởng bờ ngủ lại. Đêm nó mò ra “ca na pê”, chỗ tôi nằm, ôm chặt tôi. Nó trần truồng như nhộng, lông lá gớm ghiếc. May cho tôi, nó ôm tôi và ngỡ tôi là con gái, do đó, tôi chưa bị ca bài “ai đau khổ vì bệnh trĩ!”. Tôi mở cửa chạy vội. Từ đó, hết dám “phờ rãng xe phờ ra tíc” và luôn luôn đề cao cảnh giác bọn da trắng.

Cứ kể ra, cuộc đời tôi cũng đã khỏi lâm ly. Qua ba ngày, sáng công viên ghé đá, chiều xi nê ma Long Thuận, đêm cửa nhà ga Sài gòn cũng chán, tối qua xi nê ma Lê Lợi. Phim ở rạp Lê Lợi hay hơn nhưng vé đắt tiền gấp đôi. Ở rạp Lê Lợi, tôi được xem những phim đen trắng thật hay nhưng đau túi tiền, vì vậy tôi phải trở về Long Thuận, mỗi xuất hai phim, mỗi ngày thay phim mới. Có một tối, buồn vãi vô cùng, tôi chui khỏi rạp Long Thuận sớm, lang thang ra bờ sông Sài gòn ngồi ngắm sông nước. Ngồi chán chê, tôi “nhổ neo”, tới xe bán sữa đậu nành định ăn cái bánh ngọt, uống ly sữa nóng rồi về Hôtel de la gare. Người bán sữa đậu nành ngó tôi chăm chăm:

- Cậu Long, hả ?
- Phải.
- Cậu cũng di cư à ?
- Vâng.
- Bấy lâu nay ở đâu ?
- Giang hồ đây đó.
- Cậu nhận ra tôi không ?
- Không, xin lỗi anh là ai ?
- Tôi là Đường, Lại Văn Đường, thiếu nhi thôn Tường An dạo nào ấy mà.

- À, Đường. Tôi nhớ rồi.
- Cậu lên thị xã, đi trọ học Hà nội quên hết và không biết thêm chuyện gì .
- Chuyện gì ?
- Tôi là rể ông lang Tặng, tôi lấy Thảo.
- Thế à !

Ông lang Tặng là bác rể của tôi. Chị Thảo, vợ anh Đường, là chị em con cô con cậu ruột thịt của tôi. Anh Đường kể, hồi tôi trọ học Hà nội, anh ta làm công cho ông bác rể tôi ở thị xã Thái Bình rồi lấy bà chị họ của tôi. Anh ta có người anh ruột, tên Lại Văn Xuân, vào Sài gòn năm 1940 làm cu ly đồn điền cao su Hớn Quản. Vì còn nghèo, chưa dám hồi hương, anh Xuân cho vợ về Bắc đưa anh Đường vô Nam.

- Chị Thảo có vào Sài gòn không ? Tôi hỏi.
- Tôi vất lại ngoài ấy, anh Đường đáp.

Anh ta nhìn tôi:

- Cậu không thay đổi gì mấy. Tôi hỏi cầu âu mà đúng. May quá xá. Hiện nay cậu ở đâu ?
- Lung tung.
- Chắc cậu đi một mình ?
- Phải.
- Nếu cậu không chê ...
- Chê gì, anh Đường ?
- Chê anh em tôi nghèo.
- Tôi đang nghèo.
- Vậy cậu uống sữa, ăn bánh đi. Rồi tôi chở cậu về khoe với anh Xuân. Chắc anh ấy mừng lắm.
- Anh ở đâu ?
- Khánh Hội.

Tôi như ăn mày vớ được chiếu rách, như kẻ sắp chết đuối chộp được mảng mục, chẳng cần suy nghĩ, tôi nhận lời ngay. Và tôi vẽ tương lai tôi trên chiếc xe bán sữa đậu nành.

- Bán sữa khá không, anh Đường ?
- Khá lắm.
- Vốn liếng cái xe bao nhiêu ?

- Sáu bảy ngàn.
- Tôi bán được không ?
- Không.
- Tại sao ?
- Cực lắm. Nghề này mệt rệp, cậu ham chi ?
- Tôi cực hơn một năm, quen rồi.
- Để anh Xuân kiếm nghề giúp cậu. Cậu có học, làm nghề nhẹ nhàng thôi.

Người anh em của tôi vẫn tưởng tôi là con ông Cả Hùng buôn bán phát đạt ngày xưa. Anh ta chưa biết tôi đã từng “chém tre đẵn gỗ trên ngàn”, đã từng cắt tranh xước máu tay; đã từng vác nửa chày băng băng qua cầu khỉ; đã từng gánh nước, tưới rau, bổ củi; đã từng kéo cửa xẻ gỗ; đã từng đàn thuê hát mướn dọc đường gió bụi. “Cậu không thay đổi gì mấy”. Anh Đường nhận xét thế. Tôi hầy còn như “ngày xưa còn bé”. Ông Lý Vô Danh nhắc nhở tôi: “Đừng bao giờ quên, cháu chưa khôn lớn”. Tôi mới 22 tuổi thiếu 8 tháng vài ngày. Nếu tôi muốn trở thành nhà văn viết tiểu thuyết, tôi phải đợi 18 năm nữa. “Ông đang sống đây, tận hưởng cuộc sống đi ! Bốn mươi tuổi hãy viết tiểu thuyết. Cái hôm nay, ông viết vội, sẽ chỉ là bút ký, phóng sự tầm thường. Để nó thấm vào máu, nó gạn lọc qua thời gian, lúc ấy nó là tiểu thuyết”. Đoàn Trọng Thu nói vậy. 18 năm nữa, lâu quá. Có lẽ, tôi khó lòng chịu đựng nổi sự vất vưởng 18 năm. Do đó, tôi không mơ ước trở thành nhà văn làm gì, dù tôi vẫn thích hai câu thơ của Đoàn Trọng Thu:

*Ồ, hai mươi tuổi, hai mươi tuổi
Vội ước mơ và ngăn ước mong*

Tôi rất tiếc đã không ngỏ ý với ông Lý Vô Danh về mộng ước văn chương của tôi.

- Tôi biết tôi đủ sức đạp xe sữa đậu nành, anh Đường ạ !
- Minh tính sau.

Thế là tôi sang Khánh Hội, chấm dứt những ngày “vương giả” ngày Hotel Long Thuận ¹, đêm Hotel de la gare...

¹Nhờ tôi, rạp Long Thuận sau biến thành khách sạn Long Thành.

Anh Đường ở xóm Cầu Cống, đường Tôn Đản. Vào nhà anh phải đi trên cầu ván khắp khênh bắc dài theo khu xình lầy hội thối. Chiếc xe bán sữa đậu nành của anh đậu thuê “gara” một người ngoài lộ. Soi đầu cầu là ngọn đèn đường sát khít. Xóm lao động Cầu Cống “hắt hiu vàng ánh điện cầu”. Sự hắt hiu của ánh điện cầu làm tăng vẻ thê lương của những cuộc đời trải qua hai cuộc cách mạng. Cách mạng nơi nào, nơi này không thấy bóng dáng cách mạng. Có lẽ, vì thế, vẫn còn những con người như ông Lý Vố Danh bôn ba đây đó. Anh Đường rẽ qua khúc cầu ván khác. Nhà anh dựng trên nền đất cao, khác hẳn đa số nhà xóm Cầu Cống là nhà sàn. Anh ta gõ cửa. Người đàn bà mở rộng cái liếp lá.

- Nhà tôi đây. Chúng tôi lấy nhau được nửa năm rồi.

Anh ta đã có vợ mới. Vợ anh kêu to ngọn đèn dầu. Anh ta giới thiệu tôi với vợ anh ta:

- Đây là cậu Long, anh em của tôi.

Anh ta ra lệnh cho vợ:

- Vô trong ngủ, nhường bộ ván ngoài nhà cho cậu Long.

Chị vợ ngoan ngoãn vâng lời. Anh Đường hỏi:

- Cậu uống lade nhé ? Nhà có sẵn. Tôi ngâm lạnh trong lu nước.

Tôi nói:

- Cám ơn anh. Để mai đi.

- Vậy cậu nghỉ ngơi. Mền gối đủ cả. Tôi xin phép đi ngủ, sớm mai anh em ta sang nhà anh Xuân.

Anh Đường vô trong. Tôi cởi đôi giày giang hồ, tháo vớ. Mấy hôm không tắm gội, lại chẳng thềm tháo giày vớ, chân tôi nóng nực mùi hôi khó tả. Tôi chúi vào mùng đã dăng sẵn và mặt ván còn ấm áp. Ngả lưng, duỗi chân tay thoải mái, tôi nhắm mắt, ngủ ngon lành. Khi tôi thức giấc, nắng đã xuyên qua kẽ vách ván in mấy vệt dọc trên mùng. Bên ngoài, xóm Cầu Cống nhộn nhịp sinh hoạt. Phòng trong, vợ chồng anh Đường vẫn ngủ. Tôi tháo mùng, gấp mền gom ở đầu bộ ván gỗ, sửa lại quần áo, mang giày vớ, mở cửa ra ngoài hè. Nước đã dâng mấp mé sân của những căn nhà dựng trên nền đất. Nước ròng từ kính lạch vào. Buổi sáng nước ròng. Buổi trưa nước rút. Buổi chiều và ban đêm chỉ còn xình lầy, trừ những ngày mưa. Xóm Cầu Cống có cầu tiêu công cộng cho những gia đình không ở nhà sàn. Phân tiểu trút xuống xình. Cầu tiêu riêng của nhà sàn cũng vậy. Con nít thì tiểu trên giấy nhật trình cũ, gói lại và liệng xuống xình. Rác rưởi, chuột chết ném xuống xình. Giấy đi cầu ném xuống xình... Buổi chiều, từ lúc nước rút hết, phân tụ tập từng cụm ở xình. Sáng sớm, nước ròng, phân rác nổi lều bều. Người ta múc nước rửa cầu tiêu, sân nhà sàn. Vì cha mẹ đi làm, đi buôn bán, con nít tha hồ nhào xuống xình bơi lội, ngụp lặn và khi bơi lội, ngụp lặn chán chê, cứ việc mặc quần áo rong chơi, không cần nước phòng tẹn xối sạch. Những đứa trẻ thiếu trường học, chẳng biết làm gì, đành thả dài ấu thời và thiếu thời dưới xình mỗi sáng nước ròng. Có lẽ, chẳng ai quan tâm bệnh hoạn chúng sẽ phải chịu đựng.

- Cậu vào rửa mặt, đánh răng, cậu Long.

Anh Đường đã dậy.

- Tôi muốn tắm giặt, được không ?

- Được. Nhà sẵn nước phong ten.

- Chị ấy gánh à ?

- Mua. Làm sao chen nổi dân đầu nậu phong ten ? Bọn này có hàng trăm đôi thùng xếp sẵn dài tít mót.

- Khổ vì nước nữa à ?

- Khổ vì nước, cậu ạ !

Tôi vào tắm gội, giặt bộ quần áo giang hồ.

- Cậu cứ xối nước thả dàn, anh Đường dặn dò.

Tôi nhẹ nhàng, tỉnh táo sau trận tắm một thùng nước vừa vặn. Rồi anh Đường dẫn tôi sang nhà anh Xuân, trong khi chị Đường xay đậu nành, chuẩn bị hàng cho chồng đi bán buổi chiều. Gia đình anh Lại Văn Xuân ở xóm khác, cũng trên đường Tôn Đức. Xóm của anh không có tên nhưng tôi tặc hơ xóm Cầu Cống. Anh Xuân mừng rỡ ôm lấy tôi:

- Chú giống cậu Hùng quá sức.

“Cậu Hùng” là bố tôi. Bố tôi hẳn đã là một thứ công tử vườn nên, ở làng Tường An nghìn đời nghèo khổ, dốt nát, mọi người đều gọi bố tôi là “cậu cả Hùng”. Chắc tại ông nội tôi làm thầy đồ Nho và “xem mạch kê đơn không tính tiền”.

- Thế hả, anh ?

Anh Xuân giới thiệu tôi với vợ anh ta. Hai anh chị lấy nhau đã lâu nhưng không có con. Anh chị vừa xin đứa con rơi về nuôi. Nó đã 4 tuổi.

- Má thằng Tiến !

Anh Xuân bảo vợ:

- Ra tiệm mua hủ tiếu, cà phê về nhà ăn uống khề khà. Tao muốn kể chuyện đời cho chú Long nghe.

Chị Xuân đem cái mâm và cái bình nhôm ra đi. Anh Xuân ngấm tôi, sung sướng:

- Thấy chú là thấy cậu Hùng, là thấy làng cũ hiện ra. Chú ạ, anh đã được cậu Hùng chở xe đạp một quãng đường đấy. Thế nào, bà Đồ còn sống chứ, ông lang Năm ra sao ?

Tôi phải tóm tắt sinh hoạt làng xưa, người xưa từ dạo anh vô Nam đến dạo tôi vào Nam. Anh Xuân chăm chú nghe, nước mắt anh chảy ròng ròng.

- Chú ạ, nhắm mắt lại, tôi có thể thấy rõ đường về làng mình. Ô tô hàng thả tôi ở ngã tư Vũ Tiên – Thái Bình, tôi đi bộ qua Đoan Túc, tạt vô quán đầu làng, thường thức tô canh bánh đạ cua đồng, qua ngã ba rẽ vào Tri Lai, Thăng Cựu, đến Cầu Báng ghé ăn cái bánh chưng, uống bát nước chè tươi, qua Đồng Thanh, qua cây đa làng Chành, qua chợ Ô Mễ, qua Đại Hội, qua Thọ Bi, rẽ phải đi trên con đường gạch, qua cây đa đường Lầy, thẳng thì sang

Đồng Đức, rẽ trái thì vào Tường An. Đúng chưa, chú ?

- Đúng.

- Biết bao giờ tôi mới được trở về quê cũ !

- Tại sao anh bỏ làng ra đi ?

- Anh đâu có ham. Cực chẳng đã ...

Anh kể rằng, vì nghèo, anh ta bị dụ dỗ đi đánh cướp chiếu xóc đĩa lớn bên làng Đại Đồng. Anh Xuân đóng vai tay chơi, bụng mang một cái dạ dày trâu đầy huyết heo đã hăm. Anh phải giần cái dạ dày trâu cho nó dẹp ra. Khi tiền làng chắt đồng cho cú mở bát lớn, người đồng bọn anh gây sự với anh. Anh sừng cồ chửi lại. Người kia rút dao đâm bụng anh. Máu chảy lênh láng. Dân chơi sóc đĩa sợ án mạng liên lụy tới mình, bỏ tiền tháo chạy. Đồng bọn anh gom sòng ngon ơ. Anh Xuân được chia chác vài chục bạc. Sau, người ta phát giác chuyện đánh cướp, tìm anh Xuân thanh toán. Anh xuống tỉnh ghi tên làm cu ly đồn điền cao su.

- Anh ngỡ sang “Tân thế giới”, ai dè vô Hớn Quản ?

- Rồi sao nữa ?

- Rồi năm 1945, anh trốn đồn điền cao su, về Sài Gòn, theo Thanh niên Tiền phong đánh nhau với liên quân Anh, Ấn, Pháp. Anh đã đánh trận Cầu Quay ngó thẳng sang nhà băng Hồng Kông Thượng Hải.

- Anh xử dụng súng gì ?

- Gậy tầm vông. Anh đánh cả trận Rạch Địa nữa. Rồi anh vô bụng theo cách mạng.

- Anh bỏ cách mạng ?

- Ừ. Anh trở lại Sài Gòn làm cu ly xích lô đạp, xích lô máy. Bây giờ, anh về xích lô đạp tà tà, kiếm ăn lồi mồi.

- Khá không ?

- Đỡ.

Chị Xuân đã bụng mâm hủ tiếu, cà phê về. Chúng tôi điểm tâm tại gia. Kế đó, chúng tôi hút thuốc, uống trà tâm sự tiếp. Anh Đường bỏ tôi lại với anh Xuân, về nhà lo mua sắm đường, bánh, hột gà bán hàng chiều. Chị Xuân cũng bỗng thẳng cu Tiến ra lộ. Còn tôi và anh Xuân.

- Tại sao anh không về Bắc hồi cuối năm 1954 ?

- Anh còn nghèo. Anh muốn có nhiều tiền về làng khao vọng để nở mày nở mặt với họ hàng, làng nước. Nghèo mặt, vác mặt cu ly về làm chi !

Người anh em đồng hương của tôi có tâm sự giống hệt nhặt vật Hai Cò trong phóng sự *Khao* bắt hủ của Đỗ Phồn. Khác một điểm là anh ta chưa giàu để “áo gấm hồi hương”. Hai Cò cũng vô Sài Gòn làm cu ly đồn điền cao su. Anh ta nhịn ăn, nhịn mặc dành dụm tiền để về mua chức phó lý, khao vọng làng xóm. Hai Cò khuôn về quê chiếc máy hát vắn cốt nhãn hiệu Columbia và mớ đĩa hát vọng cổ của Tư Chơi có in hình con chó với hàng chữ “La voix

đệ sơn maître”. Khao vọng mấy ngày liên tiếp, đĩa hát mòn teo câu vọng cổ Tư Chơi “văng vẳng tiếng chuông ở ở ở ở chùa ...” thì Hai Cò thành Phó Cò. Nhưng Phó Cò ở quê nhà nghèo mạt, thua cái phong lưu của Hai Cò cu ly quê người nên Phó Cò lại xuống tỉnh ghi tên làm cu ly đồn điền cao su. *Khao* của Đồ Phồn diễn tả phong tục tập quán cổ hủ, lạc hậu của dân quê ta. Phong tục tập quán ấy đã hủy diệt hạnh phúc của Hai Cò. Anh Xuân chưa là nạn nhân của khao vọng nhưng anh đã theo cách mạng. Nhờ cách mạng, anh còn là cu ly, chưa “có nhiều tiền về làng khao vọng để nở mày nở mặt với họ hàng, làng nước”. Xét cho cùng, Hai Cò vẫn hạnh phúc hơn anh Xuân vì đã được về quê cũ, cho dân làng nghe Tư Chơi hát vọng cổ “văng vẳng tiếng chuông chùa” và ăn uống no nê. Hai Cò mới là cách mạng chân chính, cách mạng mà chẳng cách mạng nào ban phát nổi khao vọng cho dân chúng. Hai Cò tình nguyện trở lại nghề cạo mủ cao su. Anh ta đã ... hy sinh vì hạnh phúc dân tộc !

- Anh còn nuôi hy vọng “áo gấm hồi hương” không ?

- Hết rồi.

- Tại sao ?

- Anh chạy xích lô máy bị “dập” phổi, lâu lâu, máu lại trào ra miệng.

Anh Xuân bỏ rơi chuyện buồn, hỏi tôi:

- Kể chuyện của chú đi !

Tôi bèn kể chuyện giang hồ của tôi, chỉ dấu Duy Dân chủ nghĩa và chiến sĩ cách mạng Lý Vô Danh.

- Anh tưởng thất học giang hồ mới khổ, có học giang hồ cũng khổ ư ?

- Em học hành vớ vẩn, anh ạ !

- Thì sẽ học thêm.

- Vâng.

- Chú ở bên anh, đừng thềm ở bên nhà thằng Đường. Nó được, nhưng vợ Bắc kỳ di cư của nó kẹo lắm, không điệu đâu. Vợ chồng anh sống lỏi Sài gòn, làm đồng nào xài nhần đồng ấy.

Thế thì tôi tá túc ở nhà anh Xuân, thỉnh thoảng qua nhà anh Đường ăn cơm trưa.

◦ ◦ ◦

Anh Xuân có vẻ gì khác với những người phu xích lô. Cái vách lá nhà anh treo đến 5 trang phụ trương của một nhật báo in hình 13 vị liệt sĩ Việt Nam quốc dân đảng lên đoạn đầu đài. Anh ta thường ngâm hai câu thơ mà tôi không rõ xuất xứ:

*Người chép sử chép bằng mực máu
Ta viết gì đau thấu thịt xương*

Và anh Xuân chỉ thuộc hai câu. Nghề mới của anh, anh bảo là “kiếm ăn lỏi mới”, từ tháng 10-1954 là bip lính thủy Mỹ ngô nghệ. Lính thủy Mỹ ham đổi đô la dưới bờ, vì giá chợ đen lờn hơn giá chính thức đổi trên tàu. Lính thủy Mỹ lại ham dạo phố bằng xích lô máy, thứ xe không hề có ở Hòa kỳ và ở các nước trên thế giới.

- Anh gạ lính Mỹ đổi tiền.
- Bằng cách nào ?
- Thì mình chớ nó lòng vòng rồi gạ gẫm.
- Anh biết nói tiếng Mỹ à ?
- Đi học vài câu dễ ợt. Nói tiếng bồi mà. Anh ra giá hời gấp đôi gấp ba giá chính thức, Mỹ sướng rên.
- Nó hiểu tiếng bồi sao ?
- Hiểu.
- Anh nói thử cho em nghe.
- *One đô lơ ít ten Việt Nam.* Một đô la ăn 10 đồng Việt Nam. *Bích pe pơ ít đắp bừn.* Giấy lớn ăn gấp đôi.
- Nó ô kê ?
- Ô kê lia chia.
- Rồi sao mà bịp ?
- Có hai cách.
- Cách thứ nhất ?
- Anh đưa nó vô tiệm nước, gọi cho nó hai chai la de lớn, trả tiền giùm nó. Nó đưa anh tám giấy lớn 100 đô la. Anh bảo “Dzu oét hia, Ai cợm bách tích tắc tích tắc bờ rìng dzu mế ni Việt Nam”. Nó ô kê. Anh cầm 100 đô la rông về nhà ngủ cho nó đợi vài năm. Mai ta lại tìm thằng Mèo ngu khác.
- Luôn luôn giấy lớn ?
- Hiếm họa. Thường thường giấy hai chục.
- Cách thứ hai ?

- Chờ Mèo ngu vô con hẻm. Có sẵn người của mình chờ đổi bạc. Thằng đổi bạc cầm cọc dầy, mấy tờ đầu, đit tiền thật, giữa là giấy cắt xén y cỡ giấy bạc. Mèo ngu lột hết tiền đổi. Đô la vừa trao, tiền rỏm vừa nhận, thằng khác thôi tu huyết la lồi “bô lít, bô lít, em pi, em pi” thế là cả làng chạy.

Bây giờ Mèo hết ngu và tàu chớ dân di cư không còn, anh Xuân quay qua nghề bán cần sa cho thủy thủ tàu buôn ngoại quốc. “Cần sa là cha thuốc phiện”, anh Xuân nói thế. Thủy thủ tàu buôn, đa số, nghiền cần sa. Cái thứ lá mọc đầy núi Châu Đốc có ra cái gì đâu, tôi đã cuốn hút khá nhiều mà chẳng hề thấy “dĩ vãng hiện về chập chờn”. Thế mà thủy thủ mê chết được. Anh Xuân mánh lăm. Anh biết ngày nào tàu nhỏ neo nên chỉ bán chút ít. Thủy thủ gạ mua nhiều, anh bảo đợi anh kiểm đã. Ngày cận tàu nhỏ neo, thủy thủ kiếm anh, lạy anh bán cần sa. Anh rá giá cắt cổ. Thủy thủ móc hết tiền, đồng hồ nộp anh Xuân để nhận cần sa lét lút mang lên tàu mà hút những ngày lênh đênh biển cả. Thuyền trưởng bắt được thì kể như

thất nghiệp.

- Mỗi tháng vớ một món bở là tà tà.

- Anh nói tiếng gì ?

- Lại Mỹ bồi.

- Cần sa là gì ?

- Thằng thầy dạy anh là ồ pi nhờm líp.

- Anh chào khách ra sao ?

- Nghề dạy nghề, trông mặt mà bắt hình dung. Thằng nào nghiện cần sa, anh biết tổng. Anh mời nó lên xe xích lô đạp. “Ai đờ rai phờ ri”. Đi một quãng, anh mời nó hút điều cần sa. “Vé ri gút, xo”. Nó hút khoan khoái, ngả lưng mơ màng. Anh chở nó về chỗ cũ gạ gẫm “Dzu uần ồ pi nhờm líp?”. Nó ô kê. Cá mắc lưới câu rồi.

Anh Xuân kể cho tôi nghe thật nhiều vui buồn, vinh nhục của nghề xích lô. Tam Lang mà nghe xong, có thể, sẽ viết phóng sự “Tôi đạp xích lô” sống động, tài tình. Những mảnh lời chờ mong cho điểm lột rồi chia tứ lục, anh Xuân kể rất thú vị.

- Hồi còn Tây, cứ “cá to dzuy ê” và Tết tây là anh vớ món bở.

- Sao ?

- Tây mừng lễ độc lập và Tết của nó, say bí tỉ. Anh ghéch xích lô máy chờ sẵn ngoài quán rượu. Lính tây ầm cả chai, ngất ngưỡng leo lên xe. Anh chạy vun vút. Lính Tây trúng gió, ói mưa toì bời rồi gục. Anh “tội nghiệp” chở đến khúc tối vắng vẻ, lột hết tiền, đồng hồ, bút máy rồi hát nó xuống đường.

- Kỷ niệm nào anh nhớ nhất ?

- Hồi anh chở một mù đàn bà đi bắt ghen.

- Ra sao ?

- Mụ đàn bà bao anh trọn đêm, trả tiền trước. Mụ bắt anh chở tới cùng khắp các địa chỉ mà mụ ta nghi là chồng mụ ta đang ăn nằm với vợ nhỏ.

- Xích lô máy ?

- Dĩ nhiên. Xích lô đạp hơi sức đâu chịu thấu.

Anh kể tiếp:

- Chở quá nửa đêm không gặp chồng, mụ ta giận lắm, bảo anh “Chú chở tôi đến chỗ nào chú thích”. Thấy mù đàn bà Huế này hơ hớ, anh lại chưa biết gái Huế “dâm” đến độ nào, bèn tò mò và chở mụ ta tới ô ten chợ Cũ. Sáng hôm sau, anh không đạp nổi máy xe.

- Long bánh chè à ?

- Xum.

- Còn mụ đàn bà ?

- Mụ trả tiền ô ten, bắt anh chở về nhà mụ. Mụ hện hò rới rít, hôm anh thấy chồng mụ là thằng “thầy chú”, anh hoảng quá bỏ rơi liền.

Anh Xuân cảm khái:

- Kỷ niệm của phu xích lô hào hoa là những kỷ niệm với “bò lạc” và gái quê lên Sài gòn kiếm việc làm.

Không ngờ tôi được lạc vào thế giới xích lô với những mảnh lời làm ăn thêm và những câu chuyện ly kỳ, hấp dẫn. Tôi ăn cái Tết tha hương thứ ba ở nhà anh Xuân. Anh ta dẫn tôi cùng khắp các quán cà phê tụ tập nhiều dân xích lô, bạn của anh, hãnh diện giới thiệu tôi như một người em lưu lạc vừa tìm thấy. Tôi trở thành người em của xích lô Khánh Hội. Tôi thường đến quán cà phê trước cổng kho 5 xem anh Xuân gạ thủy thủ ngoại quốc mua cần sa. Bất trúng mòng mạp, anh Xuân đập xích lô đưa tôi đi ăn nhậu, đi xem hát cải lương, đi khắp phố chính Sài gòn. Trong số bạn của anh Xuân, có anh Ngọ thương tôi nhất. Anh Ngọ cũng xuất thân từ “lãng ta xi ông”. Anh đã chở tôi về nhà anh ở sát chân cầu Tân Thuận, ngỏ ý muốn nuôi tôi vì anh không có em. Anh Ngọ còn độc thân. Anh ta khoảng 36, 37 tuổi. Anh Ngọ đề nghị với anh Xuân rước tôi về sống với anh, nhà cửa thoải mái hơn và muốn học lại cũng tiện hơn. Anh Ngọ chạy xích lô mấy tiền dư dă. Anh Xuân từ chối. Anh không cho tôi biết tại sao anh từ chối.

Tôi ở với anh Xuân, không tốn tiền ăn nên tiền để dành còn nguyên. Anh Xuân cung cấp cà phê, thuốc lá cho tôi chu đáo. Tôi đang định tìm lớp học Anh ngữ bên Sài gòn chứ, rong chơi mãi đâm chán. Thời gian này, hầu như tôi đã quên hẳn giấc mộng văn chương. Tôi thấy ham nghề đập xích lô. Bỗng, một hôm, anh Xuân hỏi tôi:

- Chú biết làm thơ không ?

Tôi ngạc nhiên:

- Biết làm thơ để làm gì ?

Anh Xuân nghiêm túc:

- Chú trả lời anh chú biết làm thơ không ?

Tôi đáp:

- Biết, nhưng không hay đâu.

Anh Xuân cười:

- Biết làm thơ là hay rồi. Anh sẽ gửi chú sang Thủ Thiêm sống với người anh kết nghĩa của anh. Chú sẽ học với anh ấy.

o o o

Tôi sang Thủ Thiêm vào tháng 3-1957. Người anh kết nghĩa của anh Xuân tên là Phan Văn Tàn, biệt hiệu Vương Tàn, người miền Nam chính gốc, già bằng ông Lý Vô Danh nhưng tôi gọi bằng anh, xưng em. Anh Vương Tàn là soạn giả cải lương chưa có thời và cũng chưa có thể. Theo anh kể, anh đã đi kháng chiến từ 1946, hoạt động trong lãnh vực tác động tinh thần chiến sĩ bằng văn nghệ. Anh phục vụ ngành cải lương, chuyên soạn những vở tuồng

ngăn chống thực dân Pháp. Năm 1949, anh bỏ kháng chiến về Sài gòn, bị phòng nhì Pháp bắt nhốt một năm vì anh bị nghi ngờ là về Sài gòn làm công tác nội thành. Phòng nhì tra tấn anh liên miên. Khi anh được tha, anh kiệt sức và bị lao phổi. Anh Vương Tấn không thể xin chỗ làm ở các gánh cải lương Sài gòn. Anh kết nghĩa với anh Xuân ngoài bưng. Sau này, anh Xuân giúp đỡ anh Tấn chu đáo. Ngày ông Ngô Đình Diệm chấp chính, anh Vương Tấn đã đuối sức lắm. Đến nay anh ta mới tạm khỏe nhờ những lọ Streptomycine.

- Chú biết tại sao thằng Xuân trao chú cho anh không ?
- Không ạ !
- Vì chú biết làm thơ mà anh thì khoái thơ.
- Có lẽ, không hẳn thế.
- Thông minh đấy, thằng Bắc kỳ ạ ! Tao ghét mấy thằng Bắc kỳ ngoài bưng mà tao lại thương mày từ lúc mới gặp mày.
- Tại sao vậy ?
- Vì mày có cặp mắt đẹp lắm.
- Cũng không hẳn thế.
- Vậy thì tại thằng Xuân không thích mày thành thằng phu xích lô như nó.
- Vẫn chưa hẳn thế.
- Mày nghĩ thế nào ?
- Theo em, anh Xuân nể anh Ngo muốn đổi chỗ ở cho em. Như thế, anh Xuân không mất lòng anh Ngo. Nếu em không biết làm thơ, anh Xuân vẫn đưa em sang đây.
- Cũng không hẳn thế đâu.
- Anh nói thật đi !
- Nói thật à, thằng Bắc kỳ ? Mày sẽ tìm ra sự thật, vì mày thông minh. Tao muốn mày nói thật với tao rằng mày có thích ở với tao không ?
- Còn tùy.
- Tùy gì ?
- Anh có làm cho em thích không.
- Tao đã sống với thằng Nguyễn Bính, thằng Trúc Khanh, thằng Lý Văn Sâm, thằng Vũ Anh Khanh, thằng Sơn Nam ... Tao thấy chúng nó ngạo mạn lắm. Chúng nó ngạo mạn được, mày mới biết làm thơ đã ngạo mạn thì không được.
- Vậy em đi.
- Mày đi đâu ?

- Thiếu gì chỗ.
- Chỗ này tốt nhất, bởi tao có thể chõ được mày. Tao yêu sự ngạo mạn của mày.
- Cám ơn anh.
- Mày muốn tao dạy mày làm thơ hay dạy mày mở mang kiến thức ?
- Anh làm thơ chưa ?
- Rồi.
- Thơ cải lương ?
- Ừ.
- Thơ cải lương ra cái gì, văn chương cải lương ra cái gì !
- Tao mở mang kiến thức cho mày đây, thằng Bắc kỳ. Mày chưa đọc tuồng *Dưới mái Tây Hiên*, *Kim Vân Kiều* của Phạm Ngọc Khôi, mày chưa đọc tuồng của Sĩ Tiên, Nguyễn Hữu Trang đã chê văn chương cải lương thì mày thiếu văn hóa đấy.
- Em đã xem Kim Chung diễn tuồng *Đôi mắt huyền trên sa mạc*, đã xem gánh Hoa Sen diễn tuồng có phụ chiếu mấy đoạn phim màu, đã xem ...
- Mày xem thứ đồ bỏ, thứ rác rưởi cải lương mà dám chê văn chương cải lương ư ?

Tôi khóp. Anh Tần xỉ vả tiếp:

- Cũng như mày nghe kịch, xem kịch thở tở của ban Dân Nam rồi mày chê văn chương kịch à ? Mày đọc kịch của Thế Lữ, Vi Huyền Đắc chưa ?

Ngưng giây lát, anh Tần đưa thêm:

- Mày thiếu kiến thức, nghèo văn hóa, không nên bình phẩm vội vàng bất cứ ai, bất cứ cái gì. Tao sợ, nếu mày lười học hỏi, dẫu mày biết làm thơ, thơ mày chỉ đến mức thơ của Bằng Bá Lân, Anh Thơ là tột đỉnh.

Nhìn thẳng mặt tôi, anh Tần ra lệnh:

- Đọc thơ của mày tao nghe thử !

Tôi hiên ngang đọc thơ Đoàn Trọng Thu:

*Ai khổ suốt đời chuyện áo cơm
Đau thương không nhắc nhớ cầm hờn
Cháy nhà mất đất đau ngùn ngụt
Nguyễn dựng lại đời tươi sáng hơn*

Anh Tần cười khẩy:

- Chặt đầu tao, tao vẫn quả quyết không phải thơ của mày.
- Tại sao anh quả quyết ?

- Vì mày chưa đủ lửa.

Tôi đọc thơ Hải Phương:

*Em có bao giờ nghĩ đến ta
Ra đi không một chén quan hà
Ra đi cho bước chân rời rã
Ôm bóng em trong bóng nguyệt tà*

Anh Tần cười bạo hơn:

- Không phải thơ của mày.

- Tại sao anh biết ?

- Vì mày chưa đủ sáo.

Tôi đọc thơ tôi:

*Nắng nắng quá trời ơi
Mát mát lần đi thôi
Những người dân lao động
Đã khổ quá nhiều rồi*

Anh Tần gật gù:

- Đây chính là thơ của mày.

- Tại sao anh biết ?

- Vì nó ngô nghê như mày, ngô nghê như đứa giang hồ vật vãnh đã ngỗ mình từng trải, khôn lớn.

Tôi nói:

- Anh là thầy em. Xin anh mở mang kiến thức cho em.

Anh Tần dịu giọng:

- Em không muốn học làm thơ ?

- Không.

- Tại sao ?

- Thầy có bốn câu thơ đầu bảo em rằng, muốn viết tiểu thuyết không cần làm thơ hay, chỉ cần làm thơ càng nhiều càng tốt để quen xử dụng chữ nghĩa và hình ảnh.

- Em muốn trở thành tiểu thuyết gia ?

- Vâng.

Tôi không ngần ngại kể hết cho anh Vương Tần nghe giấc mộng nhà báo rồi nhà thơ rồi nhà

văn của tôi từ ngày tôi bị ám ảnh bởi nhân vật nhà báo trong tiểu thuyết Giông Tố của Vũ Trọng Phụng. Những lời dạy của các “sư phụ” Đàm Viết Minh, Nguyễn Thịnh, Lê Huy Luyến, Nguyễn Uyên Diễm, Đoàn Trọng Thu, tôi nhắc lại đầy đủ. Tôi chỉ dấu Duy Dân và ông Lý Vô danh. Anh Vương Tần trầm ngâm:

- Không phải đợi đến 40 tuổi đâu em ạ ! Nhưng em cần đọc, cần sống thêm nữa. Chừng nào em cảm thấy không viết thì em đứng ngồi không yên, ăn ngủ không ngon, bứt rứt khó chịu, em sẽ viết được và viết rất nhiều. Vốn sống và kiến thức em đang thu lượm như tiền em để dành trong ngân hàng. Vốn sống và kiến thức sẽ nảy nở như tiền lời trong ngân hàng của em ấy. Rồi em tha hồ viết, tha hồ tiêu tiền. Bạn em nói đúng, 40 tuổi trở lên, các nhà văn mới đặt vấn đề tư tưởng. Lúc đó, nhà văn truy nã thân phận con người và hạch hỏi hư vô.

Anh Vương Tần chiêm mông nhà văn tưởng đã nguội lạnh trong tâm hồn tôi. Tôi lại thấy mầm hy vọng nhú lên và tôi không còn nghĩ cuộc sống vất vưởng của tôi vô vọng nữa. “Ông sẽ đừng từ chối bất cứ cơ hội nào dẫn ông phiêu lưu vào cuộc sống, dấu những cuộc phiêu lưu gặp ghèn tai họa”. Tôi sẽ can đảm nghe lời khuyên của Đoàn Trọng Thu. Và tôi rất bằng lòng sống với anh Vương Tần. Anh ta sống một mình, thân thể lơ mơ, nhưng tôi cần biết làm gì nhỉ ? Chỉ cần biết anh ta là một soạn giả tuồng cải lương còn vô danh, đã từng theo tiếng gọi của non sông lên đường kháng chiến chống giặc xâm lăng, đã từng sống chung với Nguyễn Bính. Là đủ. Trong căn nhà nhỏ của anh có bàn viết, có tủ lớn đầy nhóc sách. Ở đây, tôi đã đọc *Sử ký của Tư Mã Thiên*, bản dịch của Nhượng Tống, *Nam hoa kinh* của Trang Tử, bản dịch của Nhượng Tống và *Lan và Hữu*, tiểu thuyết của Nhượng Tống. Ở đây, tôi đã đọc lại *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, *Triết học Kant* của Nguyễn Đình Thi, *tuyển tập nhận định chính trị, văn nghệ* của Thê Húc, Tam Ích, *Thơ mùa giải phóng* do Văn Sơn PMT sưu tầm. Anh Tần giảng giải *Nam hoa kinh* cho tôi. Càng đọc tôi càng không hiểu. Anh bảo Nguyễn Đình Thi viết cuốn *Triết học Kant* năm 17 tuổi. Tôi cũng đọc một số sách “Học làm người” của nhà xuất bản Phạm Văn Tươi. Nhờ bà chị gần nhà nấu cơm mang qua, chúng tôi khỏi bận bịu chuyện cơm nước. Anh Xuân gửi tiền nuôi tôi và cho tôi tiền cà phê, thuốc lá.

Anh Vương Tần hăng say viết tuồng lịch sử Việt Nam. Anh đã soạn xong một vở ca ngợi Hồ Quý Ly, nặng nề nguyên rửa bọn “phục Trần”. Anh tâm sự với tôi:

- Anh muốn soi sáng niềm u uẩn của tiền nhân. Hồ Quý Ly là người vĩ đại nhất của nhân loại. Đó là người Việt Nam sáng tạo, người Việt Nam bỏ xa những bộ óc ghê gớm của nhân loại hàng mấy thế kỷ. Hồ Quý Ly, sư tổ của ngân hàng ...

Anh phàn nàn:

- Sân khấu cải lương trở nên nhàm chán và không được coi như một bộ môn của văn học là vì ham hát mà quên diễn xuất. Không có thứ nghệ thuật nào cứng như gỗ và chỉ rình bát đèn đỏ vọng cổ ! Anh muốn làm cách mạng sân khấu cải lương, muốn loại bỏ tuồng tích Tàu, La Mã, Ai Cập. Anh muốn hát ít, nói và diễn xuất nhiều.

Anh buồn bã:

- Cuộc cách mạng sân khấu của anh không thể thực hiện ở Sài gòn được. Em hiểu chứ ! Bọn lái buôn sân khấu, những thứ gọi là bầu gánh thì cần gì nghệ thuật, cần gì cách mạng sân khấu.

Tôi hỏi:

- Thực hiện ở đâu thì được ?

Anh đáp:

- Có thể thực hiện ở các gánh hát nhỏ lưu diễn.
- Tại sao mình không thực hiện ?
- Thiếu phương tiện.
- Phương tiện gì ?
- Tiền.
- Anh định lập gánh hát ?
- Không, đi về các quận, xã vận động các gánh nhỏ lưu diễn tập tũn của mình.
- Anh chỉ cần tiền ăn đường và tiền xe ?
- Ừ.
- Bao nhiêu ?
- Vài ngàn bạc.
- Em có.

Anh Vương Tần ngần ngại:

- Tiền của em không nên dùng cho cuộc cách mạng sân khấu.

Tôi khó chịu:

- Thế tiền nào ? Tiền của bầu gánh hay tiền của nhà nước ?

Anh Tần nắm tay tôi:

- Anh sai lầm. Em không ngô nghê chút nào cả.

Tôi nói:

- Nhờ anh mở mang kiến thức.

o o o

Tháng 5-1957 anh Vương Tần và tôi xuống miền Tây vận động cách mạng sân khấu. Tôi đã đi làm cách mạng Duy Dân. Bây giờ, tôi đi làm cách mạng sân khấu. Chúng tôi qua Sa Đéc, Lấp Vò, Chợ Mới, Tân Châu ... Chẳng gánh hát nào chịu tập tũn mới, dù anh Vương Tần tình nguyện đạo diễn không có điều kiện gì cả, ngoài hai bữa cơm xoàng. Đây là cuộc đối thoại giữa một bầu gánh và soạn giả cách mạng Vương Tần.

- Ông nên cho tập tũn mới.
- Tũn mới đào kép không chịu tập.

- Bồn cũ soạn lại hoài sao ?

- Soạn lại hoài. Đỡ trả tiền đạo diễn, soạn giả mà y phục, phong cảnh cũng đỡ phải sắm. Tập tuồng mới, đào kép đòi tăng lương, tiền đâu trả, tiền đâu may y phục mới, vẽ phong cảnh mới ? Tuồng mới tập cả tháng, đề chi diễn cả tháng ! Cứ bồn cũ soạn lại là chắc ăn. Khán giả chán, ta bưng bầu đoàn thể tử đi chỗ khác.

- Ông không có tham vọng về Sài gòn à ?

- Không.

- Không có luôn tham vọng lập đại ban làm đảo lộn sân khấu Việt Nam ?

- Không. Con sên nên sống đời con sên.

Bầu gánh nào cũng luận điệu này. Anh Vương Tàn thuyết phục được một bầu gánh thì bầu gánh đòi xem tuồng và chê nói nhiều ít hát. Chúng tôi sang Cần Thơ đến quận Cái Vồn, gặp gánh hát Tân Tiến. Nhờ một anh kép mùi ăn khách của Tân Tiến khoái tuồng mới, khoái diễn xuất, mê vở *Hồ Quý Ly*, làm áp lực với bầu gánh nên gánh Tân Tiến tập tuồng của soạn giả vô danh Vương Tàn. Bầu gánh ra điều kiện y phục của tuồng Hồ Quý Ly như y phục tuồng Lữ Bố hí Điều Thuyền. Anh Vương Tàn đành chấp nhận. Chúng tôi bắt đầu vào việc. Anh Vương Tàn dạy đào kép diễn xuất mỗi buổi chiều. còn tôi, tôi viết “áp phích” đem dán và ngồi trên xe lôi đập đánh trống quảng cáo cho gánh Tân Tiến ở các làng xã gần quận. Ăn cơm của gánh hát phải làm việc cho gánh hát. Anh Vương Tàn muốn tập tuồng hai buổi nhưng đào kép hát khuya, cần ngủ trọn buổi sáng. Gánh Tân Tiến hát ở quận ba ngày thì lưu diễn các xã. Nhờ theo gánh Tân Tiến, tôi biết sinh hoạt của một gánh cải lương nhỏ lưu diễn và đời sống của soạn giả, thầy tuồng, bầu gánh, đào kép. Tôi phải nói thật rằng, tôi không thích đời sống sân khấu. Nó bẽ rạc và bấp bênh vô cùng. Chưa chắc gì đào kép cải lương đã say mê nghệ thuật sân khấu đến độ bằng lòng sự bẽ rạc và bấp bênh. Tôi thấy gánh Sơn Đồng bán thuốc trị giun sán của ông Lý Vô Danh thật phiêu bồng.

Tôi thường đứng xem anh Vương Tàn chỉ dẫn đào kép tập tuồng của anh. Anh ta sung sướng vô cùng. Tôi nhìn rõ hạnh phúc khiêu vũ trên khuôn mặt anh. Đào kép đã không chia nỗi hạnh phúc của soạn giả kiêm đạo diễn Vương Tàn, trừ anh kép mùi. Anh Tàn chưa hết bệnh ho lao. Thế mà anh la hét đào kép, diễn tả xúc động của nhân vật trong tuồng không biết mệt mỏi. Đào kép lười biếng thuộc vở, ỷ lại người nhắc tuồng.

- Không thuộc vở, diễn xuất sao hay được ? Tai mãi nghe nhắc vở thì hồn đâu nhập vào hồn nhân vật ?

Anh Vương Tàn nói bao nhiêu lần, đào kép cứ trơ ra. Tự lòng họ, họ đã chán tuồng mới. Một hôm, anh tâm sự với tôi:

- Long ạ, anh cảm giác khó thành công.

- Không thành công thì sao ?

- Thì vỡ mộng cách mạng sân khấu.

- Nó sẽ thành nhân.

- Câu đó không áp dụng cho sân khấu cải lương miền Nam.

- Tại sao ?

- Vì sân khấu này không dám làm cách mạng. Nó chỉ làm cách mạng khi bị cưỡng bức.
- Nhưng anh chưa làm cách mạng, anh mới đang. Phải đợi khai trương tuồng của anh đã.
- Cám ơn em.

Một tháng tập tuồng ròng rã, gánh Tân Tiến trở về quận Cái Vồn tung bừng khai trương vở mới *Hồ Quý Ly*. Tôi viết “áp phích” mỗi tay, dán khắp phố quận. May mắn đầu tiên cho *Hồ Quý Ly* của soạn giả Vương Tàn là có một lái buôn cải lương mua dàn ngay. Bầu gánh mừng hóm, bán liền. Anh Vương Tàn nôn nóng chờ đợi tác phẩm quyết định cho cuộc cách mạng sân khấu của anh. Nếu khán giả thích thú tuồng chú trọng nhiều ở diễn xuất, gánh Tân Tiến sẽ về thẳng thị xã Cần Thơ. Nếu Cần Thơ, *Hồ Quý Ly* thành công, Tân Tiến sẽ đi các thị xã lớn của miền Tây, sẽ có tiếng vang lớn trong giới cải lương. Và Tân Tiến sẽ chịu sấm y phục thích hợp với tuồng mới, sẽ thay đổi phong cảnh mới, đào kép sẽ được tăng lương, sẽ hết lòng tập tuồng để về diễn tại thủ đô, ra mắt báo chí và khán giả Sài Gòn. Nếu khán giả hoan hô, báo chí ca ngợi, các đại ban sẽ nhất loạt thay đổi cung cách trình diễn cũ. Và thế là có cách mạng sân khấu cải lương.

20 giờ 30 mới mở màn mà 20 giờ rạp đã đông nghẹt. Soạn giả kiêm đạo diễn Vương Tàn hồi hộp. Tôi hồi hộp không kém.

- Anh thành công rồi, anh ơi !
- Chưa đâu.
- Còn đợi gì ?
- Đợi màn mở.
- Lần đầu tiên anh có tuồng diễn trên sân khấu à ?
- Nhiều rồi nhưng lại là lần đầu tiên.
- Tại sao ?
- Vì lần này anh mới biết trực diện với nỗi cô đơn.
- Em không hiểu.
- Những lần ngoài bưng, anh không cần quan tâm tới khán giả. Lần này, anh quan tâm. Vì khán giả quyết định sự thành công của cuộc cách mạng sân khấu.
- Em hiểu rồi.

Màn mở. Khán giả im lặng theo dõi Hồ Quý Ly mạt sát bọn “phục Trần” là bọn phản tiến hóa của dân tộc, bọn âm mưu phục hồi dĩ vãng đã hết thời, bọn lạc hậu, mắt mù, tai điếc không nhìn thấy tương lai huy hoàng của dân tộc, không nghe rõ tiếng reo của hạnh phúc ngày mai ... Đến phút thứ 15, Hồ Quý Ly vẫn khoe công trình “thành nhà Hồ”, không thêm ca 6 câu vọng cổ, khán giả la hét, đòi “dzô” 6 câu có bật đèn đỏ. Người mua dàn hoảng sợ kiểm bầu gánh sinh sự rồi van lạy ... đổi tuồng. Bầu gánh sợ khán giả tẩy chay, lập tức ra lệnh chuyển Hồ Quý Ly thành Lữ Bố ! Và kép mũi đang làm Hồ Quý Ly vẽ vờ tương lai dân tộc nhận lệnh và rất điệu nghệ “dzô” câu thứ nhất cho Lữ Bố than vãn với Điều Thuyền. Kép xuống “xè” ngọt lịm. Đèn đỏ bật. Khán giả vỗ tay tán thưởng.

Anh Vương Tần lặng lẽ kéo tôi ra khỏi rạp. Anh dẫn tôi đến một quán rượu. Gọi một xị đế, anh rót đầy ly của anh.

- Em uống với, tôi nói.

Anh rót rượu cho tôi. Nhấp một ngụm đầy, anh nuốt ực rồi mỉm cười:

- Thành cái gì, Long ?

- Thành kỷ niệm, anh ạ !

- Cách mạng hồng rồi.

Anh gật gù:

- Làm đẹp cho đời sống không phải là dễ.

Tôi hỏi:

- Anh phần nộ cuộc đời ?

Anh đáp:

- Đúng.

Tôi quệt lửa cho anh châm thuốc:

- Có một người dạy em rằng, chỉ nên phần nộ thói đời, chứ cuộc đời đáng thương xót.

Anh nhả khói:

- Có lẽ đúng đấy. Cuộc đời đáng thương xót vì cuộc đời mê muội. Nhưng có em làm chứng cho anh nhé, anh đã làm điều tốt đẹp.

- Trời đất làm chứng cho anh.

- Em là đủ. Trời đất biết cái gì ! Anh đã tiêu phí tiền mồ hôi nước mắt của em.

- Đâu xứng đáng bài học anh cho em.

- Bài học nào ?

- Bài học này, bài học hôm nay, bài học về một người muốn làm cách mạng sân khấu, muốn làm đẹp cho đời sống mà, rốt cuộc, chỉ gặp oan khiên, tủi nhục.

- Em sẽ không giống anh chứ ?

- Tại sao không giống anh nhỉ ? Nếu mai này em có tài như anh, em sẽ bắt chước anh, cố gắng làm đẹp cho đời sống, dầu em có bị oan khiên bủa vây, dầu em có bị thù hận săn đuổi. Ở với anh, em tìm ra một chân lý: Nếu người ta có thiện ý với cuộc đời thì cứ sẵn sàng dâng hiến, bất kể cuộc đời đón nhận hay chê bỏ, bất chấp người đời hoan hỉ hay thù ghét.

Chúng tôi gọi thêm một xi. Rồi thêm một xi, một xi.

- Anh muốn nói với em một điều.

- Xin anh cứ dạy.

- Em còn nhớ, có lần, anh bảo em có “cặp mắt đẹp lắm” không ?

- Em nhớ.

- Hôm nay anh muốn nói rõ với em: Dù em bần hàn cách mấy, thảm thê cách mấy, người ta vẫn nhận ra tâm hồn đích thực của em từ đôi mắt em. Vậy em đừng trở lại Khánh Hội nữa.

Chúng tôi về rạp hát. Đêm ấy, anh Vương Tàn thất cổ tự vẫn. Ông bầu gánh Tân Tiến khai với nhà chức trách rằng, anh phần chí vì thất bại nên đã tự vẫn. Tôi thương anh lắm mà không khóc. Đợi chôn anh xong, tôi về Sài gòn. Khi chiếc bắc đến giữa sông Hậu, tôi nhìn mặt nước, thấy anh Vương Tàn hiện lên, âu yếm nói với tôi: “Thông minh đấy, thằng Bắc kỳ ạ ! Tao ghét những thằng Bắc kỳ ngoài bưng mà tao lại thương mày từ lúc mới gặp mày”. Nước mắt tôi ứa ra. Tôi chợt nhớ ông Lý Võ Danh. Thành công = Tài năng + May mắn. Anh Vương Tàn thiếu may mắn. Tại sao anh không làm ăn sĩ mà lại phải tìm cái chết.

Tôi trở lại Sài Gòn tháng 8-1957, trong túi còn vài trăm bạc. Đứng bên đây cầu Quay nhìn sang bên kia Khánh Hội, tôi cố gắng suy nghĩ câu nói cuối cùng của anh Vương Tấn mà vẫn không tìm ra một ngụ ý gì. Bởi vậy, tôi đâm ra phân vân. Tại sao tôi không nên qua Khánh Hội nữa ? Cuối cùng, tôi cho rằng tôi phải coi lời giới thiệu của anh Tấn như một di chúc họ mạng. Không về Khánh Hội, tôi chẳng biết về đâu bây giờ. Tha thân trên vỉa hè rộng trước Nhà Bể Hồng Kông Thượng Hải, tôi thấy tôi quả là vô duyên với cuộc sống giang hồ. Số tôi không có thầy hay sao ấy. Ở với ông Lý Vô Danh vài tháng thì ông bỏ đi. Ở với anh Vương Tấn vài tháng thì anh ấy tự vẫn. Tôi thở dài. Ngược mắt nhìn lên lầu nhà bể một cách vô tình, ai ngờ gặp cổ nhân đứng bên cửa sổ đang nhìn xuống. Cổ nhân vẫy tay lia lịa. Lòng tôi bừng ấm. Cổ nhân, người bạn ấu thơ của tôi: Đặng Xuân Côn. Nó làm thư ký đánh máy cho Nhà Bể Hồng Kông Thượng Hải.

- Mày đi đâu biệt tích ?

- Giang hồ.

- Nghề gì chớ ?

- Chưa.

- Sao không tìm tao ?

- Tôi ghé xóm Quốc Tế hồi cuối năm ngoái, ông dọn nhà đi rồi. Tôi tới Phủ đặc ủy định cư, người ta bảo ông đã đổi sở.

- Mày đến quán cà phê góc đường Phủ Kiệt – Võ Di Nguy đợi tao. Còn nửa giờ nữa tan sở, tao tới đón mày về nhà.

Thế là tôi có chỗ dừng bước giang hồ. Buổi chiều, Côn đưa tôi về căn nhà số 550, đại lộ Trần Hưng Đạo. Tôi ngồi trên cái “pooc-ba-ga” của chiếc xe đạp cũ kỹ thuê Nhà Hát Tây. Ban tôi vẫn chưa có gì thay đổi. Còn tôi tìm kiếm. Căn nhà số 550 đại lộ Trần Hưng Đạo rất đồ sộ. Đó là căn nhà lầu hai tầng nằm sâu tuốt phía trong, cách lề đường bằng cái sân lớn. Tầng trệt ngăn đôi, một bên là xưởng dệt, một bên là nhà in. Xưởng dệt ngưng hoạt động từ lâu. Nhà in thì vẫn in nhật báo và sách của nhà xuất bản Bình Minh. Nhờ người chủ của ông chú Đặng Xuân Côn thuê xưởng dệt nên căn gác xép chứa đồ phế thải được dọn dẹp làm chỗ tạm trú cho ba gia đình. Gia đình thứ nhất gồm ông Đặng Ngọc Lâm, hai bà vợ, bốn đứa con. Gia đình thứ hai gồm cặp vợ chồng già nghiện thuốc phiện và cô con gái “có nhan sắc của người đàn ông không đẹp trai”. Người ta quen gọi cặp vợ chồng nghiện này là ông bà Phương. Gia đình thứ ba là Đặng Xuân Côn, ông via và bà dì ghẻ. Chủ nhân căn nhà số 550 đại lộ Trần Hưng Đạo là ông Nguyễn Văn Sa, dân Huế, đa tình và đa tài. Ông ta nằm tù như đi du lịch. Bà vợ người Bắc tính tình cởi mở, thích giúp người và là đệ tử trung kiên của Đồng Cô Bóng Cậu. Do đó, xưởng dệt ngưng hoạt động, nhà in lai rai in mướn.

Tôi là khách trọ thứ 14 của căn gác xép chứa đồ phế thải có lối đi riêng và sử dụng cầu tiêu của thợ dệt, thợ xếp chữ, thợ máy in. Sinh hoạt của gác xép khá ly kỳ. Ông già Phương nằm dài bên đèn tiêm thuốc cho các tiên khách. Ông bán thuốc và thu tiền dầu, tiền nước trà tàu bằng sái. Tiên khách hết, ông hút và tiêm thuốc cho bà hút. Bà hút xong, đi góp tiền lời cho vậy. Cô con gái tên Năm thì đi bán cơm đen cho những sông nhỏ. Ông già ở nhà nạo sái, ngồi chồm hổm cân, gói. Thỉnh thoảng, đưa ngón tay chấm chiếu rồi mút ngon lành. Ông Đặng Ngọc Lâm coi công trường xây cất. Bà vợ nhỏ bán bún riêu ở Chợ Quán. Ông bà đi thật sớm. Bà vợ lớn dậy muộn vì các cậu con đi học buổi trưa. Đặng Xuân

Còn đến nhà bằng đả tự. Ông via, nếu có khách quen, trải chiếu chơi tổ tôm, bà dì ghẻ chia bài, nếu vắng khách, đã sẵn hai tên thợ nhà in mê xì phé kéo nhau lên đặt tiền vào đĩa cúng thầy. Tôi về đây kể như giang hồ vô ngộ cụt. Và tôi hiểu vì sao khuôn mặt Đặng Xuân Côn lúc nào cũng sầu thảm. Nó tìm cách giải thoát thực tại bằng tiếng đàn Hạ uy di. Nó chơi đàn Hạ uy di đã khá tình tứ, nay theo William Chấn ở đường Trần Bình Trọng, sát khít nhà, trau dồi ngón nghề đàn điện. Tối nào nó cũng ngồi tại lớp đàn của William Chấn quan sát lão Tàu này dạy học trò để học bí quyết. William Chấn, vua dẫu nghề. Côn chưa đủ tiền mua đàn điện nên phải học đàn điện bằng đàn gỗ.

Một buổi tối, nó bảo tôi:

- Mày đừng bỏ tao nữa. Mày đi, tao chẳng thiết làm gì cả.

Tôi nói:

- Ở với ông ăn bám, tôi ngại lắm.

- Thì mày kiếm việc làm.

- Tôi không biết làm gì cả. Bản chất của tôi là lười.

- Thế giang hồ mày làm gì ?

- Lung tung.

- Giang hồ vui không ?

Tôi kể cho Côn nghe chuỗi ngày theo ông Lý Vô Danh, anh Vương Tần. Nó chép miệng:

- Giá ông bỏ tao yên phận ở ngoài Bắc, tao và mày đi giang hồ thì nhất. Những ngày ở Nhà Hát Tây tuyệt diệu.

Nhắc tới Nhà Hát Tây, tôi chợt nhớ Y Vân. Bài *Lòng mẹ* của nó oang oang vùng trời Sài Gòn. Tác phẩm đầu tay của nó cảm hứng từ sự nổi giận của mẹ nó đập vỡ thùng bát đĩa cổ di cư chẳng ? Để gặp nó tôi phải hỏi nó mới được. Y Vân tung thêm *Người vợ hiền*. Có lẽ, nó đã lấy vợ. Chẳng hiểu thi sĩ nước mắm Hoài Hương còn nằm ở “cũi” trại học sinh Phú Thọ và đã của nổi em Long phốp pháp chưa. Em Long mê đời lính, đã trở thành nữ trợ tá quân đội. Cậu Đặng Trí Hoàn chép thơ Nguyễn Bính tán em, hư bột hồng đường là lô gích. Còn ông văn sĩ Đảng Giao Đỗ Tiến Đức thế nào ? Nghe nói cậu đã ngoạm xong cái tú tài phần thứ nhất. Em Hải đen nay là ca sĩ Diệu Anh thanh sắc vẹn toàn cơ đấy. Nhân tài Nhà Hát Tây bắt đầu trở mã. Nhạc sĩ có cậu Y Vân. Ca sĩ có mợ Diệu Anh.

- Long ạ ...

- Gì ?

- Tao không muốn chết héo trên căn gác xép khốn nạn này. Mày cứ nhìn cái bàn đèn của vợ chồng lão Phương già mà coi.

- Nhìn hoài.

- Tao muốn giang hồ.

- Bỏ ông bỏ cho ai ?

- Gửi tiền về nuôi.
- Giang hồ mà còn lo nuôi bố thì “đẹp như kiếp Bồ ê miên” sao nổi !
- Đi mở lớp dạy đàn.
- Ông tính làm thầy đàn ?
- Ừ.
- Ở đâu ?
- Lục tỉnh.
- Ông bám chốt ở lớp đàn William Chấn vì mục đích ấy ?
- Ừ. Mà còn tập đàn không ?
- Không.
- Tập lại đi. Thằng William Chấn có lối đệm guitare hay lắm. Mà phải giúp tao thoát khỏi cái gác xép khốn nạn này.
- Ờ ờ, để tính ...

Tôi chưa biết giúp Đặng Xuân Côn cách nào thì bà Sa nhờ tôi kèm học ba đứa con gái bà học lớp 1, lớp 2, lớp 3 trường Saint Paul. Tôi có chỗ ăn cơm, chỗ ngủ riêng. Thế là thoát hai tuần lễ ăn bám. Tôi có nghề mới, nghề mà Lê Huy Luyến đã trải qua, đã viết truyện ngắn: *Thầy giáo tư lương*. Một buổi tối, chẳng hiểu bao tử tôi không hợp món gì, bị đau bụng khủng khiếp sau bữa ăn. Hai năm lưu lạc giang hồ, tôi chưa bị bệnh gì cả. Nay bị đau bụng dữ dội, tôi nghiêng rằng chịu đựng. Trong cơn đau, tôi dậy hồn lảng mạn, nghĩ tới một đêm nằm nhà thương thí. Nên nằm nhà thương thí một đêm xem cảm giác nhà thương thí nó thế nào. Tôi đập xe nhân dân ra Sài gòn. Ruột vẫn quặn đau. Tay ôm bụng, chân bước nhanh, tôi vào bệnh viện Đô Thành, tặng phẩm của chú Hỏa. Người nữ y tá trực hỏi lý lịch tôi ghi vô sổ xong. Xong xuôi, cô ta xách mé:

- Bệnh chi ?
- Đau bụng.
- Đau bụng xoa dầu cù là vô rồn là khỏi, tới bệnh viện mất công.
- Tôi trúng thực, đau bụng lắm.
- Xạo ! Trúng thực thì đã lăn kên rồi.

Tuy nhiên, cô y tá khác vẫn khám bệnh cho tôi. Cô ta gõ bụng tôi, cho tôi uống hai viên thuốc.

- Về đi, không sao đâu.

Tôi năn nỉ:

- Cô làm phước cho tôi nằm lại một đêm.

Cô ta lắc đầu:

- Không được.

Tôi đành ôm bụng ra về. Nhờ vậy, tôi hiểu nghĩa *nhà thương thí* và tôi hiểu tại sao đã mất *nhà thương*, chỉ còn bệnh viện, bệnh xá, y viện ... Nhà thương, hai tiếng cao quý, nhân bản ấy đã tuyệt tích trên trái đất này. Tôi lại hiểu điều này nữa, người ta không thể tìm được cái thú thương đau. Nỗi đau thương nó tìm mình, muốn tránh nó, khó mà tránh. Như thế, người ta dễ dàng nhận xét và so sánh giữa đau thương thật và đau thương giả. Với nhà văn, khi đau thương chiếu cố, hãy can đảm chấp nhận và cảm ơn nó. Bởi vì, nó chính là cảm hứng tuyệt vời cho sáng tạo. Không có một tác phẩm văn chương nào được hình thành bằng sự giả dối và gian dối cả. Nhà văn cần thiết phải kinh qua những đắng cay, những tủi nhục của đời sống. Cho nên, nhà văn nào giàu oan khiên nhất, nhà văn ấy phong phú nhất, súc tích nhất, sâu sắc nhất. Và đó mới xứng đáng gọi là nhà văn chuyên nghiệp đủ nghĩa và đầy ý nghĩa.

Rất may, tôi lành bệnh vào sáng hôm sau là sáng một đảng viên Việt Nam quốc dân đảng già, thuộc hệ phái đầu hàng chính quyền, vốn ngưỡng mộ Tổng thủ quỹ Đặng Đình Diễm, đến thăm con ngài là Đặng Xuân Rư, thân phụ Đặng Xuân Côn. Tên vị Việt quốc già này là Hy. Ông Hy cho biết cụ Hoàng Nam Hùng, chủ tịch Hội Việt Hoa, đã được chính quyền Ngô Đình Diễm cho phép tổ chức hai buổi diễn xiếc ở sân Tao Đàn lấy tiền gây quỹ hội. Anh em võ sĩ Woong Bang Phu, Woong Bang Nhan từ Hồng Kông sang biểu diễn các môn uốn sắt nguội, vật ngã bò mộng, kéo hai xe ô tô mở hết tốc độ ... Ông Hy nói Hội Việt Hoa cần một thanh niên khéo nói để quảng cáo xiếc Woong Bang Phu. Tôi được giới thiệu ngay lập tức.

Tôi có thêm nghề mới.

○ ○ ○

Không phải mình tôi là người Việt phụ trách quảng cáo xiếc Woong Bang Phu. Còn thêm Hoàng Văn Thông ¹. Mỗi đứa chúng tôi được trả lương 200 đồng 1 ngày. Thời gian làm việc 10 ngày. Lương trả từng ngày và trả vào buổi sáng lúc đến Hội. Công việc của chúng tôi nhẹ nhàng. Ngồi trên xe gắn loa của Bộ Thông tin, chạy khắp đường phố đông đúc của Sài Gòn, Chợ Lớn, chúng tôi thay phiên nhau “Alô, Alô ... Chú ý, Chú ý ...”, rồi thông thả đọc bài quảng cáo xiếc Woong Bang Phu đã viết sẵn. Chúng tôi làm việc theo giờ công chức. Ngày thứ ba, Thông và tôi khiêng một bao bố vé vô cửa đến Tòa Đô Sát đóng dấu. Hai đứa đóng dấu mỗi tay, một phờ râu ông cụ. Có ba loại vé: 40 đồng, 60 đồng và 100 đồng. Mỗi cuốn 50 tờ vé. Chúng tôi đóng dấu “thông tầm”, quên ăn cơm trưa. Dem về Hội, cụ Hoàng Nam Hùng thưởng công mỗi đứa 2 cuốn loại vé 60 đồng và 40 đồng. Cụ bảo tự do bán lấy tiền mà tiêu. Hội Việt Hoa coi bộ mập và chịu chơi.

Ngày thứ tư, chúng tôi tiếp tục “Alô, Alô”. Tôi thông thêm câu:

- Vé bán tại đây. Đồng bào mua sớm sẽ được bớt 20 phần 100.

Nhờ “câu thông”, tôi bán hết veo số vé cụ Hùng thưởng công, bỏ túi 4000 đồng bạc lương thiện. Hoàng Văn Thông tiếc hùi hụi, vì anh chàng biểu bạn hữu, bà con, nhà vợ lấy le hết trội. Giá cụ chủ tịch thưởng công hai chục cuốn vé, cụ vĩ đại nhất trần gian. Nhưng mà 2 cuốn vé đã đẹp rồi. Chủ tịch thế mới là chủ tịch chứ. Ngày thứ mười, lĩnh lương xong là về nhà. Tôi không thiết xem Woong Bang Phu. Thằng này đã chơi trò kéo xe ở Hà nội, mới mẻ gì. Tính ra tôi có 6000 đồng, ăn tiêu dè sẻn vẫn còn 5700 đồng. Tôi biếu thân phụ Đặng Xuân Côn 500. Buổi tối, khi Woong Bang Phu chơi xiếc, tôi rủ Côn đi ăn tiệm. Tôi đưa cho Côn 5000 đồng nhét trong phòng bì:

- Tặng ông để mua cây đàn điện.
- Ở đâu ra nhiều thế ?
- Quảng cáo xiệc Woong Bang Phu.
- Tao có thể dọn nhà đi chỗ khác.
- Tùy ông.

Côn thuê căn nhà trong hẻm đường Phan Thanh Giản gần hiệu ảnh Mạnh Đan. Căn nhà gỗ, mái tôn có gác lửng và cầu tiêu riêng. Nó tậu ngay cây đàn Hạ uy di điện và ampli. Vào dịp này, bà Sa giới thiệu tôi một chỗ dạy học rất tốt, trong Chợ Lớn. Gia chủ là em ruột bà, chồng đeo lon trung úy, phục vụ tại Tổng tham mưu. Tôi kèm hai đứa trẻ lớp ba, lớp nhì học trường tiểu học Chợ Quán, ngày hai tiếng, tháng 600 đồng. Có tiền đưa cho bà dì ghê của Côn, bữa cơm vui vẻ và ăn đỡ nghen. Chúng tôi nổi lại những ngày vui Nhà Hát Tây. Đồng Văn Khải mò về. Nó bảo rời “chiến khu”, nó ra thị xã làm thông ngôn cho thằng Barwick nào đó xếp chúa International Voluntary Service, mà nó quen gọi tắt là Ai-vi-ét, ở Ban mê thuật. Tôi chẳng thèm hỏi nó tại sao có chỗ tiến thân tốt, trau dồi Anh ngữ trừ danh mà nó lại bỏ về Sài gòn. Tôi không biết nó làm nghề gì, nhưng có tiền nộp cơm tháng. Côn chịu khó tập đàn. Bài tử của nó là Hilo march. Nó khoái chơi *Ngày về, Suối mơ, Đàn chim việt*. Tiếng đàn của nó nũng nịu, lẳng lơ. Nó láy, nó vuốt tình tứ ra trò. Côn chơi đàn gỗ cũng hay. Nó đã chép 50 bài dạy của William Chấn. Côn có âm mưu thầy đồn rõ rệt. Đồng Văn Khải nổi hứng ... sáng tác. Nó làm thơ tự do đua với Thanh Tâm Tuyền. Nó đưa cho tôi xem bài *Bức họa màu đen* của nó. Tôi còn nhớ mấy câu:

*Bức họa màu đen
treo ở công trường
hình chữ S
ngòn ngoè
tháng năm đói rét*

...

*Chúng nó không ăn cơm
mà đòi thu thóc
mẹ già váy rách trơ xương
Chúng nó nhảy đầm
trên bãi tha ma
xương kêu răng rắc*

Thơ tự do của Đồng Văn Khải ghê hơn thơ Thanh Tâm Tuyền. “Ô tô, xe tăng, mũ sắt”. Nó ra lệnh khiếp đảm:

*Họa sĩ
lên rừng mà vẽ khỉ
ra biển mà vẽ cá*

*Nhạc sĩ
về ruộng mà nghe nhạc đất
xuống ao mà nghe lời bùn*

Thi sĩ

*hãy làm thơ như ngọn roi
quất hần lưng nô lệ
hãy làm thơ như lưỡi lê
đâm chảy máu tự do*

Nó có cả một “cạc táp” thơ tự do.

- Mà ảnh hưởng Duy Dân.
- Không, Eluard, Paul Eluard.

Nó lôi tập thơ của thi sĩ kháng chiến Tây ra.

- Paul Eluard.
- Mà biết Eluard là đảng viên cộng sản không ?
- Tao chỉ biết hán chống phát xít như tao chống Mỹ !
- Duy Dân đứt đuôi rồi.
- Bộ, Duy Dân độc quyền chống Mỹ à ?
- Vậy mà cộng sản.
- Duy Dân và cộng sản cùng chống Mỹ, thằng nào cũng đòi độc quyền, lạ quá ! Tao là tao, không Duy Dân, không cộng sản, không quốc gia con mẹ gì cả. Tao là người Việt Nam thuần túy, người Việt Nam nguyên thủy đêch có nhãn hiệu.
- Tư tưởng có tiến bộ.
- Tùy mà hiểu.
- Tại sao mà theo école Thanh Tâm Tuyền.
- Nguyễn Đình Thi mới là người làm thơ tự do đầu tiên ở Việt Nam. Mà đọc thơ tự do của Nguyễn Đình Thi chưa ?
- Chưa.
- Mà hát bài *Du kích quân* của Đỗ Nhuận chưa ?
- Rồi.
- Đỗ Nhuận phổ thơ tự do của Nguyễn Đình Thi đấy.

Nó khoái chí đọc:

*Anh em
trong đoàn quân
du kích
Cùng vác súng
lên đường
Đi lên*

Đi lên
Xuyên qua rừng
qua núi
qua mây mờ
đêm tối
vượt suối
bằng ngàn
Giặc tiến tới đây
Súng kia
cướp lấy
Nhắm
Bắn
Mỗi viên
mỗi tên thù

Tôi nói:

- Có vẻ khác lời trong nhạc Đỗ Nhuận.

Nó giải thích:

- Phổ nhạc phải thêm vào bớt đi. “Súng kia cùng nhau cướp lấy. Nhắm cùng nhau bắn. Mỗi viên là mỗi quân thù”.

Tôi khen:

- Mày thuộc école Nguyễn Đình Thi.

Đồng Văn Khải tức lắm. Nhưng căn nhà tôi không phải chỉ có nhạc sĩ Hạ uy cầm Đặng Xuân Côn, thi sĩ tự do Đồng Văn Khải, mà còn, trước cửa, bà nội cô bé Ngọc Anh và cô bé Ngọc Anh bé tí ti, dễ thương vô cùng. Bây giờ, cô bé Mai chưa là Khánh Ly và, dĩ nhiên, tôi chưa là nhà văn. Tôi còn đang lặn lội và cô ta còn là “nụ tầm xuân phong nhụy”. Cô bé Mai, mỗi sáng chủ nhật, về thăm bà, thăm em. Cô ta ở với mẹ, với chị. Cô ta đi vélosolèx, mặc jupe trắng, pull vàng hay nhìn tôi cười tít mắt. Còn cô bé Ngọc Anh lại hay bắt tôi kể chuyện cổ tích, hay thọc tay vào túi quần tôi tìm kẹo. Hễ không thấy kẹo, cô bắt nững nịu bắt đền. Giá tôi là Nguyễn Bính, tôi đã có bài thơ *Hoa và rượu* thật dài.

Cuộc sống ở con ngõ này, đối với tôi, thật bình yên. Bình yên và tẻ nhạt. Tôi thêm những ngày no ý nghĩa đời trên nẻo đường có mục đích như những ngày ở với ông Lý Vô Danh và anh Vương Tàn. Tôi lại nghĩ chuyến đi bất ngờ nào đó, ngày mai, chuyến đi khác hẳn chuyến đi từ Trần Hưng Đạo qua Phan Thanh Giản. Tôi có một kỷ niệm buồn cười ở gác xép số 550 đại lộ Trần Hưng Đạo. Bà vợ bé của ông Đặng Ngọc Lâm thường giã cua, lọc nước, pha mắm muối buổi chiều, sáng sớm hôm sau mới nấu rồi gánh luôn ra chợ. Tôi đâu biết gì. Đạo đó, nước máy chảy rì rì, không thể tắm mỗi tối. Trước khi đi ngủ, Côn và tôi rửa mặt, lau mình mấy, đôi cặp chung một chậu nước nhỏ. Tôi muốn dùng nước dọ để mai xối cầu tiêu, bèn đổ vào cái nôi lớn quên đây nắp gần đó. Mùi mắm tôm xông lên nồng nặc.

- Bỏ mẹ ! Côn hốt hoảng.

- Cái gì ? Tôi hỏi.

- Nồi bún riêu của bà cữu Lâm !

Tôi vội vàng bê nồi bún riêu trút đầy thau rồi bê thau nước bún riêu vào cầu tiêu ... xối cầu tiêu. Chiều hôm sau, giả vờ hỏi thăm bà cửu Lâm xem có đắt hàng không, bà bảo bữa nay bán hết sớm và khách khen ngon, lạ miệng. Con và tôi phì cười. Nồi bún riêu đầy cáu ghét của bà cửu Lâm đã khiến tôi suy nghĩ, bây giờ. Người đời mê muội như khách ăn bún riêu của bà cửu Lâm thôi. Cứ khen cái giả, chê cái thật; hít hà mùi thối, khinh rẻ mùi thơm. Cho nên, điều thiện bị điều ác khuynh loát và sự gian dối phủ kín lương tri của cả phán quan. Riết rồi, phán quan tình nguyện đồng lõa với kẻ đê tiện nhất.

Đặng Xuân Côn tập đàn không biết mệt mỏi. Ăn cơm chiều xong, nó đạp xe lên ngay William Chấn, ngồi xem Chấn dạy đàn để học lóm các ngón nghề. William Chấn rất quý mến Côn, nhưng nó không chịu truyền cho Côn và bất cứ môn đệ nào của nó vài “chiêu thức” nhân và láy thần sâu của nó. William Chấn mà chơi *Suối mơ*, các em nghe sẽ mê mẩn tâm thần. Nó chơi Swing, các thợ thịt người thường ngoạn lay động. Còn khi nó xoay “bu tông” giả tiếng violon, mấy tay vĩ cầm 10 năm đi chỗ khác chơi. Nó sai Côn dạy đàn gỗ cho học trò mới của nó, nhờ Côn chép nhạc, không lấy tiền học phí của Côn. Còn truyền ngón tử, đừng hòng William Chấn. Tôi kèm trẻ học buổi tối, hết giờ dạy cũng ra ngồi ở lớp nhạc William Chấn. Nhờ thế, tôi quen rồi chơi thân với Đỗ Ngọc Cư, Đỗ Trọng Thủy (con trai Hiền Nhân Đỗ Trọng Quỳnh, bỏ nhà vô Nam như tôi), Dương Hải Trân, Nguyễn Đông Ngạc ², Nguyễn Ngọc Quế, Lê Quý An, Nguyễn Hữu Vũ (con trai lớn của cụ Văn, hiệu trưởng Chu Văn An). William Chấn bảo Đặng Xuân Côn chơi Hạ uy cầm hay hơn đệ tử của nó là William Shang đã có lớp dạy nhạc ở Sài gòn. Nó nhận định rằng lý thuyết âm nhạc của Côn rất vững. Và nó khuyến khích Côn mở lớp nhạc xa Sài gòn thì sẽ thành công. Côn phản khởi lăm. Nó xuống Mỹ Tho, xin phép ông Tỉnh trưởng Nguyễn Trân mở lớp đàn. Cầm giấy phép về Sài gòn, Côn khoe bạn bè. Nguyễn Đông Ngạc tặng cây guitare mới toanh chế tạo tại Hòa Lan. Nguyễn Xuân Nhân biếu một cây đàn thật tốt. Dương Hải Trân, Đỗ Trọng Thủy, Đỗ Ngọc Cư xoay thêm vài cây đàn cũ. Thế là đủ. Nguyễn Hữu Vũ vẽ hàng chục bức tranh phong cảnh Hạ Uy Di cỡ bìa lịch để treo quảng cáo lớp đàn Hương Duyên “chuyên dạy ký âm pháp và thực hành Tây ban cầm, Hạ uy cầm” tại các hiệu sách, các cửa tiệm kim hoàn của thị xã Mỹ Tho. Bà Nguyễn Văn Sa in phước thiện giấy quảng cáo.

Ăn Tết xong, chúng tôi chở đàn lên xe lửa, xuống Mỹ Tho lập nghiệp ... giang hồ. Côn bỏ Nhà Bàng Hồng Kông Thượng Hải. Tôi bỏ nghề thầy giáo tư lương.

o o o

Lớp đàn định khai trương vào ngày đầu tháng 3-1958 thì giữa tháng 2, chúng tôi được Ty định cư Mỹ Tho thuê giúp vui cho buổi lễ địa phương hóa trại định cư Ba Bèo. Ty định cư muốn chúng tôi “bao” luôn ca sĩ ! Thầy đồn bắt đắc dĩ trở thành nhà tổ chức ... đại nhạc hội Ba Bèo. Một bèo đã đủ thảm, ba bèo thì lênh đênh quá xá. Tôi phải về kiếm Y Vân xoay cho tôi hai em ca sĩ hạng cà là dĩ vì ca sĩ deluxe nghe hai tiếng Ba Bèo các cô sẽ tưởng hát cho nhà hàng bán bánh xèo, sẽ chửi um lên. Y Vân bảo không quen bắt cứ ca sĩ cà là dĩ nào. Vậy tôi nhờ Nguyễn Đông Ngạc giới thiệu với em ca sĩ tài tử của cư xá Hỏa xa, đường Nguyễn Kim. Nàng tên là Hoa, con gái cưng của ông kỹ sư hỏa xa. Em Hoa rất đảm. Em nhận lời ngay, dù hát mãi tận Ba Bèo mù mịt. Em Hoa người Sài gòn, không đẹp nhưng dễ thương. Vớ được em Hoa, tôi mừng quính, đi tìm em Phú với “ca danh” Thiên An. Em Phú, dân Thái Lộ, quen thân với gia đình Đặng Xuân Côn, em hơn tôi vài tuổi, từng bán hàng xén ở chợ thị xã Thái Bình, vô Sài gòn, em làm cán bộ thông tin và chuyên đi hát tại các sân khấu lộ thiên Khánh Hội, Thị Nghè, Phú Nhuận, ngã ba Ông Tạ giúp vui quần chúng. Em Phú trông khá mượt. Em vui vẻ nhận lời xuống Ba Bèo. Đỗ Trọng Thủy giới thiệu thêm hai “ca sĩ” học trò đã biểu diễn tài nghệ ở các buổi liên hoan tất niên của trường Chu Văn Anh, Nguyễn Trãi. Ở cái garage của nhà em Hoa, Nguyễn Đông Ngạc và tôi đặt “ca danh” cho các ca sĩ Ba Bèo, soạn chương trình và tập hát. Chúng tôi làm việc liên tiếp một tuần lễ. Cuối cùng, chương trình “đại nhạc hội” Ba Bèo của chúng tôi như sau:

1. *Vùng tự do* của Thanh Bình, hợp ca.

2. *Gửi người lạc hướng* của Nhật Bằng, đào Phú, tự ca sĩ Thiên An ca.
3. *Dư âm* của Nguyễn Văn Tí, kếp Tiến, tự ca sĩ Ly Hương ca.
4. *Lòng mẹ* của Y Vân, em Hoa, tự ca sĩ Thiều Dương ca.
5. *Sông Bến Hải* của Thu Hồ, kếp Mộc, tự ca sĩ Bình Bắc ca.
6. *Hilo March*, Đặng Xuân Côn biểu diễn lục huyền cầm Hạ uy di.
7. *Về miền Nam* của Trọng Khương, hợp ca.
8. *Chiến sĩ của lòng em* của Trịnh Văn Ngân, Thiên An ca.
9. *Nỗi lòng* của Nguyễn Văn Khánh, Ly Hương ca.
10. *Trở về bến mơ* của Ngọc Bích, Thiều Dương ca.
11. *Hận ly hương* của Anh Hoa, Bình Bắc ca.
12. *Khúc ca ngày mùa* của Lam Phương, tôi, tự ca sĩ Phong Sa ca.

Về đơn ca, mỗi ca sĩ “dự trữ” thêm một bài, nếu được dân định cư Ba Bè “bít, bít”. Riêng ca sĩ Phong Sa, tức là Gió Cát, có thể chơi thêm bài Sơn Đông bán thuốc sán lải “Quê hương tôi cái mừng lại kêu cái mần”. Ngày 24 tháng 2-1958, gánh hát của tôi đáp xe lửa xuống Mỹ Tho. Ty định cư gửi “nghệ sĩ” nghỉ ngơi tại biệt thự Hương Lan, đường Alexandre de Rhodes. Chúng tôi được lại trọn ngày 25 và sáng sớm 26, chúng tôi lên xe hơi vào Ba Bè. Chúng tôi hoàn toàn thất bại mà lại thành công lớn. Là bởi vì Ba Bè không có điện, cũng không có máy phát điện. Ty định cư quên khuấy điều này. Chúng tôi thiếu may mắn ... Y Vân ! Dù Ty định cư năn nỉ xúi bột mếp, chúng tôi vẫn không chơi nghệ thuật thiếu điện. Ty định cư đành xin lỗi và đưa chúng tôi về gấp thị xã. Chúng tôi ngao du. Tôi là kẻ béo nhất vì có mối “tình nghệ sĩ” với đào Phú. Đào Phú, tức ca sĩ Thiên an tình nguyện bỏ “đoàn”, không thèm về Sài gòn hôm 27. Đào ở lại Mỹ Tho chơi. Đào bảo đào muốn “hỗ trợ tinh thần” cho lớp đàn của chúng tôi ngày “khai trương”.

Đào Phú và tôi ngoạn cảnh Mỹ Tho. Chúng tôi đã đứng trên cây cầu mà Xuân Diệu đã đứng để tìm cảm hứng làm thơ. Ngày “khai trương”, chẳng có móng học trò nào, vì chưa đưa nào thêm ghi tên đóng học phí. Ngồi ngáp vặt chờ học trò ghi tên đâm ra chán nản, tôi rủ đào Phú ra Trung Lương, vào thăm các vườn mận. Rồi chúng tôi đi Gò Công, sang Bến Tre. Vẫn chưa có học trò. Đào Phú xách hành lý rời biệt thự Hương Lan, thuê phòng ở khách sạn trước cửa nhà ga. Đào và tôi biểu diễn những cá khúc mây mưa. Qua một tuần lễ, sợ bị đuổi sở, đào ga tôi về Sài gòn sống với đào. Đào hứa sẽ nuôi tôi bằng giọng hát “hội diễn quần chúng” của đào. Tôi lắc đầu. Thế là đào lên xe lửa. Tôi ở lại.

Lúc ấy, tay vĩ cầm Phạm Vĩnh, em ruột của tay vĩ cầm Phạm Nghệ cũng mò xuống Mỹ Tho mở lớp đàn. Chúng tôi bị cạnh tranh nghề nghiệp. Phạm Vĩnh ở đầu phố, chúng tôi ở cuối phố, tôi ngày gặp nhau ở quán cà phê giữa phố. Nhờ đói học trò, chúng tôi quên nhau. Rồi thân nhau.

- Lớp ông có thằng học trò nào chưa ?

- Chưa.

- Bộ, người ta không thích vi-ô-lông à ?
- Thích chứ, thích lắm chứ. Nhưng họ cứ đòi học kéo 6 câu vọng cổ ! Còn lớp của các ông ?
- Chẳng khứa nào đến hỏi gì cả.
- Tại Hạ uy di khác Thủ phong nguyệt đấy.
- Có lẽ.
- Cuối tháng tôi về Sài gòn.

Cuối tháng 3-1958, Phạm Vĩnh khuôn đồ nghề giã biệt Mỹ Tho. Chúng tôi kiên nhẫn chờ thu nạp môn đệ. Đầu tháng có thằng tới ghi tên nộp học phí liền. Nó học guitar. Vì nó làm nghề thợ mộc, tay cứng đờ nên nó tập đàn thật vất vả. Được tuần lễ, nó bỏ học. Chúng tôi có thêm thằng học trò khác, hể hết giờ là vắn giầy đàn chùng xuống, ngồi đánh vọng cổ ! Giữa tháng, có hai em y tá bệnh viện Mỹ Tho, dân Bắc Kỳ, ghi tên học đàn Hạ uy di buổi tối. Hai em học đàn ít mà ham đấu láo với thầy đồn nhiều. Lại còn mời thầy đi ăn cơm và đến nhà trọ các em chơi. Thấy nghề thầy đồn hồng rồi, Côn và tôi quyết định chuồn. Sáng sớm tinh mơ một tháng đầu tháng 4, chúng tôi thuê xe ba bánh, chở đàn ra ga, rút lui âm thầm cho bớt xấu hổ. Về Sài gòn, Côn bán hết đàn, bán luôn đàn điện. Từ đó, nó quên chuyện âm nhạc. Còn tôi, tôi lại nhờ bà Sa kiếm chỗ kèm trẻ.

o o o

Thầy đồn Đặng Xuân Côn vỡ mộng giang hồ kiếm tiền gửi về nuôi bố già và dì ghẻ. Mẫn Tử Khiên đã ở lại thì Đặng Xuân Côn phải ở lại. Nó nằm nghỉ dưỡng sức, chẳng thiết kiếm việc mới. Chúng tôi vẫn còn giữ căn nhà trong hẻm đường Phan Thanh Giản. Tôi có chỗ làm việc liền. Hai chỗ lận. Chỗ thứ nhất ở đại lộ Trần Hưng Đạo, số lẻ, gần nhà bà Sa. Tôi kèm hai đứa trẻ con ông thượng sĩ lái xe cho tổng thống Ngô Đình Diệm. Đứa con gái lớn, con riêng của vợ ông ta. Đứa trai nhỏ, con chung của hai người. Vợ ông ta buôn bán. Bà này đem hàng hóa Sài gòn qua Lào và đem hàng hóa Lào về Sài gòn. Bây giờ tôi mới cảm cảnh “thầy giáo tư lương”. Như Lê Huy Luyện đã viết những kỷ niệm chưa chat về anh “pờ rê xép to”, tôi y hệt. Dạy học chỗ này, tôi “được” nghỉ dài dài. Vừa vác mặt tới đã bị sên nương chặn cửa: “Bữa nay cô cậu không thích học, cậu giáo ạ !”. Thỉnh thoảng, “được” mang về mấy ký lô thịt nai, bỗng lộc săn bắn của ông cố vấn Ngô Đình Nhu, ăn không hết, người ta cho tôi. Tháng sáu trăm bạc lương bị “thầu” hai chủ nhật dẫn cô cậu học trò đi xem xi nê ma ! Chỗ thứ hai, “thầy giáo tư lương” được kính trọng hơn, ở đường Cô Bắc. Tôi dạy ba cô bé thi vào lớp nhất trường Tôn Thọ Tường. Ba cô bằng tuổi nhau nhưng một cô là dì hai cô kia, nhà có hiệu thuốc Bắc, đường Nguyễn Cư Trinh. Cô Vinh là con riêng bà chủ. Cô Ngà là con nuôi của ông bà chủ. Cô Dung là dì ruột cô Vinh. Ông chủ hiện đang nằm ấp Chí Hòa chung vụ ông Nguyễn Văn Sa. Cô Ngà học rất chăm. Hai cô kia chỉ thích nghe kể truyện phim. Dạy hai chỗ mỗi tháng tôi có 1300 đồng. Khi bà Sa giới thiệu tôi chỗ mới, ở góc Công Lý – Phan Đình Phùng, số chẵn, lương tháng 1000 đồng, tôi bỏ hai nơi trên. Học trò mới của tôi gồm 4 đứa, con của ông Bí thư của quốc trưởng Bảo Đại đã theo quốc trưởng sang Pháp lâu, lấy vợ mới, không về nước nữa. Bà vợ sống tại căn biệt thự khá sang, nghiện thuốc phiện, thường nằm bên đèn tại gia hút chung với ký giả Thiếu Lăng Quân của báo *Sài gòn mới*. Cô gái lớn lấy chồng Pháp, rất dễ thương và lịch sự. Cậu con trai gửi học tận Đà Nẵng, về Sài gòn nghỉ hè. Tôi kèm cậu này môn toán học lớp đệ ngũ, hai cô em gái cậu ta và một cậu em út của cậu ta. Cậu lớn vốn lười nhưng tử tế lắm. Cậu ta nói thẳng với tôi rằng cậu ta không thiết học và nhờ tôi dạy cậu viết thư cho gái, vì cậu có “bồ” ở Đà Nẵng. Cậu thích thể thao và âm nhạc. Cứ hỏi tôi có quen Tô Kiều Ngân không để dẫn cậu đi học thổi sáo. Cậu giới thiệu tôi với Georges, con trai út của luật sư Trịnh Đình Thảo, gần nhà cậu. Georges yêu tôi, cho tôi mượn cái xe đạp “cuộc” mới toanh. Chúng tôi thường đi chơi

với nhau. Hết hè, cậu trở ra Đà Nẵng, tặng tôi cây đàn thật tốt của chị cậu. Tôi nghỉ dạy ở đây, không có dịp gặp Georges nữa. Mười năm sau, cậu học trò thư tình của tôi trở thành tay thổi sáo hay nhất miền Nam. Khi ấy, tôi đã thành nhà văn.

Thất nghiệp, tôi hay đi lang thang. Tôi không muốn gặp đàn anh Duy Dân nữa. Thế mà, tình cờ tôi lại gặp đàn anh Trần Tiến. Anh ta mời tôi đi ăn cơm và hỏi tôi có bạn thân nào biết đánh máy chữ nhanh, trình bày đẹp. Tôi giới thiệu Đặng Xuân Côn. Anh ta nhờ Côn. Hai người có những cam kết gì, tôi không biết. Côn đánh máy *Chu tri lục*, thơ Lý Đông A và tài liệu học tập của Duy Dân. Tháng 10-1958, Côn lên Ban mê thuật phục vụ tại Nông Cự Cơ Giới của chính phủ. Tôi vẫn ở căn nhà trong hẻm đường Phan Thanh Giản.

Côn đi, tôi thường rong chơi với Đỗ Trọng Thủy vì nó có cái Cibao máy Sachs. Nó bỏ trường Cao đẳng Mỹ thuật, ngày ngày la cà các quán cà phê. Quán chị em cô Ánh ở hẻm Sáu Lèo là nơi tụ tập của chúng tôi. Nhờ Nguyễn Đông Ngạc, Dương Hải Trân “viện trợ kinh tế” nhỏ giọt, tức là mỗi tuần dúi cho tí tiền cơm, tôi không cần làm “thầy giáo tư lương” nữa. Đã lâu, tôi không theo dõi sinh hoạt văn nghệ, báo chí Sài gòn. Chỉ mang máng biết vài điều đơn sơ. Như Mai Thảo đã cho xuất bản *Đêm giã từ Hà nội*, Thanh Tâm Tuyền cho xuất bản *Tôi không còn cô độc*, Nhật Tiến cho xuất bản *Thềm Hoang*, Thanh Nam, Huy Sơn đều đã tung ra tác phẩm mới. Đặc biệt một tiểu thuyết gia mới trình làng, hứa hẹn gây nhiều sôi nổi là Văn Quang. *Trên vĩa hè Sài gòn* của Triều Đầu đã bày bán. Nguyễn Đức Quỳnh ký bút hiệu Hoài Đồng Vọng ném vào thị trường chữ nghĩa *Ai có qua cầu ...* Nhật báo *Tự Do* thay đổi lớn: Tam Lang, Mặc Đỗ, Mặc Thu, Đinh Hùng ra đi. Như Phong ở lại làm thư ký tòa soạn ký tên cúng cơm Lê Văn Tiến và viết trường thiên tiểu thuyết *Khói sóng* ký bút hiệu Lý Thăng. Nguyễn Hoạt thay thế Tam Lang rồi Tchyra Đái Đức Tuấn (phiếm luận ký Mai Nguyệt) phụ trách mục “Nói hay Đừng”, ký bút hiệu Hiếu Chân. Chủ nhiệm *Tự Do*, bây giờ, là Phạm Việt Tuyền, người của Sở nghiên cứu chính trị. Nhật báo *Tự Do*, “tiếng nói của người di cư chống cộng” do bác sĩ Bùi Kiến Tín tài trợ biến hóa thành “tiếng nói của người Việt tự do” do Sở mật vụ chi viện. Hà Thượng Nhân thế chỗ Thần Đăng. Tạp chí *Sáng Tạo* đã dựng bằng hiệu. Nhóm Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng thành lập *Quan Điểm* nhật báo và xuất bản. Mặc Đỗ ra mắt *Siu cô nương*, *Bốn mươi*. Vũ Khắc Khoan ra mắt *Thần tháp rùa*. Ngọc Dũng, Duy Thanh triển lãm tranh. Dương Nghiễm Mậu xuất hiện ! Doãn Quốc Sĩ xuất hiện ... Không khí văn nghệ di cư ồn ào. Nhất Linh xuống núi tái bản *Phong Hóa Ngày Nay* nhằm giới thiệu “hậu duệ” của Tự Lực Văn Đoàn là Duy Lam, Nguyễn Tường Hùng. Nhất Linh thất bại, *Tân Phong* kế tiếp, nhưng vẫn không bắt kịp những xao xuyến của thời đại. *Sáng Tạo* hội thảo bàn tròn xóa bỏ đàn anh và công kênh lẫn nhau. Duy Lam viết về hiện tượng Mai Thảo mặc áo dài, khăn đóng thắp hương khấn vái Thanh Tâm Tuyền và ngược lại ... Nguyễn Văn Trung từ Pháp về nhận định văn nghệ. Hoàng Anh Tuấn từ Pháp về làm thơ. Tạ Ký xuất bản thơ. Võ Phiến in truyện ngắn. Nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng ấn hành *Bếp lửa* của Thanh Tâm Tuyền và *Đem tâm tình viết lịch sử* của Nguyễn Mạnh Côn ... Ấy đó là những điều tôi biết đơn sơ và lơ mơ về sinh hoạt văn nghệ, báo chí Sài gòn.

Một buổi chiều cuối tháng 10, Dương Hải Trân rủ tôi đi xem phim *Vacances Romaines* ở rạp Vĩnh Lợi. Phim của đạo diễn William Wyler, truyện phim của ông luôn. Tài tử chính là Gregory Peck và Audrey Hepburn. Tôi không cần chú ý tới ý nghĩa sâu sắc của phim, tới một chuyện tình đẹp giữa anh chàng ký giả nghèo sắp bị chủ đuổi sở và nàng công chúa nước Anh. Mà chỉ theo dõi anh chàng nhà báo Bradley (nếu tôi nhớ tên anh ta không lầm) và bạn anh ta, phóng viên nhiếp ảnh mập thù lù.

Bradley làm cho một hãng thông tấn. Anh ta nghèo và đang bị đe dọa thất nghiệp. Thời gian này, công chúa Anne công du La Mã. Chán cảnh vương giả tù túng, tiệc tùng, họp báo, công chúa Anne trốn khỏi Tòa đại sứ đi chơi khắp phố phường La Mã như một dân bụi, túi không đồng tiền nào. Mật vụ Anh có nhiệm vụ tìm kiếm công chúa. Tin lọt ra ngoài. Báo chí săn đuổi con mồi ngon, ráo riết hơn cả mật vụ. Bradley được chủ ra lệnh theo dấu chân của

công chúa Anne với lời hứa hẹn nồng nhiệt rằng, nếu anh ta có một bài tường thuật xác thực, anh ta sẽ không lo đuổi sở và lương anh ta sẽ được tăng. Bradley hứng thú lắm. Tình cờ, anh ta gặp công chúa Anne. Bradley bèn vội vàng gọi cho người bạn phóng viên nhiếp ảnh của mình, không quên dặn mang theo nhiều phim và nhiều tiền mặt. Bradley làm quen với công chúa Anne, dẫn nàng ngao du La Mã. Anh ta lái Vespa, công chúa Anne ôm anh ta sát khít. Công chúa lái Vespa, chạy vung vít, cười hồn nhiên, sợ hãi hồn nhiên. Ở bất cứ chỗ nào công chúa xuất hiện cạnh chàng nhà báo Mỹ nghèo, anh phóng viên nhiếp ảnh đều thụ hết vào ống kính. Món bở. Bradley phải đánh nhau với mật vụ, cùng công chúa chạy trốn. Một đêm luân lạc, công chúa nằm cạnh chàng nhà báo ngoài trời. Họ hôn nhau đắm đuối ... Rồi Bradley đưa công chúa về Tòa đại sứ Anh ở La Mã bình yên. Buổi họp báo của công chúa, báo chí quốc tế có mặt đông đủ. Bradley và người bạn nhiếp ảnh cũng hiện diện. Người ta đặt nhiều câu hỏi. Đến câu hỏi :

- Thừa công chúa, công chúa đã công du nhiều nơi, nơi nào công chúa thích nhất ?

Sứ thần cố vấn ghé sát tai công chúa:

- Mỗi nơi có một ...

Công chúa không nghe. Nàng nói bằng giọng xúc động:

- La Mã ...

Rồi nàng bước xuống bắt tay các ký giả. Nàng xiết chặt tay Bradley. Khi nàng bắt tay phóng viên nhiếp ảnh, người phóng viên này tặng nàng một phong bì lớn đựng đầy ảnh và phim:

- Xin công chúa giữ làm kỷ niệm.

Nàng chớp mắt:

- Cám ơn ...

Bradley là nhà báo rời Tòa đại sứ Anh sau chót. Tiếng giày buồn thảm của chàng nện trên nền đá lát nghe thấm vào cô đơn. Cánh cửa khép lại.

Nhà báo Bradley sẽ bị chủ cho nghỉ việc. Chắc chắn như thế. Vì anh ta không viết bài tường thuật mà một đời làm báo chỉ có một lần. Chẳng phải anh ta kính trọng một tình yêu thoáng qua trong đời sống hư ảo. Mà bởi lương tâm chức nghiệp không cho phép anh ta lợi dụng sự hồn nhiên vô tội của công chúa Anne mà làm nhục danh dự của công chúa. Nhà báo Bradley cao thượng. Người phóng viên nhiếp ảnh cao thượng. Đạo diễn William Wyler đã viết thêm chương mới vào Nghĩa vụ luận của nghề báo. Không tường thuật gian dối, không bịa đặt, thêm bớt trong tường thuật, phỏng vấn, chưa đủ. Còn phải biết ước lượng hậu quả của ngòi bút mình giáng xuống người vô tội. Nếu Bradley viết bài tường thuật kèm theo hình ảnh, số phận công chúa Anne ra sao ? Nàng can tội làm nhục quốc thể, làm nhục hoàng gia. Nàng có tội gì đâu nhỉ ? Như mọi người, như con người bình thường và là con người đích thực, nàng muốn hưởng tự do, nàng muốn biết tự do, nàng muốn hồn nhiên, cười nói, ăn uống, đi đứng tự do. Và nàng muốn chặt đứt những hệ lụy vương giả, những xiềng xích ngoại giao giả tạo, dấu chỉ khoảnh khắc. Và đó không phải là “xì căng đan” chính trị. Nhà báo Bradley và bạn của anh ta không thể xoa dịu lương tâm mình bằng ... sự thật. Không, có những sự thật cần được lãng quên bằng sự khoan dung, bằng lòng đại lượng. Nhà báo có tâm hồn không nở kiêu ăn bằng “xì căng đan”, bằng sự ê chề, tủi nhục của người khác.

Tôi yêu nhà báo Bradley và người phóng viên nhiếp ảnh. Cùng với ông nhà báo trong Giông tố của Vũ Trọng Phụng, Bradley và phóng viên nhiếp ảnh của William Wyler là thần tượng

của tôi. Cả ba dạy tôi bài học về lòng can đảm và tâm hồn cao thượng của nhà báo, của nghề viết báo. Hơn bất cứ nhà báo nước nào, ở thời đại chúng ta, nhà báo Mỹ cần được soi sáng bởi lương tâm nghề nghiệp của nhân vật điện ảnh của William Wyler. Để khỏi mất công phản tỉnh và trần tình như phóng viên nhiếp ảnh đã bán tấm ảnh ông Nguyễn Ngọc Loan bắn tù binh. Tôi mê Bradley và tôi nôn nóng sớm trở thành nhà báo. Nhưng niềm say mê của tôi chưa rục lửa, chưa biến thể sang đam mê. Và tôi cũng chưa biết mình vào làng báo bằng cách nào.

- 1 Sau này là công chức, phục vụ ở Trung tâm Quốc gia Điện ảnh, “tà loọc” của giám đốc Đỗ Tiến Đức.
- 2 Nguyễn Đông Ngạc, về sau, dạy học, viết văn, xuất bản. Nó đã xuất bản cuốn sách vĩ đại thời đó về số trang: Những truyện ngắn hay nhất của quê hương ta.

Đầu tháng 12-1958, sau khi đã chán ngán cái giai cấp trưởng giả thật và trưởng giả rởm ở những nơi tôi kèm trẻ, sau khi đã mệt mỏi quán cà phê này qua quán cà phê kia, tôi sang Khánh Hội. Tôi thấy tôi gần gũi với những người lao động, thợ thuyền. Và tôi cũng tò mò muốn biết tại sao anh Vương Tần khuyên tôi không nên trở lại Khánh Hội. Tôi ra bến Bạch Đằng tìm anh Lại Văn Đường. Anh ta không còn bán sữa đậu nành tại khu vực này nữa. Dù không có tin tức chính xác về đời sống xóm Cầu Cống, tôi cứ qua bữa. Anh Xuân đã dọn nhà đến khu xinh lầy dưới chân cầu Tân Thuận. Anh Đường dẫn tôi tới nhà anh Xuân. Gặp tôi, anh Xuân mừng rỡ lắm. Anh hỏi chuyện đi miền Tây của anh Tần và tôi. Tôi kể đầy đủ chi tiết. Anh Xuân ôm mặt khóc.

- Anh Tần dạy anh viết chữ, đọc sách hỏi anh trốn đồn điền theo kháng chiến. Anh ấy là thầy anh. Nhờ anh Tần, anh đọc thông viết thạo và biết kính yêu những anh hùng, liệt sĩ Việt Nam.

- Tại sao anh bỏ kháng chiến ?

- Anh Tần xúi anh.

- Hai người cùng vô Sài gòn một lượt ?

- Anh vô trước.

- Tại sao anh Tần khuyên em không nên trở lại Khánh Hội ?

- À, cái đó ... Cái đó anh ấy muốn em vươn lên. Ở đây xập xùi, em rõ chứ?

Tôi không trả lời, cũng không hỏi thêm. Anh Xuân, dạo này, xanh xao và gầy róc. Anh nghĩ đập xích lô, nghĩ luôn nghề bán cần sa cho thủy thủ ngoại quốc. Anh nằm nhà dưỡng sức. Chị Xuân tần tảo nuôi gia đình. Anh sợ tôi đi, năn nỉ tôi:

- Chú đừng đi đâu vội. Không sống với anh Tần thì phải sống với anh. Chừng chú lớn, đi đâu hãy đi.

- Em lớn rồi.

- Không được. Anh mang nợ cậu Hùng, trả hết kiếp chằng xong.

- Anh nợ gì ?

- Cậu Hùng chở xe đạp đưa anh trốn khỏi làng. Cậu Hùng dẫn anh sang Hải Phòng. Nhờ vậy, anh thoát chết. Không thấy chú thì huề, thấy chú anh phải nhớ cậu Hùng. Ở đây, rau cháo vui vẻ mới là anh em. Rồi anh khỏe, mấy hồi. Chú sẽ đi học nữa.

Tôi cảm động về tình nghĩa của người quê hương tôi, không nỡ đi vội. Xóm nhà anh Xuân có nhiều trẻ con thất học. Chúng nó thường sang nhà anh Xuân chơi, nghe anh kể chuyện tuồng cải lương. Tôi gạ chúng nó học, không đứa nào chịu học cả. Có thằng nhóc tên Rớt, chiều chiều lượm về hàng xấp truyền đơn quảng cáo. Nó nhờ tôi đọc cho nó nghe. Tôi lựa chương trình tuồng và chiếu bóng tóm tắt cốt truyện đọc. Rớt say sưa nghe.

- Học khó không, dưỡng Tư ?

- Dễ ợt.
- Bao lâu đọc nổi ?
- Ba tháng.
- Con ham đọc quá xá.
- Ham thì phải học. Học ba tháng mà sẽ đọc “bồ gam” như máy. Rồi mà đọc truyện thằng Quan Công mặt đỏ có con xích thố với cây thanh long đao.
- Làm nghề của con học được chứ ?
- Nghề của mà là nghề gì ?
- Con móc túi, dượng ời !
- Móc túi nguy hiểm lắm.
- Thây kệ.
- Mà không sợ bị bắt à ?
- Vô Tể Bần là cùng. Vô riết lại ra.
- Mà vô chưa ?
- Rồi.
- Kể tao nghe Tể Bần.

Thằng Rớt kể chuyện Tể Bần và hình phạt của trại Tể Bần dành cho bọn tù vị thành niên. Kể xong, nó kết luận:

- Lớn lên, con sẽ thanh toán ba cái thằng giám thị.
- Mà thù họ à ?
- Thù thói phỉ, rục xương.
- Ai bảo mà móc túi !
- Chứ không móc túi thì làm nghề gì ?
- Đi học.
- Nhà nghèo muốn chết, tiền đâu học ?
- Ba mà làm nghề gì ?
- Chết rồi.
- Má mà ?

- Rước mồi.
- Buôn bán à ?
- Rước khách chơi dĩ !
- Ai dạy mày móc túi ?
- Tụi lớn. Ôi, cả xóm làm nghề đá cá lặn dưa, móc túi lươn đồ mà dượng.
- Mày học được.
- Chắc hả ?
- Chắc. Học giỏi, mày sẽ bỏ nghề móc túi.

Nhưng thằng Rớt chưa hăng hái học. Chẳng đứa nào hăng hái học cả. Chúng nó chỉ hăng hái nghe truyện tâm phào. Được cái chúng nó rất ngoan ngoãn đối với tôi. Chúng nó phong tặng tôi hân danh dượng Tư Bắc kỳ. Tôi kể chuyện giang hồ của tôi, bọn nhãi ranh nghe khoái chí, thèm được đi giang hồ theo tôi. Giữa tháng 1-1959, anh Xuân ói ra máu phải chở lên bệnh viện Đô thành. Chị Xuân đi theo săn sóc chồng. Tôi ở nhà làm “gà trống” nuôi thằng cu Tiến. Bọn nhãi ranh giúp tôi rất nhiều. Chúng nó ra chợ mua rau, đậu, thịt biếu tôi. Tôi đền ơn chúng nó bằng cách “quay phim” cao bồi, Tạc dzăng ... Một hôm, thằng Rớt đem về một xấp giấy toàn là truyền đơn chống đối tổng thống Ngô Đình Diệm. Đọc xong, tôi hoảng sợ.

- Mày lượm ở đâu, Rớt ?
- Người ta đưa cho con, nhờ con qua Sài gòn phân phát.
- Nguy hiểm.
- Sao ?
- Cái này không phải là “bồ gam”, cái này là truyền đơn dẫn mày vô Tể Bần.
- Là cái gì ?
- Là mày chống chính phủ.
- Mẹ ơi !
- Vậy mày phải học thì sẽ phân biệt “bồ gam” và truyền đơn.
- Con sẽ học.
- Bao giờ ?
- Sẽ, dượng Tư à !

Thời gian anh Xuân nằm ở bệnh viện Đô Thành, tôi bỗng nhớ nhà ghê gớm, ghê gớm hơn cả đêm trừ tịch cô đơn tại Trảng Lớn. Tôi nhớ mẹ tôi, nhớ bố tôi, nhớ các em tôi. Năm nay tôi đã 24 tuổi. Tôi xa gia đình, thấm thoát đã 5 năm. Nhanh thật. 5 năm lâu lổng hay là 5 năm hội nhập đời sống ? Tôi cho rằng tôi đã lâu lổng. Tôi cũng học chút chút, nhưng không

phải học chữ, mà chỉ học những bài khó kiếm ra tiền. Tôi nghĩ đến mẹ tôi và bố tôi. Và tôi cầm bút. Thức trắng suốt đêm, tôi loay hoay với đoạn đầu của một truyện ngắn đơn giản, một truyện không có cốt truyện. Viết xong dăm ba câu, tôi đọc lại rồi xóa bỏ. Rồi viết lại. Rồi xóa bỏ. Tôi thấy thì, mà, và quá nhiều trong mấy câu mở đầu, lúng túng chẳng biết thay thế bằng những chữ gì cho ổn. Thế là cả đêm hi hục xé xé xé và xé, tốn khá nhiều thuốc lá. Đêm sau, tôi lại viết. Lần này, tôi nghĩ, cứ viết xong truyện, đọc lại toàn bộ, thấy truyện “ngủ” được thì sửa chữ, sửa câu, thấy truyện “thối” thì xé bỏ trọn vẹn. Cần nhất là phải viết cho xong truyện đã. Và tôi đã cố gắng viết xong truyện. Cũng xóa bỏ vô số câu, nhưng mà truyện ngắn đầu tiên, truyện ngắn thứ nhất mở đường cho tôi vào làng văn, truyện ngắn mà Đài phát thanh Sài Gòn năm 1963, Nguyễn Đình Toàn viết rằng “của một người yêu văn chương và làm văn chương”, tôi đã viết trong căn nhà lá, dưới ngọn đèn dầu và dưới chân cầu Tân Thuận. Đó là truyện ngắn *Hoa thiên lý*. Tôi đọc lại, thấy không đến nỗi tệ so với những truyện ngắn của các nhà văn thời thượng. Bèn chép lại thật đẹp, thật sạch. Trong khi chép lại, tôi sửa chữa thêm. Thấy bôi bọ xấu bản thảo, tôi chép lại nữa.

Tôi phải cảm ơn Đàm Viết Minh và Đoàn Trọng Thu. Nhờ hai vị “sư phụ” này, truyện ngắn *Hoa thiên lý* của tôi có nhiều hình ảnh và âm điệu, đọc nghe như thơ xuôi. Tôi khoan khoái, đọc đi đọc lại hoài. Rồi, vẫn cung cách viết *Hoa thiên lý*, tôi viết truyện ngắn thứ hai, tựa đề *Em*. Tôi thấy mình viết nhanh hơn và bớt bôi bọ hơn. Hạnh phúc viết truyện ngắn của tôi đã làm tôi tỉnh táo những đêm dài, hút thuốc khô môi, ráo cổ họng. Tôi viết truyện thứ ba: *Bóng mây kỷ niệm*. Cả ba truyện ngắn của tôi đều viết theo đúng “sách vở” của giáo sư Nguyễn Uyên Diễm. Nghĩa là tôi khởi sự bằng đề tài gia đình gần gũi. Một niềm bí ẩn văn chương, đối với tôi, là, khi tôi viết về kỷ niệm, tôi đã nhớ trọn vẹn những điều tôi quên lãng. Bình thường, tôi chẳng nhớ gì cả. Nhưng khi viết, kỷ niệm nối đuôi nhau kéo về chào hỏi tôi. Và tôi không cần xử dụng ánh sáng cực mạnh của hồi tưởng để chiếu rọi miền dĩ vãng rêu phong, cỏ lấp.

Tôi đem truyện ngắn *Đình công* đăng trên tuần báo *Thợ Thuyền* năm xưa ra so sánh với *Hoa thiên lý*. Tôi đã khen tôi. Rằng tôi tiến bộ vượt bậc, cả bút pháp lẫn cấu trúc. Tôi coi truyện ngắn *Đình công* là cái trạm đầu của con đường văn chương gập ghềnh của tôi. Nó không ra cái gì cả. Nó ngô nghê, ngớ ngẩn. Nó chỉ đánh dấu cái mốc khởi sự của kẻ “yêu văn chương và làm văn chương”. Từ cái mốc ngô nghê ấy, kẻ yêu văn chương đã làm văn chương không biết mệt mỏi, đã cống hiến đời nó cho chữ nghĩa, bất chấp mọi oan khiên do chữ nghĩa của nó tạo ra. Người ta không thể phủ nhận quá khứ. Tách rời quá khứ khỏi đời mình, con người chẳng còn giống ai. Nó sẽ bơ vơ, rét mướt. Tôi không muốn tách đời tôi khỏi quá khứ nhục nhằn của tôi. Tôi không muốn tách đời tôi khỏi dân tộc đau khổ của tôi, khỏi quê hương ngậm ngùi của tôi, khỏi tổ quốc rã rượi của tôi. Vì thế, tôi còn hơi thở Việt Nam. Tôi sợ hãi, bơ vơ, rét mướt. Tôi không quên, dù chỉ một ngum thống khổ, tháng năm cô đơn trên sầu đạo buồn tênh. Còn trong tôi hình ảnh xóm Quốc Tế, xóm Bầu Sen, xóm Cầu Cống, xóm sinh lây dưới chân cầu Tân Thuận. Còn trong tôi, những đứa trẻ lúc nhúc ở những xóm tôi mà xã hội trường giả dè bỉu, chối bỏ mà bọn thống trị đưa đẩy, dồn ép vào tội lỗi và tội ác. Còn nguyên vẹn. Tất cả. Làm sao tôi quên? Làm sao tôi quên viên Aspirine của thằng Rớt?

Tôi định viết tiếp truyện ngắn thứ tư. Bất ngờ, một buổi chiều cuối tháng 2-1959, chị Xuân hốt hải chạy về báo tin anh Xuân cần gặp tôi gấp. Tôi nhờ anh Năm, bạn của anh Xuân, chở xích lô máy sang Sài Gòn. Anh Xuân nằm ở phòng tập thể lầu 1. Anh xanh mướt. Miệng ngậm đầy đá cục đập nhỏ. Tôi nhìn đĩnh màn. Máu chưa kịp khô. Anh vừa trào máu và máu phọt lên màn giường bệnh. Anh Xuân nhả đá lạnh khỏi miệng. Cầm tay tôi, anh thều thào:

- Rốt cục, anh không trả nợ được cậu Hùng.

Nước mắt anh ứa ra:

- Khi anh chết, em nên rời Khánh Hội.
- Tại sao ?
- Vì nhìn mắt em, “thầy chú” biết ngay em không thuộc giai cấp xích lô. Mà thằng Ngọ ...
- Sao ?
- Nó muốn nuôi em.
- Thì sao ?
- Thằng Ngọ vẫn hoạt động cho kháng chiến !

Tôi đã hiểu câu nói của anh Vương Tần. Anh Xuân còn muốn nói nhiều, y tá bắt anh ngậm đá. Tôi ở với anh, ngồi cạnh anh. Nửa đêm, anh Xuân phọt máu, bắn văng cả đá. Anh phọt quá nhiều máu. Và anh chết. Tôi đã khóc thương anh Vương Tần, lại khóc thương anh Lại Văn Xuân. Xác anh quàn dưới nhà xác. Bệnh viện tặng anh cái hòm gỗ mỏng. Người anh em đồng hương của tôi nằm trong đó, nằm trong đó với giấc mộng về làng cũ khao vọng để rửa vết nhục “vào Sài gòn làm cụ ly đồn điền cao su”. Tôi tiễn anh tới tận nghĩa địa phước thiện của thành phố. Ném viên đất xuống nắp quan tài. Vĩnh quyết anh Xuân ! Vĩnh quyết một người Việt Nam làm than đã trải dài đời mình qua hai cuộc cách mạng mà cả hai cuộc cách mạng đều to tiếng đem lại hạnh phúc cho dân tộc.

Vài hôm sau, tôi rời khỏi xóm nhà bần cùng dưới chân cầu Tân Thuận, chưa kịp dạy thằng Rớt học để nó biết phân biệt “bồ gam” và truyền đơn. Giã từ Khánh Hội!

13

Tôi lên Ban mê thuật sống với Đặng Xuân Côn. Nông cụ cơ giới trực thuộc Nha Nông Cơ của Bộ canh nông nằm ở cây số 4 trên đường Ban mê thuật – Sài gòn. Hành lý của tôi có thêm ba cái truyện ngắn chưa hề gửi đăng báo. Nông cơ ở đây cho mượn máy cày, máy ủi và sửa chữa máy cày, máy ủi. Nó chiếm một khoảng đất khá lớn. Côn làm việc hành chính, lương xấp xỉ 3000 đồng.

- Tao phải theo đảng Duy Dân đấy.
- Tôi biết.
- Đảng “gài” tao vào Nha Nông Cơ vì người của Đảng làm lớn ở cái Nha thổ tả này.
- Sao nữa ?
- Điều kiện khắt khe: Mỗi tháng trích 30 phần 100 số lương nộp Đảng.
- Đảng thu hụi chết à ?
- Ừ.
- Đảng bần tiện quá.
- Kệ mẹ Đảng, tao chưa nộp thuế mồi hôi tháng nào. Ông sẽ quyết. Tháng 5 tao tềch về Sài gòn học thi tú tài. Có tú tài mới ngóc đầu lên nổi. Máy thẳng thợ máy thương tao lắm. Chúng nó sẽ gom tiền nuôi tao ăn học 2 năm. Mà học lại không ?
- Ai nuôi tôi ?
- Thì đi kèm trẻ.
- Không, tôi học hết nổi. Mất căn bản, học con mẹ gì nữa mà học !
- Mà cứ lêu bêu mãi ?
- Đành vậy thôi.

Tôi “đóng chốt” ở cây số 4 từ đầu tháng 3-1959. Những ngày ở cây số 4, tôi đã vào ngoạn cảnh thác Drayling hùng vĩ. Thác Drayling đẹp hơn, thơ mộng hơn thác Niagara mà tôi đã xem trong phim Mỹ. Tôi cũng có chuyến du lịch rẻ tiền lên Pleiku bằng xe vận tải của Nông Cụ Cơ Giới Cuộc mà Tiến là tài xế, Ngọt là lơ. Chúng tôi cho Mọi quá giang từng khúc, tính giá bình dân đủ tiền cơm rượu dọc đường. Kỷ niệm tề tái của chuyến giang hồ này là xe chết máy giữa đường, tôi đứng phụ Ngọt bê từng món đồ Tiến tháo máy xe ra. Tôi làm chao nghiêng cái khay gì đó, dầu máy chảy ướt hai ống quần phía trước. Nông Cụ Cơ Giới Cuộc có một nhân vật kỳ bí là Nguyễn Văn Hòa, trưởng phòng kế toán, nghiện thuốc phiện. Ông ta thuê phòng trong thị xã Darlac để tiện ngả bàn đèn. Xe của Cuộc đưa rước ông Hòa. Vì ông ta khoe ông ta là em vợ nhà văn Nhất Linh nên tôi phục ông ta lắm, tưởng rằng ông ta sành điệu văn chương. Ông Hòa nhắc nhở Nhất Linh bằng tất cả tấm lòng ngưỡng mộ. Một điều ông “anh Tam”, hai điều ông “anh Tam”. Ông Hòa rủ tôi vào thị xã, dạy tôi tiêm thuốc phiện, nằm bàn đèn với ông, nghe ông kể chuyện đời phiêu bạt của ông sang Lào, sang Cao mên, sang Tàu ... Tôi từ chối.

Đầu tháng 5, Đặng Xuân Côn về Sài Gòn, tôi đành tá túc nhà ông Hòa vừa làm phi líp nhỏ vừa làm bồi bàn đèn. Ông ta sống một mình tại cái xứ khỉ ho cò gáy này, tiền kiếm được chỉ ăn cơm đen và ăn cơm tiệm. Có tôi, ông ta ăn cơm trắng tại gia. Tôi ra tiệm mua về. Nhiệm vụ của tôi là nấu nước pha trà, thắp đèn dầu lạc và dầu mâm đèn khi ông Hòa đang no nê. Ông ta dạy tôi làm thuốc, nhưng tôi không có khiếu bồi tiệm nên tiệm rất vụng, không “đạt chỉ tiêu”. Ông ta phải làm thuốc lấy. Còn tôi nằm đối ... hít cho ông ta vui và để ông ta sai vặt, hoặc nghe chuyện cách mạng muôn năm không thành công của ông ta.

Một hôm, tôi hỏi ông Hòa:

- Thưa bác, bác có viết văn không ạ ?

Ông ta đáp:

- Đã có anh Tam viết văn quá hay, thêm tao làm gì ?

- Bác đã đọc Thạch Lam chưa ?

- Rồi.

- Bác thấy thế nào ?

- Truyện ngắn của chú Lân bắt hủ, nhất Việt Nam đấy.

- Còn Nguyễn Tuân ?

- Hừ, vất đi.

- Cháu đang tập viết truyện ngắn.

- Thế hả ? Đưa tao coi thử.

Tôi trình trọng nâng ba cái truyện ngắn tận tay người em vợ của nhà văn Nhất Linh. Vừa đọc qua, ông đã phê bình gay gắt:

- Danh sĩ cỡ anh Tam, cũng chỉ ký bút hiệu Nhất Linh đâu có ký Nguyễn Tường Tam. Mà hậu sinh khả ố, không biết khiêm tốn là cái gì, vác tên cúng cơm của mày ra làm trò hề.

Ông ta trả truyện tôi, chẳng thèm đọc xem tôi viết ra sao.

- Mà đọc *Quốc văn giáo khoa thư* chưa ?

- Rồi ạ !

- Đọc hay là học ?

- Hồi nhỏ, cháu học.

- Hồi nhỏ mà biết gì. *Quốc văn giáo khoa thư* nhiều bài khó ra phết, lớp dự bị, lớp sơ đẳng hiểu sao nổi. Hôm nay mà đã lớn, mà hiểu rồi đấy, vậy tìm đọc lại đi.

- Dạ.

- Đọc thêm *Luân lý giáo khoa thư* nữa.

- Dạ.

- Mà biết tại sao mà phải đọc không ?

- Không.

- Ông Trần Trọng Kim viết *Nho giáo*, viết *Việt Nam sử lược* mà viết sách dạy học trò lớp ba, lớp bét, tất nhiên văn ông ấy phải giản dị, tươi sáng, gãy gọn. Ông ấy còn soạn sách *Văn phạm Việt Nam* nữa. Mà nghe tao, muốn bút pháp độc đáo, mà nên học cách viết ở *Quốc văn giáo khoa thư*.

- Cám ơn bác.

- Tao cho rằng, dầu tư tưởng cao siêu cách mấy, dầu vấn đề rắc rối cách mấy, vẫn có thể diễn đạt bằng cách hành văn giản dị, tươi sáng, gãy gọn.

- Dạ.

- Nhưng mà muốn viết văn giản dị, tươi sáng, gãy gọn, mà phải học dài người mà ra. Trần Trọng Kim mới viết nổi *Quốc văn giáo khoa thư* lớp đồng ấu.

- Dạ.

- Mà thuộc bài *Tôi đi học*, bài đầu của *Quốc văn giáo khoa thư* lớp đồng ấu, sau khi đã học chữ, học văn không ?

- Thuộc.

- Đọc tao nghe coi.

Tôi đọc:

“Năm nay tôi lên bảy. Tôi lớn rồi. Tôi không còn chơi bời lêu lổng như những khi còn bé. Tôi đi học. Tôi học đọc, học viết, học làm tính và nhiều môn học khác nữa.

Tôi cố tôi học. Tôi chăm tôi học. Học sao cho mau tấn tới, cho văn hay chữ tốt, cho cha mẹ và thầy giáo được vui lòng”.

Ông Hòa hỏi:

- Hay không ?

- Dạ, rất hay.

- Văn thế mới gọi là bậc thầy. Câu ngắn, gọn mà đầy đủ ý nghĩa. Chấm, phẩy tài tình. Anatole France và Thanh Tịnh thua xa. Mấy tay thầy giáo soạn sách quốc văn cho con nít bây giờ, chỉ đáng xách giày.

- Dạ.

- Mà thuộc bài *Cái lười*, *Kính đeo mắt*, *Cách sửa mình* ở cuốn lớp sơ đẳng chưa ?

- Dạ rồi.

- Tư tưởng cao siêu đấy. *Người đi đường và con chó* hay *Con chó và miếng thịt* cũng tuyệt cả.

- Dạ.

Cao hứng, ông Hòa đọc:

“Sáng nay, lúc tập viết xong, tôi lại thăm bà tôi. Bà tôi nắm lấy tay tôi mà hỏi tôi rằng:

- Cháu có yêu thầy mẹ cháu không ?

- Cháu có yêu.

- Tại làm sao mà yêu ?

- Cháu biết rồi, hôm qua thầy giáo mới dạy cháu rằng, cha mẹ sinh ra ta, nuôi nấng ta, săn sóc ta, dạy bảo ta nên người. Vậy bốn phận làm con ta phải thương yêu cha mẹ”.

Ông bình phẩm:

- Dạy con nít lớp bét “thương yêu cha mẹ” thế này là nhất. *Nhị thập tứ hiếu* vất đi.

Ông dục tôi:

- Mà đọc câu đầu bài *Phải sạch sẽ* ở cuốn đồng ấu tao nghe. Đọc lớn, đọc cả chấm, phẩy.

Tôi háng giọng:

“Một cậu bé đầu bù tóc rối, (phẩy) mặt mũi nhem nhuốc, (phẩy) tay chân dơ bẩn. (chấm)”

Ông Hòa gật gù:

- Chỉ cần một câu là hình dung ngay ra thằng bé dơ bẩn, hôi hám rồi.

Ông khen tôi:

- Mà khá thuộc *Quốc văn giáo khoa thư* đấy. Muốn tập viết văn, mà nghiên cứu bút pháp *Quốc văn giáo khoa thư*. Đây bộ *Quốc văn, Luận lý giáo khoa thư* của Trần Trọng Kim dạy lớp ba, lớp bét chính là thầy dạy viết văn của mày. Nhớ nằm lòng lời tao nói.

- Cám ơn bác.

Tôi đã nằm dài mấy ngày ôn lại *Quốc văn giáo khoa thư*. Rồi tôi chép một số bài, nghiên cứu lối hành văn giản dị, tươi sáng, gãy gọn. Và tôi thắm. Từ 6 năm nay, tính từ khi tôi ôm mộng trở thành nhà văn, tôi đã không hiểu mình phải học bút pháp của sách nào, của tác giả nào, của ông thầy nào. Bây giờ tôi đã hiểu rồi. Một ông thầy đã soi lối vào nhà ông thầy khác. Ông Hòa là thầy dẫn đạo. Trần Trọng Kim là thầy dạy tôi viết văn giản dị, tươi sáng, gãy gọn. Nói chính xác, thầy dạy tôi viết văn giản dị, tươi sáng, gãy gọn là *Quốc văn* và *Luận lý giáo khoa thư*.

Có bạn, bên bàn đèn thuốc phiện, ông Hòa nói:

- Tao không chịu nổi văn chương hôm nay. Viết đã dối mà lại tối mò mò. Lập dị hay là ngu

muội đây ?

Ông hỏi tôi:

- Màý định viết tiểu thuyết à ?

Tôi đáp:

- Dạ.

- Màý đừng đeo đá vào văn chương nhé ! Cũng đừng nhồi nhét siêu thực, siêu hình vào tiểu thuyết. Để cho văn chương nó bay bổng. Để cho tiểu thuyết nó rung động.

- Dạ.

- Màý có đọc *Cổ học tinh hoa* không ?

- Chưa chưa đọc.

Ông Hòa bèn kể:

“Vua hỏi một anh họa sĩ:

- Vẽ gì khó ?

Anh họa sĩ trả lời:

- Vẽ trâu, vẽ ngựa, vẽ chó, vẽ người ta khó.

Vua thắc mắc:

- Tại sao thế ?

Anh họa sĩ giải thích:

- Vì ai cũng thấy trâu, ngựa, chó, người ta. Vẽ sai là bị chê cười.

Vua lại hỏi:

- Vẽ gì dễ ?

Anh họa sĩ trả lời:

- Vẽ ma, vẽ quỷ dễ.

Vua lại thắc mắc:

- Tại sao thế ?

Anh họa sĩ giải thích:

- Vì không ai thấy ma, quỷ cả, muốn vẽ thế nào thì vẽ”.

Ông Hòa kéo xong một bi, chiêu ngụm trà Tàu:

- Tác giả bài này triết lý: “Than ôi, những kẻ bỏ cái khó tìm cái dễ cũng ví như họa sĩ vẽ ma, vẽ quỷ vậy !”.

Ông nhìn tôi:

- Viết văn giản dị, tươi sáng, gãy gọn khó. Viết văn cầu kỳ, tối um, rắc rối dễ.

Hầu hạ ông Hòa gần hai tháng để tạ ơn chỉ dạy của ông, cuối tháng 7-1959, tôi giả từ ông ta, trở lại Sài gòn.

o o o

Không thể sống với Đặng Xuân Côn nữa, vì nó đã dọn về ở chung nhà ông Đặng Ngọc Lâm, sát cổng trường tiểu học Chí Hòa. Nó đang “dùi mài kinh sử để chờ kịp khoa” tú tài phần thứ nhất sang năm. Tôi nên để nó yên ổn học hành. Dương Hải Trân bảo tôi tạm thời tá túc ở nhà nó. Tôi ngại phiền phức, xuống làng Cha Cả ở với Đỗ Trọng Thủy.

Đỗ Trọng Thủy không có tiền thuê nhà riêng. Căn nhà nó đang nằm đo giường là căn nhà của thằng Hòa. Thằng này, hạ sĩ không quần nhưng đầu điểm lỏi xóm mình là anh cai. Nó thuê nhà gần phi trường Tân Sơn Nhứt chỉ để thay quần áo. Sáng sáng, nó mặc dân phục, phóng Mobylette tới, cởi dân phục, mặc bộ quân phục đeo lon cai. Chiều chiều, nó cởi quần phục, mặc dân phục, phóng Mobylette về nhà. Thủy đã phát mại cái Cibao. Nó chê ông cậu sợ vợ, ra đời giang hồ. Bọn thằng Vũ Thế Bắc, Nguyễn Ngọc Thúy nuôi nó sống chờ thời. Thủy xoay đầu ra cái xe đạp đàn ông không đèn, không chuông, không phanh sau, không chắn bùn, không chắn xích. Nó nộp tiền ăn cơm từng tuần lễ cho nhà hàng gần làng Cha Cả. Tôi bắt chước nó. Tôi còn đủ tiền cơm hai tuần.

Hai tuần lễ ở làng Cha Cả, tôi nằm nhà đọc lại ba cái truyện ngắn của tôi. Tôi sửa lại cho hành văn của tôi thật giản dị, tươi sáng, gãy gọn. Rồi tôi cặm cụi chép lại thật sạch sẽ. Đưa cho Đỗ Trọng Thủy coi. Đọc xong truyện *Hoa thiên lý*, con trai ông Hiền Nhân khen nặng xì ngầu. Rồi hỏi:

- Của ai đây ?

Tôi nói:

- Của tao.

Nó bĩu môi:

- Đừng có nói phét. Mà viết cỡ này đã chả đói rách !

Tôi cười:

- Tao chép của thiên hạ.

Nó khoái chí:

- Ông tinh lắm, bịp ông sao nổi. Của ai ?

Tôi đáp bừa:

- Duyên Anh.

Nó gật gù:

- Thấy mày hì hục chép, ông đã nghi rồi. Mẹ kiếp, còn vờ sửa chữa ! Mà Duyên Anh là thằng nào ?

Tôi phịa:

- Bạn thân của Thanh Nam, Hoàng Hải Thủy.

Nó cảm hòng vì thấy Thanh Nam, Hoàng Hải Thủy lớn quá. Tôi không thể tâm sự văn chương với Đỗ Trọng Thủy. Thằng này chỉ thích tôi khảy đàn cho nó ngâm thơ. Nó đã tập kịch thơ của Hoàng Cầm với bạn kịch của Lê Văn Vũ Bắc Tiến cùng thằng Lê Quý An. Dưới mắt nó, Lê Quý An là nhất. Thằng An đang viết bài thường xuyên cho tuần báo *Tín Bắc* của Vũ Bắc Tiến, lại phụ trách mục phỏng vấn các em ca sĩ.

Ở làng Cha Cả, bất ngờ, tôi gặp thằng Phạm Duy Tiếp, bạn học cũ ngoài Hà nội. Nó cho tôi biết, 5 năm liền, nó trượt thi 10 quán tú tài một. Nó cũng vào Sài Gòn một mình như tôi và chệch trại học sinh Phú Thọ.

- Bây giờ mày ở đâu, Tiếp ?

- Ở với một con diêm.

- Mày lấy con diêm ?

- Lấy trên Sở gia đình.

- Là thế !

- Là mẹ gì ! Thời buổi khó khăn, diêm bị bố ráp kỹ, cần dựa hơi học trò nghèo. Tao nhận làm chồng nó, nó tự do tiếp khứa. Căn phòng ngăn đôi bằng cái ri đồ. Một bên tao ngồi bàn học ồm ồm tú tài rồi cử nhân rồi tiến sĩ để bước vào xã hội trí thức, trường giả. Một bên con diêm hành nghề. Bị kiểm tặc hỏi thăm, cái ri đồ kéo rết, khách làng chơi biến thành bạn thân của tao. Êm ả thì chia tứ lục, tiền nhà con diêm hứng hết. Tao đem tiền diêm bán tròn chia trả cho các ông giáo sư Phú, giáo sư Nghiên, giáo sư Bình, giáo sư Mẫn ... và hàng cơm.

Tiếp gầy mĩa mai:

- Xã hội khoa bảng thì nó đồn mạt vậy đó. Nay mai tao tốt nghiệp đại học, ngu sao khai dĩ vãng diêm nuôi.

Nó cười đều:

- Mày cầu Chúa Giê su cho tao làm tổng thống đi. Tao hứa với mày, tao sẽ đưa con diêm vợ hờ của tao lên ngôi đệ nhất phu nhân. Tao sẽ giải phóng diêm, cho diêm độc lập, tự do, hạnh phúc tiếp khách và tuyển dụng cu ly làm Bộ trưởng. Lúc ấy, đêch có thằng nào ho lao vì mảnh bằng tú tài nữa. Giai cấp xã hội mới của tao vượt ... nhân vị !

Thằng này trượt nhiều đâm ra bất mãn. Tuy nhiên, tâm sự của nó cũng khiến tôi suy nghĩ. Người ta cứ bảo ông Ngô Đình Diệm nâng đỡ các vị cố đạo. Thực ra, ông Diệm đã hắt hủi cố đạo. Bằng chứng là khu vực của Cha Cả Bá Đa Lộc, tên Tây là Pierre Pigneau de Béhaine, nhiều dĩ quá xá. Ông Diệm đã để tiếp khách ở ngay trong làng Cha Cả. Nếu ông Diệm thật lòng vì Thiên Chúa giáo, ông ấy đã giải tỏa khu làng Cha Cả, biến nó thành

vùng hành hương chuyên bán xôi chuối, thập tự giá, rượu lễ, bánh thánh và nước thần. Nhưng ông Diệm chí công vô tư, đứng trên quan điểm và lập trường dân tộc nên làng Cha Cả bị bỏ bê dơ dáy và khu vực làng Cha Cả lam phát ấi điếm. Thật tội nghiệp cha Béhaine ! Ngài đế hoàng tử Cảnh bị “thuốc” chết rũ ngoài Phú Quốc, thành thử, Chúa phạt ngài. Nếu ngài đưa ông hoàng kế vị này lên ngôi, thay thế hoàng tử Đảm, ngài đã được phong thánh và làng của ngài bồ điếm cũng chẳng dám vào.

Tôi ở làng Cha Cả đến tuần lễ thứ ba thì cạn tiền. May mà Dương Hải Trân “viện trợ” kịp thời, đủ đóng tiền cơm bảy ngày. Sang tuần lễ thứ tư, chờ đợi hai ngày, “viện trợ” không tới. Đã thiếu chủ quán ba bữa rồi, không dám vác mặt ra ăn nữa. Đỗ Trọng Thủy cũng đi chạy tiền cả tuần nay, chưa thấy về. Tôi nhin đói hai ngày, chịu hết nổi, bèn xách cái xe đạp cả là dĩ mà con nhà Thủy chê đi xoay địa còm. Cái xe khốn nạn hay bị tuột xích. Đi nhanh thì sợ bóp phanh trước xe quay ngang, đành cứ đạp thông thả như nhười nhàn tản nhất thế giới. Tôi đến nhiều thẳng bạn. Tất cả mải đi tán gái. Buồn tình và lạc hướng vì đói, tôi phiêu dạt lên tận đại lộ Trần Hưng Đạo. Thấy người ta đang bu quanh trước cửa nhà thờ Tin Lành góc Đề Thám – Trần Hưng Đạo, tôi tấp vô coi. Lúc ấy gần 12 giờ trưa. Ông mục sư ba hoa đường đi của Chúa cứu thế. Ông ta cầm que chỉ chỗ trên bản đồ. Đợi thiên hạ dẫn hết, tôi dẫn xe gần chỗ ông mục sư. Ông ta phát cho tôi hai cuốn sách mỏng, hát hàm:

- Đạo gì ?
- Dạ, Chúa ạ !
- Có tin cái bà Maria đồng trinh không ?
- Không.
- Vạy tốt. Đừng tin các lão thánh tông đồ nhé !
- Dạ, chỉ tin Chúa.
- Và tin mục sư. Cổ đạo láo lếu lắm.
- Dạ.
- Cầm sách về đọc rồi tới tìm tôi ngày mai.
- Thừa mục sư.
- Gì ?
- Tôi đang thất nghiệp.
- Về tin Chúa đi, mai sẽ có việc làm.
- Tôi đói hai ngày rồi, xin ngài cho một bữa cơm. Tôi quét nhà thờ trả nợ.
- Tôi biểu cậu về tin Chúa.
- Tôi tin rồi. Chúa dạy kẻ nào xin thì được cho.
- À, tôi không phải là mục sư, hết giờ rồi, chào cậu. Về tin Chúa sẽ có việc làm.

Ông mục sư, tôi nhớ rõ mặt ông ta, vợi vàng khuôn đồ nghề giảng đạo vào nhà thờ rồi đóng

cửa lại. Chán nản, tôi đạp xe về Vườn Chuối, đến ngôi chùa cuối đường Vườn Chuối gần đường Phan Thanh Giản. Thấy mấy ông sư trẻ vừa cạo nước xong, đang rửa răng đầu lạo ngoài sân. Tôi xuống xe, dắt vô lễ, chào cầu từ bi:

- A di đà Phật ...

Mấy ông sư trẻ tưởng tôi nhạo báng, lườm nguýt cay cú rồi bỏ vào trong chùa hết. Trên đường về, tôi rẽ vô lối nhỏ tìm ngôi nhà thờ ở ngã ba Ông Tạ. Giáo đường im bóng. Tôi gõ cửa. Cửa không mở. Chúa ơi, Ngài dạy kẻ nào gõ thì được mở, tại sao con gõ không được mở ? Có phải vì con đói quá gõ khế chẳng ? Hoặc là con gõ đang đúng lúc ông cố đạo bận đêm tiên ? Tôi lóc cóc đạp xe về làng Cha Cả. Qua cây cầu xi măng bắc qua con lạch gần quán cà phê tiêu điều, tôi bị té. Một em gái chạy ra đỡ tôi dậy.

- Không đụng ai, sao té ?

- Đói hoa mắt.

- Thiệt hả ?

- Thật.

Em nương tôi vô quán, kêu cho tôi ly cối cà phê sữa đá. Tôi nốc ừng ực.

- Còn đói không ?

- Còn.

- Làm đĩa cơm sườn nướng nhé ?

- Nhất.

Em gái sai thằng nhóc đi mua đĩa cơm. Tôi đớp xong thì tỉnh táo. Em chìa gói Ruby.

- Cầm lấy.

Tôi cầm ngay.

- Uống thêm cái đen chẳng ?

- Uống.

Tôi nhâm nhi cà phê, phì phèo thuốc lá. Nhìn em gái ân nhân, tôi hỏi:

- Em làm gì mà tốt thế ?

Em gái nguýt dài:

- Bộ còn giả đồ à ? Làm điểm. Được chưa ?

Tôi gật gù:

- Được quá đi chứ ! Em nhân ái hơn mục sư, thầy chùa, cố đạo. Tôi không xin mà em cho, không gõ mà em mở. Chúa đã dẫn tôi đến với em. Em xứng đáng là kẻ thừa sai của Chúa và rất nên thay thế lão mục sư ở nhà thờ Tin Lành đường Trần Hưng Đạo. Em ạ, cách

mạng và tôn giáo là hai thứ đồ bỏ.

Em điểm cảm động:

- Giúp nhau chút chút mà. Bầu điểm thương bí học trò nghèo.

Tôi nói:

- Tôi hết thời học trò rồi.

- Là gì ?

- Giang hồ lật vạt.

- Đội chết.

- Không đội sao thấy tình người rục rờ nơi em. Em ơi, khi tôi trở thành nhà văn, tôi sẽ viết thật đẹp về dĩ điểm, du đãng, ăn cắp và viết thật tàn bạo về cố đạo, mục sư, thầy chùa, lãnh tụ chính trị ...

- Bộ, anh nhà văn à ?

- Đang tập tành.

- Ráng viết hay như Dương Hà nhé ! Viết trên Sài gòn mới đua với Mặc Tử nhé ! Tên em là Châu, đặt tên em vô tiểu thuyết của anh nhé !

- Em yên tâm.

- Anh cần tí tiền còm không ?

- Cám ơn em, anh không cần.

- Vậy hôm nào đội, cứ ra đây nhờ thằng nhỏ Tẻo kiếm em.

Em điểm dặn dò chủ quán:

- Anh này uống cà phê ghi sô, tôi thanh toán nghe chú Ba.

Em âu yếm nhìn tôi:

- Thôi em dzì, nghe anh. Anh gì nhỉ ?

- Long.

- Em dzì nghe, anh Long.

- Em về nhé !

Tôi chờ em ga tôi lấy em trên Sở gia đình. Em không thèm ga. Em đúng là em điểm cao thượng, em điểm có tâm hồn nhân ái, khác hẳn đàn anh Duy Dân, xoay việc cho đàn em thất nghiệp đòi thu 30 phần 100 lương bổng. Em vĩ đại, rất xứng đáng hơn ông mục sư nhà thờ Tin Lành đường Trần Hưng Đạo. Em thành thật, em là điểm hiên ngang nhận mình làm điểm, không gian dối và hèn mạt như ông mục sư phủ nhận chức vụ mục sư của mình. Em

điểm tên Châu đã soi sáng cho tôi ý nghĩ chính xác về thân phận những con người bị gạt ra khỏi xã hội. Tôi phần nộ thống trị và trưởng giả. Ít ra, em đã trở thành *Trần Thị Điểm Châu* thao túng và trừng phạt xã hội lúc nhúc rồi bỏ con cháu bọn thống trị và quý phái, trưởng giả.

Em gái điểm Châu về rồi, tôi còn ngồi lại hút thuốc lá, uống trà. Tôi hít hà khói thuốc, hít hà hương thơm của tình người Việt Nam. Hôm nay, 29 năm sau ngày em Châu cho ăn đĩa cơm sườn nướng hồi sinh, ngồi viết những giòng tâm tưởng về em trên đất nước Hòa Kỳ, tôi thấm thía rằng, tình nghĩa Việt Nam chỉ tìm thấy ở Việt Nam. Và tình nghĩa ấy chỉ tỏa ngát hương thơm ở giai cấp Việt Nam bản cùng nhất. Nếu tôi đã trót lỡ điều cợt những người đi làm mướn, những người thuyền chài đánh cá thì, hôm nay, tôi thành thật xin lỗi và bày tỏ thẳng thắn sự sai lầm của tôi. Còn mọi sự công kích của tôi dành cho đám trí thức khoa bảng cây cỏ, đám trí thức nô bộc khước từ quá khứ của mình, không cần phải xét lại. Không có ai nâng tôi khi tôi ngã. Không có ai cho tôi ăn khi tôi rã họng. Không có ai cả. Chưa thêm ai cả. Ngoài em điểm Châu. Một mình em. Duyệt nhất. Người ta đã đập tôi mạnh hơn, thô bạo hơn khi tôi ngã. Người ta đã cứu sống tôi bằng nọc miêng gian dối thô bỉ và ác độc hơn nọc rắn, nước miêng chó dại. Đôi khi, tôi thấy thà đề cao cái tròn của một con điểm còn hơn chửi rửa cái mồm của trí thức nô bộc diễn giải lòng ái quốc. Nước lã có thể rửa sạch tròn của con điểm nhưng cái gì tẩy trừ bản chất gian dối của khoa bảng cho thuê bản thân ? Tôi sẽ xét lại thái độ chống đối người cộng sản của tôi một cách hợp tình, hợp lý.

Buổi tối tháng 8-1959, chợt nhớ mình còn người thầy học cũ, tôi đến Hòa Hưng gõ cửa. Thầy tôi mừng quá.

- Tìm anh khắp nơi không biết anh ở đâu.
- Con đi lung tung.
- Dưới Hòa Hảo đang thiếu người dạy, anh em nhờ tôi kiểm. Anh phải xuống gấp.
- Thưa thầy bao giờ ạ ?
- Chủ nhật.
- Hôm nay là thứ sáu.
- Phải. Có tiền mua vé xe chưa ?
- Con tới xin thầy đây.
- Được rồi. Cố dạy học một năm, dành giùm tiền để về học lại. Xã hội này thiếu bằng cấp, dở thầy dở thợ như anh sẽ lêu bêu suốt đời.
- Vâng, con hiểu.
- Anh cần bao nhiêu ?
- Thầy cho con mượn đủ để sắm quần áo, giày giép và mua vé xe.

Thầy tôi vẽ đường giùm tôi. Chuẩn bị thật nhanh, sáng chủ nhật tôi có mặt trên xe đồ Sài Gòn – Chợ Mới. Tôi sắp trở thành “giáo sư” tư thực ... ruộng, sau khi đã là “thầy giáo tư lương”. Tôi chưa hiểu người ta sẽ sắp đặt cho tôi dạy cái môn gì, những môn gì. Nếu dạy Vạn Vật lớp đệ thất thì tôi chê, vì tôi không biết vẽ cáo cáo, châu châu, ếch, nhái ... Mà dạy

Địa Lý tôi càng chê, vì tôi không biết vẽ địa đồ. Tôi thích dạy Sử ký. Khổ nổi, sử nó gắn liền với địa. Thôi, mặc kệ, môn gì cũng dạy tốt. Đói quá hóa liều. “Một liều ba bảy vẫn liều, Cầm bằng con trẻ chơi diều đứt giây”. Tôi đi làm cách mạng bởi đói. Tôi đi làm giáo dục do đói. Cuộc đời ly kỳ thật !

¹Ngọc sau trở thành kép hát, chuyên đóng vai hề, đóng phim vai phụ, diễn kịch đại nhạc hội, biệt danh Minh Ngọc, không mấy thành công.

4 giờ chiều, xe đồ đồ tôi xuống Mỹ Lương, quê hương của ngài chủ nhiệm nhật báo *Tiếng Chuông*, đôi thủ tặng phẩm, xô số, phụ trương ếch nhái màu của bà chủ nhiệm nhật báo *Sài Gòn Mới*. Danh lam thắng cảnh Mỹ Lương là Cù lao Riêng, cội biệt lập của người cùi suy tôn thần tượng Hàn Mặc Tử. Tôi đạp xe lồi, xích lô của miền Tây, đến bến đò Tây An. Xe lồi đạp đẹp hơn xích lô đạp, nếu là xe lồi chạy trong thị xã. Còn ở quê, xe lồi đạp rất sơ sài. Xích lô đạp, khách ngồi trước, ngồi thấp; phu xe ngồi sau, ngồi cao. Do đó, thường xảy ra tai nạn bóp thắng làm khi người phu xe chở khách phụ nữ mặc áo đầm hở lưng, hở vai, hở ngực. Văn hóa miền Tây sâu sắc lắm. Người phu xe lồi ngồi trước, quay đít “đối diện” khách. Điều này chứng tỏ rằng giai cấp công nhân dẫn đạo các giai cấp ... đi xe lồi và giai cấp này thánh thiện, chỉ biết đạp xe mà không thêm nhìn ngực khách phụ nữ để tưởng tượng. Lý luận như thế có vẻ “làm lợi cho cộng sản”, rất dễ bị chụp mũ. Nhưng đó là sự thật. Đến bến đò Tây An, qua con sông nhỏ là sang cù lao Ông Chưởng.

*Chiều chiều, cốc biếu với diều
Cù lao Ông Chưởng còn nhiều cá tôm*

Làng Tây An nằm trên cù lao Ông Chưởng, thuộc quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên. Tây An có ngôi chùa nổi danh là Tây An tự, nơi thờ Phật sống Tây An. Đây là vương quốc Hòa Hảo trước 1954, đất thống trị của ông tướng chề trường võ bị Tây là ông Nguyễn Giác Ngộ. Hòa Hảo có 4 ông tướng. Thống lĩnh Cái Vồn (Cần Thơ) có ông Năm Lửa Trần Văn Soái, mà Tây quen gọi là Général Cinq Feu, Mỹ thì gọi là Genereal Five Fire, Thống lĩnh Cái Dầu (Châu Đốc) có ông tướng Tàu lai Lâm Thành Nguyên, tự Hai Hoán. Thống lĩnh Thốt Nốt (Long Xuyên) có ông tướng Lê Quang Vinh, tự Ba Cụt. Thống lĩnh Chợ Mới (Long Xuyên) có ông tướng Nguyễn Giác Ngộ. Bốn vị tướng quân này chia bốn vùng ảnh hưởng và thù ghét nhau, từ khi Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ bị Việt Minh thủ tiêu. Vì ông Ba Cụt giả hàng Tây rồi đánh Tây nhiều lần, nên Tây nó tung ra câu thành ngữ “Nói dối như Hòa Hảo”. Người mình không hiểu cái ý thâm độc của Tây, cứ xài vung vít, khiến đau lòng tín đồ Hòa Hảo, những người dân quê chất phác, ngoan đạo.

Tôi đang ở vùng ảnh hưởng của ông tướng Nguyễn Giác Ngộ đã đầu hàng ông Ngô Đình Diệm. Trường trung học Nguyễn Trung Trực ở trước bến đò Tây An, kiến trúc khang trang. Trường có bốn lớp thất, lục, ngũ, tứ. Sân sau rộng, có hồ sen, có nhà cho gia đình giáo sư. Tôi ngạc nhiên gặp lại đàn anh Trần Tiến nơi này. Thì ra trường Nguyễn Trung Trực là chiến khu miền Tây của Duy Dân đảng. Tắm rửa, ăn cơm tối xong xuôi, đàn anh Trần Tiến kéo tôi ra hồ sen.

- Chúng ta xuống đây liên kết với các lực lượng võ trang của Hòa Hảo. Bề ngoài, chúng ta làm văn hóa nhưng, bên trong, chúng ta làm chính trị. Chú phải tỏ ra có tư cách đạo đức và thận trọng. Chú nhớ rằng, anh phụ trách các trường dưới này toàn người miền Bắc. Rồi chú sẽ vào Thất Sơn.

- Em dạy ở đây ?

- Không.

- Ở đâu ?

- Thánh địa Hòa Hảo. Chú sẽ dạy thêm Việt văn lớp đệ thất trường Nguyễn Trung Trực, vài giờ nhạc thay thế anh Cư khi anh Cư bận việc ở trường Kinh Dương.

- Anh cần dặn gì nữa không ?

- Chú không được xúc phạm giáo lý Hòa Hảo, không được nhạo báng Đức Ông, Đức Bà và các nhà lãnh đạo Hòa Hảo. Chú phải theo đúng quy luật của Hòa Hảo.

- Em dạy môn gì ở bên Hòa Hảo ?

- Anh văn thất, lục, ngũ.

- Còn tứ ?

- Đã có anh Lân lo.

- Bao giờ em qua bên ấy ?

- Sáng sớm mai, ngày khai trường. Chú mang tên Đoàn Trọng Thu.

- Bí danh ?

- Chú cứ hiểu thế.

Tôi đã muốn ly dị đảng Duy Dân mà đảng cứ bám riết tôi. Lại bám vào những cơ hội đối rách của tôi. Trong tâm hồn tôi chỉ còn Lý Đông A và thơ văn của ông. Chủ nghĩa và đảng Duy Dân chẳng còn nghĩa lý gì đối với tôi. Tôi không tin những ông lãnh tụ Thái gàn dở có thể mang lại hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam. Ông Lý Đông A đã chết và chủ nghĩa Duy Dân đã lạc hậu sau ngày ông Lý bị tàn sát trên đồi Nga Mi. Chắc chắn, ông thầy học cũ của tôi cũng là Duy Dân. Đời tôi thật lắm bất ngờ. Chỉ nghĩ tới xin ông thầy vài trăm, bất ngờ thành giáo sư Đoàn Trọng Thu. Tôi chưa dám đặt vấn đề với đàn anh Trần Tiến rằng thù lao dạy học của tôi có bị trừ 30 phần 100 không. Nhưng tôi khoái vô Thất Sơn làm giặc cỏ, làm ... Thủy Hử. Nghe danh Ba Cụt và cuộc đời thảo khấu ngang dọc của ông, tôi hăm mộ lắm. Triết lý của ông Ba Cụt cũng thú vị: Đối thì là thảo khấu chặn xe đồ đòi nộp tiền mồi lộ. No thì là hiệp sĩ đánh Tây cứu nước. Thế cả thôi, mỗi đảng một cách ăn cướp. Thời đại của tôi không còn cách mạng nữa. Và danh từ chính nghĩa phải hiểu năm bảy đường.

Sáng sớm tinh mơ ngày 1-9-1959, tôi leo lên xe lôi máy tới bến đò An Hậu để sang làng Mỹ Lương, quê hương của ông Huỳnh Phú Sổ, thánh địa Hòa Hảo. Xe lôi chạy băng qua nhiều cầu tre bắc ngang những con lạch, xóc nảy người, hồi hộp. Dòng sông ngăn đôi quận Chợ Mới và quận Tân Châu là một nhánh của Hậu Giang. Ghe thuyền có thể sang Cao mên bằng con sông này. Người ta kể rằng, năm 1946, sau khi ông Huỳnh Phú Sổ bị Việt Minh thủ tiêu, có nhiều hôm, dòng sông ngầu đỏ máu huỳnh đệ Việt Nam. Cứ sáng sáng, thấy những thân cây nổi lênh bênh trên khúc sông qua thánh địa, vớt vô kéo lên. Rặt đầu lâu Hòa Hảo tóc dài buộc chặt vào thân cây; thấy những thân cây nổi lênh bênh trên khúc sông qua Tân Huê, vớt vô kéo lên. Rặt đầu lâu Việt Minh bị chọc tai cột giây vào thân cây. Đêm đêm, người Việt Nam giết người Việt Nam. Hòa Hảo gì đâu, Việt Minh gì đâu ? Dân quê hiền lành cả đây, nạn nhân của hai quyền lực đối kháng.

Tôi đã qua sông An Hậu, được nghe huyền thoại Đức Thầy sang sông sóng cả trên chiếc nón ! Đưa nào lý luận, đưa ấy chết. Từ bến đò An Hậu, tôi đạp xe lôi đạp vô chợ Mỹ Lương. Trường trung học bán công Hòa Hảo gần chợ, cạnh con đường sang Tân Châu. Xe cộ vô chợ Mỹ Lương phải qua tư dinh Đức Ông. Tư dinh nhìn ra sông An Hậu. Sát bờ sông có cái đồn canh. Người ta kể rằng, khi đồn Bảo An của chính phủ Ngô Đình Diệm chưa đóng tại vựa lúa của Đức Ông và khi lá cờ vàng ba sọc đỏ chưa ngạo nghễ tung bay giữa thánh địa Hòa Hảo, mọi thứ xe ngang qua tư dinh Đức Ông Huỳnh Công Bộ đều phải "hạ mã", khách bộ hành, bất kể xa gần, phải dỡ nón mũ, khom lưng bước qua cổng tư dinh. Kề nào quên dỡ nón, quên khom lưng, ông Tám, hồn danh Tám bủ loong, cầm cái đinh bủ

loong, rời đồn canh, nhắm gáy đứa “khi thượng” mà đập mạnh. Nó sẽ gục ngã. Nếu nó chết, ông Tám bù loong đẩy nó xuống sông. Nếu nó còn sống, ông Tám bù loong sẽ nhắc nhở nó phải đỡ mũ, khom lưng khi ngang qua tư dinh Đức Ông.

Tôi đến thánh địa, ông Tám bù loong đã về vị thế công dân Việt Nam của nước Việt Nam. Đồn canh trống tung. Nhưng xe lôi đập qua tư dinh, người phụ xe vẫn “hạ mã”, đỡ nón, dắt xe. Chỉ có hành khách thoát nạn nhảy xuống xe, khom lưng, cắm mặt bước. Tôi tới trường quá sớm, học trò nhà quê còn tụ tập đầy sân. Chưa chào cờ. Thấy dán ở cổng trường nhiều bích chương, nội dung như sau:

TRUNG HỌC BÁN CÔNG HÒA HẢO

Niên khóa 1959-1960

Tăng cường giáo sư Sài gòn

Đoàn Trọng Thu, cử nhân Anh văn

Lê Đình Bảo, cử nhân Toán học

và các giáo sư Nguyễn Trung Trực, Kinh Dương

KHAI GIẢNG 1-9-1959

Tôi ngỡ ngàng. Mẹ ời, tôi thủ vai Đoàn Trọng Thu, cử nhân Anh văn ! “Sự phụ” họ Đoàn của tôi học hồi nào mà cử nhận lạ vậy ? Cử nhân Duy Dân chẳng ? Cuộc đời đi học của tôi, tiếng rằng đã học hết cuốn *Anglais vivant* beige, classe de troisième của Fialip Carpentier mà thực ra tôi chưa học hết cuốn *Anglais vivant* bleu, classe de sixième. Mới đến bài số 40. Nay thủ vai cử nhân Anh văn, coi bộ quá lố. Nếu mang tiếng bịp bợm, đàn anh Duy Dân gánh chịu đấy nhé ! Tôi vào văn phòng giám thị. Ông giám thị hỏi tôi khi tôi chào ông:

- Trò ghi tên học lớp mấy ?

Học trò Hòa Hảo, lớp đệ thất, nhiều đứa bằng tuổi tôi, to con hơn tôi nên ông giám thị nhầm lẫn.

- Thưa ông, tôi là Đoàn Trọng Thu.

Ông giám thị bắt tay:

- Xin lỗi giáo sư, mời giáo sư ngồi ...

Tôi vừa ngồi xuống ghế thì thầy đồn Phạm Vĩnh phưỡn ngực xuất hiện. Tôi nhìn nó. Nó nhìn tôi.

- Xuống hôm nào thế Bảo ? Tôi hỏi.

- Hai hôm rồi, Thu ạ ! Nó đáp.

- Hồi bỏ dạy Toán ở Mỹ Tho, cậu đi đâu ?

- Mình về bắt nốt cái “mat dzê nê”. Còn cậu ?

- Tôi về cái cử nhân Anh văn giáo khoa !

Phạm Vĩnh thủ vai Lê Đình Bảo, cử nhân Toán học. Trống trường ngày khai giảng rộn rã. Học trò xếp hàng ở sân chuẩn bị làm lễ chào cờ. Tôi chứng kiến cảnh học trò Hòa Hảo chào cờ không hát quốc ca. Chào cờ dứt, ông giám thị hô lớn: “Hướng về Đức Ông !”. Học trò

xoay về phía tư dinh Đức Ông, cúi rạp hàng mấy phút. Sau đó, học trò vô lớp. Giám thị dắt hai vị giáo sư cử nhân vào các lớp giới thiệu. Học trò vỗ tay hoan hô thầy. Hết chỗ nói. Ngày khai giảng, chúng tôi không có giờ dạy.

o o o

Tôi đỗ bằng Sơ học bổ túc năm 1947 ở Trình Phố, Kiến Xương phủ, Thái Bình tỉnh, bằng do ông Tăng Xuân An ký đăng hoàng. Tôi lên trung học từ niên khóa 1947-1948, học dưới giáo sư cử nhân Đinh Tiến Lãng, Nguyễn Đăng Đại có một lớp. Nếu tôi học hành chăm chỉ thì tôi đã có cao học, thêm chi cử nhân. Ông Tả Áo chơi xỏ tổ tiên tôi, hóa cho nên tôi giảng hồ lêu lổng và bị đóng vai cử nhân rơm. Giáo sư Đoàn Trọng Thu cũng cử nhân rơm, kể luôn giáo sư Lê Đình Bảo. Nhà trường thu xếp cho chúng tôi một căn phòng trên lầu của căn nhà gạch lớn. Căn nhà, dưới là văn phòng của bệnh xá, trước kia là “quân y viện” Hòa Hảo, trên là bàn thờ Đức Thầy, do ông quận trưởng Hòa Hảo hồi hưu lo việc thờ phụng. Sau căn nhà là sân rộng và hai dãy nhà mái ngói thấp dành cho bệnh nhân, trước kia là thương binh Hòa Hảo. Sau hết là hồ nuôi cá tra lớn của Đức Ông, có mấy cái cầu tiêu công cộng. Vì Đức Thầy dạy: “Ta không nên ăn thịt những con vật giúp ích cho ta” nên chuồng bồ câu của Đức Ông không còn chỗ chứa chim và tín đồ Hòa Hảo không ăn thịt trâu, thịt bò, thịt chó, thịt mèo, thịt dê ... Gà mái đẻ trứng, gà trống gáy báo thức nông dân có ích thì hạ sát nó mà ăn, Đức Thầy không cấm. Bồ câu vô tích sự, đã không biết gáy lại còn phá hại mái nhà thì không được phép ăn. Còn cá tra ăn phân người, giải quyết vệ sinh công cộng rất hữu ích, đỡ cảnh đồ thùng, cảnh nghet cầu, lại vớt lên đem bán để bị nấu canh chua, kho tộ. Nhưng đó thuộc về giáo điều, chống đối sẽ phiền phức.

Ngoài chốn ở, nhà trường còn lo giúp chúng tôi nơi ăn. Đây là quán hủ tiếu, cà phê de luxe của “thủ đô” Hòa Hảo. Ông bà chủ quán có cô con gái học lớp đệ ngũ. Tên cô là Diệu. Ông bà nể lắm mới nấu cơm tháng cho “giáo sư”, giá đắt, vì ăn sang. Ông bà từng sinh sống tại Nam Vang, phải sang chứ. Ổn định nơi ăn, chốn ở xong, Phạm Vĩnh và tôi bèn mở cuộc đàm thoại:

- Cơn lốc nào cuốn cậu tới đây, thầy đồn vi ô lông ?
- Cơn lốc túng tiền. Còn cậu ?
- Lốc đọi. Cậu có Duy Dân không ?
- Thăng anh vợ tương lai của tở Duy Dân nặng. Nó giới thiệu tở.
- Cậu biết trước cậu là cử nhân Lê Đình Bảo ?
- Xuống đây mới biết mình có cử nhân.
- Như tở thôi. Chương trình dài hạn của cậu ra sao ?
- Toán, lý, hóa lớp đệ tứ giống lớp đệ nhị. Tở vừa dạy vừa ôn vừa học lại chương trình đệ nhị để thi tú tài. Vừa có tiền vung vít vừa phải học, nhất cử lưỡng tiện.
- Tở thì mong dứt khoát sixième bleu để sang cinqième bleu.
- Đừng quên tở là Bảo, cậu là Thu nhé !
- Yên chí. Vì cách mạng Duy Dân và vì niêu cơm của chúng ta.
- Trái đất nó xoay lạ nhỉ ?

- Lạ lắm. Thầy đồn Mỹ Tho tái ngộ tại Hòa Hảo.

- Trang đời ta có thêm những trang bấp !

- Tớ nghĩ vợ số giáo sư cử nhân, tiến sĩ trên cái cõi đời này bấp hết. Tại sao xó xỉnh này cũng cần đến cử nhân nhỉ ?

- Để các đàn anh Duy Dân bấp Hòa Hảo rằng, chúng tôi vì Hòa Hảo mà về đây, chứ cử nhân Anh văn, cử nhân Toán học sống huy hoàng ở Sài gòn. Cách mạng chúng tôi trọng nghĩa, khinh tiền.

Rồi chúng tôi hành nghề. Tôi cần kể sơ sơ về thành phần “người ngợm” của trường trung học bán công Hòa Hảo.

Hiệu trưởng: ông Dật Sĩ, nguyên Tổng trưởng giáo dục nước Hòa Hảo trước 1954, người ký tên trên văn bằng Sơ học bổ túc thi riêng tại Hòa Hảo, chuyên dạy giáo lý Phật giáo Hòa Hảo và giảng thơ, sấm của Đức Thầy.

Giám thị kiêm thư ký: ông Ngải già, có vựa nước mắm, dạy Hán văn đệ tứ.

Nguyễn văn Hàu 1: danh sĩ Hòa Hảo, viết sách, viết báo, dạy Việt văn thất, lục, ngũ.

Nguyễn Hữu Thêm: giáo sư vạn vật, sử địa, công dân, người miền Bắc bám chốt Hòa Hảo đã lâu, không biết do đảng nào cử xuống.

Nguyễn Văn Lân: Duy Dân, giáo sư trung học Kinh Dương, Chợ Mới; Thoại Ngọc Hầu, thị xã Long Xuyên, dạy Việt văn, Pháp văn, Anh văn đệ tứ.

Lê Đình Bảo: Cử nhân toán học, dạy toán lý hóa bốn lớp thất, lục, ngũ, tứ.

Đoàn Trọng Thu: Cử nhân Anh văn, dạy Anh văn thất, lục, ngũ.

Tôi dạy 6 giờ mỗi lớp. Chương trình mới chỉ dạy một sinh ngữ. Hòa Hảo chọn Anh ngữ. Ba lớp, tôi có 18 giờ 1 tuần, nhân với 4 thành 72 giờ, mỗi giờ 40 đồng. Lương tôi 2880 đồng. Tôi coi 4 giờ Việt văn bên Nguyễn Trung Trực và mấy giờ dạy nhạc phòng hò bên Kinh Dương là “cúng đường” đảng. Lớp đệ thất thì ngon ơ rồi. Lớp đệ lục hơi căng. Buổi học đầu tiên, tôi hỏi học trò xem chúng nó đã học đến bài số mấy cuốn *Anglais vivant* bleu, classe de sixième.

- Thưa thầy năm ngoái học tầm phào, giáo sư Hướng nghỉ hoài rồi nghỉ luôn, chúng em mới học đến bài số 10.

- Ta bắt đầu từ bài số 11 nhé ?

- Xin thầy dạy lại từ bài số 1 ạ ! Văn phạm chúng em mù tịt.

- Được.

Tôi mừng hóm. Qua lớp đệ ngũ, tôi hỏi:

- Các em học hết cuốn lớp sáu chưa ?

- Thưa thầy chưa ạ !

- Đến bài số mấy rồi ?
- Số 20 ạ !
- Chậm vậy ?
- Năm ngoái cả nửa niên học thay môn Anh văn bằng giáo lý.
- Thế thì chưa biết passive voice là gì đâu nhỉ ?
- Dạ.

Tôi nhớ thầy Đinh Văn Triển, Mr Passive Voice của tôi. Và tôi phì cười.

- Các em muốn ôn lại từ đầu không ?
- Dạ muốn.

Cả ba lớp cùng *Anglais vivant* bleu, classe de sixième, giáo sư cử nhân Anh văn Đoàn Trọng Thu có thể dạy hết niên học mà không cần soạn bài, không cần các cuốn dịch nguyên con, làm ráo bài tập của Dziên Hồng để “nghiên cứu”. Tôi có vẻ nhàn hơn giáo sư cử nhân Toán học Lê Đình Bảo. Tuy nhiên, tôi âm thầm sợ hãi. Và tôi thường khấn vái trước bàn thờ Đức Thầy xin ngài đánh lạc hướng bất cứ thằng nhà báo Mỹ, thằng giang hồ Mỹ nào muốn vào thánh địa Hòa Hảo. Chúng nó vô đây, người ta lôi cổ tôi ra làm thông ngôn thì tôi chỉ có nước độn thổ ! Cũng may, thời kỳ này, vấn đề Hòa Hảo chưa hấp dẫn báo chí Mỹ. Tôi dạy học lẻ phè. Tuần lễ sang Tây An hai lần. Giờ dạy đầu tiên của lớp đệ thất trường trung học tư Nguyễn Trung Trực, vì chưa ghi thời khóa biểu, tôi hỏi học trò:

- Hôm nay học gì ?
- Thừa thầy Tác dăng ạ !
- Tác dzăng ?
- Dạ. Tác dăng.
- Thiệt hả ?
- Dạ, thiệt ạ !

Tôi bèn thao thao kể chuyện Tarzan và con khỉ Chita. Học trò nhà quê của tôi chăm chú nghe và lấy làm khoan khoái vô cùng. Xong một phim Tarzan, tôi hỏi:

- Bây giờ học gì ?
- Tác dăng ạ !
- Lại Tác dzăng ?
- Dạ.
- Lên bảng viết xem nào !

Thằng học trò lên viết Tác văn to tướng trên bảng. Bỏ mẹ. Tác văn là Luận văn là Tập làm

văn. Tôi tưởng Tác văn là Tác dzăng ! Nhưng rồi, trước mỗi giờ Tác văn, học trò của tôi đều yêu cầu kể chuyện Tác dzăng. Dạy học ở nhà quê có nhiều cái lạ. Chỉ tội buồn. Ba mươi và mỏng một, mười tư và mười răm mỗi tháng, phải ăn chay. Chợ búa không bán thịt cá. Hàng quán chỉ có cà phê đen, dầu cháo quẩy. Đài phát thanh Hòa Hảo phát thanh các bài giảng của Đức Thầy và đọc thơ Đức Thầy trên cái chòi cao những ngày ăn chay, nghe ảo não và sâu thảm. Đài chạy máy phát điện riêng. Tôi không quen ăn chay nên một tháng có bốn ngày đói. Tháng đầu, trả tiền điểm tâm và cơm tháng mất 1500 đồng. Thấy buồn ruột, Phạm Vĩnh bạn với tôi ăn cơm chung với Nguyễn Hữu Thêm, nhờ dì Tư nấu. Chúng tôi chỉ tốn mỗi bữa mỗi tháng 600 đồng và bốn ngày chay được ăn thịt gà. Nhà trường khó chịu vụ giết gà ngày ăn chay. Chúng tôi giải thích ăn chay chúng tôi không đủ sức “bán cháo phôi”. Nhà trường bỏ qua vì học trò khoái chúng tôi.

Giữa tháng 10-1959, chúng tôi phải vào yết kiến Đức Ông và Đức Bà.

o o o

Người ta kể cho tôi nghe nhiều chuyện về ông Huỳnh Phú Sổ. Dĩ nhiên, rất những chuyện không tốt và, chắc chắn, do những người không ưa ông bịa đặt. Vậy tôi chẳng nên ghi ra. Huyền thoại bao vây quanh ông Huỳnh Phú Sổ đông đầy. Tôi cho rằng, chính những huyền thoại này đã làm nhạt nhòa tâm hồn yêu nước của người thanh niên làng Mỹ Lương, quận Tân Châu tên là Huỳnh Phú Sổ. Khởi sự, người thanh niên này là một chiến sĩ giải phóng dân tộc. Ông có tài ăn nói và sức quyến rũ quần chúng. Người ta ngưỡng mộ ông vì ông can đảm chống thực dân Pháp. Ông Huỳnh Phú Sổ học rất ít. Ông không đủ khả năng viết một chủ nghĩa, một học thuyết. Do đó, Hòa Hảo không phải là một học thuyết. Nó phải dùng Phật giáo làm bình phong án ngữ: Phật giáo Hòa Hảo. Phật giáo Hòa Hảo, tự cái danh xưng đã tách ra hai phần. Kinh của nhà Phật và những bài giảng và thơ của ông Huỳnh Phú Sổ. Tôi không hiểu nguyên do nào nhà ái quốc Huỳnh Phú Sổ biến thành giáo chủ Huỳnh Phú Sổ, biến thành Đức Thầy. Những bài giảng của ông, những bài thơ của ông chưa thể gọi là văn chương châu ngọc, nó bình thường thôi, song nó chứa đựng đạo nghĩa làm người. Vậy mà những kẻ lợi dụng ông đã đem lời phách lối của Lã Bất Vi mà bảo ông ví thơ văn mình như *Lã thị xuân thu*, ai sửa nổi một chữ tặng một lạng vàng. Lại còn diễn giảng thơ văn của ông như sấm ký và thêu dệt huyền thoại huyền hoặc quần chúng ngu dốt coi ông như đấng cứu thế, quyền phép vạn năng, trong khi, ông chỉ là người bình thường nhưng hành động phi thường. Không muốn dân tộc bị nô lệ, ông Huỳnh Phú Sổ đánh thức tinh thần quật khởi của quần chúng vùng lên giải phóng độc lập. Chiến sĩ Huỳnh Phú Sổ là một hình ảnh đẹp của cả dân tộc. Đức Thầy chỉ là hình ảnh linh thiêng của vài trăm ngàn tín đồ.

Sự vô duyên đối với lịch sử của ông Huỳnh Phú Sổ là đa số quần chúng chỉ đánh giá Hòa Hảo và tín đồ Hòa Hảo qua các ông tướng Năm Lửa, Hai Hoán, Ba Cụt, Giác Ngộ mà hành động của họ không hay ho gì. Thật ra, tín đồ Hòa Hảo là những dân quê đạo đức, hiền lành, cần cù. Họ cũng từng là nạn nhân của quân binh và tướng lãnh thảo khấu. Tôi rất kính trọng và yêu mến tín đồ Hòa Hảo miền quê. Họ ngưỡng mộ ông Huỳnh Phú Sổ hồn nhiên và chân thành, răm rắp thực hiện lời Đức Thầy của họ dạy, không hề biết mưu đồ chính trị. Có một tín đồ nhất định không tin Đức Thầy của họ bị Việt Minh sát hại. Ông này nuôi con heo từ năm 1946 với mơ ước khi Đức Thầy hồi hương sẽ giết heo khao mừng. Con heo già nua, mùa lòa, rớt xuống hố chết thảm. Da nó dày đến gần 1 phân, Đức Thầy vẫn hạc nội mây ngàn.

Dẫu sao, không ai có thể phủ nhận tài năng và lòng yêu nước của ông Huỳnh Phú Sổ, nếu yêu nước không thuộc độc quyền của phe đảng nào, giáo phái nào. Mấy trăm ngàn tín đồ Hòa Hảo đã chứng minh tài năng và đạo đức của ông Huỳnh Phú Sổ. Tài năng và đạo đức ấy không bao giờ làm nên bằng huyền thoại rẻ tiền “Đức Thầy qua sông sóng cả trên chiếc nón. Đức Thầy uống cả tô át xít không chết”..., hay bằng cách cấm người “ngoại đạo” không được gọi Đức Thầy là ông Huỳnh Phú Sổ !

Từ khi ông Huỳnh Phú Sổ bị giết, Hòa Hảo tan nát, bốn ông tướng chia rẽ, ông theo Tây, ông chống Tây. Rốt cuộc, vì chia rẽ, quân binh của Hòa Hảo bị quân đội chính phủ quét sạch. Ông Huỳnh Công Bộ, thân phụ của ông Huỳnh Phú Sổ được phong làm Đức Ông để dùng uy tín của Đức Thầy trừng phạt bốn ông tướng Hòa Hảo. Người ta kể rằng, bốn ông tướng chọc trời khuấy nước đã về làng Mỹ Lương, quỳ mọp giữa sân tự dinh Đức Ông và nằm sấp chịu ba toong của Đức Ông vụt. Đức Ông quyền thế vô cùng. Ông ta, thỉnh thoảng, vi hành phố chợ. Tín đồ quỳ mọp lễ vái. Hễ thấy radio hát tân nhạc, Đức Ông đập nát radio. Hễ thấy thanh niên chơi đàn tân nhạc, Đức Ông đập nát đàn. Đức Ông có xe hơi Peugeot 403, thường đi Sài gòn, Long Xuyên, Châu Đốc, Cần Thơ qua ngã bắc Cái Dầu. Đức Ông đã hết quan liêu, phong kiến từ ngày đồn Bảo An đóng trên vựa lúa của ông ta.

Chúng tôi “yết kiến” Đức Ông. Đức Ông ngồi bắc chân bằng tròn trên mép bộ ngựa ván gỗ lóng coóng, hút thuốc rê, khắc nhổ vung vít. Đây là một ông già miền Nam hiền lành như mọi ông già khác. Ông ta mặc bộ bà ba trắng xuềnh xoàng. Đức Bà đứng cạnh, giản dị và khả kính. Thế mà bọn cận thần ngu xuẩn đã “đạo diễn” ông già chất phát thành một Đức Ông độc tài, phong kiến. Ông già không nói năng gì cả, thần nhiên hút thuốc và thần nhiên khắc nhổ. Chúng tôi được mời uống trà, ăn bánh men kiến đục rỗng và ăn luôn kiến. Ngồi như phỗng đá gần nửa tiếng đồng hồ, cận thần mới dục:

- Thỉnh Đức Ông ban huấn thị cho hai giáo sư mới.

Ông già thối tung cái đuôi điều thuốc rê, chậm rãi:

- Các thầy gẫm suy đạo lý Hòa Hảo nghe !

Chúng tôi đồng thanh:

- Dạ.

Ông già vẩy tay:

- Thôi, dzìia ...

Chúng tôi đứng dậy, cúi đầu chào từ biệt Đức Ông, Đức Bà.

o o o

Tháng 10-1959, tôi mắc hai khuyết điểm. Thứ nhất, quần xà rồng sang văn phòng giám thị lãnh lương. Thứ nhì, can thiệp vào việc làm của giám thị. Nhà trường báo cáo đàn anh Duy Dân. Đàn anh phê bình tôi. Khuyết điểm thứ hai tôi cãi đàn anh. Như vậy:

Giờ dạy của tôi ở lớp thất, trò Cam, con ông hiệu trưởng khai mất cuốn Anglais vivant. Nó bảo, trước lúc chào cờ, cuốn sách còn. Chào cờ xong vỗ lớp, cuốn sách bị ăn cắp. Nó xin phép tôi lên văn phòng giám thị. Tôi nhìn học trò:

- Em nào rồn chơi thì trả sách cho Cam.

Tôi bắt gặp đôi mắt sợ hãi của thằng Bần. Nó lớn con và lớn tuổi nhất lớp. Bần không phải dân Mỹ Lương. Anh em nó ở Tân Huê, bên kia sông. Bên ấy, thuộc quận Hồng Ngự, tỉnh Kiến Phong, dân chúng không theo Hòa Hảo. Ngay đầu bến đò ngang, có một cái nhà thờ, giáo dân lựa thưa. Hồi Hòa Hảo thịnh trị, vị linh mục, cha sở xứ đạo Tân Huê, phải sang Mỹ Lương dự lễ khai sáng đạo Hòa Hảo. Tân Huê nghèo nàn, dân chúng sống bằng nghề trồng trầu, lưới cá. Hai anh em nó cùng học lớp đệ thất. Thằng em tên Khải.

Ông giám thị đã đến cửa lớp. Ông ta xin phép tôi cho khám từng học bàn của học trò. Tôi

nhìn thẳng Bần. Nó nhìn tôi cầu cứu.

- Thừa ông giám thị đang giờ dạy. Vả nữa, tôi không muốn tất cả học trò của tôi bị nghi oan là ăn cắp. Không, xin ông đừng xúc phạm vào danh dự của học trò cả lớp.

Tôi cầm cuốn sách của tôi đưa cho thẳng Cam:

- Thầy đèn sách em.

Ông giám thị trở ra. Ông bực tức lắm.

Tôi hỏi đàn anh:

- Như thế là khuyết điểm ư ?

Đàn anh đáp:

- Như thế là bao dung. Tốt. Nhưng chú để mặc họ làm việc. Đại sự không vì một người.

Tôi nói:

- Một người chưa cứu nổi, cứu sao nhiều người.

Đàn anh nhất định cấm tôi không được tái diễn trò này. Tôi bắt đầu phẫn nộ. Tháng 11-1959 tôi mắc vô số khuyết điểm: đá cầu với học trò; đi tắm sông với học trò; sai học trò đi bắt cua về nấu bún riêu cho học trò ăn và dạy học trò nấu canh bún, bún riêu; dẫn học trò đi đấu bóng tròn bá vai bá cổ học trò. Khuyết điểm nặng nề nhất của tôi là đưa học trò sang Tân Huê, mua thịt bò, làm bíp tếch cho học trò thưởng thức. Những thằng học trò ngô nghê, lần đầu được ăn thịt bò khen ngọt lịm và về khoe âm ỹ. Tôi phạm vào điều “giới răn” của Đức Thầy. Thằng Phạm Vĩnh cũng rủ học trò sang Tân Huê ăn thịt chó, hòa đàn vi ô lông với ông linh mục, uống rượu trong nhà thờ, tại sao đàn anh của tôi không phê bình nó ? Phê bình thì phê bình, tôi bất kể. Thế mà đàn anh chưa đuổi sở. Lại còn cho dạy thêm 4 giờ Việt văn lớp đệ tứ. Đàn anh Lân sang một ngày thôi. Sáng đàn anh dạy 2 giờ Anh văn cho 10 học trò, 15 đứa kia chọn Hán văn làm sinh ngữ phụ. Giá Việt văn dạy một lèo 4 giờ được, đàn anh đã “bán cái” Anh văn cho tôi. Anh văn học trò đệ tứ Hòa Hảo cũng nên học lại từ bài số 5 *Anglais vivant* lớp 6. Đàn anh Lân phải thế tôi dạy 4 giờ Việt văn đệ thất trường Nguyễn Trung Trực. Tôi ngại sang một tuần hai lần.

Buồn tình, tôi rủ riêng Phạm Vĩnh qua Tân Huê nhậu nhẹt hàng đêm, vào nhà thờ nghe ông cố đạo ca ngợi Việt Minh. Ông cố này thù ghét Hòa Hảo lắm, thù ghét luôn ông Ngô Đình Diệm. Rồi tôi đến đồn Bảo An đấu láo với thiếu úy Mai, ăn uống ở đây thường xuyên. Thiếu úy Mai khoái tôi. Anh ta cho tôi biết nhiệm vụ của anh ta là khám phá vũ khí chôn giấu của lực lượng võ trang Hòa Hảo.

- Bằng cách nào ? Tôi hỏi.

- Đi kích đêm, Mai đáp.

- Kích ra sao ?

- Tôi và lính của tôi mặc bà ba đen, bôi mặt đen thui, đêm đêm lén chui dưới gầm nhà sàn. Bọn ở núi về nói chuyện với nhau, chúng tôi nghe hết.

- Vồ nó à ?

- Không được phép vồ. Hễ nó nói chỗ đầu vũ khí, chúng tôi đến đào.
- Trúng chứ ?
- Lai rai.
- Tình báo của cậu dở thế ?
- Mẹ, chộp đầu các chức sắc Hòa Hảo khai thác ra gom ráo trọi. Khổ nổi, lệnh trên nghiêm cấm. Không cấm, chộp lão Dật Sĩ là vài hăm xéng.
- Đi kích vui không ?
- Vui lắm. Tôi mà viết báo, tôi sẽ viết phóng sự “Đi kích”. Cậu thích đi, tôi dẫn cậu đi.
- Hồi hộp chứ ?
- Hồi hộp và ly kỳ.
- Cho tôi đi với.

Tôi đi kích nhiều đêm. Thiếu úy Mai chọn những nhà vợ chồng son hoặc vợ có chồng vô nui hoặc cha mẹ già không con cái mà kích. Đà số nhà ở cù lao Mỹ Lương là nhà sàn. Chúng tôi nằm từ nửa đêm tới bốn giờ sáng. Một đêm kích dưới gầm sàn cặp vợ chồng son, nghe anh chị gù nhau tôi suýt phì cười. Rồi anh chị làm tình rung rinh sàn nhà nghe bần xúc xích. Một đêm kích dưới gầm sàn đôi uyên ương tuần trăng mật. Chàng ga găm. Nàng ngúng nguẩy. Chàng gò tiểu thuyết *Sài gòn mới*. Nàng gáy phóng sự *Tiếng Chuông*. Chàng chơi trò thộ bạo “hiếp” nàng. Nàng ú ớ la mắng. Rồi nàng rên âm ỉ. Sàn nhà cọt két, cọt két. Rồi im. Rồi nàng thách chàng “hiếp” nữa. Tôi muốn điên lên. Đi kích chỉ gặp cảnh này đêm ra một mỗi tưởng tượng. Tôi chê. Kể cho Phạm Vĩnh nghe, nó xin thiếu úy Mai đi kích. Nó hỏ miệng nói với đàn anh của tôi là tôi đầu têu. Tôi bị phê bình nghiêm khắc.

Nhưng mản phê bình nghiêm khắc nhất là tôi dám chê danh sĩ Hòa Hảo Nguyễn Văn Hàu, tác giả cuốn *Nghệ thuật làm văn*. Ông ta viết một bài gửi tạp chí Bách Khoa. Bài báo của ông ta bàn về nghệ thuật dùng điệp ngữ. Ông ta viện dẫn văn của Khái Hưng “Làm sao tôi có thể quên ? Nếu tôi quên được những đêm trăng rồi bên đầu hè, quên tình nghĩa của đôi ta, quên chú thì đầu đến nổi”, thơ của Lưu Trọng Lư “Mưa mãi, mưa hoài”. Sở dĩ danh sĩ Nguyễn Văn Hàu đưa tôi coi, trước khi gửi đăng báo, vì ông được học trò báo cáo với ông là tôi sành thơ văn lắm. Tôi noi gương giáo sư Nguyễn Uyển Diễm, dạy lạc đề, vác thơ mới ra bình giảng. Đưa tôi đầu tuần, cuối tuần ông đòi lại bản thảo, hỏi tôi:

- Ý kiến ông thế nào ?

Tôi thật thà đáp:

- Tôi đã đọc một bài của Nguyễn Hiến Lê, văn viện giống hệt ông. Tại sao ông cam đành xoay quanh hành tinh Nguyễn Hiến Lê ?

Danh sĩ Hòa Hảo tái mặt:

- Văn viện thế là nhất rồi. Ông Nguyễn Hiến Lê đọc nhiều, hiểu rộng, ai bì kịp ông ấy.

Tôi cười:

- Bể học mệnh mông. Cao Bá Quát nói trong thiên hạ có ba bồ chữ, mình ông ta chiếm hai bồ, có người chê ông ta ít chữ quá. Vì học hải, tỉ tỉ bồ vẫn là chút xiu.

Danh sĩ Hòa Hảo khó chịu:

- Chắc ông nhiều chữ ?

Tôi nhún vai:

- Tôi có một dúm, nhưng thuộc hai bài thơ của Nguyễn Bính chơi điệp ngữ đẹp lắm. Ông muốn nghe không ?

Danh sĩ Hòa Hảo sáng giọng:

- Ông đọc đi !

Tôi nói:

- Tôi đọc hai đoạn thôi. Đoạn thứ nhất, Nguyễn Bính chơi chữ *trắng*. Đoạn thứ nhì, thi sĩ chơi chữ *chín*.

Và tôi đọc:

*Sáng nay vô số lá vàng rơi
Người gái trinh kia đã chết rồi
Có một chiếc xe màu trắng đục
Hai con ngựa trắng bước hàng đôi
Đem theo một chiếc quan tài trắng
Và những bông hoa trắng lạnh người
Theo gót những người khăn áo trắng
Khóc hồn trinh trắng mãi không thôi.*

Tôi hát đầu:

- Hay chứ ?

Danh sĩ Hòa Hảo gật gù:

- Hay.

Tôi đọc tiếp:

*Đồn rằng đám cưới cô to
Nhà trai thuê chín chiếc đồ đón dâu
Nhà gái ăn chín nghìn cau
Tiền cheo tiền cưới chừng đâu chín nghìn
Lang thang tôi dạm bán thuyền
Có người trả chín quan tiền lại thôi.*

Và lại hát đầu:

- Hay chứ ?

Danh sĩ Hòa Hảo lại gật gù:

- Hay.

Tôi bốc máu:

- Phải nói là tuyệt diệu, là bậc thầy của điệp ngữ. Bàn về nghệ thuật dùng điệp ngữ mà chưa đọc Nguyễn Bính kể như không nên bàn.

Danh sĩ Hòa Hảo lặng lẽ cầm bản thảo ra về. Thay vì cảm ơn tôi, ông ta báo cáo với đàn anh của tôi, kết tội tôi xúc phạm tài năng của ông ta. Đàn anh tôi đưa lại tôi thể thăm. Tôi cãi quyết liệt.

- Lần này chú động chạm đến tự ái của ông Nguyễn Văn Hàu.

- Em chỉ thật thà có ý kiến.

- Tại sao phải thật thà ?

- Tại sao không thật thà ?

- Chú khen ông ta là đẹp mọi bề.

- Nó viết âm ớ, sao chép cả đến văn viện của Nguyễn Hiến Lê, khen sao nổi. Hay mới khen, dở thì phải chê. Chê nó là giúp nó tiến bộ.

- Chú sẽ về Sài gòn, chúng tôi sẽ lo việc khác cho chú.

- Anh khỏi cần lo. Em thích độc lập tư tưởng. Em không chấp nhận để bị khống chế tự do tư tưởng. Em thù ghét mọi gian dối, bịp bợm.

- Chú đừng nóng nảy.

- Em không nóng nảy. Tự xét mình không thể làm cách mạng, làm chính trị, từ nay Duy Dân hoàn toàn xa lạ đối với em. Nhưng anh yên tâm, em vẫn là Đoàn Trọng Thu, cử nhân Anh văn.

o o o

Tôi xách hành lý sang Tân Huê ở nhà thẳng Bàn nghỉ ngơi vài bữa. Bắt đầu từ hôm nay tôi phải tích cực phấn đấu với đời sống, không thể rong chơi chờ đợi những bất ngờ xảy đến cho cuộc mưu sinh. Học trò Tân Huê thương tôi, không sang Hòa Hảo học nữa. Học trò Hòa Hảo kéo qua sông thăm hỏi tôi. Phạm Vĩnh viết thư dặn tôi phải đề phòng vì nhà trường thù hận tôi, các đàn anh Duy Dân thù hận tôi. Vĩnh khuyên tôi nên rong về Sài gòn lẹ. Nhà trường thù hận tôi vì tôi gây mầm phản động vào tâm hồn học trò. Tôi đã dạy học trò của tôi ngẩng mặt lên, can đảm, không sợ hãi Tám bù loong, Chín cứng và quyền uy vô hình. Tôi đã dạy học trò của tôi chỉ thực hiện lẽ phải của Đức Thầy và chống đối mọi dọa nạt của thảo khấu. Kính trọng khác với khúm núm, tôi đã dạy học trò tôi thế. Và chúng nó hết cúi rạp lưng hướng về tư dinh Đức Ông. Đàn anh Duy Dân thù hận tôi vì không điều kiện hóa nổi con người tôi và vì sợ tôi tiết lộ sự lừa bịp Hòa Hảo của họ.

Tôi định ở Tân Huê ba ngày thôi, cho học trò của tôi đi học. Nhưng học trò Tân Huê cầm chân tôi lại. Tôi dặn riêng thẳng Bàn:

- Ban ngày thầy nghỉ nhà em. Ban đêm thầy ngủ nhà thẳng Lễ. Em đừng cho đứa nào biết

nhé !

- Thầy đã dặn thằng Lễ chưa ?

- Rồi.

- Em neo ghe sẵn, hễ động, em chở thầy đi trốn.

- Thầy có linh tính.

- Sao, thầy ?

- Chúng nó sẽ hại thầy.

Ngay chập tối hôm tôi vừa dặn dò thằng Bần, nó hốt hải chạy sang nhà thằng Lễ, hỏi tôi:

- Đi, thầy !

- Động à ?

- Thằng Khái biểu nó gấp cảnh sát quận về, đang nhậu ở trụ sở Hội đồng xã.

Bần xách hành lý của tôi, dắt tôi ra bờ sông, chỗ nó dậu ghe. Nó vắt hành lý của tôi vào ghe, giữ ghe khỏi chòng chành cho tôi bước xuống rồi chèo qua bên kia sông. Nó men theo bờ sông, chèo xuôi về phía Tân Châu. Bần im lặng. Nửa đêm, chúng tôi đã quá xa Mỹ Lương và Tân Huệ. Coi như thoát nạn. Bần hỏi tôi:

- Tại sao quận về bắt thầy ?

- Đã chắc chưa ?

- Chắc mà.

- Thế thì Hòa Hảo thuê cảnh sát Hồng Ngự về bắt thầy đó.

Tôi không muốn nói đàn anh tôi bày vẽ kế hoạch.

- Tại sao nó không bắt ngay, còn nhậu nhẹt ?

- Thầy trong rọ, nó nhúm lúc nào chẳng được. Nó đợi bắt ban đêm. Nó không ngờ còn có em cứu thầy.

- Thầy ạ !

- Gì ?

- Ba em hoạt động cho cách mạng. Ông ở tuốt trong Đồng Tháp Mười lặn.

- Đâu có chi lạ. Mỗi người một lý tưởng mà.

- Thầy đi rồi, em sẽ vô trổng.

Bần ép ghe sát bờ.

- Thầy trò mình đợi đây, sớm mai xe Tân Châu qua, thầy rông. Bây giờ thầy ngủ, em thức canh chừng.

Tôi nói:

- Khởi, thầy thức với em.

Nhưng tôi cũng ngả lưng, chớp mắt lúc nào. Khi tôi thức giấc, ghe thuyền đã tấp nập xuôi ngược giữa sông. Tiếng cười nói vang vang.

- Thầy ạ ?

- Gì ?

- Tại sao thầy đã cứu em thoát nhục ?

- Vì thầy biết bản chất em tốt. Vì thầy đã sống với những đứa trẻ nghèo nàn, dốt nát, bơ vơ làm nghề ăn cắp. Vì đã có lần thầy ăn cắp, hồi ấy thầy còn nhỏ lắm.

- Em cảm ơn thầy. Em sẽ nhớ thầy trọn đời.

- Bần.

- Dạ.

- Thầy mới là người mang ơn em.

Xe đồ Mỹ Lương – Tân Châu đã bóp còi phía xa. Tôi nhẩy lên bờ. Bần xách hành lý theo tôi đứng đón xe bên lề đường. Tôi bước lên xe đồ. Bần vẫy tay. Trong sớm mai mờ sương, tôi nhìn rõ những giọt nước mắt của thằng học trò nhà quê. Và nước mắt tôi cũng ứa ra.
o o o

Không thèm trở về Sài gòn, tôi đáp xe đi Tân Châu – Châu Đốc, rồi Châu Đốc – Long Xuyên. Tôi còn tiền sống dè sẻn vài tháng. Kiếm khách sạn rẻ tiền nhất, tôi thuê phòng, tắm gội, thay quần áo rồi xuống phố ăn uống. Tôi dạo chơi Long Xuyên và tôi biết Long Xuyên có hai trung học tư thục. Sáng hôm sau, tôi đến trường Quang Trung, đường Lê Lợi, xin dạy học. Tôi tự tin chọ nên can đảm vô cùng. Tự ái tuổi trẻ làm cho tôi tự tin. Tôi không xấu hổ rụt rè gì hết. Tôi cần chứng minh cho đàn anh Duy Dân biết rằng, họ không thể điều kiện hóa nổi con người tôi, họ không thể hại nổi tôi. Tôi không cần họ. Tôi ly dị họ vĩnh viễn. Tôi sẽ hay gấp ngàn lần họ, sẽ hữu ích gấp ngàn lần họ. Một mình tôi sẽ ngoạn mục hơn chủ nghĩa Duy Dân, đảng Duy Dân. Tôi sẽ vĩ đại hơn Lý Đông A, sẽ làm thơ tuyệt diệu hơn Lý Đông A. Người ta sẽ biết tôi mà không biết Lý Đông A. Chưa phải bây giờ. Mà là ba mươi năm hay sáu mươi năm sau. Tôi đã nói là tôi làm. Tôi làm là phải được. Cảm hứng vươn lên của tôi đó. Hễ bị dìm xuống thì phẫn đấu vươn lên. Đừng bao giờ để bị dìm chết sặc sụa. Đừng bao giờ hèn mạt, vô liêm sỉ đầu hàng và chịu để bị điều kiện hóa con người để được kéo lên. Khi đó không còn phẩm cách làm người.

May mắn thứ nhất đến với tôi. Tôi đã gõ đúng cửa. Hai vị giáo sư của trường Quang Trung vừa bị bắt vì lý do chính trị. Trường đang thiếu một người dạy Anh văn, nhận tôi ngay, chẳng thèm đòi hỏi bằng cấp. Hồi này, Anh ngữ ở dưới các tỉnh miền Tây còn bị coi như sinh ngữ không cần thiết. Nó bị dè bĩu, hắt hủi. Nhà trường dạy cho có dạy và học trò học gọi là học. Rất lơ là. Bởi thế, tôi mới có đất dụng võ. Rõ là mùa gầy vườn hoang. Người ta trả tôi mỗi giờ 80 đồng, giá gấp đôi Hòa Hảo. Khởi phải bịp bợm cử nhân Anh văn, khởi phải đội lốt tên người khác, tôi bắt đầu bằng tên đích thực của tôi, Vũ Mộng Long, không cử

nhân Anh Văn, không tú tài, không trung học, hơn cử nhân Duy Dân 40 đồng một giờ !

Tôi không muốn định cư cuộc đời tôi ở nghề dạy học. Có hai lý do. Một, tôi không nên tiếp tục dạy học không có bằng cấp. Không thể chấp nhận những kẻ thiếu bằng cấp dạy học trò đi thi lấy bằng cấp. Dạy học là thiên chức mà tôi dạy học chỉ để mưu sinh tầm thường. Hai, làm nghề dạy học tôi sẽ khó lòng thực hiện nổi những điều tôi đã hạ quyết tâm, dù tôi có hi hục học thi lấy mảnh bằng. Giấc mộng văn chương vụt dậy, sôi nổi, mãnh liệt. Tôi đem ba cái truyện ngắn của tôi ra đọc lại, đọc kỹ. Tôi sửa chữa thêm nhiều đoạn. Rồi chép lại sạch sẽ. Có thể nói, truyện ngắn *Hoa thiên lý*, tôi đã sửa, đã chép kỹ lưỡng với lòng say mê. Cung cách làm việc ấy không còn nữa khi tôi trở thành nhà văn chuyên nghiệp. Và tôi không còn viết nổi một cái truyện ngắn nào ra hồn. Tôi nghĩ rằng, thuở đầu đời viết văn là thuở tình yêu văn chương dào dạt trong tâm hồn ta, thuở ta làm nên những truyện ngắn đặc sắc, những truyện ngắn đẩy ta vào vũ trụ văn nghệ, đưa ta lên một chỗ ngồi, mở cánh cửa lớn cho ta nhìn trời đất, nhìn đời, nhìn người và nhìn ta. Khi ta viết tiểu thuyết đăng nhật báo, lại viết hai ba cái một ngày, ta thực sự đoạn tuyệt với truyện ngắn. Tôi có một nhận xét: Chẳng thấy ông nhà văn nào khởi sự nghề viết văn của mình bằng phơi ơ tông nhật báo viết được truyện ngắn cả. Tôi muốn nói tới một truyện ngắn trung bình thôi.

Người ta có thể đếm trên đầu ngón tay vài bậc thầy viết truyện ngắn ở Việt Nam. Người ta cũng có thể đếm được những truyện ngắn hay nhất của Việt Nam, của cả nước Việt Nam. Vậy thì, nếu thi ca là tinh huyết của văn chương, truyện ngắn chính là châu ngọc của văn chương đấy. Phải lên rừng săn voi mới có ngà, phải xuống biển lặn mò trai mới có ngọc. Muốn truyện ngắn hay, người viết văn phải làm công việc của kẻ lên rừng săn voi, kẻ xuống biển mò trai. Một đời nhà văn chỉ có một thời viết truyện ngắn và xuyên suốt cái thời ấy, nhà văn tự chọn lựa truyện ngắn của mình, đầu yêu hết con cái tinh thần của mình, y cũng đành phải thú nhận có hai ba cái xuất sắc thôi, còn lại là bình thường hiện thân và tầm thường. Hiếm hoi mới có nhà văn nhiều truyện ngắn xuất sắc. Thạch Lam chẳng hạn. Nhưng Thạch Lam ít viết truyện dài. Hình như Thạch Lam chỉ có mỗi truyện dài *Nắng trong vườn*, không mấy rực rỡ. Vấn đề đặt ra cho những người tuổi nhỏ yêu văn chương và thích làm văn chương là họ sẽ vào văn chương bằng *cửa rộng* hay *cửa hẹp*, họ chọn lối khó hay họ lựa lối dễ. Cửa rộng và đường rộng, theo nghĩa Thánh Kinh, dẫn đến sự hư hỏng, theo nghĩa văn chương, dẫn đến sự buông thả, tầm thường. Cửa hẹp và lối hẹp, theo nghĩa Thánh Kinh, dẫn đến sự sống, theo nghĩa văn chương, dẫn đến tác phẩm. Theo nghĩa *Cổ học tinh hoa*, những kẻ bỏ cái khó, tìm cái dễ là những kẻ vẽ ma quỷ. Còn những kẻ chối bỏ cả cửa rộng lẫn cửa hẹp, chê cả cái dễ lẫn cái khó là những kẻ từ lúc cầm bút đến lúc nhắm mắt, chỉ biết ghi chép “Sổ tay văn nghệ” xỏ xiên và xúi con nít viết bài công kích các bậc cha chú. Những kẻ đó không để lại cho đời sống cái gì cả, nhưng buồn nôn biết mấy, họ cứ thích chơi trò giả hình, khoe khoang “nhìn vách ăn năn”.

Sửa chữa xong *Hoa thiên lý*, *Em*, *Bóng mây kỷ niệm*, tôi khởi sự viết *Khúc rẽ cuộc đời*. Viết dở dang thì hết niên học. Tôi trở lại Sài Gòn.

[1](#)Được giải thưởng biên khảo Giải văn học Nguyễn Văn Thiệu

417/2A Lê Văn Duyệt, Sài gòn là địa chỉ mới của tôi. Tôi đậu trên gác xép mái tôn lầu 2. Đây là nhà Dương Hải Trân. Thân phụ của nó, ông Dương Huy Môn, công chức. Bảy giờ, Trúc Sĩ Nguyễn Đình Thái đã rời khám Chí Hòa về đây tá túc. Trúc Sĩ, bạn thân của ông Dương Huy Môn. Tác giả Kẽm trống, vượt tuyến bằng đường Lào vào Nam. Ông ta đi diễn thuyết khắp nơi, viết bút ký Tôi vượt tuyến đăng trên nhật báo Cách mạng quốc gia. Rồi ông ta bị chế độ Ngô Đình Diệm bắt về tội ông ta gây ra thời chế độ Bảo Đại. Nhờ bác sĩ Trần Kim Tuyền can thiệp, Trúc Sĩ không bị đưa ra tòa và được tha sau mấy tháng ăn cơm tù. Nằm áp Chí Hòa, Trúc Sĩ thù hận Triều Đầu vô cùng. Khi tôi tới 417/2A Lê Văn Duyệt, Trúc Sĩ đang chuẩn bị in tập thơ Sao rơi. Ông ta cũng đang viết trường thiên tiểu thuyết, Thét hận, mô tả cuộc kháng chiến của Trần Trung Lập, và cách mạng 19 tháng 8. Trúc Sĩ viết văn trên máy chữ, múa ngón tay rào rào. Tôi phục sát đất.

Vào thời kỳ này, văn nghệ Sài gòn ồn ào lắm. Văn Quang đang dẫn đầu về số độc giả ái mộ. Mai Thảo xuất bản thêm *Tháng giêng cỏ non*, *Bầy thỏ ngày sinh nhật*. Thanh Tâm Tuyền có thêm *Dọc đường*, *Liên*, *Mặt trời tìm thấy*. Doãn Quốc Sĩ thì *Gìn vàng giữ ngọc*, *Dòng sông định mệnh*, *Trái cây đau khổ*, *Đoàn người hóa khí* ... Nguyễn Sĩ Tế thì *Chờ sáng*. Nguyễn Mạnh Côn thì *Kỳ Hoa Tử*, *Truyện ba người lính nhảy dù lâm nạn*. Những khuôn mặt văn nghệ mới gây sội nổi thị trường chữ nghĩa có Dương Nghiễm Mậu, Duy Lam, Viên Linh, Trần Thị Nhã Ca, Tuấn Huy, Lan Đình, Phạm Lê Phan, Tô Thùy Yên ... “Đệ tử” Ninh Chữ của tôi cũng đã xuất bản một tập thơ. Thế Phong hung hăng phê bình văn nghệ. Lê Hà Vĩnh khai tử bút hiệu Hoài Nam, thi sĩ mà Hồ Đình Phương khen nức nở trên *Văn nghệ tiên phong*, khai sinh bút hiệu Trần Dạ Từ. Đặng Trí Hoàn thì khai tử bút hiệu Hoài Hương, khai sinh bút hiệu Hà Huyền Chi và đã thành thiếu úy nhảy dù, mặc “com bi ne đông” đi bắt Bonard với em gái Trưng Vương vung vít. Nó đã quên em Long phốp pháp. Sa Giang Trần Tuấn Kiệt, thi sĩ miền Nam, được Nhất Linh khích lệ, sáng tác mạnh mẽ. Nguyễn Đình Toàn đã trình làng *Chị em Hải*. Vân vân. Văn nghệ di cư vẫn thao túng thị trường. Hai kiện tướng miền Nam, Bình Nguyên Lộc tung ra *Đò dọc* và *Sơn Nam*, *Hương rừng Cà mau*. Đã vắng Phú Đức đưa *Quách si ma* vào trận chiến. Trong lịch sử làm báo thế giới, duy nhất một nhà văn Phú Đức quyến rũ độc giả rờn rã mấy năm bằng *Quách si ma*, nhân vật kỳ bí của triền miên phơi ơ tông Châu về Hiệp phố. Nhật báo của ông là ... Châu về hiệp phố. Độc giả tranh nhau mua báo của ông chỉ để theo bước chân đi của *Quách si ma* ! Sức quyến rũ của ngòi bút Phú Đức thật đáng nể.

Ở với Trúc Sĩ có cái thú là được ông ta mời đi ăn phở, uống cà phê mỗi sáng và có cái khổ là bị nghe ông ta bình văn của ông ta. Trúc Sĩ dễ khóc, dễ cười, dễ nổi giận. Viết đến chỗ nào tả cảnh nhớ nhưng là ông ta khóc rưng rức, khóc ngầu đỏ mắt, vì ông ta nhớ vợ cả, vợ bé, con cái ngoài Hà Nội. Trúc Sĩ có hai bài thơ không thấy in trong *Sao rơi*. Bài thứ nhất diễn tả cảnh đêm rời Hà nội với Ngọc Giao đến bờ sông vắng, Ngọc Giao quỳ lạy Trúc Sĩ tha lỗi, bởi Ngọc Giao phải trở lui, không đủ can đảm bỏ vợ con ra đi tìm tự do. Bài thứ hai ca ngợi sĩ khí của Nguyễn Gia Trí, tôi nhớ hai câu:

*Anh Gia Trí, anh có quyền tự phụ
Bút nhà văn phải bọc lấy vàng son*

Trúc Sĩ bị dietic nên ham nói lớn và không nghe rõ ai nói nhỏ phê bình mình. Bị nghe ông ta bình văn chán chê, tôi bắt ông ta nghe tôi bình thơ của tôi. Chả là, dạo nằm ở Mỹ Lương, nhớ các bà mẹ Trảng Lớn, tôi viết bài thơ:

BÀ MẸ TÂY NINH

Tôi về làng Trảng Lớn

thăm bà mẹ gặp ở Sài gòn
Đạo ấy hàng dừa bên bờ ao trái hầy còn non
và vú sữa chưa ngọt mùi vú sữa
Đến chẳng hẹn hò
Mẹ mừng vui hơn hờ
Mi rưng rưng chơm chớp dạ xôn xang
Thoáng ngập ngừng nhìn mái lá tàn hoang
Chân dừng lại
mắt già gặp mắt trẻ
Quê miền Đông sao mà nghèo nàn thế
Rừng nổi rừng đất liền đất xác xơ
Đám mạ xanh không biết có bao giờ
Bông lúa mấy của Cà Mau, Đồng Tháp
Đường gập ghềnh
con ngựa gầy mệt nhọc
kéo lê xe thô mộc vài người
Ở đây ít nói ít cười
Buồn như nắng hoàng hôn
chậm chậm nhỏ
xuống núi Bà
mờ mịt phía trời xa
Giàn mỏng toi gió lay sụp đổ
Tiếng ru nước nở
Nhịp võng sâu tênh
Ủ ơ ...
“Ví dầu cầu ván đóng đinh
Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi”
Nghìn xưa trăm trứng phân ly
Nghìn sau Rồng với Tiên chia hai bờ
Ủ ơ ...
Mẹ muôn thuở đẹp thơ
Sừng sững Bà Đen
huy hoàng Thánh Địa
Biển có khi nào lên nguồn không nhỉ
Mà máu đào xuôi ngược lại về tim
Máu về tim
máu đoàn viên
Anh em hận thù
anh em phiêu bạt
Mẹ xòe đôi tay tưởng chừng mất mát
Vẫn còn nguyên năm ngón
Mẹ ơi
Đan nhau, mẹ bồng búi ngủi
Đất nghèo, quê khổ đời đời héo hon
Mẹ già thêm bát canh ngon
Mãi mê chém giết, bấy con tuyệt tình
Mẹ Tây Ninh
Ôi, bà mẹ Tây Ninh
Con mẹ đây, người thợ gặt oan khiên
Người thợ cấy mộng mơ
giữa nơi rừng hoang
đồng chua lầy lội
Con mẹ đây, tương lai chờ đợi
Trầy bả vai cho những bát canh già

*Cuộc cây đầu, để con vỡ đất nhà
Gieo mầm sống, mầm nhân sinh mãnh liệt
Hỡi những trăm năm trải dài oan nghiệt
Sẽ thăng hoa một hạnh phúc khôn cùng
Sẽ núi hôn đôi, biển gọi hồn sông
Sẽ lời đùa non ru ngoan vú sữa
Sẽ lục bát ngô, ca dao lúa
Trống rộn đêm xuân ngậy ngát hội đình
Con nằm nghe nặng trách trời xanh
Nghe cuộc đời hồi sinh phơi phới
Cuộc đời bao la, nồng nàn hương mới
Đá biết tương tư, sỏi vỡ môi cười
Mẹ ơi, tha thiết lắm rồi
Mắt gì, không mất tình người Việt Nam
Áy ai khắc khoải dặm ngàn
Về vun dân đạo, bắc giàn yêu thương
Khi hoa nhân ái rợp đường
Người quê hương với quê hương mở nguồn
Mẹ thôi buồn
Con quên mưa gió
Cửa bốn phương bỏ ngõ
Hỏi nhau chuyện tình yêu
Con lại về thăm Trảng Lớn
Thấy mẹ nằm ngủ thiêu thiêu
Ruộng nhà con gái xanh mơn mơn
Bầy cháu tung tăng chạy thả diều**

Nghe xong, không một ý kiến, Trúc Sĩ hỏi tôi:

- Mày có viết truyện ngắn không ?

Tôi đáp:

- Có.

Tôi đưa truyện ngắn *Hoa thiên lý* cho Trúc Sĩ. Ông ta không thèm đọc, nhìn qua rồi trả lại tôi. Nhưng ông ta nói:

- Ngày mai tao dẫn mày lên tạp chí Chỉ Đạo.

o o o

Tạp chí Chỉ Đạo của Bộ Quốc phòng do trung tá Trần Văn Châu, giám đốc Nha Chiến tranh tâm lý, đứng tên chủ nhiệm. Có thời, đại úy Ngô Quân* ¹ làm chủ bút. Nhiều nhà văn cự phách cộng tác với tạp chí này: Trần Lê Nguyễn, kịch tác gia, tác giả kịch bản *Bão thời đại*. Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Mạnh Côn, Dương Kiêu, Nguyễn Đăng Thục ... Điều khiển tòa soạn năm 1959 có trung úy Vũ Lữ Bằng, thiếu úy Nguyễn Văn Ngẫu và hạ sĩ Lan Đình, tác giả *Đường xa chi mấy*. Tòa soạn đặt ngay trong Bộ Quốc phòng, đường Gia Long, sát khít Bộ Kinh tế. Nhà văn Trúc Sĩ dẫn tôi lên đây, giới thiệu tôi với tòa soạn Chỉ Đạo. Lần đầu tiên tôi vào một tòa soạn, lại là tòa soạn của một tạp chí nổi danh. Cảm giác của tôi y hệt cảm giác hôm tôi đến xin dạy học ở trường Quang Trung. Tôi đưa bài thơ *Bà mẹ Tây Ninh* và truyện ngắn *Hoa thiên lý* cho thiếu úy Ngẫu, người làm thơ trào lộng. Người ta tiếp đón tôi niềm nở, lịch sự. Tôi ra về.

Tháng sau, bài thơ *Bà mẹ Tây Ninh* xuất hiện trên tạp chí *Chỉ Đạo*, nguyên một trang, với

bút hiệu **Duyên Anh**, bút hiệu mà, dạo ở làng Cha Cả tôi đã phịa cho Đỗ Trọng Thủy hài lòng. Tại sao Duyên Anh ? Duyên Anh, tại sao ? “Danh sĩ cỡ anh Tam, cũng chỉ ký bút hiệu Nhất Linh đâu có ký tên Nguyễn Tường Tam. Mày hậu sinh khả ố, không biết khiêm tốn là cái gì, vác tên cúng cơm của mày ra làm trò hề”. Ông Hòa ở Ban Mê Thuột đã mắng mỏ tôi thế. Cho nên, tôi đã “âm mưu” một cái bút hiệu. Tôi nhớ Nguyễn Thịnh và tháng ngày trọ học của chúng tôi tại số nhà 13 phố Ngô Thời Nhiệm, Hà Nội. Tôi nhớ ca khúc *Duyên Anh* của bạn tôi và những mơ ước của nó. Một tối nào đó, mưa rây trên đầu hai đứa tôi, kéo cổ áo mưa trùm gáy, chúng tôi chậm bước trên hè phố Huế. Chợt chúng tôi nghe Quách Đàm hát *Duyên Anh*:

*... Đây duyên anh đau thương, héo hắt mộng tàn
lênh đênh chiếc én lìa đàn
và đời quên hết ái ân
Đâu đường về cho riêng anh cay đắng
Bao hoa thắm trôi theo kiếp bể bàng
Thu hôn mê từng đợt lá vàng lặng trôi
Duyên anh nay lỡ làng, cung đàn rơi ...*

Hai đứa tôi dìu nhau vào đứng dưới mái hiên, nghe nhạc dạo, đợi Quách Đàm hát lần thứ hai.

- Quý vị vừa nghe Quách Đàm trình bày nhạc phẩm *Duyên Anh* của Nguyễn Thịnh. Bây giờ, xin mời quý vị thính giả nghe tiếp nhạc phẩm *Cánh bằng lướt gió* của Dương Thiệu Tước do Minh Đỗ trình bày.

Đêm ấy, Nguyễn Thịnh nghỉ chơi đàn ở Dancing Régina. Nó sung sướng. Tôi nhìn rõ hạnh phúc của bạn tôi. Nó bao tôi ăn chơi suốt đêm. Nhớ bạn xa xôi, tôi quyết định chọn bút hiệu của tôi là **Duyên Anh**. Tôi đã không lâu khi chọn tên ca khúc của bạn tôi làm bút hiệu ký tên trên tác phẩm văn chương của tôi.

Tháng 5-1976, Nguyễn Thịnh vào Sài gòn, tôi đã bị chế độ mới bắt nhốt. Nó vào tiếp quản Sài gòn Ấn quán của ông Trương Vĩnh Lễ. Nguyễn Thịnh là trưởng ngành xuất bản âm nhạc. Nó tìm Đặng Xuân Côn, nhờ Côn dẫn tới thăm vợ con tôi. Tháng 9-1976, Nguyễn Thịnh theo vợ con tôi vào đề lao Gia Định thăm tôi. Nó tặng tôi một ký lô cà phê nhưng tù nhân đã bị cấm uống cà phê từ tháng 7, quản giáo không cho tôi nhận. Nó nhìn tôi: “Long còn trẻ lắm”. Tôi nhìn nó: “Thịnh cũng vậy”. Tôi hỏi: “Đọc Ngày xưa còn bé chưa?”. Nó đáp: “Rồi, đọc hết sách của Long rồi”. Hai mươi năm xa cách, chúng tôi chỉ nói với nhau có thế. Nguyễn Thịnh đã là người của cộng sản hay là người cộng sản. Tôi đã là tù nhân của người cộng sản. Biên giới ý thức hệ đã không thể ngăn cản tình bạn của chúng tôi. Nguyễn Thịnh lái xe đưa vợ con tôi xuống Cà Mau, ra Vũng Tàu kiểm đường vượt biên. Nguyễn Thịnh giữ vàng, nữ trang giùm vợ con tôi và trả lại đầy đủ khi vợ tôi không thoát phải lặn lội trở về. Nguyễn Thịnh làm đơn bảo lãnh xin tha tôi và cam kết chịu trách nhiệm với đảng và nhà nước. Dĩ nhiên, đơn của Nguyễn Thịnh bị bác bỏ. Không có người cộng sản nào đại đột như Nguyễn Thịnh cả. Nó nhất định nhận lại người bạn phản động của nó. Trong khi, bạn quốc gia ở Sài gòn của tôi, ngoảnh mặt không dám nhìn vợ con tôi, chối bỏ mọi giao du thân thiết cũ, lừa gạt tiền bạc của vợ con tôi ... Tôi không biết định nghĩa thế nào cho nó chính xác về người quốc gia nữa. Tạp chí Đoàn Kết của cộng sản xuất bản tại Paris, không một chữ công kích tôi, dù tôi chống họ quyết liệt. Chỉ thấy “báo chí” quốc gia ở Mỹ, ở Úc, ở Đức nhục mạ tôi bằng những ngôn từ hạ cấp, bằng những bịa đặt vô liêm sỉ. Tôi không biết định nghĩa thế nào cho nó chính xác về người cộng sản nữa. Cho nên, tôi mới viết rằng “Tôi sẽ xét lại thái độ chống đối người cộng sản của tôi một cách hợp tình, hợp lý”.

Bài thơ *Bà mẹ Tây Ninh* không có nhuận bút. Đền bù cho tác giả của nó, người ta trình bày

nó ở chương trình Tao Đàn của Đài phát thanh Sài Gòn. Ngay số sau, Chỉ Đạo đăng truyện ngắn *Hoa thiên lý*. Vẫn không có nhuận bút. Tòa soạn bảo, với tác giả mới, truyện đầu tiên không có nhuận bút ! Đền bù cho tác giả của nó, chương trình Trước Đèn của Mặc Thu đã đọc *Hoa thiên lý* trên Đài phát thanh Sài Gòn. Đền truyện *Em* 2, người ta trả tôi 400 đồng nhuận bút. Văn chương của tôi có nhuận bút từ *Em*. Truyện *Em* “chinh phục” nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Anh ta gửi tặng tôi tác phẩm *Ba người lính nhẩy dù lâm nạn* với lời đề tặng: “Thân mến gửi Duyên Anh”, kèm theo cái danh thiếp ghi dòng chữ mời tôi tới nhà anh chơi. Lần đầu tiên, tôi được một nhà văn danh tiếng tặng sách và mời tới nhà. Cảm tưởng của tôi là cảm động. Tôi tới ngay. Nhà anh Nguyễn Mạnh Côn ở Phú Nhuận, cư xá Chu Mạnh Trinh, số 215B/15 Chi Lăng. Tác giả *Đêm tâm tình viết lịch sử*, “giải thưởng văn chương toàn quốc do chính tay tổng thống trao tặng” – anh Côn thích ghi rõ ràng thế -, tiếp tôi ngay tại bàn đèn thuốc phiện. Anh đưa gỏi, bảo tôi nằm xuống.

- Cậu viết giản dị, đầm thắm, tôi thích lắm.

- Cám ơn anh.

- Cứ thế mà viết thôi.

- Dạ.

Chúng tôi nói đủ thứ chuyện. Trước khi chia tay, anh Côn tặng thêm tôi *Kỳ Hoa Tử* và *Đêm tâm tình viết lịch sử* bản giấy đặc biệt. Tôi biết, ngoài Nguyễn Mạnh Côn, anh ta còn ký các bút hiệu Nguyễn Kiên Trung, đại úy Trường Kỳ và, sau này, viết “Bảy ngày đêm tính quần chuyện đời” cho *Văn nghệ tiên phong*, anh ký thêm Đăng Vân Hầu, tức là đăng vân giá vũ, đi mây về gió của tiên ông hít tồ phe.

Tôi “cứ thế mà viết”, nghĩa là, tôi đã tạm đủ võ công múa may truyện ngắn. *Chỉ Đạo* ưu ái tôi, mỗi số đăng một truyện ngắn của tôi. Anh Vũ Lữ Bằng, Nguyễn Văn Ngẫu và Lan Đình đều thích truyện của tôi. Lan Đình kết thân với tôi, giới thiệu tôi quen biết Tuấn Huy, Thủy Thủ, Phạm Lê Phan và nữ thi sĩ Cao My Châu. Lan Đình yêu Cao My Châu. Hai người gần bó, hẹn hò rất thơ mộng. Rồi Thế Phong tặng Cao My Châu thi phẩm in rõ nê ô *Nếu anh có em làm vợ*, Lan Đình mất người yêu, dù hẳn ta đoạt giải thưởng văn chương của Tỉnh Việt văn đoàn bằng cuốn *Đường xa chi mấy*. Nhờ Lan Đình, tôi còn quen biết các thi sĩ Kim Tuấn, Bùi Thọ Ngọc, Trần Tuấn Kiệt.

Sau truyện ngắn *Em*, tôi cho đăng *Chiếc vòng tay của một người* trên *Chỉ Đạo*. Rồi *Khúc rẽ cuộc đời* mà toàn soạn cắt bỏ “cuộc đời”. Vùng hoạt động của tôi mới chỉ là tạp chí *Chỉ Đạo*, tạp chí không bày bán, muốn mua không có, tạp chí của độc giả có trình độ thưởng ngoạn cao. Tôi được độc giả chú ý nhiều từ *Khúc rẽ cuộc đời*. Trong cuốn *Call it experience*, văn hào Erskine Caldwell truyền cho những người muốn trở thành nhà văn kinh nghiệm này: Bạn hãy gửi truyện ngắn của bạn cho một tạp chí văn chương giá trị. Chừng nào người ta đăng truyện của bạn, đó là lúc bạn biết bạn có thể viết văn được. Tôi đã, bất ngờ, rơi vào trường hợp này, rơi thật nhanh nhờ nhà văn Trúc Sĩ ném tôi đúng chỗ. May mắn hơn, tạp chí *Chỉ Đạo* đã đăng liên tục truyện ngắn của tôi. Nếu Trúc Sĩ ném tôi vào tạp chí khác, *Sáng Tạo* của Mai Thảo chẳng hạn, họ, có thể, sẽ đăng truyện của tôi, nhưng không đăng liên tục, chắc chắn tôi không được độc giả chú ý nhiều. Tôi phải biết ơn Trúc Sĩ và tạp chí *Chỉ Đạo*. Trúc Sĩ đẩy tôi đến *Chỉ Đạo*, *Chỉ Đạo* cho tôi cơ hội thực hiện ước mơ.

Tháng 11-1960, Nguyễn Mạnh Côn trở về làm chủ bút tạp chí *Chỉ Đạo*, anh ta bảo tôi viết một truyện ngắn đăng số Tết, cùng lúc nhật báo *Tự Do* muốn tôi viết cho họ một truyện ngắn đăng giai phẩm Xuân. Trên căn gác xép mái tôn nóng hực, tôi cời trần, mặc quần xà lỏn viết *Con sáo của em tôi*. Truyện này, tôi định gửi cho *Tự Do*. Đưa anh Nguyễn Mạnh

Còn đọc trước chơi. Đọc xong, anh ta giữ bản thảo của tôi:

- Truyện này của tớ.

- Để em viết truyện khác cho anh.

- Không, tớ mê truyện này. Tớ trả cậu 500 đồng 1 trang *Chỉ Đạo*. Mỗi số báo do tớ chủ trương phải có một truyện ngắn đặc biệt nhuận bút 500 đồng 1 trang. Truyện của cậu được xếp vào loại truyện đặc biệt.

Anh ta nhìn tôi, đùa bỡn:

- Cậu viết văn hay và buồn quá, tớ sợ cậu sẽ chết non đấy !

Vì cuộc đảo chánh 11-11-1960 của ông Nguyễn Chánh Thi thất bại, không có gì thay đổi ở Bộ Quốc phòng cả, tạp chí *Chỉ Đạo* tiếp tục đường lối cũ. Số báo Tết 1961, truyện ngắn *Con sáo của em tôi* xuất hiện với lời giới thiệu nồng nhiệt của tòa soạn: "... Duyên Anh viết chân thành, đậm thắm, thiết tha đến nỗi người đọc tưởng rằng truyện có thật ...". Và "... *Con sáo của em tôi* được xếp vào loại truyện ngắn đặc biệt mỗi trang 500 đồng nhuận bút". Đảng Giao Trần Duy Cát 3 trang trí cái tựa đề nguyên một trang. Truyện của tôi đếm đủ 10 trang, tôi lấy 5000 đồng nhuận bút. Ngoài ra còn 1000 đồng nhuận bút truyện ngắn *Người quê hương* tôi ký bút hiệu Hoa Tâm Tư, cùng đăng số Tết của tạp chí *Chỉ Đạo*, thêm hai bài thơ nhỏ ... lẫy tiếng. Nhờ *Con sáo của em tôi*, độc giả thích lối hành văn giản dị, tươi sáng, gãy gọn, nhẹ nhàng của tôi. Người trong nghề bắt đầu chú ý đến tôi.

Liên sau số Tết, *Chỉ Đạo* đăng truyện ngắn *Đại dương trong lòng con ốc nhỏ* mà anh Nguyễn Mạnh Côn thay đổi tựa đề là *Một cuộc đời*. Văn bút pháp đã xử dụng cho *Con sáo của em tôi*. Tôi quen Đảng Giao ở nhà anh Nguyễn Mạnh Côn khi Đảng Giao đem những bức minh họa truyện của tôi tới nộp cho anh Côn.

- Tớ bị chống cái vụ trả nhuận bút 500 đồng 1 trang cho truyện ngắn đặc biệt, chứ không, *Một cuộc đời* của cậu lại ... đặc biệt.

- Mục truyện ngắn đặc biệt đẹp bỏ à ?

- Đẹp.

- Em là người đầu tiên và cũng là người cuối cùng ?

- Đúng thế.

Anh Nguyễn Mạnh Côn nâng giá nhuận bút truyện ngắn từ 400 lên 1000 đồng.

- Truyện ngắn khó viết, trả nhiều mới xứng đáng công phu của tác giả. Anh Côn nói. Sau số này tớ nghĩ.

- Tại sao ?

- *Chỉ Đạo* trả về Nha chiến tranh tâm lý, nó hết trực thuộc Bộ quốc phòng. Nó sẽ thay đổi cả nội dung lẫn hình thức.

Cũng từ đó, tôi không còn viết truyện ngắn cho tạp chí *Chỉ Đạo* nữa. Về sau, tạp chí này đồng hóa với *Chiến sĩ cộng hòa* và rồi tuyệt tích vì không đủ phương tiện mua bài của nhà

văn dân sự. Vừa bỏ *Chỉ Đạo*, Nguyễn Mạnh Côn được Ngô Quân mời sang làm chủ bút nhật báo *Sài Gòn Mai* mới có nghị định xuất bản. Anh Côn gọi tôi, nhờ tôi giữ mục “Truyện phim hàng ngày”. Thế là tôi rúc vào các rạp xi nê thường trực, xem phim cũ mèm để phóng tác một truyện thật ngắn, ngắn hơn cả “Mỗi ngày một truyện” của Chàng Phi ở *Ngôn Luận*. Tôi ký đủ bút hiệu, trừ Duyên Anh, dĩ nhiên. Mỗi bài 100 đồng. Anh Côn chủ biên ngót hai tuần, *Sài Gòn Mai* ế dài. Anh ta không biết làm nhật báo, không phải là người của nhật báo. Ngô Quân mời anh Côn nghỉ việc. Tô Văn Bùi Bá Nhân thay thế làm thắp hần *Sài Gòn Mai* xuống. Thời gian này, Lê Xuyên Lê Bình Tăng vừa rời đề lao Gia định. Anh ta bắt đầu sự nghiệp viết tiểu thuyết đồng quê của mình bằng *Chú Tư Cầu*. Tôi tiếp tục viết lách lăm cặm cho *Sài Gòn Mai*. Thấy vô tích sự, tôi tự ý rút lui.

o o o

Đặng Xuân Côn bỏ học thi tú tài phần thứ hai. Ông Châu Trí chỉ có thể đốt lá đa, nhìn đôi bắt cái tú tài phần một. Nó đi lập công ty Catraco cho ông Hoàng Bá Vinh, khai thác cát trắng Cam Ranh bán cho Nhật Bản, tiền bạc rủng rỉnh. Côn thuê một căn gác, rủ tôi về sống riêng rẽ hai thằng, cơm hàng cháo chợ. Nhân dịp ông Nguyễn Bích Liên 4 tu nghiệp bên Mỹ về, muốn làm lại tạp chí *Gió Nam* của Liên đoàn công chức cách mạng quốc gia do ông Lại Tư làm chủ nhiệm, Trúc Sĩ giới thiệu tôi với ông tri huyện Nguyễn Bích Liên. Tôi viết truyện ngắn cho *Gió Nam*, nhuận bút 600 đồng. Ra mắt ông chủ bút rất khó tính Nguyễn Bích Liên bằng truyện *Nắng chiều quê nội*, tiếp nối dòng văn chương *Con sáo của em tôi* và *Đại dương trong lòng con ốc nhỏ*, ông Liên hài lòng ngay.

Hỏi thăm cuộc mưu sinh của tôi, ông cho tôi viết mỗi số báo hai truyện. Một truyện ký Duyên Anh, truyện kia muốn ký bút hiệu gì tùy ý. Những truyện ngắn không ký bút hiệu Duyên Anh toàn là truyện tôi, thuộc loại bình thường hiện thân và là những truyện tôi ngại ngắn chép lại. Tôi nhớ, chỉ có hai truyện ngắn đăng trên *Gió Nam* là được tôi cho in vào sách sau này. Đó là *Cái điều*, *Nắng chiều quê nội*. Hai truyện ký Duyên Anh chẳng ra cái gì là *Làm người*, *Ru em nước mắt*, giống hệt truyện ngắn *Vai phụ* tôi cho đăng trên Sinh Lực do ông Lê Văn Thăng chủ trương. Ông Nguyễn Bích Liên còn nhờ tôi viết những bài “chào mừng 26-10” hay “chào mừng song thất” ký tên ... Gió Nam. Những bài này, ông Liên sửa chữa thê thảm, gạch đỏ, gạch xanh tùm lum như ông sửa chữa công văn, phúc trình vậy. Riết rồi, bài tôi viết hóa thành bài của ông. Nhưng ông vẫn trả 300 đồng mỗi bài mở đầu bằng câu đường xưa lối cũ “Hàng năm, cứ đến ngày ... thì toàn dân lại ...”. Có bài thuộc loại “chào mừng”, ông Nguyễn Bích Liên giữ có hai câu thơ hiểu hỉ của tôi:

Mưa Nhân vị, gió Cộng hòa
Cho cây thắm Bầy đơm hoa tháng Mười

Và hai câu thơ hiểu hỉ của tôi, ông trả 500 đồng nhuận bút. Sở dĩ, ông Nguyễn Bích Liên sửa bẻ loại bài “chào mừng” nhờ tôi viết, vì ông ta sợ bị “chụp mũ” xuyên tạc, xỏ xiên Ngô tổng thống. Do cái sự ông sửa tàn bạo và đọc văn “chào mừng” của ông mà về sau tôi viết thuê “chào mừng” rất nhanh, rất kêu và rất khôn phép. Một hôm, ông Liên tâm sự vụn vặt:

- Ông có tài mà sống bấp bênh quá nhỉ ?
- Tài còn xanh chất, thừa ông.
- Kể ra, ông viết truyện ngắn cũng hay chứ !
- Cám ơn ông.
- Ông muốn làm công chức không ?

- Tôi không có bằng cấp gì cả.
- Không cần.
- Tôi làm tùy phái hay gác cổng ạ ?
- Ông sẽ làm Biên tập viên cho Tổng nha Thanh niên. Về làm đơn, ghi rõ các báo ông cộng tác, đầy đủ tên truyện ngắn.
- Dạ.

Tôi làm đơn đưa cho ông Nguyễn Bích Liên và nằm chờ đợi. Đặng Xuân Côn bảo tôi nuôi hy vọng hảo huyền. Biên tập viên nhà báo thì khỏi thi, chứ biên tập viên nhà nước, có tú tài văn thì dài người và trượt oanh oách, một chọi cả trăm. Cử nhân mới miễn thi. Nó khuyên tôi học thi tú tài ban C vì ban C thi viết còn có Việt văn, Sinh ngữ chính, Sinh ngữ phụ và sử địa. Các môn học khác vào “o ran” cũng dễ dàng xin xỏ. Tôi đã là ... “nhà văn” mà nó dám khuyên tôi ghi tên học lớp Việt văn luyện thi tú tài của giáo sư Lữ Hồ Nguyễn Minh Hiền. Tôi chửi bới um sùm. Rồi cũng đi xem ông Lữ Hồ dạy dỗ ra sao. Vào trường Hưng Đạo, đứng ngoài “cua riêng” của giáo sư Lữ Hồ, thấy giáo sư vừa vẽ vừa đầu lảo câu giờ. Giáo sư đầu lảo thua tôi xa. Giọng giáo sư lè nhè, không hấp dẫn. Đã vậy còn trọ trẹ nữa.

Đường đường cũng từng là “giáo sư” Việt văn lớp đệ tứ tit tấp cù lao Mỹ Lương, nay cấp sách đi học cái nhà anh Lữ Hồ thì tủi quá. Tôi bèn chề ... tú tài. Và bèn ổn định đời sống bằng cách nộp đơn xin làm cán bộ cải huấn của Tổng nha cải huấn ở đường Đinh Tiên Hoàng, cạnh Tổng nha thanh niên thể dục và thể thao. Tôi sẽ là cai tù. Làm cai tù mà viết truyện nhà tù thì tuyệt cú mèo.

Văn thư của Tổng nha cải huấn mời tôi tới trình diện nhận việc làm cùng hôm ông ông Nguyễn Bích Liên dục tôi đi trình diện. Ông Tổng giám đốc Cao Xuân Vĩ đã chấp thuận. Tổng nha công vụ không dám từ chối. Thế là, nhờ ba cái truyện ngắn, tôi trở thành Biên tập viên Thanh niên, miễn tú tài, cử nhân, miễn thi tuyển.

- Ông tạm ngồi ở văn phòng ông Tổng giám đốc ít lâu, rồi ra làm báo. Tuyển dụng ông là để ông làm báo.

Ông Nguyễn Bích Liên nói thế. Ông đang giữ chức Giám đốc Trung tâm huấn luyện thanh niên. Chủ sự của tôi là Nguyễn Văn Quảng, phó đốc sự, tốt nghiệp Quốc gia hành chánh, từng du học bên Pháp vài năm. Ngay hôm đầu đời biên tập viên nhà nước, ông Chánh văn phòng Vũ Văn Diên đã ra chỉ thị cho tôi viết bài huấn thị của Ngô tổng thống ban cho thanh niên, nhân dịp Người sắp đi kinh lý đầu đó. Ông ta đưa cho tôi một lỗ huấn từ, huấn thị cũ bắt tôi nghiên cứu. Tôi vừa nghiên cứu vừa viết xong trong vòng nửa buổi. Chủ sự Quảng bảo tôi:

- Anh cắt kỹ dưới đáy ngăn kéo.
- Không nộp ngay à ?
- Nộp ngay, anh sẽ bị sai viết cái khác. Tuần lễ sau hãy nộp.
- Tôi có thắc mắc.
- Anh cứ hỏi.

- Cái này viết thật hay viết thử tài ?

- Thật. Thanh niên lo các diễn văn, huấn thị, huấn từ rồi gửi vô Phủ tổng thống. Ở đó, người ta duyệt, sửa.

- Có khi nào không duyệt, sửa ?

- Nếu viết hay.

Lúc này, phong trào Thanh niên cộng hòa đang lên cùng với Ấp chiến lược. Ô tô ma tích cơ măng, tôi là đoàn viên Thanh niên cộng hòa và đoàn viên của Liên đoàn công chức cách mạng quốc gia. Ông Ngô Đình Nhu là thủ lĩnh Thanh niên cộng hòa. Bà Ngô Đình Nhu là thủ lĩnh phụ nữ bán quần sù. Tôi phải sắm bộ quần áo xanh, mũ nồi xanh, thắt lưng xanh khóa trắng có ngọn lửa bập bùng bí bưng. Ngọn lửa bí bưng bập bùng ! Hay thật là bập bùng bí bưng của nhạc sĩ Nguyễn Văn Ba. Tôi ở Tổng nha nửa tháng thì ông Nguyễn Bích Liên lấy ra ngoài làm báo. Kỷ niệm và bài học của tôi những ngày ngắn ngủi ở Tổng nha thanh niên là tôi gặp nhà văn Lê Văn Trương. Tác giả *Trường đời*, *Tôi là mẹ*, *Anh em thằng Việt* ... đến Tổng nha thanh niên đòi gặp ông Tổng giám đốc Cao Xuân Vĩ. Người ta sợ quá, tiếp nhà văn Lê Văn Trương tại văn phòng ông giám đốc Nha tâm lý chiến. Tôi được gọi qua dự kiến. Thần tượng Lê Văn Trương của tôi ngồi trên ghế. Nắng chiều hắt qua cửa sổ chiếu thẳng khuôn mặt xanh xao của cha đẻ *Thằng còm phục thù*. Ông cầm theo bản thảo tác phẩm *Anna Hôi* chưa xuất bản. Không một ly nước mời danh sĩ. Ông giám đốc Tâm lý chiến vào chuyện:

- Thưa nhà văn, ông đến thăm có việc gì ?

- Các ông đã nghe Vũ Đình Liên nhắn nhủ thanh niên miền Nam trên Đài phát thanh Hà nội chưa ? Nhà văn hỏi lại.

- Thưa chưa ạ ! Vũ Đình Liên là ai ạ ? Ông giám đốc hỏi.

- Chết chữa, Vũ Đình Liên không biết là chết đấy. Ông không đọc thơ của nó à ? Bài *Ông đồ* cũng chưa đọc à ?

- Tôi học trường Pháp.

- Thế thì tôi cho ông biết, tôi đã viết bài chửi thằng Vũ Đình Liên, nhân danh thanh niên miền Nam. Tôi yêu cầu các ông cho phát thanh trên Đài Sài gòn. Tôi muốn đọc cho ông Cao Xuân Vĩ nghe, yêu cầu ông ta bắt Đài phải để chính tôi đọc trả lời thằng Vũ Đình Liên.

- Xin nhà văn đọc cho tôi nghe là được ạ !

Nhà văn Lê Văn Trương rút trong túi ra xấp giấy gấp tư. Ông gỡ ra, vuốt phẳng phiu, trịnh trọng cầm đọc. Thần tượng của tôi say mê chửi Vũ Đình Liên. Giọng ông sang sảng đầy lửa. Rồi nguội dần khi mồ hôi trán ông râm ran. Ông giám đốc của tôi vừa nghe vừa mỉm cười. Bỗng ông rút tấm giấy 100, bước gần nhà văn Lê Văn Trương, đưa tận tay nhà Văn. Thần tượng của tôi không từ chối.

- Thưa nhà văn, tôi sẽ trình lên ông Tổng

- Tôi để lại bài của tôi cho các ông.

- Xin nhà văn tạm cầm về.

- Còn tác phẩm Anna Hôi của tôi, các ông có xuất bản không ?

- Nhà văn cứ cầm về đã.

Thần tượng của tôi buồn bã rời Tổng nha thanh niên thể dục và thể thao. Tôi biết thần tượng sẽ đến nơi nào để đốt trăm bạc của nhà nước. Chế độ Ngô Đình Diệm và những kẻ thừa sai đã đối xử với kẻ sĩ như thế đó. Qua hình ảnh nhà văn Lê Văn Trương, tôi ghê tởm thuốc phiện. Ngọn đèn dầu leo lét có thể đốt cháy cái kiêu sang của người hùng Lê Văn Trương. Tôi học được một điều: Nghề sĩ cần phải về vào lúc đứng ngọ, không nên về trong hoàng hôn. Nhà văn thì phải hiểu lúc nào mình tự quên mình để khỏi bị cuộc đời quên mình và chỉ còn đánh giá mình bằng bê tha, bệ rạc chữ nghĩa kiếm rượu, kiếm cơm. Tôi thương nhà văn Lê Văn Trương đến ứa gan, sôi máu thù hận những con sán xơ mít cho thuê tiểu thuyết làm giàu. Bọn cho thuê tiểu thuyết, đám ký sinh trùng sống trên lưng nhà văn mà con cái nó ăn học bằng tiền bất lương, có đứa hôm nay cầm bút “nhìn vách ăn năn” bằng cách xỏ xiên nhà văn trong những mục “Sổ tay văn nghệ”. Chẳng biết tôi có *thiền* nổi để khỏi vạch mặt chỉ tên nó ?

o o o

Tòa soạn bán tuần báo *Chiến Đấu*, tiếng nói của Thanh niên cộng hòa, đặt tại nhà in Chính Lâm của ông Kiều Văn Lân, quản lý nhật báo Tự Do, đối diện bệnh viện Bảo An, đằng sau rạp chiếu bóng Khải Hoàn. Không ngờ có ngày tôi gặp nhà báo cự phách Tam Lang ở đây và được làm chung với tác giả *Tôi kéo xe ở một tờ báo*. Bố tôi hẳn sẽ vui lòng thấy con mình gần gũi thần tượng của ông. Và tôi thì khỏi nói. Tôi cảm động đến nghẹn lời khi Tam Lang bắt tay tôi. Tôi đáp ứng:

- Thưa cụ ... Cháu rất hân hạnh ...

Tam Lang cười, đôn hậu:

- Tôi cũng vậy, ông Duyên Anh. Tôi đã đọc truyện ngắn của ông.

- Thưa cụ, bố cháu đọc cụ từ *Loa* của cụ Bùi Xuân Học đến *Giang Sơn* của ông Hoàng Cơ Bình. Rất tiếc bố cháu không được đọc cụ ở *Tự Do*.

- Ông cụ đâu ?

- Bố cháu không vào Sài gòn. Nhưng cháu đã đọc cụ giùm bố cháu.

- Cám ơn ông.

- Thưa cụ, cháu ngưỡng mộ lối viết phóng sự và phiếm luận của cụ.

- Ông thích bài phiếm luận nào trên *Tự Do* ?

- Thưa cụ, bài cụ luận về Tam Lang đá báo và Tam Lang đá banh, Tam Lam chọc thùng lưới và Tam Lang chọc thiên hạ ...

- Ông có khiêu đấy.

- Cháu mong sẽ được cụ dạy dỗ.

- Viết truyện như ông là tốt, viết phiếm luận chỉ tổ mua thù, chuốc oán.

- Cháu lại thích.

- Tại sao ?
- Vì cuộc đời đầy rẫy bất công cay đắng, gian dối, bịp bợm.
- Tôi làm cái báo này, kể như hết thời rồi. Ông muốn tiến thân thì phải tìm báo khác mà viết. Báo này là báo nhà nước, báo của gian dối, bịp bợm. Ông còn trẻ, hãy tạm ẩn thân ở đây rồi tính sau.
- Vâng ạ !
- Tôi không viết phiếm luận nữa.
- Cụ viết gì ạ ?
- Tôi nghiên cứu chèo cổ. Ở báo này, tôi đóng vai đầu bếp. Nếu ông thích viết phiếm luận, cứ đưa tôi đọc rồi tôi chỉ dẫn cho.
- Cám ơn cụ.

Tam Lang còn viết chèo mà tôi quên khuấy. Trước 1954, ông đã viết vở *Ông đồ Nhị Khê* và đã cho trình diễn ở Nhà hát lớn Hà nội, rất thành công. Sau cuộc “đảo chính” ở nhật báo *Tự Do*, Mặc Đỗ đi làm *Quan Điểm*, Mặc Thu làm *Người Việt tự do*, Đình Hùng làm Đài phát thanh, Như Phong ở lại với Phạm Việt Tuyên, Tam Lang không làm báo nữa. Bây giờ, ông được mời làm Biên tập viên Tổng nhà thanh niên và được yêu cầu trông coi bán tuần báo *Chiến Đấu*. Chủ bút của tờ báo này là ông Nguyễn Bích Liên. Chủ bút ... ngầm. Ông không nêu tên trên “măng sét”. Tham vọng của ông Nguyễn Bích Liên thật nhiều, nhưng ông bị nhiều kỳ đà cản mũi. Do đó, nội dung của *Chiến Đấu*, rớt cuộc, rất tin tức, sinh hoạt của thanh niên cộng hòa và những bài tường thuật về các cuộc kinh lý của Ngô tổng thống, Ngô cố vấn và Ngô cố vấn phụ nhân. Ông Nguyễn Bích Liên bắt tôi viết loạt bài nghiên cứu về các tổ chức thanh niên công sở môn, thanh niên phát xít, thanh niên Do Thái, thanh niên cứu quốc, thanh niên tiền phong. Tôi phải chạy long tóc gáy đi tìm tài liệu. May mắn, tôi vớ được bộ *Trung Bắc chủ nhật* của chủ nhiệm Nguyễn Doãn Vượng nghiên cứu sẵn cho tôi các tổ chức thanh niên cộng sản, thanh niên phát xít. Tôi chỉ việc đọc và chép lại cho gọn gàng. Tôi nhờ người sưu tầm tài liệu tổ chức thanh niên Do Thái. Còn các tổ chức thanh niên cứu quốc, thanh niên tiền phong miền Bắc, tôi biết rõ. Nhờ ông Nguyễn Bích Liên, kiến thức thanh niên của tôi được vỡ ra.

Chuẩn bị hai tuần, *Chiến Đấu* không bày bán ra mắt số 1 đúng dịp hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử oanh kích Dinh Độc Lập. Trang nhật của *Chiến Đấu* đầy tin và bài kiến nghị bày tỏ lòng trung thành của toàn dân đối với Ngô tổng thống và lên án mọi âm mưu đảo chính phá hoại sự nghiệp cứu nước của Ngô tổng thống. Trang tư kín mít lời kêu gọi tái thiết Dinh Độc Lập của các đoàn thể, phong trào nhà nước ! Hai trang trong thì lấp bằng phóng sự xây dựng Ấp chiến lược của Việt tân xã và sinh hoạt thanh niên cộng hòa, thanh niên chiến đấu, phụ nữ bán quân sự. Phần giải trí có truyện dài *Lời thề trên đất giặc* của Phạm Cao Cung, kiếm hiệp tiểu thuyết Thất kiếm thập tam hiệp của Tàu, đã in thành sách, do tôi viết lại ... có nhuận bút! Báo phát hành luôn luôn trễ, vì ông Nguyễn Bích Liên sửa tin, sửa bài be bét, xếp chữ rồi, vỡ “mơ rớt” rồi, ông vẫn sửa chữa, thêm bớt lung tung khiến thợ xếp chữ điên đầu, cần nhần quá xá. Ông Liên ký tên trên bản vở, mới được đúc và ấn loát.

Làm báo với ông Nguyễn Bích Liên thật vất vả. Ông ta ngờ vực cả tin và bài của Việt tân xã. Ông mời Chu Tử viết phiếm luận, Chu Tử viết hai bài, bị sửa chữa, Chu Tử không thêm viết nữa. Hiếu Chân cũng chê luôn. *Chiến Đấu* xuất bản được 10 số, Bộ Chiêu hồi ra đời.

Tổng nha Thanh niên và Tổng nha Thông tin trực thuộc bộ này. Ông Nguyễn Bích Liên sang làm Phó Tổng giám đốc Thông tin. Thêm ông Phó nữa là Đặng Đức Khôi. Tổng giám đốc vẫn là ông Phan Văn Tạo. Báo *Chiến Đấu* do quản lý Lê Thành Cường, kỹ sư canh nông Pháp, chịu trách nhiệm. Tài trợ cho *Chiến Đấu* là công ty kinh tài của ông Cao Xuân Dương ở góc Hàm Nghi – Cộng Lý. Quản lý Lê Thành Cường tin tưởng Tam Lang, không thêm nhóm ngó bài vở, nhắm mắt ký đại.

Xảy ra vụ thiếu tiền nhà in Chính Lâm mấy số báo, nhà in không in nữa. *Chiến Đấu* rời tòa soạn về đường Ngô Đức Kế, chung tòa soạn nhật báo Cách mạng quốc gia và cơ sở ấn loát của ông Đỗ La Lam.

Tam Lang đã nhận xét đúng. “Báo này là báo nhà nước, báo của gian dối, bịp bợm”.

[1](#) Bài thơ này đăng trên tạp chí Chỉ Đạo 1959, sửa lại vài đoạn 1969.

Tòa soạn *Chỉ Đạo* tự ý đặt tựa đề là *Đứa em tôi*. Cũng như Rừng mấm của Bình Nguyên Lộc, họ đổi lại thành *Thế hệ tiên phuông*. Nhà văn Bình Nguyên Lộc đã để tựa cũ, khi

[2](#) ông cho xuất bản thành sách, vì ông chủ trương văn nghệ phi chính trị. Cái tựa *Thế hệ tiên phuông*, ông cho rằng có vẻ chính trị.

[3](#) Chủ nhiệm nhật báo Sài gòn Mai sau này.

[4](#) Hiện đang chủ trương báo Gió Nam ở San Jose, CA.

Tháng 1-1962, tôi lập gia đình. Tôi lập gia đình năm 27 tuổi còn thiếu 7 tháng. Vợ tôi, người con gái tôi gặp gỡ hồi tôi dạy học ở Long Xuyên. Thân phụ nàng đã xây ngôi trường trung học Quang Trung tặng thị xã. Ông còn tặng tỉnh Long Xuyên, quê hương của ông nhiều ngôi trường khác. Vợ tôi học ở Sài Gòn, về thị xã Long Xuyên dưỡng bệnh. Lúc tôi quen nàng, tôi rất bối rối. Chẳng bao giờ tôi dám nghĩ nàng yêu tôi, yêu một lãng tử Bắc kỳ thất học, nghèo mạt rệp. Luôn luôn, tôi mang cái mặc cảm thất học đối với các cô gái khuê các. Tôi đã nói thật cho cô Nguyễn Ngọc Phương, con gái ông điền chủ Nguyễn Ngọc Đề biết rằng, cuộc đời tôi rách mướp, không hy vọng gì vá víu lành lặn cả. Nhưng cô ta cứ yêu tôi, cứ theo tôi và đòi lấy tôi bằng được. Cô ta muốn giúp tôi vươn lên. Và cô ta đã giúp tôi vươn lên. Vợ tôi và tôi là hai “giai cấp” đối nghịch. Không nhờ vả chi bố vợ cả, vợ tôi tình nguyện chia sẻ cảnh sống không hứa hẹn “ngày mai trời lại sáng” với tôi. Chúng tôi cũng có một cái đám cưới tổ chức tại nhà hàng Majestic. Đặng Xuân Côn đã lo cho tôi đủ thứ. Lo chu đáo. Vợ chồng tôi lấy nhau vì tình, nhưng tôi vẫn bị cái mặc cảm thất học ám ảnh. Tôi không hiểu tại sao cô Nguyễn Ngọc Phương lại yêu tôi và lấy tôi, yêu và lấy một chàng trai mà cô rất lờ mờ về thân thế của y, khi cô thừa tư cách làm vợ một người cùng giai cấp và cùng đẳng cấp xã hội với cô. Thuở cô yêu tôi, tôi chưa là Duyên Anh, chỉ là Vũ Mộng Long thiếu bằng Tú tài. Bằng Tú tài ! Văn hào Anatole France cũng phải mơ ước. “Nếu người ta cho tôi cái bằng tú tài, tôi sung sướng hơn nhận giải Nobel văn chương”. Anatole France đã phát biểu thế khi ông được báo tin “trúng giải” Nobel. Bằng tú tài Việt Nam của năm 1953 sao mà khó thế ! Có nó, cử nhân tôi sẽ bỏ túi và tiến sĩ thì chỉ cần vươn tay mà hái. Ôi, tú tài hai phần của nước Việt Nam nô lệ ví như đập ngăn nước Thái Bình dương, nó đã đưa biết bao “nho sĩ” vào con đường đẩy xe khô mực, bán thịt chó và làm ... cán bộ phù động.

Không bằng cấp mà tưởng bỏ lấy vợ con nhà danh giá thì chỉ ôm hận. Tôi đã bị ngay cả cậu em vợ của tôi khinh thường “tài năng văn nghệ” của tôi. Nhiều người khác nữa. Đó là lý do vợ tôi phải khóc nhiều khi tôi đủ tư cách tuyệt hận những kẻ miệt thị thuở bóng tối bần hàn của tôi. Tôi hàn học với cả vợ tôi, dù nàng đã khích lệ tôi, đã quá quyết tôi sẽ thực hiện nổi mơ ước của tôi. Nàng sẽ còn phải khóc nhiều nữa, khóc suốt đời. Chẳng ai đại đột như vợ tôi, khước từ hạnh phúc đơn giản để bầu víu đau khổ gai góc. Và, vì lấy tôi, vợ tôi còn bị những kẻ thù ghét tôi cắn rách cả gấu quần.

Lấy vợ, tôi có Sổ gia đình riêng và cột Gia chủ ghi rõ Vũ Mộng Long buồn bã. Bấy năm giang hồ vật của tôi chấm dứt từ đây, chấm dứt từ lúc tôi bước vào căn nhà cuối ngõ 217 E, cư xá Chu Mạnh Trinh, Phú Nhuận. Hàng xóm của tôi là nhà giáo đạm bạc, nhà soạn ca khúc Phạm Duy Nhượng, tác giả Chiều đô thị, Tà áo Văn Quân. Phạm Duy chân đầu ngõ này. Chủ nhiệm nhật báo *Ngôn Luận*, ông Hồ Anh Nguyễn Thanh Hoàng ở giữa ngõ. Cư xá Chu Mạnh Trinh, Phú Nhuận có khá đông nghệ sĩ đã lên hàng nhân vật. Ngõ B, nơi đồn trú của Nguyễn Mạnh Côn, Văn Quang. Ngõ C, ngôi sao Thẩm Thúy Hằng đang lên. Ngõ D, gao cội Dương Thiệu Tước, Minh Trang và nhà thi sĩ kiêm báo sĩ kiêm văn sĩ kiêm đạo diễn điện ảnh Hoàng Anh Tuấn thống lĩnh. Ngõ F có nhạc sĩ Hoàng Nguyên, ký giả Trịnh Viết Thành, tiểu thuyết gia Tùng Long. Phía trong nữa là nhạc sĩ Tuấn Khanh, văn sĩ Đinh Xuân Cầu ... Tôi hy vọng mình có thể khá hơn nhờ sống ở cái Làng văn nghệ này. Tôi chưa quen biết ai, ở đây, trừ Nguyễn Mạnh Côn. Với tôi, mỗi nhà văn nghệ đồn trú tại quần đảo “cư xá Chu Mạnh Trinh” đã là một đỉnh núi. Tôi ngưỡng mộ tất cả. Tự nhủ mình rằng, sẽ cố gắng tạo thêm một tên tuổi cho cư xá Chu Mạnh Trinh. Xem chừng hơi khó khăn đấy.

Từ ngày ra làm báo *Chiến Đấu*, tôi mới chỉ viết được mỗi truyện ngắn *Con mẹ bỏ đi* mô tả cảnh khuyển nạn 1946. Vì ông Nguyễn Bích Liên giao tạp chí *Gió Nam* cho Vũ Hạnh trông coi, Vũ Hạnh đã giả vờ đánh lạc bản thảo của tôi. Chắc chắn, Vũ Hạnh đã nhận ra sự bất lợi cho miền Bắc ở truyện ngắn nào nùng của tôi. *Con mẹ bỏ đi* kể như tuyệt bản. Tôi không thể viết lại được nữa, dầu tôi rất thích truyện ngắn này. Chưa có gì thay đổi trong công việc

của tôi. Tôi vẫn ngồi cạnh đỉnh núi Tam Lang tại tòa soạn bán tuần báo *Chiến Đấu*, cuối tháng đến Tổng nha Thanh niên thể dục và thể thao lĩnh lương khoán 5000 đồng. Tiếng rằng làm báo, thực ra cả cụ Tam Lang lẫn tôi chỉ làm công việc chọn tin và bài của Việt Nam thông tấn xã lấp kín báo. Và làm công việc của thầy cò. Tác giả *Tôi kéo xe* thận trọng lắm. Ông đã tìm ra cả những lỗi cố tình “phá hoại” của thợ typo. Thí dụ: Tổng thống đi *kinh lý*, thợ xếp là Tổng thống đi *kiết lý*; ông cố vấn Ngô Đình *Nhu* là ông cố vấn Ngô Đình *Ngư*; bà cố vấn Ngô Đình *Nhu* là bà cố Ngô Đình *Nhu*. Vân vân ... Tôi chưa có dịp viết một bài phẩm luận đưa cho bậc thầy Tam Lang xem để được chỉ dẫn. Tôi đã có ít nhiều suy nghĩ về tác giả *Tôi kéo xe*. Thực sự, tôi không hiểu tại sao một cây bút triền miên đương đầu với giai cấp thống trị, một nhà báo với dĩ vãng lầy lùnh như Tam Lang lại cam đành lĩnh lương Biên tập viên lương khoán 8000 đồng bạc. Ông đã biết *Chiến Đấu* là “báo nhà nước, báo của gian dối, bịp bợm”, ông còn nhào vô làm chi. Tôi là đứa vô danh tiểu tốt, chưa có gì để sợ mất, tôi bất chấp. Nhưng Tam Lang, thần tượng của bố tôi, thần tượng của tôi, con phượng hoàng của làng báo, khổng thể đậu trên cọc cầu ao. Tôi đã thấy Lê Văn Trương ôm bản thảo *Anna Hôi* bước vào chón cửa quyền bần tiện, đọc văn cho sâu bọ nghe và cầm trăm bạc ra về. Tôi lại thấy Tam Lang bước vào chón cửa quyền bần tiện, lãnh lương khoán, làm thầy cò. Và tôi đau đớn. Đau đớn vì tôi phải xét lại thái độ văn chương của các bậc trưởng lão.

Ông Nguyễn Bích Liên khó khăn là tại ông ta méo mó nghề nghiệp và *Gió Nam, Chiến Đấu* là báo nhà nước, nhưng ông ta biết kính trọng danh sĩ và yêu mến người có tài. Ông ta đã yêu mến tôi, nâng đỡ tôi, cất nhắc tôi. Ông ta đã kính trọng Tam Lang. Ông Nguyễn Bích Liên đã bỏ *Chiến Đấu*. Chúng tôi dễ thở song, chúng tôi phải làm việc dưới quyền những tên thừa sai vênh váo của chế độ. *Chiến Đấu* bước sang giai đoạn mới. Giai đoạn phải trình bản thảo cho ông Tổng giám đốc Cao Xuân Vĩ duyệt ký. Bí thư của ông Vĩ, gã Võ Tứ Cầu xía vào tòa soạn. Cầu đòi hỏi thay đổi hẳn nội dung trang trọng, nâng cao chất lượng văn nghệ và dẹp bỏ *Thất kiếm thập tam hiệp*. Cầu đòi hỏi nhiều mà Cầu không dám đòi hỏi ông Cao Xuân Dương ứng trước cho tòa soạn một khoản tiền để trả nhuận bút ngay cho những người được mời viết.

Tam Lang nhờ bạn già Thượng Sĩ điểm sách, phê bình sách. Tôi kiếm họa sĩ Diệp Đình vẽ truyện tranh *Anh em thắng Chiến*, lời của tôi, tranh của Diệp Đình. Linh Phương sưu tầm chuyện lạ với cả minh họa đính kèm. Phạm Lê Phan viết truyện ngắn thật ngắn. Võ Tứ Cầu rặn ra loạt bài kinh tế giáo khoa thư chưa kịp tiêu hóa vì gã mới đậu cử nhân luật. Kỹ sư Duy Việt mách giúp chỉ giùm chuyện nông thôn. Ký giả Vũ Bình nổi tiếng loạt phóng sự “Thăm dân cho biết sự tình” trên *Tự Do* cũng sang viết cho *Chiến Đấu*. Còn cả Trần Việt Sơn nữa. Họ viết. Họ vẽ. Một tháng thiếu tiền nhuận bút. Hai tháng thiếu tiền nhuận bút. Tất cả bỏ *Chiến Đấu* chiến đấu một mình. Tôi cho Võ Tứ Cầu rõ “sự tình”. Gã bảo tôi lập cái danh sách kê khai tên bài, tác giả, giá tiền dài hơn sớ táo quân. Gã làm phúc trình. Tổng giám đốc Cao Xuân Vĩ chỉ thị quản lý Lê Thành Cường thanh toán gấp. Tôi tới công ty của ông Cao Xuân Dương ăn chực nằm chờ để lãnh tiền nhuận bút cho các tác giả. Thanh toán xong, các tác giả vẫn “cám ớn”, không viết nữa, trừ Thượng Sĩ và Phạm Cao Củng tiếp tục *Lời thề trên đất giặc*.

Tôi quen Thượng Sĩ ở *Chiến Đấu* và thân với ông, thường đến căn nhà nhỏ bé của ông tại cọn hẻm đường Nguyễn Biểu uống trà. Thượng Sĩ, vợ trẻ con cọc, không thể mưu sinh bằng nghề viết báo, ông làm công chức ở Văn hóa vụ, dưới quyền Nguyễn Duy Miến, trông coi kỹ thuật tạp chí *Văn Hữu*, như Tam Lang ở *Chiến Đấu*, nhưng ăn lương cán bộ chứ không ăn lương Biên tập viên lương khoán. Lương khoán có ba hạng: 5000, 8000 và 12.000 một tháng. Tôi đứng hạng lương khoán bét, tương đương lương của phó đốc sự độc thân mới ra trường.

Vì ngồi chung với tòa soạn nhật báo *Cách mạng quốc gia* không bày bán ngoài sạp của chủ

nhiệm Đỗ La Lam nên tôi quen Minh Tâm, thư ký tòa soạn, Thanh Tao, viết pô tạnh ký Trung Thiên, Nguyễn Ngọc Bích, Đỗ Tùng ..., và được đọc tất cả nhật báo Sài gòn treo đầy tường. Tôi chỉ đọc các mục “film du jour” ngắn của Chu Tử, Thầy Gòn, Tầm Móc, Tiểu Nguyễn Tử ... Rồi, cao hứng, tôi tự ý mở mục “Phim đen trắng” nhí nhố viết pô tạnh ký Người Thanh Niên. Tôi viết rất hiền. Tam Lam duyệt bài, không có ý kiến gì cả. Đến số báo tôi dựng *Tiểu thuyết tuần san* của Nguyễn Thiện Giai thì Tam Lang có ý kiến. *Tiểu thuyết tuần san* đăng nhiều chuyện tình nhảm nhí, lại còn đăng luôn một danh ngôn ở mục “Hoa thơm cỏ lạ”. Danh ngôn đó như thế này: “Nếu không cho lửa vào văn chương thì nên cho văn chương vào lửa”. Tôi dùng gậy danh ngôn đòi ném *Tiểu thuyết tuần san* vào lửa.

- Ông biết Nguyễn Thiện Giai là ai không ?

- Dạ, thưa cụ, cháu biết.

- Ai ?

- Một vụ lớn.

- Biết mà ông vẫn dựng nó.

- Như ngày xưa, cụ biết Vương Quang Nhưông là ai vậy. Cháu chỉ đề cập tính chất khiêu dâm của *Tiểu thuyết tuần san*. Đã khiêu dâm thì không nên nói về văn chương có lửa. Cháu có công kích cá nhân ông Nguyễn Thiện Giai đâu mà sợ.

- Thế thì đăng.

Thượng Sĩ ồm, thiếu bài phê bình sách, Tam Lang thấy cuốn *Chơi chữ* của Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, bảo tôi đọc và viết bài phê bình, dặn dò:

- Viết về bậc đàn anh nên thận trọng ngôn từ.

Lãng Nhân là bậc thầy cả về tuổi đời, tuổi nghề và kiến thức, đối với tôi. Tôi đã viết một bài về Lãng Nhân mà, cho tới hôm nay, tôi vẫn nghĩ rằng, cả đời viết văn của ông, chưa ai viết về ông nồng nhiệt hơn tôi. Tôi ví ông như Vũ Ngọc Phan ví Trần Trọng Kim “trong hoàng hôn của Nho học, còn cố gắng đi nhặt từng viên gạch xây dựng tòa nhà Nho giáo”. Khi phê bình ông, tôi đem lời thầy của tôi là cụ cử Trịnh Đình Rư ra nhận xét, không dám nói mình nhận xét. Thí dụ hai câu thơ của Trần Tế Xương:

Đi đệt ngoài sân tràng pháo nổ

Om xòm trên vách bức tranh gà

Lãng Nhân chép:

Đi đệt ngoài sân tràng pháo nổ

Trang hoàng trên vách bức tranh gà

Tôi viết, đại ý: Theo thầy tôi dạy thì “đi đệt” đối với “om xòm” mới chỉnh. “Đi đệt” đối với “trang hoàng” không chỉnh. Trẻ con, nhóm đốt pháo chuột ngoài sân, nhóm om xòm giành chỗ dán tranh gà trên vách.

Thí dụ hai câu cuối của bài *Hồ trường*, Lãng Nhân viết:

Nam nhi sự nghiệp ở hồ thi

Hà tất cùng sầu đối cỏ cây

Tôi viết đại ý: Theo thầy tôi dạy thì, khi bỏ Đông kinh nghĩa thực về đầu hàng Pháp, Nguyễn Bá Trác muốn rót tâm sự của mình vào *Hồ trường*. Hai câu cuối là sự than vãn rửa mặt, không phải là sự bày tỏ chí khí. Đã về hàng giặc, còn chi nữa mà tang bồng hồ thi. Và chữ “ở” nó lại thiếu nhạc điệu trong thơ. Vậy thì thể này có lẽ đúng ý Nguyễn Bá Trác:

Nam nhi sự nghiệp, ô hồ thi !

Hà tất cùng sầu đối cỏ cây

Đến những chỗ Lãng Nhân viết “cụ tam nguyên Yên Đỗ, ông tú tài Vị Xuyên” thì tôi không đồng ý. Tôi đã viết, đại ý, theo tôi những người nào đã bước cả hai chân vào văn học hay chỉ mới bước một chân vào văn học, tước vị, khoa bảng của họ không nên nhắc nhở nếu không phải là viết tiểu sử họ. Càng không nên gọi họ là ông, là cụ. Như thế mất vẻ kính trọng và thân mật, gần gũi. Không ai gọi Monsieur Corneille, Monsieur Victor Hugo, Mr Hemingway, Madame Colette, Mrs Pearl Buck cả. Cũng vậy, tôi không gọi ông giám đốc Kim Lai ấn quán Phùng Tất Đắc, mà gọi Lãng Nhân trống không để bày tỏ lòng tôn kính, thân mật ...

Tôi đưa bài “*Độc Chơi chữ*” của Lãng Nhân” cho Nguyễn Mạnh Côn đọc trước, anh ta gật gù:

- Anh Đắc phải mời cậu đi uống rượu. Cậu ít tuổi mà đọc anh ấy kỹ thế, anh ấy cảm động lắm đấy.

Trên mục “Nói hay Đừng”, Hiếu Chân “tiên sinh”, trong một bài nào đó, có thông câu: “Mới đây, Hiếu Chân tôi có đọc bài nhận xét cuốn *Chơi chữ*” của Lãng Nhân Phùng Tất Đắc đăng trên bán tuần san *Chiến Đấu*. Theo Hiếu Chân tôi, bài nhận xét này thật đầy đủ và xác đáng, tưởng chẳng nên bàn thêm”. Tuần lễ sau, vẫn trên mục “Nói hay Đừng” của nhật báo *Tự Do*, đăng bài của Lãng Nhân với lời mào đầu của Hiếu Chân “tiên sinh” không đồng ý với “ông thanh niên” Duyệt Anh và bỏ Lãng Nhân ra mặt. Hiếu Chân là yêu sự thật. Tuần lễ trước hiếu chân là “đầy đủ và xác đáng”, tuần lễ sau yêu sự thật là “không đồng ý” với cái mình đã đồng ý.

Tôi vốn chê Hiếu Chân “tiên sinh” từ hôm “tiên sinh” ấy sang nhờ Tam Lang xin lỗi Lê Thành Cường. Chả là, “tiên sinh” vừa mới đánh đập *Chuyện chúng mình* của Phạm Hậu rất thô bỉ, tàn bạo. Lê Thành Cường, quản lý *Chiến Đấu* to con như Phạm Hậu, lừng lững đến *Tự Do*, leo lên lầu, tìm đúng chỗ Hiếu Chân “tiên sinh” uy vũ bất năng khuất ngồi mà hỏi kiểu cửa quyền: “Ông có phải là Hiếu Chân không ?” Hiếu Chân “tiên sinh” tưởng Phạm Hậu kiểm mình cho vài cái bợp tai, bèn quên uy vũ bất năng khuất nhớ vội triết lý “Tránh vội” mà rằng: “Tôi không phải Hiếu Chân đâu. Hiếu Chân về nhà rồi!” Lê Thành Cường xuống lầu. Đợi một lúc, Hiếu Chân “tiên sinh” mới cho gọi ông gác cửa lên mắng mỏ:

- Tại sao người lạ mặt tìm tôi, anh không báo ?

- Lạ gì, ông kỹ sư Lê Thành Cường bên báo *Chiến Đấu* chứ ai !

Lê Thành Cường “nhất cổ thảo luận” mời Hiếu Chân “tiên sinh” viết bài, “tiên sinh” lại ngờ Phạm Hậu “vấn nạn”! Bây giờ, tôi khinh bỉ Hiếu Chân. Bài báo của Lãng Nhân đăng một kỳ, ngắn ngủi, chỉ nhằm mỗi mục đích: *Ông ta không thêm thân mật với hạng vô danh như tôi*. Tôi lấy làm đau quá. Tôi đã dành cho các bậc thầy, các bậc đàn anh văn nghệ của tôi tất cả

lòng ngưỡng mộ, tôn kính. Bậc thầy không nhận. Bậc thầy chỉ khoái ninh bợ, không cho phép con em nhẹ nhàng sửa sai giúp mình. Thế thì phê bình là gì ? Ưu điểm là gì, khuyết điểm là gì ? Tôi bèn viết một bài dài, đăng 3 kỳ trên mục “Nói hay Đừng” trả lời Lãng Nhân. Hiếu Chấn “tiên sinh” đặt cái tít “Ông thanh niên Duyên Anh phản pháo” với lời mào đầu xỏ xiên “ông thanh niên”. Lãng Nhân im lặng. Chưa đủ nguôi phần nộ, tôi viết trên mục “Phim đen trắng” của Chiến Đấu, ký Người Thanh Niên, công kích Lãng Nhân nặng nề. Tôi ví Lãng Nhân như bình vôi đặc xít tự ái. Tôi bảo Lãng Nhân hãy theo dõi bước đường tôi đi. Tôi còn trẻ, tôi sẽ đi xa. Lãng Nhân già rồi, không đi nổi nữa.

Năm 1970, khi đang ký sách Nhà tôi, bản đặc biệt, cho độc giả ở lầu 1 Crystal Palace, anh Kỳ, em họ của Lãng Nhân, đem cho tôi tác phẩm Trước Đèn, bảo rằng của Lãng Nhân gửi tặng. Tôi lật trang đầu ra, đọc lời đề tặng của Lãng Nhân: “Trang tặng nhà văn Duyên Anh”. Tôi lấy làm cảm động và kính phục Lãng Nhân Phụng Tất Đắc vô cùng. Bậc thầy đã theo dõi tôi. Bậc thầy không giận tôi. Tôi gửi tặng bậc thầy cuốn Nhà tôi. Xin ghi ở đây lời biết ơn chân thành của kẻ hậu sinh đối với bậc thầy đại lượng khoan dung ... 1

Tôi đưa bài cho Tam Lang đọc. Ông nói, giọng buồn bã:

- Không phải lỗi ở ông. Ông bày tỏ thiện ý trước. Rất tiếc ông Lãng Nhân ... Có thể bỏ bài này được không ?
- Thưa cụ, tùy cụ.
- Tùy ông.
- Thưa cụ, không có học trò tha lỗi cho thầy, chỉ có thầy không thêm chấp với học trò.
- Thuở còn trẻ, tôi giống hệt ông bây giờ. Vậy tôi cho đăng để ông Lãng Nhân hiểu sự phần nộ của một người tuổi trẻ kính trọng người già mà bị người già xử tàn tệ.
- Cám ơn cụ.

Sau loạt bài công kích Lãng Nhân, lòng tôi nguôi hẳn với các nhà văn, nhà thơ tiền chiến di cư. Họ cũng hẹp hòi như đàn anh Duy Dân của tôi. Tôi chưa tìm thêm được Lý Vô Danh và Vương Tận, hai tâm hồn chứa nổi tâm hồn tôi. Cơn phần nộ còn âm ỉ thì Lê Minh Ngọc xuất bản thi phẩm *Hoa thể* gửi tặng tôi, nhờ tôi viết bài giới thiệu. Tôi khen Lê Minh Ngọc vung vít và nhảm vào bài tựa của Vũ Hoàng Chương mà công kích “thủ bút” và thơ nhị thập bát tú. Tôi không hề đụng chạm gì tới bậc thầy Vũ Hoàng Chương cả. Tôi chỉ nói tôi không thích thủ bút trên sách. Thủ bút trên lụa để treo mới đẹp, mới có ý nghĩa. Và tôi khuyên Lê Minh Ngọc hãy làm thơ như Lê Minh Ngọc thích làm. Đừng bắt chước Vũ Hoàng Chương. Nhị thập bát tú là tiếng nói thoi thóp của những ông đang hấp hối trong hoàng hôn mượn hơi triết lý giới già. Lê Minh Ngọc còn trẻ, còn căng nhựa sống, hãy đẩy thơ thoát ra cho thơ chạy nhảy, nhào lộn, đánh đu trên giây dơi.

Đến cả tháng, Lê Minh Ngọc mới mời tôi đến quán Hòa Mã “cà phê, ba tê, xúc xích, bánh mì” của anh ta ở đường Cao Thắng, cho tôi uống bia mà tâm sự:

- Bài anh viết cho tôi tốt quá. Tôi không dám qua nhà ông Chương.
- Tại sao ?
- Sợ ông ta ghét anh, giận tôi.
- Thế à ...

- Hôm nọ ông Chương ghé tìm tôi. Ông ta bảo Trần Phong Giao đã đem bài của anh đưa ông ta coi và nói anh “dũa” ông ấy.

- Rồi sao ?

- Ông ấy cười.

- Ông ấy có đọc bài không ?

- Có.

- Ông ấy chửi tôi ?

- Không. Ông ấy khen anh viết hay, viết đúng. Ông ấy nhắn tôi dẫn anh đến nhà ông ấy chơi để nghe ông ấy giảng giải về thủ bút của ông ấy. Ông ấy nói, tại anh chưa hiểu nghệ thuật thủ bút, hiểu rồi anh sẽ mê.

Vũ Hoàng Chương mới đúng là bậc thầy. Cung cách trái núi đó, có lẽ, chỉ Vũ Hoàng Chương có. Và Vũ Hoàng Chương là trái núi. Tôi kính trọng, nể vì, ngưỡng mộ, khâm phục Vũ Hoàng Chương. Và một Vũ Hoàng Chương thôi. Sau này, thêm Lăng Nhân Phùng Tất Đắc.

o o o

Võ Tứ Cầu, viết bài chẳng ra gì, ký tên lập dị VoTuCau, không được phép xía vào tòa soạn Chiến Đấu nữa. Ông Cao Xuân Dương “gài” một người của ông ta ngồi cạnh Tam Lang. Tôi không ưa gì gã Võ Tứ Cầu. Gã yêu cầu tôi đem những số báo có bài của gã đến tặng đào của gã đóng dấu Báo Biểu lấy lệ. Tôi chỉ gửi bằng đường bưu điện. Tuy đã có “mật vụ” nhòm ngó, Tam Lang vẫn phải đích thân đem bản vở cho ông Cao Xuân Vĩ duyệt ký. Tôi không hiểu vì lý do nào mà lần nào Tam Lang “trình” bản vở, Cao Xuân Vĩ cũng chê bai. Giận quá, Tam Lang giao trách nhiệm “trình” bản vở cho tôi. Và tôi cũng không hiểu vì lý do nào ông Cao Xuân Vĩ đặt bút ký liền mỗi lần tôi vào văn phòng của ông ta ². Nhân viên ở tổng nha thanh niên, từ trên xuống dưới, nem nép sợ hãi ông. Tôi thấy ông ta đâu có hách dịch. Có lẽ, cái thái độ cúi gằm mặt, tinh thần sợ mất niêu cơm, tinh thần sợ bị đổi xa thành phố đã gây ra sự khiếp nhược. Và sự khiếp nhược giết chết dân chủ. Giết chết luôn lãnh tụ.

Bây giờ, đến lượt Phạm Cao Củng bỏ ngang *Lời thề trên đất giặc*, vì tòa soạn thiếu nhuận bút của ông ta đã hai tháng. Ông ta không thèm đưa bài nữa. Tôi có bốn phen viết hai kỳ “tàn sát” các nhân vật của ông “trên đất giặc”. Trước khi các nhân vật nhắm mắt, tôi cố cho họ hiện ngang phóng những “lời thề”... đồng bào di cư sẽ Bắc tiến ! Giết xong nhân vật tiểu thuyết của Phạm Cao Củng, tôi trở về ngồi ở Phòng học tập của Sở Tuyên huấn Tổng nha thanh niên. Người ta không cần tôi ... sửa “mơ rớt” báo *Chiến Đấu* nữa. Nửa tháng sau, Tam Lang cũng bị trả lại Tổng nha. Tôi làm việc với chủ sự Nguyễn Thế Xương và chánh sự vụ Phan Ngọc Cẩn, em ruột giáo sư Phan Ngô. Xương và Cẩn đều tốt nghiệp Quốc gia hành chánh, đều chịu chơi và đều dám ngẩng mặt. Phòng của tôi có ba biên tập viên, hai nữ, một nam: Đinh thị Kim Minh, Nguyễn thị Mậu, Hồ Minh. Họ đều có cử nhân luật cả. Nhiệm vụ của họ là soạn bài thuyết trình học tập cuối tuần về Áp chiến lược, Thanh niên cộng hòa, Phụ nữ bán quân sự, Nhân vị chủ nghĩa đại cương ... Nhiệm vụ của tôi là mỗi tuần viết một bài đọc 5 phút trên Đài phát thanh Sài gòn võ trang tư tưởng chiến đấu cho Thanh niên cộng hòa.

Công việc của tôi thật nhàn hạ. Tôi được phép đến muộn về sớm, miễn là bài phát thanh của tôi nộp đúng hẹn. Ngồi ở Phòng học tập, thì giờ nhiều quá, tôi lại viết truyện ngắn. Lâu rồi, tôi bỏ truyện ngắn. Gần gũi bậc thầy phóng sự và phiếm luận Tam Lang, tôi chưa học

được bài học nào xứng đáng. Ông ta chưa dạy tôi bài học nào thì đúng hơn. Tôi bắt đầu lại bằng truyện ngắn *Trên sông tình thương*. Rồi *Biên giới*, *Người có tội*, *Bút và trẻ thơ*. Tôi mới viết xong bốn truyện, thì, vì nhu cầu phản tuyên truyền, Tổng nha yêu cầu tôi sản xuất một loạt ca dao chống cộng cung ứng cho thanh niên nông thôn. Tôi bỗng cắt hứng truyện ngắn. Người ta lại khám phá ra “Tài liệu học tập của Thanh niên cộng hòa” do Sở Tuyên huấn Tổng nha thanh niên xuất bản bày bán khắp vỉa hè Lê Lợi. Chỉ có cái bìa in giống hệt, bên trong là truyện thơ ca ngợi chủ tịch Hồ Chí Minh làm theo thể thơ lục bát. Người ta chỉ thị tôi căn cứ vào nguyên bản, chế ra hai bản khác.

Một: Ca ngợi tổng thống Ngô Đình Diệm.

Hai: Xuyên tạc sự nghiệp cách mạng của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tôi phải làm công việc tôi không thích tí nào. Biết sao bây giờ ? Tôi đành thi hành chỉ thị. Và tôi phóng tác thơ của Hà nội theo tinh thần chủ sự Nguyễn Văn Quảng đã khuyên tôi. Cuối cùng, Sở Tuyên huấn ấn loát và tung ra thị trường với sự tiếp sức của Tổng nha thông tin. Nghĩa là, Thông tin đi tịch thu tài liệu tuyên truyền của cộng sản và áp lực những người bán sách vỉa hè bày tài liệu phản tuyên truyền. Thời kỳ này, người ta còn khám phá ra tiểu thuyết của Tự Lực văn đoàn, bìa y boong Phượng Giang xuất bản, ruột là tài liệu chống Mỹ cứu nước.

Sau dịch vụ này, Sở Tuyên huấn mở cuộc thi thơ chiến đấu dành riêng cho Thanh niên cộng hòa. Tôi đặc trách đọc và loại. Người ta mời Vũ Hoàng Chương, Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Mạnh Côn chấm giải. Tôi lãnh nhiệm vụ liên lạc với Ban giám khảo. Nhờ đó, tôi quen biết Doãn Quốc Sĩ và có dịp gặp Vũ Hoàng Chương. Tôi gọi Vũ Hoàng Chương là thầy, xưng con vì “sự phụ” Đàm Viết Minh, rồi vợ tôi đều là học trò của Vũ Hoàng Chương. Tôi nhớ lần đến nhà Vũ Hoàng Chương ở hẻm Phan Đình Phùng, bậc thầy nhắc chuyện cũ:

- Tại sao Duyên Anh chê thủ bút ?

- Thưa thầy, con đâu dám chê thủ bút của thầy. Chữ thầy bay múa nhất thiên hạ. Con thích thầy viết vài câu thơ của thầy trên lụa hay trên giấy cho kẻ được chữ của thầy về cung kính treo. Chứ, thầy viết cả bài tựa in sách, nhớ sách bày vỉa hè bán “xon” thì sao ?

- Chú có lý.

- Cám ơn thầy.

- Ngoài Bắc, Duyên Anh ở đâu ?

- Con ở Thái Bình.

- Năm 1948, tôi dạy Thái Bình đấy.

- Con biết. Thầy dạy ở làng Phù Lưu, bên kia sông Trà Lý. Con ở Vũ Tiên, bên này sông. Bạn con học thầy đông lắm.

- Thế à !

Vũ Hoàng Chương ký tặng tôi thi phẩm *Rừng phong*. Chúng tôi nói chuyện Thái Bình thời hậu phương kháng chiến. Tôi đọc thơ Vũ Hoàng Chương cho Vũ Hoàng Chương nghe.

- Tôi không ngờ.

- Thầy không ngờ gì ?
- Chú thuộc thơ của tôi nhiều quá.
- Thầy còn nhớ bài *Duyên* không ?
- Bài *Duyên* của tôi ?
- Vâng.
- Không có đâu.

Tôi đọc mấy câu:

Đau đớn nhĩ áo nàng Bân chậm gửi
Trời quan san ảm đạm khói mờ bay
Những tay ngọc sao còn chưa dặt cử
Đã lâu rồi trống trận nguyệt lung lay

Vũ Hoàng Chương cười rất hiền:

- Nhớ rồi. Tôi đã đổi cái tựa đề.
- Bài này thầy làm ở Phù Lưu trong chiến dịch mùa đông binh sĩ.
- Đúng. Sao chú biết rõ thế ?
- Bạn con kể và con đã học bài này.

Tiến tới ra cửa, Vũ Hoàng Chương dặn:

- Thỉnh thoảng ghé chơi nhé !
- Dạ.
- Đừng ngần ngại gì nhé !
- Dạ.

Đó là kỷ niệm gặp gỡ Vũ Hoàng Chương lần đầu tiên của tôi. Nhờ văn nghệ, tôi đã quen biết Tam Lang, Vũ Hoàng Chương, hai người mà bố tôi ngưỡng mộ. Tôi hy vọng sẽ gặp thêm những danh sĩ, thần tượng của bố tôi.

◦ ◦ ◦

Cuối năm 1962, tôi tham dự khóa học Ấp chiến lược tổ chức ở Thị Nghè. Khóa học kéo dài 2 tuần lễ, dành cho công chức các cấp giám đốc, chánh sở, chủ sự, hiệu trưởng của cả miền Nam. Tôi không thấy hào hứng gì cả. Giảng viên nói rất buồn ngủ, nói như vẹt. Bài giảng nào cũng xoay quanh công thức Tam túc cộng Tam giác cộng Tam nhân bằng Nhân vị. Chẳng một điểm sáng tạo nào. Tất cả tinh nguyện làm về tinh xoay quanh hành tinh Ngõ Đình Nhu. Ông Nhu thiếu tài ăn nói. Giọng ông mệt mỏi. Ông nói rối rạc như cơm nguội khô vì ông phải tìm chữ Việt để dịch tiếng Pháp. Nghĩa là, ông ta nghĩ chữ Pháp trước, dịch

tiếng Việt sau. Một lãnh tụ thanh niên như thế thì không tài nào hấp dẫn nổi tuổi trẻ. Ông Nhu không có chính sách thanh niên căn bản. Ông nói về thanh niên theo ngẫu hứng của ông. Người ta tổng hợp “danh ngôn” Ngô Đình Nhu mà viết chính sách thanh niên cộng hòa. Thực ra chính sách ấy không thể gọi là chính sách. Tham vọng của ông là gom tuổi trẻ thành phố vào đoàn Thanh niên cộng hòa và tuổi trẻ nông thôn vào đoàn Thanh niên chiến đấu. Nhưng ông ta quên mất “danh ngôn” của ông ta: “Lý tưởng của người thanh niên cộng hòa là đi xuống những người Việt Nam thiết tha nhất để cùng nhau tay nắm tay xây dựng một chế độ công bình, tự do, dân chủ thực sự”. Lý tưởng dân chủ thực sự của ông lại không cho phép ông độc tài chuyên chế. Ông ta đã độc tài, cưỡng bức học sinh trung học công lập, công chức trẻ vào đoàn Thanh niên cộng hòa. Ông ta không có sinh viên. Sinh viên chống ông Ngô Đình Nhu. Thành ra, tư tưởng thanh niên của ông tốt, chính sách của ông phiến diện và những người thực thi chính sách ấy đã phản bội ông, biến ông thành kẻ độc tài. Tuy nhiên, tôi phải cảm ơn ông Ngô Đình Nhu, vì một vài “danh ngôn” của ông, một vài ưu tư về thanh niên của ông đã giúp tôi suy nghĩ về những vấn đề tuổi trẻ. Trong khóa học Áp chiến lược, người nói quyến rũ người nghe là ông Trần Kim Tuyến. Rất tiếc, ông ta nói ngọng, I thành n. Đó là vấn đề chúng ta cần phải thảo luận nạy!”. Người hò hét kỷ nhất là ông Trương Công Cừu. “Trí thức phải chui vào cầu tiêu quét rửa sạch sẽ cầu tiêu. Đó mới là thái độ trí thức dân thân làm đẹp xã hội”.

Sau khóa học Áp chiến lược, tôi dời nhà sang ngõ D. Lại cuối lối, đối diện nhà Dương Thiệu Tước – Minh Trang. Lúc này, Quỳnh Dao còn bé tí. Đầu lối là nhà văn nghệ cao nhất nước Hoàng Anh Tuấn. Tôi chưa quen biết anh ta. Hoàng Anh Tuấn đang chuẩn bị quay phim *Hai chuyến xe hoa*, căn nhà của anh ta dập dìu tài tử, giai nhân. Bây giờ, tôi đã có đứa con trai đầu lòng. Gia đình tôi sống khá chật vật với số lương khoán của tôi. Đặng Xuân Côn phải viện trợ đều đặn cho tôi. Nó nuôi gia đình tôi đầy đủ hơn nó nuôi gia đình nó. Côn đã sắm tặng tôi cái Vespa của Ý mới toanh, chấm dứt thời Velovap. Tôi chưa kiếm thêm được đồng nào. Rất bứt rứt, khó chịu vì cái nghề Biên tập viên ... nhà nước. Tôi nghĩ rằng, giấc mộng văn chương của tôi sẽ tàn lụi ở cái “nghề” làm thơ chống cộng và phóng tác thơ cộng sản, biến chế nỏ thành thơ ca ngợi Ngô Đình Diệm. Như thế, con người tôi đã bị điều kiện hóa một phần và sẽ bị điều kiện hóa toàn phần. Tôi sẽ chỉ là thứ văn nô của chế độ. Không ai biết, nếu tôi thủ khẩu. Nhưng tôi không nói dối với chính tôi được. Tôi không được phép gian dối. Văn chương là nơi dễ dàng phô diễn sự gian dối. Nhà văn chỉ có thể lừa gạt độc giả một lần. Hai lần là cùng. Y khó lòng lừa gạt độc giả đến cuốn sách thứ ba. Nhà văn muốn nói dối cũng chẳng dễ dàng, bởi vì văn chương của y sẽ tố cáo y. Như vậy, nhà văn không sợ hãi nọc độc của rắn rết, chó dại của cuộc đời nhằm y phun phì, cắn ngoạm. Y chỉ sợ hãi văn chương – tư tưởng của y. Và y nên sợ hãi, rất nên sợ hãi mình không dám viết sự thật, không dám phản kháng, không dám phản nộ. Khi ấy, nhà văn cúi mặt. Không còn gì để nói về y, để nhắc tới y nữa. Y đã bị điều kiện hóa tâm hồn bằng dọa nạt và bằng cả mua chuộc.

Tôi muốn thoát ra khỏi Tổng nha thanh niên. Bây giờ thì hơi khó. Bởi tôi đã có gia đình. Nhưng tôi tâm niệm phải bỏ nghề biên tập viên nhà nước. Tháng 2-1963, nhật báo *Cách mạng quốc gia* thuê tôi viết “hồi ký” *Tôi đi học ... Áp chiến lược*. Tôi đã viết đúng 26 số báo. Người ta trả tôi 4000 đồng. Kế đó, tạp chí *Văn Hữu* thuê tôi viết trọn vẹn số báo đặc biệt về Thanh niên cộng hòa. Tôi có dịp nghiên cứu huấn từ, huấn thị và các bài phát biểu về thanh niên của ông Ngô Đình Nhu. Tôi triển khai tư tưởng đứt khúc của ông Nhu và sắp xếp mạch lạc bằng 6 bài đăng trên *Văn Hữu* không ký tên Duyên Anh. Người ta trả tôi 8000 đồng. Tháng 4-1963, đạo diễn kiêm tài tử kiêm viết truyện phim, kiêm sản xuất Nguyễn Long đến Tổng nha thanh niên xin yểm trợ phương tiện để thực hiện một phim nêu cao lý tưởng thanh niên thời đại. Người ta bảo tôi đọc truyện phim của Nguyễn Long rồi làm phúc trình. Nguyễn Long ra vô nhiều lần gặp gỡ tôi. Tôi quen biết anh ta từ đó. Mùa hè 1963, thanh niên chiến đấu ở hai quận Mộ Đức và Đức Phổ tỉnh Quảng Ngãi đã lập chiến công lớn, chứng minh chân lý Áp chiến lược. Ông Ngô Đình Nhu bay ra, gần hàng trăm huy chương cho thanh niên và dân vệ. Sở Tuyên huấn cử tôi đi quan sát những nơi xảy ra các trận đánh ngoạn mục của nhân dân Quảng Ngãi chống cộng sản. Tôi đã đến Vạc Mía, nơi

mà các vị Khổng Minh nhà què lừa cộng sản vô giữa vạc mía rồi nổi lửa đốt chung quanh khiến cộng sản chết cháy thê thảm. Tôi đã lên đồi Quýt Lâm. Tôi đã tới nhiều chỗ, gặp nhiều “anh hùng nhân dân”. Và tôi trở về viết cuốn *Lớp lớp vùng lên*.

Cuốn sách viết xong, Sở Tuyên huấn cho tôi nghỉ một tháng tại ... Tổng nha không phải làm gì cả. Thời gian này, Đặng Xuân Côn xuất bản tập truyện ngắn đầu tay của tôi: *Hoa thiên lý*, mượn tên Giao Diễm của Trần Phong Giao. Tôi trở thành một tác giả có sách. *Hoa thiên lý* được ấn loát tại nhà in Nguyễn Đình Vượng. Côn chỉ dám in 1200 cuốn, nhờ Trần Phong Giao phát hành. Ngoài một bài phê bình nặng tính cách thân hữu của Thượng Sĩ đăng trên nhật báo *Dân Việt*, ngoài một bài điểm sách ngắn ngủi của Nguyễn Đình Toàn đọc trên Đài phát thanh Sài Gòn, ngoài một bài phê bình của Đặng Tiến viết theo “chỉ thị” của Trần Phong Giao không mấy thuận lợi đăng trên *Tin Sách*, chẳng còn thấy tuần báo văn nghệ nào, tạp chí văn chương nào thêm giới thiệu *Hoa thiên lý*, phê bình *Hoa thiên lý*. Tôi không hiểu tại sao Trần Phong Giao đã hoan hỉ cho Đặng Xuân Côn mượn tên nhà xuất bản của anh ta mà anh ta lại “kê một cái toa” ra lệnh cho Đặng Tiến vùi dập *Hoa thiên lý* của tôi. Tôi im lặng. Trước *Hoa thiên lý* của tôi, ông Tổng giám đốc Thông tin Phan văn Tào cho Kim Lai ấn quán xuất bản tập truyện *Cái bong bóng lợn*, cả làng báo văn nghệ xúm nhau hít hà, khen ngợi như họ đã xúm nhau hít hà, khen ngợi *Nhạc đế* của Đồng lý văn phòng Phủ tổng thống Đoàn Thêm. Tôi thấy văn thơ của hai nhà cai trị này cũng bình thường thôi. Nhờ hai vị làm quan to, nhất là ngài Phan văn Tào nắm linh hồn báo chí nên khá đông phê bình gia văn học đã khen “tác phẩm” của ngài để hy vọng được ngài chiêu cố. Quan to làm văn nghệ nhiều lợi điểm lắm. Đến cả thi sĩ Bộ trưởng lao động Huỳnh Hữu Nghĩa, thi sĩ Thủ tướng Trần Văn Hương, thi sĩ Dân biểu Kiều Mộng Thu cũng được đi vào văn học sử của ông Nguyễn Đình Tuyển đấy!

Những tác giả mới của Việt Nam, ở không gian và thời gian nào cũng thiệt thòi. Họ không được đàn anh đoái hoài, hoặc không được đàn anh nhìn nhận họ bằng tâm hồn đại lượng. Đàn anh leo lên đỉnh cao, đàn anh xô thang ngã rập. Nhiều tác giả mới tuổi nhỏ đã bỏ cuộc sau khi tác phẩm thứ nhất của mình rơi vào thờ ơ, quên lãng. Khi những người phê bình văn học đánh mất thiên chức của mình, khi chỉ còn những kẻ tự nhận mình phê bình văn học bằng chủ quan ngủ xuân của mình, khi phê bình một tác phẩm ca ngợi khiến buồn nôn hay dập vùi bất phần nộ, tôi nghĩ, những tác giả tuổi nhỏ nên khinh thường phê bình. Cứ âm thầm mà viết nếu độc giả yêu chuộng tác phẩm của mình. Như tôi, chẳng hạn. Tôi đã có 70 tác phẩm. Những kẻ suốt đời rình mò đánh đập văn chương của tôi không hề có lấy một cái truyện ngắn hạng bét. Tôi cho rằng, những tên vô lại văn nghệ cũng là cảm hứng viết lách của nhà văn chân chính vậy. Bởi vì, sự can sủa của chúng đã làm độc giả bất bình và yêu mến nhà văn hơn.

Tập truyện *Hoa thiên lý* của tôi không gây một tiếng vang nào cả. Tôi không mấy ngạc nhiên. Nếu tôi có báo hoặc, nếu tôi cộng tác thường xuyên với một tuần báo văn nghệ, tôi sẽ được độc giả chú ý bằng những cột quảng cáo loan tin sách của tôi đã xuất bản. Cứ coi tôi như một tác giả tự xuất bản tác phẩm của mình. Một tác giả tự xuất bản tác phẩm của mình thì có nhiều hăm hiu, trừ khi ông ta lập một nhà xuất bản và liên tục xuất bản sách của mình. Một tác giả tự xuất bản tác phẩm đầu tay của mình càng nhiều hăm hiu. Hẳn ta không đủ phương tiện quảng cáo. Vì nghèo, vì không phải là ông Tổng giám đốc Phan văn Tào, hẳn ta đành ngậm ngùi. Nhưng tôi không nản. Lòng yêu mến văn chương và khao khát làm văn chương của tôi còn nguyên vẹn. Tôi nghĩ rằng, mỗi cuốn sách có một số phận riêng của nó. Tác phẩm đầu tay chưa thể quyết định sự nghiệp văn chương của một nhà văn. Riêng tôi, *Hoa thiên lý* là một cánh cửa sổ đã mở để tôi nhìn tôi khởi sự những truyện ngắn chan chứa tình người. Nó rất quan trọng đối với tôi, bởi vì, nó là hành tinh tư tưởng và trọn đời tôi, tôi xoay quanh cái hành tinh đó để phô diễn văn chương nhân bản của tôi. Tôi xoay thật chậm, xoay theo sự trưởng thành của kiến thức và tuổi tác của tôi. Rất hiếm nhà văn có thể làm được tư tưởng trong văn chương của mình ở tuổi dưới ba mươi.

Một tháng, sau ngày phát hành *Hoa thiên lý*, Trần Phong Giao bảo anh ta chỉ phát hành giúp được hơn 400 cuốn và thanh toán tiền cho Đặng Xuân Côn. Gần hòa tiền vốn xuất bản. Thế là ... thành công lớn. Côn khuôn sách gói dán kỹ lưỡng đem về vất ở góc phòng khách nhà tôi. Nhiều quá. Sách còn mới toanh, còn thơm mùi mực nhà in.

Cứ để đó, sẽ tính sau nhé, *Hoa thiên lý* !

o o o

Từ tháng 8-1963, không khí chính trị Sài gòn bắt đầu ngột ngạt. Phong trào Phật giáo chống chế độ Ngô Đình Diệm từ Huế đã lan vào miền Nam. Còn lúc của thời đại muốn thổi tung cái mà người chống đối gọi là “độc tài, gia đình trị, kỳ thị tôn giáo”. Không ảnh hưởng gì đến tôi cả. Tôi không phải là người của chế độ, không phải là người của phe nhóm chế độ. Nên tôi đứng vững. Như tất cả tuổi trẻ, tôi thích cái mới, thật mới, luôn luôn mới, mãi mãi mới, thành thử, tôi mong đợi một sự thay đổi mới. Mong đợi và không tham gia.

Bây giờ, Võ Tú Cầu, cựu bí thư của Tổng giám đốc Cao Xuân Vĩ, trở thành người công chức bơ vơ. Gã không có chỗ ngồi ở Sở, ở Phòng nào cả. Người ta giao cho gã công tác soạn thảo kế hoạch. Võ Tú Cầu lên lầu 1 rộng thênh thang, dầy bên phải, làm việc một mình. Tôi cũng chiếm một cái bàn ngồi với Võ Tú Cầu cho vui. Mỗi tuần, tôi lại viết một bài phát thanh cảnh giác Thanh niên cộng hòa trước âm mưu phản loạn của nhóm quá khích tôn giáo và triệt để tin tưởng vào sự lãnh đạo anh minh của Ngô tổng thống. Tôi cứ việc xào xáo bài của nhật báo *Cách mạng quốc gia*, vừa tiện vừa lợi. Thời gian này thật buồn bã. Người ta muốn công chức có mặt đầy đủ, đúng giờ giấc để “kịp thời ứng phó với tình thế”. Tôi hết được đến muộn về sớm. Thế là tôi viết *Thằng Vũ*, truyện dài đầu tiên trong cuộc đời viết văn của tôi. Lại là cuốn thứ nhất của bộ tiểu thuyết gồm 6 cuốn mới bọ phổi chứ !

Những ồn ào xuống đường, xuống phố hoan hô, đả đảo hôm nay gọi nhớ những ồn ào xuống phố, xuống đường thời niên thiếu của tôi, 18 năm trước. Tôi đã chứng kiến một cảnh đảo chính ở huyện Phú Đức trước ngày Nhật đảo chính Pháp ở thị xã Thái Bình. Dân làng của ông Tư Mi, người Việt Nam thân Nhật, kéo lên huyện đường đả đảo tri huyện Phạm Gia Đĩnh. Viên tri huyện này là hung thần của Phú Đức 3. Tôi đã chứng kiến cảnh phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp ở thị xã Thái Bình, đã chứng kiến ông Tây chân đất kéo xe bò, bà Đàm đứng khóc sụt sùi. Tôi đã chứng kiến cảnh đồng bào tôi chết đói vụ tháng ba năm Ất Dậu, đã đi đếm xác người, đã thấy người sống ăn thịt người vừa chết ở gầm cầu Bo, đã tình nguyện vào Đoàn khất thực đi “ăn mày” cơm bánh tiếp tế cho đồng bào đói. Tôi đã chứng kiến cảnh Nhật lùn chặt đứt tay người Việt Nam, treo động đầu người Việt Nam trên cây, chỉ vì người Việt Nam đói đi ăn cắp thóc của người Việt Nam nuôi ngựa Nhật. Tôi đã chứng kiến ngày tổng khởi nghĩa 19-8 ở thị xã nhỏ bé của tôi. Tôi đã hiên ngang suốt ngày đi biểu tình tuần hành “dắt tay đồng tâm trừ giặc lùn”. Tôi đã chứng kiến đê vỡ, lụt lội. Tôi đã chứng kiến Tàu phù sang tước khí giới Nhật. Tôi đã đón tiếp bác Hồ, đã tiêu thổ kháng chiến, đã tản cư. Tôi đã chứng kiến chiến tranh, đã thấy giặc Pháp đốt nhà, giết người, hãm hiếp phụ nữ. Tôi đã vào tề, đã trải qua thân phận người vùng tề, đã thấy tù nhân bị lừa về thị xã sau các cuộc hành quân Thủy Ngân, Cá Chốt, Trái Quýt ... Tôi đã chứng kiến cảnh Pháp rút lui khỏi thị xã Thái Bình, đã chứng kiến giải phóng, di cư ... Tôi muốn viết lại tất cả những biến cố ấy trong bộ tiểu thuyết *Về buồn tỉnh lý*. Lịch sử 10 năm (1944-1954) được nhìn và suy nghĩ bởi tuổi thơ. Điều tôi định sẽ nói lên trong *Về buồn tỉnh lý* là dầu có đổ nát hoang tàn đến đâu con người sẽ xây dựng lại tất cả, nhưng sự đổ vỡ về tình người thì không thể xây dựng lại được.

Tôi viết *Thằng Vũ* mới chỉ nhằm giới thiệu những nhân vật tuổi thơ sống hồn nhiên ở cái thị xã nhỏ bé, êm đềm thời nô lệ. Nhân vật của tôi vươn vai theo biến cố của lịch sử. Rồi chúng nó vụt thức cùng tiếng reo hò độc lập. Chúng nó lớn lên, hăm hở theo cha anh chiến đấu bảo vệ đất nước. Chúng nó hạnh phúc ? Chúng nó đau khổ ? Chúng nó xa lạ nhau, thù hận nhau ? Tôi cho rằng, tỉnh Thái Bình của tôi là biểu tượng của Việt Nam 10 năm phiên muộn.

Đầy đủ. Tôi viết *Thằng Vũ* trên lầu 1, dãy bên phải của Tổng nha Thanh niên thể dục và thể thao, đường Đinh Tiên Hoàng, Sài gòn, những ngày làm việc. Chủ nhật, tôi bận đi vận động tranh cử cho Nguyễn Mạnh Côn, Chu Tử. Tôi quen biết Chu Tử dịp này. Rồi Chu Tử tuyên bố rút, không thêm ứng cử dân biểu quốc hội nữa. Anh ta cho xuất bản tiểu thuyết *Yêu*, một tiểu thuyết đã đăng trên nhật báo *Dân Việt*. Tên tuổi Chu Tử đã quảng cáo rầm rộ ở cuộc vận động tranh cử dân biểu quốc hội, càng sáng chói khi anh tuyên bố bỏ cuộc chơi nên *Yêu* của anh xuất hiện trở thành một hiện tượng. Ký giả Nguyễn Trọng phân tách *Yêu* mấy số báo *Ngôn Luận* liên tiếp, quảng cáo mạnh cho Chu Tử khiến hai phê bình gia Trần Phong Giao – Đặng Tiến lại xúm nhau vui đập *Yêu*. Chu Tử là người biết quảng cáo tên tuổi mình đúng lúc.

Đầu tháng 10-1963, tôi hoàn thành *Thằng Vũ*. Ở ngoài phố, người ta chống đối chế độ và chế độ đàn áp chống đối ra sao, tôi không biết, không cần biết. Với tôi, không còn cách mạng ở thời đại này. Sự tranh chấp quyền bính giữa những người quốc gia tay sai của Mỹ không mấy hấp dẫn, đối với tôi. Tôi tội nghiệp các ông sư tự thiêu. Bởi tôi hiểu rõ âm mưu tự thiêu. Các vị “bồ tát” đã là nạn nhân của thủ đoạn chính trị đê tiện. Không ai có thể ngồi im lặng cho lửa đốt cháy mình. “Bồ tát” đã bị chích thuốc tê liệt cảm giác rồi. Không có thân thể nào cháy thành tro mà trái tim vẫn tươi rói, đập nhịp đều đặn cả. Chế độ ngu, ngăn cản người ta đi xem trái tim “bồ tát” thì chế độ rắng mà lãnh hậu quả.

Đọc lại *Thằng Vũ*, sửa chữa rồi đánh máy, tôi tìm thấy ở tôi một bến lạ, một bờ mới. Tôi chưa biết độc giả sẽ phán xét *Thằng Vũ* ra sao. Riêng tôi, tôi thấy *Thằng Vũ* “giản dị, tươi sáng, gãy gọn” và thanh thoát hơn *Hoa thiên lý*. Có vẻ như là nhân vật của tôi đã có da, có thịt. Tôi viết tiếp *Thằng Côn*, cuốn thứ hai của *Vẽ buồn tỉnh lý*. Buổi chiều 30-10-1963, mãi mới viết những trang chót đỏi tháng Ba – Ất Dậu, tôi không hề biết cả Tổng nha Thanh niên thể dục thể thao đã rút êm lúc nào. Khi tôi nghe những tiếng ồn ào ở sân Hoa Lư, vội vàng xuống nhà. Thấy các phòng vắng hoe, tôi hoảng hốt chạy ra nhà đậu xe. Còn mỗi chiếc Vespa của tôi. Tôi đập máy, phóng ra khỏi Tổng nha. Những người lính thủy quân lục chiến đã không làm khó khăn tôi trên đường về.

¹ Tôi thấy cần thiết viết đoạn này, thay vì phải viết ở cuốn sau. Vì Lãng Nhân đã già lắm, tôi sợ bậc thầy quy tiên trước khi đọc những dòng tâm cảm của tôi.

² Hôm ra mắt cuốn *Nhà tù* của tôi ở Disneyland Hotel, Anaheim – CA, ông Cao Xuân Vĩ tới tham dự. Tôi hỏi ông “lý do”, ông Vĩ vỗ vai tôi cười và không nói gì cả.

³ Xin đọc *Hôn em kỷ niệm*, cuốn sách nhìn lại thời thơ ấu của Duyên Anh.

Cuộc chính biến 1-11-1963 là một dấu mốc của cuộc đời viết phiếm luận của tôi. Có lẽ, nói là cảm hứng dạt dào thì đúng hơn. Tôi đã khôn lớn và tôi biết nhìn cách mạng bằng đôi mắt khe khát. Phật giáo tranh đấu coi 1-11-1963 là cách mạng lật đổ chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm. Với tôi, dù khát khao đổi mới, dù không ưa thái độ của Tổng giám mục Ngô Đình Thục, không chịu nổi ngôn ngữ của bà Trần Lệ Xuân, dù không chấp nhận sự thao túng của ông Ngô Đình Cần, tôi vẫn coi 1-11-1963 là một thoán nghịch dễ tiền. Những Mạc Đăng Dung tần thời bỗng dưng trở thành anh hùng dân tộc ! Hỡi ơi, đám vũ biên Đỗ Mậu, Tôn Thất Đính, Dương Văn Minh xuất thân từ lính tây, nhờ cách mạng nhân vị tháng 10 của ông Ngô Đình Diệm mới ngoi lên hàng tướng lãnh, đưa là con nuôi, đưa là tôi tớ nhà Ngô, đã sát hại cha, sát hại chủ để được vinh tôn như anh hùng thời đại, như thần tượng cách mạng. Nghĩ mà ngao ngán cho định nghĩa cách mạng, ở đất nước tôi. Từ cổ lịch sử cách mạng, chưa thấy có cớ làm cách mạng. Có cớ là công cụ của phong kiến, độc tài, phát xít chuyên môn đàn áp các cuộc nổi dậy của dân chúng. Tôn Thất Đính đã từng là cảnh sát, Đỗ Mậu là mặt vụ quân đội. Và rồi là chiến sĩ cách mạng của miền Nam Việt Nam ! Người Mỹ đều thật ¹.

Những kẻ thoán nghịch giải phóng nhảy đầm. Tuổi trẻ liên hoan chào mừng cách mạng bằng vũ điệu Twist. *Let's twist again* ! Những tên trộm cắp, du thủ du thực bị bắt cùng lượt với sinh viên tranh đấu, được tha cùng lượt với sinh viên tranh đấu đã vênh vang khoe mình chống đối chế độ Ngô Đình Diệm. Hoàng Anh Tuấn có một truyện ngắn thật hay, nhan đề *Kẻ tình nguyện vắng mặt*, xuất hiện sau 1-11-1963. Kẻ chống đối ông Diệm đã tình nguyện vắng mặt ở buổi mít tinh kỷ công lao của đám bạo gây cách mạng. To tiếng mạt sát ông Ngô Đình Diệm và chế độ của ông vẫn là mấy tờ báo gia nô của chế độ Diệm mà nhật báo *Đồng Nai* của dân biểu đệ nhất Cộng hòa Huỳnh Thành Vĩ là điển hình. Người ta rạch miệng chửi bới gia đình "tổng thống anh minh". Người ta đưa đòi triết lý cổ đui chó của Mạ nháy. Chương trình Tao Đàn của Đài phát thanh Sài gòn mới 26-10 suy tôn công đức sự nghiệp Ngô tổng thống, đã 2-11 nguyên rửa chế độ độc tài gia đình trị nhà Ngô. Cái biến đầu tư tượng chó để đồ khiến tôi bất bình. Tôi có dịp nhìn rõ sự thật về con người ông Ngô Trọng Hiếu. Dư luận rần rết đã thêu dệt quanh ông đủ thứ chuyện bỉ ổi, kể cả chuyện bản thủ lái xe mô mẫm thân mẫu ca sĩ mô tô bay Bạch Yến. Nhưng khi cách mạng ủa vào tư thất của ông ở đường Hai Bà Trưng, tưởng sẽ tịch thu được báo Playboy, Penthouse, thì chỉ thấy sách đạo đức, sách học làm người ... Sự thật về ông Ngô Trọng Hiếu vẫn bị cách mạng khóa lấp và báo chí không ngớt bôi bẩn cá nhân ông Diệm, ông Nhu, bà Nhu ... Dễ tiền nhất vẫn là Hoàng Trọng Miên, anh ruột của Thanh Nghị, Thứ trưởng Bộ Văn hóa của chính phủ Cộng hòa lâm thời Nam Việt Nam. Hoàng Trọng Miên là tên văn nghệ bất lương. Ông ta đã dịch truyện *Chỉ vì yêu* của Ba lan ký tên mình, coi như mình là tác giả. Ông ta soạn cuốn *Việt Nam văn học toàn thư*, ăn cắp nguyên con một nửa phần của Nguyễn Đồng Chi (Hà nội), bị Thế Phong tố cáo. Hồi đó, các nhà văn lớn xúm nhau bênh Hoàng Trọng Miên, miệt thị Thế Phong là du đảng văn nghệ. Thế Phong, nhờ công tác ở Nam Vang, mua được cuốn sách của Nguyễn Đồng Chi, ném vào mặt các nhà văn lớn. Chỉ thấy mỗi Nguyễn Mạnh Côn công khai xin lỗi Thế Phong. Tên văn nghệ bất lương Hoàng Trọng Miên đã lợi dụng thậm cảnh dậu đồ bìm leo, viết phôi ơ tông *Đệ nhất phu nhân* đăng trên nhật báo *Quyết Tiến* của Hồ văn Đồng để nhục mạ một người đàn bà chồng bị sát hại, thân thể long đong. Những tờ báo xuất bản sau 1-11-1963 đã không soi sáng được niềm u ất của thời thế, chỉ biết toa rập với đám thoán nghịch và cách mạng do Mỹ lãnh đạo, vu khống, bịa đặt, bôi bẩn gia đình ông Ngô Đình Diệm.

Ở nhà chùa, tinh thần vị tha của Phật tử bị quên lãng, các ông sư chính trị đảng đàn thuyết pháp chửi bới đảng Cần lao, chửi bới xác chết, khoe thành tích cách mạng. Điển hình nhất là ông sư Hộ Giác, tục danh Ngô Bửu Đạt. Các ông sư chính trị hung hăng con bạo xít. Năm 1977, một ông sư Thái Lan tuyên bố: "Giết một tên cộng sản không phải là một tội ác".

Danh ngôn này đã biện minh cho sự toa rập sát hại anh em ông Ngô Đình Diệm của các ông sư chính trị sắt máu Ân Quang và còn biện minh cho cả hải tặc Thái Lan giết thuyền nhân, hãm hiếp đàn bà, con nít thuyền nhân nữa. Tôi không bênh vực Thiên Chúa giáo và anh em ông Ngô Đình Diệm. Hẳn nhiên, tôi chưa hề nhờ vả giáo hội Thiên Chúa giáo, chưa hề hưởng ân huệ của chế độ Ngô Đình Diệm. Tôi biết thù ghét người theo đạo Thiên Chúa từ năm 1951 khi tôi thấy lính của cái đạo này theo Pháp, từ Trai Hang qua làng tôi càn quét đồ đạc, bắn phá, đốt nhà, đánh đập người bên lương. Rồi tôi chứng kiến lính Lạc Đạo của ông linh mục Chinh dí lưởi lê lên cổ cha tôi, tra khảo tung tích của chú rể tôi ở phố An Tập, hỏi gia đình tôi mới hội cư về thị xã Thái Bình. Lớn khôn, tôi hết thù ghét người theo đạo Thiên Chúa nhưng tôi hiểu chính xác điều này: Giáo hội Thiên Chúa giáo hưởng quá nhiều đặc quyền, đặc lợi ở Việt Nam từ hơn 100 năm cho đến ngày cộng sản chiếm toàn vẹn đất nước. Giáo hội Thiên Chúa giáo luôn luôn đứng về phe chính quyền, về phe kẻ mạnh. Đa số giáo dân nặng tinh thần Giáo hội, nhẹ tinh thần Dân tộc. Nhưng không phải vì thế mà Thiên Chúa giáo thờ ơ với công cuộc xây dựng đất nước và không phải vì thế mà Thiên Chúa giáo là việt gian, là kẻ thù của dân tộc. Chúa Giê su là nhà cách mạng giải phóng con người và mời gọi gần gũi, cảm thông, chia sẻ, thương yêu. Một số kẻ thừa sai của Chúa đã phản bội lý tưởng của Chúa là bày đặt thêm giáo điều để ràng buộc con người và làm xa cách giữa con người với con người. Lịch sử nào cũng có nhiều sai lầm, thời đại nào cũng có nhiều con người sai lầm. Trang Tử viết: “Người xưa chết rồi, vả lời và việc người xưa chỉ đúng với thời xưa”, hoặc sai với thời xưa. Khai quật cái thời xưa để soi sáng kinh nghiệm thời nay thì được, để chứng minh cái thời xưa là chân lý, là vĩnh cửu rồi quy tội xưa đã thế, nay cũng vậy thì không nên.

Tôi chỉ muốn nói cái gần. Cái gần mà tôi biết rõ từ 40 năm, nghĩa là từ năm tôi 14 tuổi, ấn ức của người Phật giáo không có gì lớn, mâu thuẫn giữa người Phật giáo với người Thiên Chúa giáo cũng chẳng có gì trầm trọng. Nó chỉ trầm trọng khi miền Nam có vị nguyên thủ là người Thiên Chúa giáo. Trước đây, dân gian quen gọi ông sư hay sư ông, sư bác, sư cụ, miền Nam gom chung hai tiếng thầy chùa và quen gọi cố đạo. Vẫn đầy đủ cung kính. Và rất lương giáo đoàn kết. Từ cổ đại đức, thượng tọa, linh mục, giám mục trên cửa miệng dân gian xem chừng cuộc đời rắc rối. Cái hiện tượng Tổng giám mục Ngô Đình Thục tác oai tác quái, cưỡng bức người ta vào đạo Thiên Chúa để đủ chỉ tiêu cho tham vọng Hồng Y thì có. Nhưng ai dám nói thật, nói thẳng với ông Ngô Đình Diệm ? Cái trường Nhân vị của ông Ngô Đình Thục mở ra, bọn cây cáo hận hoan học tập, có ai dám phản đối ? Ông Diệm đi thăm các khu trù mật, thấy cây mới trồng đêm trước còn không biết nữa là những chuyện lớn. Thợ may vô dinh Độc lập được dặn dò một bộ đồ lớn giá có vài chục đồng, ông ta tin ngay. Còn cái hiện tượng các ông cố đạo di cư lem nhem, giáo dân định cư ở Ba Bèo, Cái Sắn cây thế át giọng dân địa phương và kỹ nghệ nhà thờ mọc lên ở Xóm Mới, ở Hố Nai, ở Gia Kiêm ngang với kỹ nghệ thịt chó là chuyện nhỏ. Phật tại tâm, cần chi nhiều chùa. Ca dao đã dạy: “Thứ nhất là tu tại tâm, Thứ nhì tại chợ thứ ba tại chùa” mà. Bản chất chế độ Diệm có kỳ thị tôn giáo không ? Dĩ nhiên là không. Vì không có bằng chứng chế độ ấy phá chùa chiền, đuổi sư sãi. Chế độ Diệm có thiên vị Thiên Chúa giáo không ? Dĩ nhiên là không. Cố đạo Cửa bị bắt bỏ tù về vụ buôn bán xe hơi mờ ám, các cố đạo Nguyễn Bá Tông bị đóng cửa báo, bị cấm viết báo. Vần vắn ... Ông Ngô Đình Diệm có thực lòng muốn hòa hoãn với phong trào tranh đấu của các ông sư chính trị không ? Thượng tọa Thích Tâm Châu đã trả lời nhiều lần rồi. Nếu chỉ vì ông Ngô Đình Thục, bà Ngô Đình Nhu mà làm cách mạng thì cách mạng này khôi hài quá. Buồn thay, người ta vẫn ngoan cố không chịu hiểu cái âm mưu đế tiện của Mỹ là dùng quần chúng Việt Nam lật đổ một chế độ ở Việt Nam do Mỹ nặn ra. Để Mỹ tạo tay chân dễ sai bảo. Để Mỹ làm ung thối miền Nam rồi giao cho cộng sản.

Thôi thì cứ coi như cách mạng do lãnh tụ Trí Quang đã thành công trăm phần trăm. Đất nước đã có lính tấy Dương văn Minh lên ngôi quốc trưởng và độc phủ sứ Nguyễn Ngọc Thơ cầm ấn tướng quốc, quý vị sư chính trị hoan hỉ rồi, sao không “lấy đức báo oán” mà còn “đem oán báo oán”? Oán ấy mang sang tận Hoa Kỳ khi đã lưu vong tị nạn. Xin nhắc nhở quý vị rằng, theo Thông bạch của Hòa thượng Thích Trí Thủ gửi cho nhà cầm quyền của

chế độ mới và Phật tử năm 1976 thì nhiều chùa bị phá, nhiều sư sãi bị bắt, Phật đài ở biển hồ Pleiku bị gài chất nổ sập nát ... Trí thức Phật giáo, Thiên Chúa giáo bị lừa vào tù. Sĩ quan quân lực Việt Nam cộng hòa Phật giáo, Thiên Chúa giáo bị đưa vào trại tập trung khổ sai lao động. Sư phản động và cố phản động hưởng đồng đều quy chế tù ở Chí Hòa. Tuyên úy Phật giáo, tuyên úy Thiên Chúa giáo ngang tội nhau. Các nhà tu bị đóng cửa rất bình đẳng. Viện khoa học xã hội của nhà nước đã phát hành *Tây Dương Gia-tô bí lục* mạt sát Thiên Chúa giáo hết ngôn ngữ. Sự mới của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kết tội Thiên Chúa giáo là Việt gian bán nước cho Tây. Hồi ký của ông Đỗ Mậu là thừa. Và sự tranh chấp lẽ phải của quý vị thừa luôn. Thượng Tọa Thích Quảng Độ ra tù thì bị đuổi về Thái Bình. Linh Mục Trần Hữu Thanh ra tù thì bị đuổi về Thanh Hóa. Xin quý vị hãy tranh đấu để thượng tọa Quảng Độ được vào trụ trì tại chùa Ấn Quang Sài gòn và linh mục Hữu Thanh vào làm lễ tại nhà thờ Dòng Chúa Cứu thế Sài gòn. Xin đừng để kẻ vô đạo hiểu lầm quý vị đánh rơi tù bị, hỉ xả và bác ái, vị tha. Ông Ngô Đình Diệm đã chết rồi. Ông Ngô Đình Nhu đã chết rồi. Ông Ngô Đình Cẩn đã chết rồi. Ông Ngô Đình Thục đã chết rồi. Miền Nam đã mất rồi. Lãnh tụ Trí Quang bắt tiếng rồi. Lịch sử không cần đến ông Đỗ Mậu viết. Lịch sử ông Diệm thì máu của quân dân miền Nam đổ dài ròng rã 12 năm đã viết giùm ông ta. Nghĩa là, sau khi sai đầy tớ bản xứ sát hại anh em ông Diệm, miền Nam bước xuống địa ngục chiến tranh do Mỹ đạo diễn. Và 200 năm sau rừng Việt Nam mới hy vọng mọc cây mới. Thuốc khai quang còn thấm sâu dưới lòng đất quê hương ta. Đó là công lao lật đổ chế độ Diệm của bọn thoán nghịch và đồng lõa.

Cảnh tượng tranh tối tranh sáng của bất cứ một cuộc cách mạng nào cũng đều buồn nôn cả. Nhưng cảnh tượng buồn nôn nhất vẫn là cảnh tượng ông sư Hộ Giác thuyết pháp chữ cần lao nhân vị ở chùa ! Tôi bỗng dậy bất bình và thêm viết báo để trút mọi bất bình của tôi.

o o o

Nhật báo, tuần báo, tạp chí đã xuất bản nhiều bằng nghị định ký tên ông tướng Trần Tử Oai, Tổng trưởng Thông tin của nội các Nguyễn Ngọc Thơ. Báo chí tự do vung vít, tự do hí họa đôi mắt lé của thủ tướng cách mạng nguyên phó tổng thống của chế độ độc tài, gia đình trị ! Tôi vẫn làm việc ở Tổng nha Thanh niên đã được nâng lên Bộ Thanh niên và dọn về trụ sở của Bộ Công dân vụ nằm tại ngã tư Hiền Vương – Bà Huyện Thanh Quan. Tổng trưởng Thanh niên triều đại cách mạng sân khấu là ông Nguyễn Hữu Phi. Ông này tiếp thu tư thất của ông Ngô Trọng Hiếu, bèn tìm thầy địa lý, phá cái cổng xây rộng thêm với niềm tin chấp chánh lâu dài. (Tội nghiệp ông, ba tháng sau Nguyễn Khánh chỉnh lý, ông Phi về nhà đuổi gà !). Tôi có một kỷ niệm khó quên với ông Tổng trưởng Nguyễn Hữu Phi (Hữu hay Văn, tôi nhớ không chính xác). Hôm ông ta ra mắt nhân viên các cấp ở hội trường, ông ta có vẻ bền lễn, dù ông ta đã ngoại ngũ tuần. Ông Tổng trưởng thanh niên cách mạng móc túi trong áo vét tông, bên phải, lôi ra cặp kính lão đeo lên mắt. Ông ta móc tiếp túi bên trái, lôi ra bài diễn văn đánh máy sẵn. Bài diễn văn thật ngắn mà lãnh tụ thanh niên cách mạng đọc sai be bét, đọc giọng còm nguội. Ông ta đã làm mất khí thế cách mạng tháng 11, làm tắt ngóm ngọn lửa “tự bi” của Bồ tát Thích Quảng Đức. Chẳng hiểu vô tình hay cố ý, người đánh máy đã quên bỏ một dấu *nặng* quan trọng nên thay vì *cộng tác*, ông tổng trưởng cách mạng đọc thành *công tác*. “...Cánh cửa văn phòng của tôi luôn luôn mở rộng để đón mọi sự *công tác* của quý vị ...”. Tổng trưởng Nguyễn Hữu Phi thua xa Tổng giám đốc Cao Xuân Vĩ. Tuổi trẻ miền Nam có lãnh tụ cách mạng còm nguội và mê khoa địa lý !

Ngao ngán cái nội các cách mạng ... đốc phủ sứ, tôi viết truyện ngắn *Đào kép cũ* và cho đăng trên tuần báo *Ngàn Khơi* của Nguyễn Hữu Đông. Nguyễn Công Hoan đã viết truyện ngắn *Đào kép mới*. Tôi viết *Đào kép cũ* của một gánh hát cải lương làm cuộc đảo chính bệ rạc truất phế ông bầu. Không có gì mới lạ sau cuộc đảo chính cả. Vẫn kép cũ, đào cũ, tuồng cũ, phụng cảnh cũ và phần diễn xuất thảm não rõ rệt. Tôi đã miệt thị cách mạng tháng 11 đến nơi đến chốn. Một điều làm tôi khó chịu là ba nhà báo lớn Từ Chung Vũ Nhất Huy, Chu Tử Chu Văn Bình và Hiếu Chân Nguyễn Hoạt đã ký tên chung trong một bản tự thú vội vàng. Bản tự thú của ba nhà báo lớn đăng trên các báo, thành khẩn nhận rằng họ đã “sống

kiếp phi cầm phi thú” dưới chế độ Ngô Đình Diệm ! Đâu đến nỗi thế. Trên nhật báo *Dân Việt*, Chu Tử viết **Ao thả vịt** vung xích chó, chưa hề bị suy tôn Ngô tổng thống. Trên nhật báo *Tự Do*, Hiếu Chân tiên sinh **Nói hay đừng** thả giàn, xỏ xiên chủ tịch quốc hội Lại Tử từng bừng và chưa hề bị ca ngợi bà Ngô Đình Nhu. Còn Từ Chung, trên nhật báo *Ngôn Luận* có bị cưỡng bức nịnh bợ chế độ đâu ? Ba nhà báo lớn của tôi quá vội vàng phán xét một chế độ có gần 10 năm bình yên đất nước, kinh tế ổn định, an ninh lãnh thổ 95 phần 100, tiền tệ không một lần phá giá, chủ quyền quốc gia đầy đủ. Họ tưởng cách mạng tháng 11 sẽ tạo dựng con người sống xứng đáng với ý nghĩa làm người. Họ đã làm. Kẻ phản tỉnh và chống cách mạng tháng 11-1963, chống các nhà sư chính trị dính líu vào cách mạng tháng 11-1963 kỹ nhất là Chu Tử, khi nhật báo *Sống* của anh xuất hiện. Cách mạng ấy và thần tượng đất sét của cách mạng ấy đã hết thiêng, đã vỡ vụn sau ba tháng diễn trò khi chính trị tồi đời. Kẻ chinh lý Nguyễn Khánh đã thộp cổ anh hùng cách mạng đẩy lên Đà Lạt. Chính trường miền Nam hân hạnh thấy ông Đỗ Mậu nhảy lên bàn phó thủ tướng đặc trách văn hóa. Bộ Thanh niên xuống hàng Phủ đặc ủy Thanh niên và ngài Nguyễn văn Kiểu nắm chức vụ Đặc ủy trưởng.

Sau cuộc chinh lý, linh mục Nguyễn Quang Lãm mời tôi cộng tác với nhật báo *Xây Dựng* do ông đứng tên chủ nhiệm. Tôi xin từ chức biên tập viên nhà nước, ra ngoài sống bằng ngòi bút của mình. Tôi tự giải phóng tôi. Tôi bước vào con đường chuyên nghiệp. Năm 1964 là dấu mốc mới của cuộc đời văn chương, báo chí của tôi. Bạn sẽ đọc cuộc đời ấy ở phần thứ hai *Nhà văn, nhà báo chuyên nghiệp* dài gấp hai phần thứ nhất và sinh động gấp mười lần.

o o o

Để trở thành nhà văn, nhà báo chuyên nghiệp, tôi đã trải qua 9 năm hội nhập đời sống muôn màu, muôn vẻ. Cũng lấy làm cay đắng, ngậm ngùi lắm. Mỗi nhà văn có một tâm sự để bày tỏ với độc giả tại sao mình là nhà văn. Tôi đã bày tỏ tâm sự của tôi. Rất khách quan, không tự tôn, chẳng tự ti, trường hợp trở thành nhà văn của tôi vất vả vô cùng. Tôi hãnh diện về sự vất vả ấy. Nhưng sự vất vả chưa chấm dứt ở đây, chả bao giờ chấm dứt cả, nếu chữ nghĩa còn làm nhà văn thao thức.

Pasadena, California

28 tháng 2, 1988

DUYỄN ANH

Sẽ có người hỏi tại sao chê Tôn Thất Đính tôi còn viết thuê hồi ký cho Tôn Thất Đính. Ở cuốn thứ 2, tôi sẽ giải thích dài dòng. Nhưng ở đây, rất vội vàng, tôi trả lời vắn tắt: Tôi viết hồi ký cho Tôn Thất Đính vì muốn được nghe TTĐ nói rõ mọi chi tiết phản loạn từ Bravo 1 đến Bravo 2. Điều thú vị nghe TTĐ kể là ông ta nói thật Đỗ Mậu đã quỳ lạy ông ta “giết Diệm cứu nước”. Tôi thêm viết cuốn tiểu thuyết chính trị mà bối cảnh lịch sử là những năm đầu của thập niên 1960.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>